N° 144 Novembre 1929

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

ĐỜI ĐẠO-LÝ

Sách « Đời Đạo-lý » (La Vie sage) dịch đây là của ông Y-sĩ PAUL CARTON, *nhân một tập thơ cổ Hi-lạp đề là « Kim-thi » (Les vers d'or) của phái* PYTHAGORE *dạy về đạo làm người, bàn rộng nghĩa ra để làm bài học xử-thế cho người đời nay.*

« Đời đạo-lý », là cái đời theo đạo-đức nghĩa-lý, trái với đời vật-dục, là cái đời theo vật-chất thị-dục. Người ta đã là giống khôn-ngoan hơn vạn-vật, thời cách sinh-tồn cư-xử ở đời cũng phải có một cái ý-nghĩa sâu-xa, chứ nếu cứ quanh-quẩn trong vòng ăm-thực nam-nữ, thì có hơn gì con vật, mà sao cho đáng gọi là người! Bởi thế nên các bậc cổ-triết Đông Tây sớm đã để tâm về đạo xử-thế, thường suy-xét nghĩ-ngợi để đặt ra phép-tắc có thể khiến cho người ta thoát ra ngoài vòng vật-dục mà tiến được lên cõi đạo-lý.

PYTHAGORE *(Tàu dịch là Tất-đạt-kha-lạp-tí), là một bậc hiền-triết cổ Hi-lạp, sống vào khoảng năm sáu trăm năm trước Gia-tô giáng-sinh, gần đồng-thời với Khổng-phu-tử nước Lâu. Ông có mở trường dạy học, đem những nghĩa-lý sâu-xa về nhân-sinh, về vũ-trụ, giảng cho học trò nghe, cốt gây lấy một hạng người thuần-túy sáng suốt để làm khuôn làm mẫu cho loài người. Trường học ông có ảnh-hưởng lắm, nửa là một học-đường, nửa là một đạo-viện, có cái tính-cách thâm-trầm về tôn-giáo. Các sách cổ truyền rằng ông có trước-tác nhiều, nhưng sách-vở ông ngày nay không còn lại gì cả. Duy có một tập thơ nhỏ để là « Kim-thi » của đệ-tử ông tên là* LYSIS *soạn, để tóm-tắt cái tinh-túy của đạo ông. Tập thơ ấy còn truyền đến nay.*

Y-sĩ PAUL CARTON *do nguyên-văn Hi-lạp dịch ra chữ Pháp, rồi đem mỗi đoạn mỗi câu ra bình-luận chú-thích, chứng với các tư-tưởng học-thuyết đời nay, lấy lời cách-ngôn của cổ-nhân làm bài khuyến-giới cho người đời.*

Giữa lúc quốc-dân ta đương phân-vân về đường xử-thế, đạo luân-lý cũ đã suy-vi, cách cư-xử mới chưa nhất-định, những sách như sách này rất nên truyền-bá ra, để giúp tài liệu cho sự tư-tưởng nghĩ-ngợi của các nhà hữu-tâm về thế-đạo. Điều nghĩa lý, dù cổ-kim Đông Tây đâu cũng là một, cho nên tuy là lời cổ-triết Hi-lạp mà so với lời cổ-triết Chi-na thật không khác gì, tuy là lời nói từ hai nghìn năm trăm năm về trước mà đem ra ứng-dụng đời nay cũng không phải là không thích-hợp vậy.

Sách này truyền-bá ra còn điều ích-lợi nữa, là khiến cho các độc-giả biết cái cách người đời nay có thể giải-thích về các nghĩa-lý xưa thế nào, đem câu cổ văn xa-xôi vắn-tắt, có khi mờ-tối mơ-màng, mà nói rõ ra cho sáng-sủa gẫy-gọn, rộng ra cho gồm hết mọi lẽ, sâu ra cho thấu suốt đến nơi mà hội được cái tinh-lý tinh-nghĩa vậy. Nếu những sách cổ của các thánh-hiền Đông-phương ta mà cũng có người đem ra diễn-dịch giải-thích được thế, thì nền cổ-học của ta sẽ lại có sinh-sắc biết bao nhiêu!

Y-sĩ CARTON *có cho phép chúng tôi dịch sách «Đời đạo-lý» ra quốc-ngữ. Y-sĩ còn trước-tác nhiều sách nữa, giảng về tự-nhiên-triết-học, tự-nhiên-y-học. Chính y-sĩ là người chủ-trương một học-phái gọi là « Tự-nhiên phái »* (École naturiste). *Phái này về y-học thì dạy rằng phàm tật-bệnh là bởi trái lẽ thiên-nhiên mà sinh ra, muốn tránh khỏi thì phải thuận theo phép dưỡng-sinh tự-nhiên của trời đất; về triết-học thì dạy rằng mọi sự hạnh phúc ở đời cũng là bởi thuận lẽ tự-nhiên của trời đất cả, người ta muốn cho cư-xử ở đời được phải đạo thì không nên bao giờ làm trái lẽ thiên-nhiên. Lẽ thiên-nhiên đây tức cũng như « thiên-lý, thiên-đạo » trong Khổng-giáo. Trong trời đất, nếu vạn-vật, — mà người ta cũng là một giống như muôn giống khác,— biết thuận theo lẽ trời hết cả, thì vũ-trụ sẽ được yên-ổn, thế-giới sẽ được thái-bình. Chỉ bởi có kẻ làm trái lẽ trời, cho nên mới sinh ra mọi sự quái-gở chếch-lệch, mọi sự tật-bệnh khổ-thống. Muốn chữa sửa lại thì phải làm cho sáng đạo trời, tức là lẽ thiên-nhiên.*

Xem như thế thì tư-tưởng của y-sĩ cũng có chỗ thâm-trầm xuất-sắc. Nếu sách dịch này được độc-giả hoan-nghênh, thì chúng tôi sẽ xin phép dịch dần các sách khác.

DỊCH-GIẢ CẨN-CHÍ

Lời tự-luận.

Phàm đã gọi là chân-lý thì bao giờ cũng chỉ có một, nghìn năm không hề thay đổi, vì là gồm cả muôn lẽ và thuộc về tuyệt-đối. Chân-lý in khắp trong vũ-trụ, vạn-sự vạn-vật đều có dấu-vết cả. Nhưng mà cần phải tìm-tòi mới thấy được, vì thường tiềm-tàng mà không rõ ra, để cho người ta phải dụng-công mới phát-minh ra được, đến khi đã hiểu được thì cái khoái-lạc bấy giờ sẽ bù lại cái công-phu lúc trước vậy.

Chân-lý là đại-đồng phổ-biến, cao-vượt cả ra ngoài các thời-đại, các thế-giới. Vậy thời đối với đời nào, giống nào cũng là một, và thuộc về phạm-vi nào trong cõi tri-thức cũng đều giống nhau hết cả. Bởi thế nên các đường-lối cho đạt tới chân-lý không phải có một và thường vẫn khác nhau lắm.

Vì đó mà từ đời thượng-cổ, các bậc hiền-triết lỗi-lạc, tuy không được những tài-liệu khoa-học phong-phú như ngày nay, mà đã biết phát-minh ra các phép-tắc lớn trong vũ-trụ, khám-phá được nguyên-nhân cùng cứu-cánh của người ta, quan-niệm được rõ các đặc-tính của quỉ-thần, định ra được các luật về nhân-quả, về tiến-hóa, về cứu-cánh của vạn-vật, và nhân đó suy-diễn ra những lề-phép xử-thế hợp với nhân-đạo và hợp với lẽ thường.

Khoa-học duy-vật đời nay, thờ sức vật-chất như một vị thần tối-tăm mà mạnh-bạo, lấy cái chủ-nghĩa định-mệnh của vật-chất làm một cái luật nghiêm khốc vô-cùng, và cho các sự xảy ra trên trường thiên-diễn là bởi sự ngẫu-nhiên khiến nên cả, rồi có ngày sẽ thấy rằng đó toàn là những điều của cổ-nhân biết đã lâu đời rồi, như luật vạn-vật đồng-thể, vạn-vật tiến-hóa, vạn-vật tuần-hoàn, toàn là những cái thuyết cổ của các triết-học tôn-giáo đời xưa lưu-truyền lại, mà đời nay khoa-học chẳng qua là đem ra mà chứng-nghiệm lại về một phương-diện thuần vật-chất mà thôi, làm cho hẹp mất ý-nghĩa đi vậy.

Thế nghĩa là các nguồn chân-lý ở đời là do cái công-phu tìm-tòi tin-tưởng chung của cả loài người, và nếu người ta có con mắt sáng-suốt thời dầu trong những lời-lẽ vụng-về mộc-mạc

cũng có thể tìm được cái ánh sáng chân-lý ở đó.

Tuy-nhiên, xét lịch-sử loài người thời thấy thời-hồ có những bậc thiên-tài siêu-việt, có cái sức mạnh bao-gồm được cả những điều sở-đắc của đời trước, những lẽ trực-giác mà biết được, cùng những sự kinh-nghiệm chung của khoa-học, lấy cái trí sáng-suốt mà quán-thông được cả, khiến cho gây dựng được những học thuyết tham-trầm cùng những phép xử-thế rất khôn-ngoan, thật là đáng cho người đời kính-phục vậy.

Trong những bậc đại trí siêu-việt đó, có một người sáng-sủa hơn nhất, hoàn-toàn hơn nhất, là PYTHAGORE nước Hi-lạp, lời răn-dạy chép trong tập « Kim thi » (*Vers d'or*), đem những điều trí-thức cùng điều tín-ngưỡng, đem Khoa-học với Tôn-giáo là hai mối thường phản-trái nhau mà điều-hòa dung-hòa làm một.

PYTHAGORE thật là cái kiểu - mẫu tuyệt-luân để làm gương cho người đời, phàm ai có bụng ham muốn có « một cái hồn bằng vàng ở trong cái xác bằng sắt » (*une âme d'or dans un corps de fer*), phàm ai khao-khát cho tới được cõi chân-lý, khiến cho bản-thân mình được sáng-suốt và được hoan-hỉ, thời phải soi cái gương ấy mà noi theo vậy.

PYTHAGORE sinh ở đảo *Samos*, vào khoảng 580 năm trước Gia-tô. Cha là MNÉSARCHUS cho được học-hành đến nơi đến chốn. Nhờ những tay danh-sư dạy cho triết-học, số-học, thi-ca, âm-nhạc cùng thể-thao. Nhân sự giáo-dục rộng-rãi đó mà lại càng mở - mang thêm cho ông cái khiếu tự-nhiên ham cứu-xét về lẽ trời đất, cái trí sáng-suốt vừa biết phân-tích, vừa biết tổng-hợp các sự-lý.

Đã có cái vốn học-thức như thế, lại còn muốn học thêm cho thâm-trầm quảng-bác ra nữa, bèn đi du-lịch các nơi để khảo sát chế-độ của các dân các nước, tìm đến những nơi đền-phủ có tiếng để học lấy cái đạo bí-truyền. Vì đời xưa, cái học hoàn-toàn là sở-đắc ở các nơi tự - viện, người nào muốn cầu cho được toàn-trí toàn-tài thời phải vào nơi kín-đáo mà chịu lấy phép mầu, nghĩa là tiếp-thụ lấy những lẽ cao-siêu về tôn-giáo, về cách-trí, về triết-học, gồm lại có thể khiến cho người ta khám-phá được mọi lẽ cùng-cực trong vũ-trụ, mà tiến thân lên những địa-vị cao-qui ở trên đời.

Trước đến đảo *Crète*, rồi đi du-lịch qua các tỉnh lớn ở Hi-lạp. Sau khi đã chịu lễ « Thụ - nhạc » (*Initiation Orphique*), và đã hiểu rõ cái ý-nghĩa thần-diệu sâu-xa của âm-nhạc rồi, bấy giờ mới nghĩ ra muốn dựng lên một cái đạo mới gồm được cả các bộ-phận trong cõi học của loài người mà lại có thể đem ứng-dụng ra việc đời được vô-cùng vậy. Bèn đi sang đất Ai-cập. Truyền rằng ông đến các nơi đền-phủ ở xứ ấy, chịu phép mầu trong hơn hai-mươi năm. Ông chuyên - chủ đệ - nhất về khoa thần-số (*Mathématiques sacrées*), là một khoa-học bí-truyền, ông định dùng làm trụ-cốt cho cái đạo của ông lập ra. Ở đó mới học được cái bí-quyết trong đạo thiên diễn, là cái phép mầu khiến cho cuộc tuần-hoàn trong trời đất khi thăng khi giáng, thần-trí giáng xuống mà sáp-nhập vào vật-chất, rồi lại thăng lên mà hòa-đồng với thái-cực, là nhờ ở cái tinh-lực của vạn-vật dần dần có ý-thức ra, lan rộng ra khắp các giống sinh vật ở trên mặt địa-cầu này.

Ông ở Ai-cập gặp giữa lúc nước ấy bị quân của tướng CAMBYSE nước Ba-ti - luân *Babylone* đến đánh phá tàn hại, trong nước đảo-điên hết cả. Ông bị bắt đem về Ba-ti-luân. Đến đấy gặp những giáo-sĩ nước Can-đê (*Chaldée*), những thuật-sĩ nước Ba-ti

(*Perse*), dạy cho biết các phép mầu của những đạo cổ Ấn-độ và Ba-tì, nhất là biết cái thuật bí-truyền dùng lời nói một cách huyền-diệu khiến cho có cái sức mạnh thần-thông vô-cùng. Lại học được khoa thiên-văn bí-truyền, biết được chân-lý về phép tinh-tú chuyển-vận. PLUTARQUE có thuật rằng PYTHAGORE vẫn tin rằng địa-cầu có chuyển-động và không phải là đứng giữa trung-tâm thế-giới, mà thật là xoay trên mình mà chạy vòng quanh mặt trời, mới sinh ra có ngày có đêm thay-đổi nhau.

Bấy giờ thời phàm người đời có thể biết được điều gì, ông đã biết hết cả, mới được tha mà trở về quê nhà ở *Samos*, kể cái thời-kỳ đi vắng có tới hơn ba-mươi năm trời vậy. Ở xứ-sở được ít lâu, rồi định di-cư sang một đất thực-dân của Hi-lạp ở Ý-đại-lợi. Chọn trong các nơi, rồi quyết đến ở thành *Crotone*. Đến đấy lập ra một trường học, liền nổi danh lừng-lẫy, ảnh-hưởng sâu-xa. Ông sửa đổi các chế-độ chính-trị ở đấy và truyền-bá ra những phương-pháp giáo-hóa rất cao-thượng.

Cái sức cảm-hóa của ông sâu-xa vô-cùng. Xem những sách truyện-ký cổ về ông, thấy nói ông là người cao-lớn mà tầm-thước, mặt-mũi khôi-ngô mà có vẻ trang-nghiêm đáng phục, giọng nói hùng-hồn cảm-động, mặt nhìn vừa có cái oai kẻ-cả mà lại vừa có cái vẻ dịu-dàng. Xét cả dung nghi diện-mạo ông như có một cái thần-lực rất mạnh, khiến cho người ta phải kính và phải sợ. Đã có cái uy-nghi như thế, lại có cái tính nghiêm-cẩn không nói những lời phù-phiếm hay những giọng hài-hước, khi nào cần phải nói thời lời-lẽ dõng-dả mạnh-mẽ như có cái sức mạnh lôi kéo người ta đi được, mà tư-tưởng thời cao-siêu hùng-tráng vô-cùng. Nói tóm lại, tự ông đã có cái sức thần mạnh, mà sở-đắc những phép mầu của các bậc thánh-triết truyền lại, cho nên chẳng bao lâu mà cải-hóa được cả tự tâm-tình cho đến sự hành-vi của kẻ đồng-bang. Truyền rằng ông thuyết-pháp lần thứ nhất ở thành *Crotone*, hóa được hai nghìn người theo đạo ông. Quan hữu-tư bèn giao cho ông việc giáo-hóa bọn thanh-niên cùng việc sửa-sang các chế-độ trong thành. Lại nhiều thành khác ở Ý-đại-lợi, cũng nhờ ông sắp đặt pháp-luật mới, ông chọn lấy những người khá-giả hơn cả, nghĩa là có học-thức và có đức-hạnh hơn cả, mà trao cho quyền cai-trị. Cái chích-thể ông dùng đó tức là chính-thể qui-tộc mà biết khéo châm-chước cho thích-nghi vậy. Ở nơi nào xét ra không cần phải sửa đổi những chế-độ hiện-hành, thời ông chỉ định trật-tự cho phân-minh, đặt kỷ-luật cho nghiêm-nhặt, khiến cho thể-thống được duy-nhất, đó là những phép-tắc cần cho một xã-hội được vững-vàng yên-ổn, thịnh-vượng thái-bình.

Đi đến đâu, ông cũng dạy nhân-nghĩa cho người đời, cố công chỉ bảo cho người ta cái cách giữ cho thân-thể được mạnh-khoẻ, linh-hồn được kiện-toàn. CELSE là bậc danh-y La-mã về đầu thế-kỷ thứ nhất, vẫn thường suy-tôn ông là nhà triết-học sành về y-lý hơn cả. Cái học của ông rất rộng, cái đạo của ông rất sáng, cái oai của ông rất lớn, khiến cho thiên-hạ tôn ông như một bậc nhân-thần vậy.

Ở trường học ông lập ra ở *Crotone*, ông muốn ra sức thực-hành cho được cái lý-tưởng đạo-đức của ông. Điều cốt-yếu trong sự-nghiệp giáo-hóa của ông, là cho rằng người ta cùng xã-hội chẳng qua là cái hình-ảnh thu nhỏ của vũ-trụ, cho nên cũng theo phép-tắc chung của vũ-trụ mà khuynh-hướng cả về một cái mục-đích tấn-tới

vô-cùng, hạnh-phúc vô-cùng. Bởi nhân-loại cùng với vũ-trụ là cùng nguyên-nhân, cùng thể-cách, cùng tiến-hóa, cùng mục-đích như nhau, cho nên ông muốn cho trong mọi cách sinh-hoạt của người ta, trong phép tu-thân cũng như trong phép trị-quốc, đều nên theo cái trật-tự, cái thể-thống chung của trời đất vậy. Phàm mọi sự mọi vật ông đều muốn cho thể được ý của Tạo-vật, về tâm-lý thời theo được đúng những phép-tắc công-bình chính-trực, đạo-nghĩa trung-thành, về vật-lý thời theo được đúng những cách-thức sinh-hoạt tự-nhiên, cư-xử giản - dị của thiên-nhiên.

Cách giáo-hóa của ông là chủ lấy điều-hòa kiêm-bị cả, và bao-gồm cả các phạm-vi hành-động của người ta. Ông muốn làm thế nào cho trong một người vừa kiêm được cả cái thể-lực rất mạnh-mẽ, cái khí-lực rất sung-thiệm, cái trí-lực rất cương-cường, mà hết-thảy các năng-lực đều được hoàn-toàn hòa-hợp với nhau cả.

Muốn cho thỏa-hợp được cả các khuynh-hướng trong người ta, ông khéo lợi-dụng cả khoa-học, triết-học cùng tôn-giáo. Ông dùng tôn-giáo làm khoa-học, dùng khoa - học làm tôn-giáo. Lấy cái lý - tưởng Thượng-đế tuyệt-đối làm phương-châm, làm cứu-cánh cho cả sự nghiệp.

Ông tưởng-tượng rằng đến ngày nhân-loại tỏ-tường được căn-nguyên cùng số-mệnh của mình, hiểu biết được cái trách-nhiệm của mình phải sống ở đời cho được khang-toàn và được hòa-thuận, phải thành-thực mà tuân theo cái luật sinh-hoạt tự-nhiên, thời bấy giờ sẽ tự-nhiên bước chân vào con đường tiến-hóa, không phải chịu lắm sự trắc-trở khốn-nạn, không phải gặp lắm nỗi tai-vạ bất-thường, đến khi ấy thì trên mặt đất này sẽ mở ra một đời hoàng-kim-thời-đại vậy.

Ông biết rằng những cái lý-tưởng cao-siêu như thế, người ta không phải là ai ai cũng có thể thấu-hiểu được, nên trong phép dạy của ông cũng theo như ở các nơi đạo-viện, chia người ta ra hai hạng. Hạng đa-số, là những người trình-độ còn kém, thời chỉ cho biết những điều gì có thể hiểu được, có thể làm được mà thôi. Về phần đạo-lý, cũng dạy cho những lẽ thiển-cận mà thôi. Bởi thế nên thường thường vẫn cho giữ các đạo cũ tục xưa cùng những truyện thần thoại ly-kỳ. Lại bắt theo những lễ-phép cùng kỷ-luật riêng, có lẽ đối với bậc tri-giả thì cho là sai-lầm quá-lạm, nhưng đối với kẻ tầm-thường chất-phác thì cần phải có để giữ cho khỏi sai đường chính vậy.

Còn hạng trình-độ tri-thức đạo-đức đã cao, thời mới dạy cho cả toàn-thể đạo-lý cùng những phép bí-truyền mầu-nhiệm. Hạng này mới cho vào trường học đạo. Bắt đầu phải thi vào bậc "học-đồ" (*novices*), rồi phải qua một thời-kỳ tập-luyện thí-nghiệm từ hai năm đến năm năm, trong khi ấy phải tập cách ăn-uống cho thanh-đạm và trong-sạch, tập lấy cách cư-xử cho ngay-thẳng và đứng-đắn, tập lấy tính khắc-kỷ, lấy thói yên-tĩnh, lấy bụng chế-dục, lấy trí phán-đoán, và lấy cho thân - thể quen nhẫn-nại.

Bấy giờ mới xét người nào có tư-cách xứng-đáng, cho được đến gần thầy, tự miệng thầy dạy cho các phép mầu bí-mật. Được lần - lượt học về Thượng-đế, về vũ-trụ, về vạn-vật, cho biết cái lẽ muôn loài cùng một bản-thể; lại học về y-pháp tự-nhiên và y-pháp thần - bí, về phép thần - số bí-truyền, về cái ý-nghĩa sâu-xa của các tự-hoạch, các dấu - hiệu cùng các lễ-thức ly kỳ; lại học về phép vạn-vật luân-hồi, thiên-hình chuyển-biến. Dần dần rồi tự mở-mang được cái trí giác-ngộ, bấy giờ là tiến lên cõi đạo-đức vậy.

Ở đạo-viện, cách sinh-hoạt của kẻ đệ-tử đã qui-định kỹ-càng lắm. Sáng dạy bắt đầu cầu-nguyện, rồi đi bách-bộ ở nơi vắng-vẻ, tĩnh-tâm mà tự-tỉnh, để dự- bị công-việc trong một ngày. Rồi vào tập âm-nhạc một lúc, có xướng-ca, có khiêu-vũ, lại có thể-thao nữa. Trong khi thể-thao có kích-động đến thân-thể, vậy muốn cho cơ-thể lại điều-hòa, thời ra tắm gội, chủ-ý cho trong người được trong-sạch và thân - thể được khang-cường. Đoạn rồi vào học, cho đến giờ ăn, bữa ăn là công-đồng cả. Đồ ăn thì phàm thức gì thuộc về giống đã ăn thịt giống khác mà sống, là tịnh không dùng đến, chủ ý giữ cho cái tinh lực người ta được thuần-khiết. Ăn uống phải cho tiết-độ, lại có định những thời-kỳ thủ-trai đoạn-thực, để cho tăng thêm cái nghị-lực của các đệ-tử. Rồi đến bình sách đọc văn, đọc to lên, để cho các đệ-tử vào tay thông - minh lỗi-lạc được bàn - bạc giảng-giải. Chiều đến lại đi tản-bộ một lần nữa, nhưng lần này là đi cùng cả với nhau. Các đệ-tử, bất-luận việc gì, phải nhất-thiết phục-tòng mệnh-lệnh người trên, là những người tài-trí đức-hạnh hơn mình, chủ-ý để giữ lấy trật-tự tôn-ti và nuôi lòng cung-kính lễ-nhượng.

Phép giáo-dục của ông bành-trướng ra mau lắm và kết - quả được rực-rỡ. Học-phái của ông rồi lập ra nhiều chi nhiều nhánh ở các tỉnh-thành Ý-đại-lợi và Hi-lạp. Đâu đâu thiên hạ cũng phục cái chủ-nghĩa của ông, cho là chân-lý đích-đáng, ảnh-hưởng trong nhân-tâm, trong chế-độ rất là sâu-xa.

Phong-tục tư-tưởng vì đó mà biến-cải mau quá. Duy trình-độ dân-trí đời bấy giờ hãy còn thấp kém, chưa thể hiểu được những lý-tưởng cao-xa về cá-nhân, về xã-hội như thế. Bởi thế nên các thầy trong học - phái Pythagore đi đến đâu cũng dạy được cho người ta biết ăn-ở theo đạo công-bằng, hợp lẽ tự-nhiên, nên dần dần những kẻ phàm-phu tục-tử là phần đông người muốn nổi lên để kháng-cự mà khuynh-đảo đi. Cũng có lẽ trong việc cải-cách này có điều cấp-tốc, không được thong-thả tuần-tự chăng? Nhân đó thành ra cớ xung-đột. Vì một việc dân thành *Sybaris* bị đuổi, chạy trốn sang thành *Crotone* gần đấy, dân *Crotone* vui lòng cho ở, thế mà thành ra hai bên gây cuộc binh-đao. Đánh nhau rất dữ, bên *Sybaris* tuy nhiều người hơn mà bị thua bên *Crotone*, là nhờ bên này được tay lực-sĩ trứ-danh trong phái Pythagore tên là Milon đứng cầm quân. Cách người *Crotone* đối-đãi với quân hàng tàn-nhẫn quá, thành *Sybaris* bị triệt-hạ hẳn. Phàm sự phá-hoại vô-chừng vô-độ, thường sinh ra cái lòng tàn-nhẫn ở người phá-hoại, và hay gây ra cái họa ác-báo tương-đương. Vì dân *Crotone* làm quá, mà phái Pythagore đến phải gián tiếp chịu ác-quả.

Nhân có những kẻ ác-tâm vì bất-tài mà đem lòng oán-giận, trong bọn đó có một tên Cylon, xưa bị Pythagore bãi ra không cho được liệt vào hạng đệ-tử thượng-tọa, vì tính hẳn hung-bạo, không biết theo kỷ luật, tự do đem lòng thù hằn, gây ra cuộc phản-đối, mỗi ngày một to. Chúng trách phái Pythagore là muốn đoạt quyền chính-trị, phạm đến dân-quyền, bèn nổi lên cuộc cách-mệnh, phá-hoại nhà đạo-viện ở Croton. Trong đó đệ người nào tránh được khỏi tay hung-tàn thì bị ly-tán đi mọi nơi. Có nhà làm sách quyết rằng chính Pythagore chạy trốn vào nhà Milon bị chết cháy. Nhưng cứ cái thuyết thông-thường nhiều người cho là phải, thì ông chạy được về Hi-lạp, đến ở *Métaponte*, còn dạy học nữa, mãi đến năm 90 tuổi mới mất.

Ảnh-hưởng của Pythagore thật là to-tát vô-cùng. Nhờ ảnh-hưởng ấy mà đã tạo-thành được hai bậc thiên-tài

của Hi-lạp là SOCRATE và PLATON. Có thể nói rằng ảnh-hưởng ấy ngày nay cũng vẫn còn, tuy không lộ ra, nhưng quyết có hẳn. Những điều chân-lý ông truyền dạy ra, ngày nay còn có thể phục-hưng được, là nhờ được các khoa-học đời nay chứng-thực thêm vào, lại nhờ được đạo hi-xả bác-ái của đức Gia-tô đã đem truyền-bá cho người đời. Tổng-hợp cả các đạo-lý ấy lại thời sẽ thành một nền đạo-đức rất sáng-sủa, rất cao-siêu, đủ khiến cho trí người được sáng-suốt và các điều chân-lý, công-nghĩa, hòa-bình sẽ được thực-hiện trong loài người vậy.

Nói về tập « Kim-thi » của phái Pythagore

Truyền rằng PYTHAGORE có làm nhiều sách (có nơi kê ra đến mười-lăm quyển). Hai quyển chính là sách « Luận về Vũ trụ » (*De l'Univers*) và sách «Luận về Thần-ngữ» (*La parole sacrée*), hai quyển ấy có lẽ là viết bằng thứ chữ hiệu riêng, vì chỉ truyền dạy cho ít kẻ học đạo đã thành-công mà thôi. Hai quyển ấy, không có quyển nào là truyền được đến ta. Thành ra đạo PYTHAGORE đời nay chỉ được biết đại-khái, nhờ sách-vở của các đệ-tử ông mà thôi.

Tập thơ nhỏ đề là « Kim-thi », truyền là của người đệ-tử tên LYSIS soạn ra để làm như một quyển kinh nhật-tụng tóm-tắt những điều đại-cương dạy trong các trường của phái PYTHAGORE, chủ-ý là giữ lại cho đúng cái đạo của thầy mình và truyền ra cho rộng vậy.

Cứ như lời HIEROCLÈS là người đã truyền lại và chú-thích tập thơ này, thì tập « Kim-thi » chính là gồm được tinh-túy của đạo PYTHAGORE, vì có luật bắt các đệ-tử sớm chiều phải đem ra tụng-đọc và ngẫm-nghĩ.

Mới xem ra thì những lời răn-dạy trong tập thơ này, hình như lộn-xộn, không có thứ-tự gì. Nhưng mà xét kỹ ra mới biết rằng cách sắp đặt thật là khôn-khéo lắm, cứ tuần-tự mà phát-siển ra, nghĩa-lý sáng-sủa vô-cùng. Trong bản dịch của chúng tôi đây, chúng tôi muốn tiêu-biểu cho rõ cách sắp đặt của tác-giả đó, nên có đặt ra cương-mục để lần lượt theo đó mà chú-thích.

Phần thứ nhất là « Thời-kỳ Chuẩn-bị » (*la Préparation*), dạy về phép thờ Thượng-đế cùng các Thần-minh, là những đấng cao-xa hơn loài người, để làm cái gốc cho mọi sự hành-vi của người ta cùng của xã-hội. Phần thứ nhì là « Thời-kỳ Tinh-luyện » (*La Purification*), dạy về cách thờ nhân-loại ở gia-đình, ở xã-hội, ở bản-thân mình, bằng lòng bác-ái, tình thân-thiện. Nghĩa-vụ người ta đối với bản-thân mình thời chia ra phần linh-tinh và phần nhục-thể, nghĩa là cách chăm-chút cho tinh-thần và chăm-chút cho thân-thể. Lần lượt dạy về tính khắc-kỷ, lòng thành-thực, chính-trực, cẩn-thận, khoan-dung, trí suy-nghĩ, biện-biệt, viễn-lự, tiên-kiến, tính cần-lao, thói lễ-nhượng. Rồi dạy đến cách chăm-chút cho thân-thể, nhất là sự ăn-uống phải cho trong-sạch và điều-độ và chú-trọng về phép thể-thao.

Người đệ-tử đã qua được hai thời-kỳ chuẩn-bị và tinh-luyện rồi thời phải cố cho tinh-tiến mãi lên mà noi được tới các phép mầu huyền diệu. Vì trước phải thuộc các nhân-sự đã, rồi mới tới cõi thần-bí được. Phần thứ ba đó là « Thời-kỳ Thành-đạo » (*la Perfection*); người đệ-tử đã thuộc các phép tự-kiểm, phép tư-niệm, đã có lòng tin-

ngưỡng, lòng đạo-đức rồi, thời bấy giờ dùng phép cầu-nguyện để cho trực-giác các mảnh-mối trong vũ-trụ và tới được cõi chí-đạo huyền-bí. Đến được đấy thời có phép thần-thông trác-kiến, thấu hiểu được các lẽ u-ẩn trong nhân-sự và trong thiên-diễn.

Cõi trí-tuệ bấy giờ như mở rộng cửa ra. Kẻ học đạo đã thấu được lẽ huyền-vi; trong người thấy hoan-hỉ vô-cùng, đời hiện-kim sẽ được thảnh-thơi bình-tĩnh, mà cuộc lai-sinh sẽ được vĩnh-viễn cực-lạc.

Phép giáo-dục loài người mà đến thế là hoàn-toàn tuyệt-diệu vậy. Phàm trí-thức phải lấy đấy làm gốc, phàm tổ-chức phải lấy đấy làm nền. Phép ấy là cái yếu-tố cho sự tiến-bộ, sự hòa-bình của cá-nhân cùng của xã-hội. Phép này phân-tích đã tinh-vi mà tổng-hợp lại chu-đáo. Nhất-diện thời trong phép tu-luyện cá-nhân, không có một điều tiểu-tiết nào là không nói đến. Nhất-diện thời ngoài những bài học vụn-vặt, những lời dạy nhỏ-nhặt, không khỏi phiền-tạp tế-toái, lại đặt ra hẳn một khoa học đạo hoàn-toàn, theo đúng như kỷ-cương mục-đích của tạo-vật.

Trong khoa-học này thì người ta không phải là độc-lập đối với Thượng-đế, đối với vạn-vật ở ngoài. Nhờ khoa-học này mà người ta biết rằng cái nguồn sinh-hoạt của mình, cái sức hành-động của mình, cái phương-tiện tiến-hóa của mình cùng cái cứu-cánh hạnh-phúc của mình, là trước nhất ở nơi Thượng-đế, là đấng sinh-thành tạo-hóa ra mình; rồi là ở cái công phu công-cộng của cả vạn-vật cùng nhân-loại, không có vạn-vật cùng nhân-loại thì người ta không thể sao sống còn được; sau hết là ở chính bản-thân mình, vì bản-thân mình chính là phát-sinh tự Thượng-đế mà ra và là chung-đúc cả cái sức sinh-hoạt của tạo-vật.

Cái tôn-giáo đại-đồng đó vừa bao gồm cả Thượng-đế, cả vạn-vật, cả nhân-loại, cả bản-thân người ta, khiến cho mỗi người có cái nghĩa-vụ phải thờ Thượng-đế, phải thương-yêu các giống các vật, phải qui-trọng kẻ khác và cả mình nữa, và lại khiến cho mỗi người có đủ các lẽ chánh-đáng để tu-luyện lấy mình về đường trí-dục đức-dục vậy.

Vậy thời về phương-diện tự-kỷ-giáo-dục, đạo PYTHAGORE muốn cho mỗi cá-nhân vừa gồm được cái tinh-thần rất sáng-sủa cùng với cái tinh-lực rất thuần-túy và cái thân-thể rất kiện-toàn, thật là một phép tu-dưỡng nhân-cách rất điều-hòa và rất chỉnh-bị vậy. Trong phép này, tinh-thần thật là chủ-trương cho vật-chất, các tinh-lực vận-động các cơ-quan một cách êm-đềm nhặm-lẹ, còn thân-thể thời giữ hết bổn-phận làm cái khí-cụ tiện-lợi để giúp cho tinh-thần tấn-tới. Như thế thì cuộc sinh-hoạt tất là phải được điều-hòa, tất là sẽ được khoái-lạc vậy.

Có một điều quan-hệ hơn nhất cả, là cái kinh phúc-âm mới của đạo xử-thế đó, bày tỏ cho chúng ta biết rằng lòng khuynh-hướng về Thượng-đế là cái luật sống của vạn-vật chúng-sinh, sự nỗ-lực tự-do của cá-nhân là cái phương-tiện cho đạt tới, lòng nghĩa-vụ là cái phép-tắc cho tới được, và ngoài cõi đời hiện-tại còn có vô-số những cuộc đời lai-sinh; tùy cái nghiệp ta ở đời này tốt hay xấu mà đời sau sẽ báo-ứng tốt hay xấu vậy.

Đó là những điều chân-lý cốt-yếu, các bậc đại-triết, đại-giác đời xưa đã phát-minh tuyên-bố ra, để làm kim-khoa ngọc-luật cho muôn đời, đời nọ sang đời kia phải lấy đó để làm gương vậy. Cái lý-tưởng bao-hàm ở trong các điều đó, có lẽ diễn ra theo những danh-từ biểu-hiệu khác nhau, theo những cách-thức tư-tưởng mới lạ,

những các phép-tắc cốt-yếu thì cổ-kim vẫn là một, đại-đồng mà tiểu-dị, thật là lẽ phải muôn đời, đời đời mới-mẻ vậy.

Tại *Brévannes*, ngày tháng 12 năm 1915

Dịch tập « Kim-thi » của phái Pythagore

Thời-kỳ Chuẩn-bị

Thờ Thượng-đế. — *Người ta phải có tôn-giáo.* — Trước hết phải nên thờ phụng Thần minh, theo như pháp-luật đã định. Đã đem lòng thề-nguyền tín-ngưỡng, thì phải giữ cho có thủy có chung. Rồi thì nên tùy theo phép thường, sùng-phụng những bậc Hào-kiệt Anh-hùng, những bậc Thần-nhân Thánh-triết.

Thời-kỳ Tinh-luyện

Thờ gia-đình. — *Người ta phải yêu-mến cha mẹ.* — Phải biết thờ gia-đình; phải làm trọn nghĩa-vụ đối với cha, với mẹ, với cả các bà-con họ hàng.

Thờ bè-bạn. — *Người ta phải yêu-mến kẻ đồng-loại của mình.* — Bè-bạn phải chọn lấy người nào là thuần-lương đức-hạnh hơn cả. Bạn khuyên-nhủ, phải nghe lời, bạn chỉ-bảo, phải theo gương. Đừng nên vì điều lỗi nhỏ mà xa mất bạn, nếu biết cố gắng hết sức cũng có thể giữ được, vì chủ-trương sự đời vừa thuộc vận-mệnh mà cũng vừa thuộc ý-chí nữa.

Tu-luyện mình. — A. Tu-luyện về tâm-trí. — *Phải biết khắc-kỷ.* — Rồi lại phải biết sửa mình cho thắng được tình-dục, cho biết tiết-độ, biết cần-cù, biết thanh-tĩnh. Đừng nên giận-dữ bao giờ.

Phải biết thật-thà, ngay-thẳng, công-bằng. — Đối với kẻ khác cũng như đối với riêng mình, phải nên thế nào cho không có điều gì tự-trách được. Mà trước hết phải biết tự-trọng mình. Nhất-thiết một đời, phàm mỗi câu nói, phải theo cho đúng lẽ công-bằng.

Phải biết suy-nghĩ. — Đừng có tập cái thói quen ù lì gặp sao hay vậy, nhưng phải biết nghĩ rằng cái số-phận chung của người đời là cái chết, và phàm tài sản vật-chất, có rồi mất đi, cũng dễ-dàng như không vậy.

Phải biết vững lòng mà làm việc. — Còn như cái thân-phận tự lẽ trời bài-định, thì dù khó-nhọc thế nào mặc lòng, cũng đừng nên oán trách, cứ bình-tâm mà chịu lấy, và cố gắng chỉnh-đốn cho được hơn lên. Vì kẻ đạt-nhân quân-tử vẫn được Thần-minh phù-hộ cho khỏi phải chịu những cái tai to nạn lớn.

Phải nên khoan-dung và kiên-nhẫn. — Trong ý-kiến người ta thường là lẫn-lộn cả điều phải điều trái. Vậy chớ có nên theo theo hẳn hay bỏ bỏ cả, mà nên giữ lấy sự điều-hòa của mình. Nếu điều trái được tạm-thời thắng-lợi, thì nên lánh xa mà đợi thời.

Phải có cái trí phán-đoán cho ngay-thẳng và cho vững-vàng. — Điều ta nói đây, phải nên để ý luôn mà theo cho đúng. Lời nói, việc làm của kẻ khác, chớ nên a-dua mà không suy-nghĩ. Khi nào đã lấy lẽ phải mà suy-xét biết theo đường nào là hơn, thì bấy giờ hẳng nên nói, nên làm. Trước khi hành-động phải nên suy-tính, như thế thì khỏi làm những điều vô-lý. Người ta thường bị khổ-sở, chính là bởi làm và nói không có điều-độ, không có phép-tắc vậy.

Phải nên biết phòng xa. — Phàm quyết-định một điều gì, phải nên biết dự-tính cái kết-quả xa-xôi về sau này thế nào, để cho không bao giờ phải hối-hận.

Phải biết khiêm-tốn.— Cái gì thực mình không biết, đừng nên tự-phụ muốn làm. Nhưng phải biết thừa dịp mà học cho biết thêm. Như thế thời đời mình sẽ có hứng-thú vô-cùng.

B. **Tu-luyện về thân-thể.** — *Phải ăn ở cho thanh-sạch và hợp với sinh-lý. Phải tập thể-thao.*— Lại phải chăm-chút cho thân-thể được mạnh-khoẻ. Đồ ăn, đồ uống, cách tập-luyện cần-dùng, phải nên cho có điều-độ. Hễ biết giữ cho điều-độ thích-nghi, thì không bao giờ đến nhu-nhược ủy-mĩ. Cho nên phải tập cho quen cách ăn ở cho thuần-khiết và cho nghiêm-nhặt.

Phải nên cẩn thận.— Theo cách ăn ở như thế, không nên khoa-trương, để khỏi dục lòng ghen-ghét của kẻ vô-tri vô-thức.

Phải nên điều-độ.— Đừng có bắt-chước những kẻ không biết suy-xét, hoặc là ăn tiêu quá sự cần-dùng, hoặc là tần-tiện quá đến bủn-sỉn, nhưng nhất-thiết phải giữ lấy đạo trung bình là hơn cả. Vậy đừng nên làm gì có thể hại được đến mình và muốn được như thế thì trước khi hành-động phải nên suy-nghĩ.

Thời-kỳ Thành-đạo

Các phương-tiện tinh tiến. — *Phải nên tự kiểm sát mình.*— Khi mới ngủ dậy, trong người dương bình-tĩnh, phải thừa lúc bấy giờ mà nâng cao thần-trí lên, nghĩ-ngợi về các công-việc hay mình phải làm.

Chiều, trước khi đi ngủ, phải nên kiểm-sát tâm-tư, ôn lại trong trí những công việc lúc ban ngày, và tự hỏi rằng: Ta đã làm được những gì? Ta có làm được trọn nghĩa-vụ ta trong mọi việc không? Nên đem lần-lượt từng việc ra mà sát-hạch như thế. Nếu thấy mình đã làm sai, thì phải tự mình nghiêm-trách; nếu không có lầm-lỗi gì thì nên hoan-hỉ trong lòng.

Tư-niệm. Tín-ngưỡng. Đạo-đức. Quan-niệm về Vũ-trụ. — Nên ngẫm-nghĩ những lời khuyên dây. Nên đem hết lòng trân-trọng mà gắng hết sức thực hành; sẽ tới được cõi chí-đức chí-thiện. Ta nói đây là lời nói thật, xin thề trước đấng mẫu-nhiệm đã vạch ra trong trí ta cái hình « Tứ-giác » (*la Tétrade*), là biểu-hiệu và là nguồn-gốc của vạn-vật vô-cùng.

Cầu-nguyện.— Nhưng khi khởi-công tu-luyện, phải nên cầu-nguyện Thần-minh luôn, để người giúp cho làm được trọn-vẹn.

Giác-ngộ. — Khi đã hiểu rõ được các điều răn dạy đây thời sẽ quan-niệm được cả bản-thể của thần-nhân cùng của vạn-vật, và sẽ thấu được cái lẽ duy-nhất nó chủ-trương trong cuộc thiên-diễn vậy. Bấy giờ mới biết cái luật lớn trong vũ-trụ, là khắp trong thế-gian đâu đâu cũng vậy, vật-chất với tinh thần là đồng-thể với nhau cả.

Trí-tuệ. — Bấy giờ thời trí-tuệ đã sáng-suốt trong lòng sẽ không phải băn-khoăn về những điều vọng-tưởng nữa. Sẽ biết rằng người ta mà phải khổ-sở là tự mình tác nghiệt cho mình. Khốn-nạn cho những kẻ ấy! Họ không biết rằng cái của báu của họ là ở trong tay họ, ở trong người họ đó. Những người biết cái cách giải-thoát cho khỏi sự khổ-não, thật là ít lắm thay. Sự mê-muội của người đời thật là quá lắm thay, làm cho trí-tuệ phải mờ-ám! Khác nào như cái ống lăn, cứ lăn liền, không bao giờ khỏi được những nỗi khổ-thống vô-cùng. Vì cái tật mê-muội bất-minh đó, đi đâu nó cũng ám-ảnh hoài, thành ra không biết phân-biệt điều gì là điều phải nên thuận-nhận, điều gì là điều trái nên tránh xa mà đừng tức-giận.

Thần-bí. — Ôi Thượng-đế, là cha sinh ra chúng ta! Xin cầu-nguyện Thượng-đế tế-độ cho loài người khỏi

phiền-não, chỉ-thị cho họ biết tự mình có cái sức thần-thông là đường nào! Nhưng mà không: chúng ta chẳng nên rầu lòng lo-lắng, vì loài người là giống thần-minh, tự mình có thể phát-minh được những lẽ mầu-nhiệm của tạo-vật bày ra cho mà tìm-tòi.

Kết-quả.— *Cõi chi-đạo. Cõi vĩnh-viễn cực-lạc.* — Các lẽ mầu-nhiệm đó đã thâu được rồi, thời những lời ta khuyên dạy đây, sẽ làm được dễ dàng, và đáng được giải-thoát cả mọi sự phiền-não. Nhưng mà phải nên kiêng-kỵ những thức ăn ta đã cấm trong khi tu-luyện trai-giới, và cứ nên theo đuổi cái công-phu giải-thoát cho linh-hồn được thảnh-thơi, phàm sự-vật phải biết kén chọn cho đích-đáng và cho thích-nghi, để cho cái phần tinh-túy trong người là phần tinh-thần bao giờ cũng được thẳng vậy. Được như thế thời đến khi dời bỏ cái khu-xác này sẽ bay-bổng lên cõi thanh-thiên, và bấy giờ không phải theo luật sinh-tử nữa, sẽ biến-hóa mà thành một vị thần-tiên bất-diệt vậy.

(Còn nữa)

THƯỢNG-CHI *dịch*

HAI BẬC ĐẠI-NHO NƯỚC TÀU

Trình Hiệu và Trình Di

Trình Hiệu 程顥 là một kẻ đại-nho nhà Tống, tên tự là Bá-thuần 伯淳, người đất Hà-nam, đời gọi là Trình-bá-tử; 程伯子. Vì người em là Trình Di cũng nổi tiếng danh-nho, cho nên đời gọi tiên-sinh là Trình-Bá-tử; người em là Trình-Thúc-tử. Người bố là Trình Hưởng làm người quả-quyết mà thân-tử, từng trải chức tri Cung-châu Từ châu Hán-châu (1), trí-sĩ, rồi lại chuyển-chức Thái-chung-đại-phu; làm quan bổng-lộc có thừa, đều đem chia cấp cho người nghèo trong thân-thích; trước sau sinh được năm con, tiên-sinh là con trưởng. Tiên-sinh năm mười-hai mười-ba tuổi, học-tập ở nhà học-hiệu trong châu, đứng-đắn như người lão-thành. Kịp mười-lăm tuổi, phụng mệnh cha cùng với em là Di đi thụ-nghiệp thầy Liêm-khê Chu-tử. Tiên-sinh khi ấy đã hăng-hái có cái chí nghiên-cứu về đạo-học, xem sách của bách-gia cực rộng, xuất-nhập ở sách Lão sách Phật, ngõ-hầu đến mười năm; rồi trở lại nghiên-cứu về sách Lục-kinh trong Nho-giáo, sau mới tìm được cái mối đạo-học.

Năm Gia-hựu thứ hai đời Nhân-tôn (1075) tiên-sinh đỗ tiến-sĩ, bổ làm chức chủ-bạ đất Vu-châu, là một chức quan nhỏ để giúp việc; tiên-sinh cũng có nhiều chính-sự hay. Kẻ đương-đạo toan tiến cử tiên-sinh, hỏi tiên-sinh muốn làm chức gì. Tiên-sinh đáp rằng: « Phàm tiến-cử kẻ sĩ, nên xét cái tài người ấy khả-kham về chức gì, không nên hỏi người ấy muốn làm chức gì. Nếu hỏi người ấy muốn làm chức gì, thì cái lòng tư-dục bởi đấy sinh ra ». Tiên-sinh lại thiên sang làm chức chủ-bạ đất Thượng-nguyên. Tiên-sinh thường nói rằng: « Làm quan không cứ chức to chức nhỏ, người sĩ làm một chức nhỏ, nếu

---

(1) Tri-châu = Nhà Tống chia trong cõi làm các châu, chức tri-châu là chức quan to ở các địa-phương.

để lòng yêu người yêu vật, người vật tất có chốn được nhờ. » Ít lâu được thiên làm chức Tấn-thành-lệnh, cai-trị một miền Hà-đông. Dân có việc đến quan, tiên sinh tất bảo cho về đường hiếu để trung tín. Dân đến kiện-tụng, không khiến cầm đơn, chỉ thẳng đến cung-đường, bày tỏ mọi trạng; tiên-sinh thong dong phán-bảo, khiến cho cảm-phục mà đi ra. Xét đo các cố hương-thôn, nơi gần nơi xa đều phải làm ra có đoàn-thể đội-ngũ, để khi có hoạn-nạn thì cứu nhau, mà kẻ gian-phi mới tuyệt-tích. Dân kẻ nào cũng phải có thường-nghiệp, không được chơi không. Còn kẻ nào cô-cùng hay hoặc tàc-tật, thì trách cứ thân-thuộc hay là đảng-phái người ấy phải nuôi, không được để cho thất-sở. Chỗ đi lại giao-thông, đều lập ra có nhà dưỡng-bệnh, để cứu giúp những khách hành-lữ xa-xôi mà có tật-bệnh. Hương thôn nào cũng bắt phải lập ra có nhà học, để dạy trẻ con, gọi là hương-hiệu; tiên-sinh thường thân-hành đến tận nơi, triệu các bậc phụ-huynh trong hương-thôn, bảo cho sự học là sự gốc; các sách của trẻ con học, tiên-sinh đều vì thích-nghĩa chấm câu; các thầy giáo do hương-thôn kén chọn và cấp bổng lấy; chỉ kẻ giáo-sư nào không xứng-đáng thì tiên-sinh vì thay đổi cho mà thôi. Lại bắt dân phải lập ra xã-hội, có điều-lệ hẳn-hoi, phân-biệt kẻ thiện người ác, khiến dân có gương thiện mà biết khuyên, có bạn ác mà biết xấu-hổ. Miền Hà-đông trước kia quân nghĩa-dũng của các là gần cứ đến mùa làm ruộng xong, có thì-giờ nghỉ-ngơi thì tập võ. Nhưng phần nhiều là hư-văn, không ích gì đến sự-thực. Kịp tiên-sinh đến bắt dân phải đoàn-thể huấn-luyện hẳn-hoi, dân đất Tấn-thành, mới thành ra một dân tinh-binh. Tiên-sinh trị đất Tấn-thành, muốn kỷ cho địa-phương khỏn có kiện-tụng không có trộm-cướp, không có kẻ nào bị thất-sở mà đi ăn mày, không có kẻ nào ốm ở đường-sá mà không có người nuôi, không có đứa trẻ con nào không được học, không có kẻ giáo-sư nào không xứng-đáng, không có kẻ làm thiện nào mà bị oan-rầm, không có kẻ làm ác nào mà cứ vô-sỉ. Tiên-sinh thường viết bốn chữ « *Thị dân như thương* (1) » ở bên chỗ ngồi mà bảo rằng ta thường xấu-hổ với bốn chữ ấy.

Năm Hi-ninh thứ hai đời Thần-tôn (1069), ông Lã Công-Trứ tiến tiên-sinh làm chức Thái tử-trung đoãn, quyền chức giám sát-ngự-sử-lý hành. Vua Thần-tôn vốn biết tiếng tiên-sinh, thường triệu vào tiếp-kiến; mỗi khi tiên-sinh lui ra, thì vua tất nói rằng: « Ta muốn thường thường tiếp-kiến Trình tiên-sinh. » Lúc ấy người Vương An-Thạch càng ngày càng được vua tin-dùng. Tiên-sinh mỗi khi tiếp-kiến vua, tất nói về những ý đạo làm vua phải lấy yêu dân làm gốc, mà chưa từng nói đến đường công-lợi. Tiên-sinh thường bày tỏ những đạo lớn-lao trị thiên-hạ. Vua nói rằng: « Ấy những việc vua Nghiêu vua Thuấn, trẫm sao dám đương. » Tiên-sinh tỏ ra sắc buồn nói rằng: « Bệ hạ nói ra lời ấy, không phải là cái hạnh-phúc của kẻ thương-sinh. » Tiên-sinh từng khuyên vua dự-phòng cái vạ chưa trông thấy, và đối với thiên-hạ sĩ chớ nên khinh-suất. Vua cúi mình đáp rằng: « Sẽ vì lời ngươi, răn về sự ấy. » Sớ-tấu của tiên-sinh dâng lên vua luôn luôn, đều là nói cái gốc trị nước.

Luận về sự tu nhà học, tôn đạo thầy, lấy kẻ sĩ, đại-lược nói rằng: « Hiện nay người nào người ấy cầm một cái ý-kiến riêng, nhà nào nhà ấy làm ra cái học thuyết lạ, khiến cho kinh-huấn chi-ly, không được thống-nhất. Nên bắt đầu khiến quan-lại các địa-phương,

(1) *Thị-dân như thương* = Coi dân như chỗ đa thịt mình bị đau, hết lòng ái-hộ.

hết lòng xét hỏi; phàm có kẻ nào minh được cái đạo đấng tiên-vương, đức-nghiệp sùng-mãn, hay là kẻ nào đốc chí hiếu-học, tài tốt nết hay, đều đem tên những người ấy báo cho triều-đình nghe. Hay hoặc kẻ sĩ nào cao-thượng, thì hậu-lễ đón ra. Khiến quần-nho tụ-tập ở chốn kinh sư, sớm chiều giảng-minh về đường chính-học, đào-tạo lấy hạng người mô-phạm, xứng đáng làm thầy. Cái đạo dạy thì tất gốc ở nhân-luân, minh về vật-lý; tự điều hiếu-đễ trung-tín, cho đến lễ-nhạc chính-hóa, dần-dần thành-tựu, đều có thứ-tự. Mà cái cốt-yếu ở về tu-thân, để hóa-thành thiên-hạ, người thường cũng có thể đến được cái đạo thánh-nhân. Dần lâu thì kén những người học-nghiệp đại minh, đức nghĩa-khá tôn, vào làm thầy nhà quốc-học. Thứ hai nữa để chia ra trưởng-giáo nhà học các châu-quận. Tuyển trong dân-gian những kẻ tuấn-tú cho vào học, kẻ nào học-nghiệp không thành-tựu, phẩm-hạnh chẳng đoan-chính thì ruồng đuổi đi. Dần dần lại kén những người đạo-nghiệp thành-tựu, khiến dạy ở các làng các huyện. Một ngày kia cái thôn-ấp mười nhà nho-nhỏ cũng đều sẽ có nhà học có thầy dạy. Khi ấy người chức-vụ trong địa-phương cùng với mọi thầy giáo, cử lấy những kẻ sĩ kinh thông hạnh tốt, có tài-năng khá-dùng, thăng lên châu-học, dần dần lại thăng lên nhà quốc-học. Nhà quốc-học thì mỗi năm mộ lấy kén lấy những kẻ sĩ hiền-năng thăng lên triều đình. Triều-đình sẽ hỏi về đường kinh-thuật, xét về đường ngôn-luận, thử về đường chức-vụ để xem tài-năng, rồi sau mới phân-biệt hơn kém mà trao cho chức quan. Như thế thì khi giáo-dục đã thống-nhất về đường nhân-nghĩa đạo-đức, khi thăng-tiến lại chuyên-chủ về đường thực-hạnh, thực-học, thực-tài; bỏ cái lối cũ thi-cử về đường từ-chương thanh-luật nhỏ-nhặt không nghĩa-lý mà có tệ ấy đi, chẳng ngoài mấy năm, thiên-hạ tất-nhiên biến-hóa. Há nữa được nhiều kẻ sĩ hay, mà phong-tục cũng sẽ một ngày một vào cõi thuần-chính, đó là cái gốc giáo-hóa của đạo đấng tiên-vương. »

Tiên-sinh lại có bài luận « hập-sự », đại-lược nói rằng: « Đời xưa tự đấng thiên-tử cho đến kẻ thứ-dân tất nhờ có thầy có bạn; nay cái đạo làm thầy chẳng tu, cái nghĩa làm bạn chửa rệt; sở-dĩ cái thói qui đức vui đạo, chửa thịnh-hành ở trong thiên-hạ. Trời sinh ra kẻ thứ-dân, lập ra có người tư-mục, người trên tất vì dân chế ra có sản-nghiệp thông-thường; nay kẻ giàu, có kẻ tiền-thóc địch với một châu một huyện, kẻ nghèo, có nhiều kẻ lưu-li chết đói; xem ra số dân sinh-sản càng ngày càng nhiều, mà quốc-gia chẳng vì dân chế ra có thường-sản, thì đường sinh-hoạt của dân một ngày một cùng, giữ sao cho khỏi loạn. Đời xưa chính-trị giáo-hóa khởi tự chốn hương-lý tộc-đảng, để cùng nhau liên-thuộc, có thể-thống tự-trị, cho nên dân cùng nhau thân-ái hòa-mục, mà hình-pháp ít có kẻ phạm; ấy là cái lẽ tự-nhiên trong nhân-tình, làm ra thì có hiệu-quả vậy. Nhà học-hiệu là sở-dĩ hóa-thành thiên-hạ; nay thầy dạy chẳng ra thầy, mà đạo đức hỗn-hào; chốn hương-lý không có nhà học, mà lễ-nghĩa chẳng dấy; kẻ cống-sĩ chẳng gốc ở chốn hương-lý mà phẩm-hạnh chẳng tu; kẻ tứ-dân chẳng nuôi rèn ở nhà học-hiệu, mà nhân-tài ít có. Đời xưa dân có thức ăn chửa được chín năm; nay người cày ít, người ăn nhiều, địa-lợi chẳng khai-khẩn, nhân-công chẳng siêng-năng; nhà giàu họ mạnh, xâm-chiếm của dân, phần nhiều xa-phí, ít có trữ-tích. Nên dần-dần theo phép đời xưa, quân-điền cho dân, khuyên dân vụ-nông, khiến nhà công nhà tư đua nhau trữ-súc, để dự-bị về năm mất mùa. Đời xưa sĩ, nông, công,

thương, tứ-dân đều có chức-nghiệp thường; nay chốn kinh-sư số dân trăm vạn, phù-hoa xa-xỉ, đường sinh-hoạt cùng-súc khó-khăn, một năm một thêm ra, lâu mãi thì làm thế nào; cốt ở chấn chước phép cổ, biến-đổi thói kim, xan-xẻ của người nhiều, bù giúp cho kẻ ít, dần-dần chấn-hưng mọi nghề-nghiệp để cứu lấy dân. Đời xưa việc cưới việc tang, đồ mặc đồ dùng, đều có đẳng-cấp phân-biệt, không ai dám qua phận tiếm-việt; nay lễ-chế hỗn-hào, kẻ trên người dưới, kẻ quí người tiện, đua nhau cùng-xa cực-xỉ; dân đã không có định-phận, thì kẻ gian-trá tòng-chung cướp lợi, chẳng chán chẳng thôi, ấy là cái vạ tranh-cạnh rối-loạn vậy. »

Lúc ấy Vương An-Thạch cầm quyền, thay đổi pháp-độ, bời-rối quá-đáng, trong ngoài nhao-nhao. Tiên-sinh được bị chỉ-dụ đến tòa Trung-thư hội-nghị. An-Thạch tỏ ra sắc mặt gắt-gưởi giận-dữ đãi các người. Tiên-sinh thong-dong nói rằng: « Việc thiên-hạ không phải là việc riêng của một nhà, xin ngài bình-khí để nghe chung. » An-Thạch vì xấu-hổ phải nguôi cơn giận-dữ. Trước kia An-Thạch biến-pháp, kẻ ngôn-luận nhiều người chỉ-trích chê-bai. Một tiên-sinh lấy điều chí-thành giải tỏ cho An-Thạch, cho nên trong triều người nào trái ý An-Thạch thì bị đuổi ngay. An-Thạch vẫn tâm-phục tiên-sinh, tuy trái ý, mà thủy-chung kính tiên-sinh là người trung-tín. An-Thạch cử tiên-sinh làm chức Đề-điểm Tây-kinh hình-mục. Tiên-sinh dâng sớ cố từ. Vua Thần-tôn mới cải-nhiệm tiên-sinh làm chức Trấn-nhi quân tiết-độ-phán-quan. Ít lâu tiên-sinh cầu làm chức Giám-cục ở Tây-kinh để cận-tiện nuôi cha già. Khi ấy cùng với em là Trình Di thong-dong đọc sách giảng đạo, sĩ-phu gần xa có nhiều kẻ đến tòng-học. Tiên-sinh ngày thường ăn rau ăn đậu, mặc áo vải, chỉ đủ mà thôi, mà trong nhà kẻ già người bé đều tỏ ra cảnh hòa-lạc. Họ nội họ ngoại có kẻ cô-cùng, đều đem về nuôi. Việc dựng vợ gả chồng thì lo-toan cho những kẻ mồ-côi trong hàng thân-thích trước đã rồi mới kịp đến con mình. Kịp khi vua Thần-tôn mất, tiên-sinh vào triều dự-lễ thành-phục. Có một vị triều-quan là Hàn-Tôn-Sư hỏi tiên-sinh về việc triều-đình sau nay thế nào. Tiên-sinh nói rằng: « Tư-Mã Quang, Lã Công-Trứ, hai vị nguyên-lão ấy sẽ làm tể-tướng. » Hàn hỏi rằng: « Cái đạo làm tướng ở ngày nay nên như thế nào? » Tiên-sinh nói rằng: « Nên cùng với kẻ đại-thần trong đảng cũ Vương An Thạch cùng làm việc. Nếu bắt đầu chia ngay ra đảng-phái, thì ngày khác sẽ khá lo. » Hàn hỏi rằng: « Lo về cớ gì? » Tiên-sinh nói rằng: « Đảng An-Thạch cũ đều là kẻ tham lợi, cứ cầm chính-quyền mà điều-hòa với họ, khiến họ tự biến đổi cái phép hại dân đi thì là khéo. Nếu chẳng thế, thì cái vạ hàng ngày mũ khuynh-đảo nhau chửa biết bao giờ mới thôi. » Về sau quả như lời tiên-sinh nói. Khi ấy vua Triết-tôn lên ngôi, bà Tuyên-nhân-thái-hậu nhiếp-chính, Tư-Mã Quang, Lã-Công Trứ quả nhiên đều làm tướng, triệu tiên-sinh vào triều làm chức Tôn-chính, tiên-sinh vì có bệnh chẳng đi. Năm ấy (1086) tháng sáu tiên sinh mất, tuổi năm mươi tư.

Tiên-sinh đức-tính sung-mãn, bề ngoài khoan-hòa, bề trong cương-nghị, khẩu-hoài đỗng-đạt, suốt ngày hòa-vui. Tiên-sinh sắc như ngọc, tiếng như vàng, ngồi như pho tượng mới tô. Tiếp người thì thuần là một khối hòa-khí. Trước chỗ cửa sổ xem sách của tiên-sinh, có vùng cỏ tốt trùm lên ngạch nhà. Hoặc có kẻ khuyên tiên-sinh cắt đi. Tiên-sinh nói rằng: « Chẳng nên, muốn thường trông thấy ý phát-sinh của tạo-vật » Tiên-sinh lại đặt một cái bồn-trì, nuôi vài con cá nhỏ, thời-thời

ngắm xem. Hoặc hỏi cớ gì, thì nói rằng muốn xem cái ý tự-thích của vạn-vật.

Sự học của tiên-sinh lấy điều thành-thực làm gốc, cho rằng ngửa xem lên trời, cúi xét xuống đất, cao-minh quảng-đại, đều là một khối thành-thực chung-đúc nên ; người ta phối-hợp với trời đất mà làm tam-tài, trước hết ở điều thành-thực. Tiên-sinh được về cái đức thành-thực của thánh-nhân, tài ứng-biến khắp muôn vật, mà chẳng tự lấy mình làm cao ; học giảng-cứu hết tam-tài mà chẳng tự lấy mình làm đủ ; đức-hạnh thông đến thần-minh, mà chẳng tự lấy mình làm lạ ; kiến-thức chiếu đến cổ-kim, mà chẳng tự lấy mình làm giỏi. Những điều tiên-sinh sở-tri sở-năng, trên thì cùng-cực cái đạo trị thiên-hạ của lịch-đại đế-vương, quảng-đại bao-hàm, sâu-xa tiêm-tất ; dưới đến việc dụng-binh, phép chiến-trận, đều đến cõi tinh-vi ; ngoài thì tình-trạng các di-địch, đạo-lộ các sơn-xuyên, việc phòng-bị chốn biên-thùy, việc khống-chế nơi hiểm-yếu, không việc gì là chẳng nghiên-cứu ; còn như việc pháp-luật tài-phán, sổ-sách văn-thư, cũng đều tinh-thẩm ưởng-luyện, mà dùng ra vời đời, trong vạn phần mới có một phần. Khi tiên-sinh mất, sĩ-phu trong triều ngoài giã đi tống-táng tiên-sinh ; ông Văn Ngạn-Bác đề hiệu vào mả là Minh-Đạo tiên-sinh 明道先生. Là cho rằng tự thầy Mạnh Kha về sau, chỉ có một người mà thôi.

∴

Trình Di 程頤 cũng là một kẻ đại-nho nhà Tống, tên tự là Chính-thúc 正叔, là em Trình Hiệu, cho nên đời gọi là Trình Thúc-tử 程叔子. Tiên-sinh tuổi mười tám, đến cửa khuyết dâng thư, khuyên vua Nhân-tôn lấy đạo tiên-vương làm tâm, lấy sự dân-sinh làm niệm, truất cái học thế-tục, mong cái công phi-thường. Nhân du-học ở nhà quốc-học, yết-kiến người trưởng-giáo là Hồ-Viên. Họ Hồ thi các học-sinh, ra bài luận hỏi về thầy Nhan Hồi là người hiếu-học trong cửa Khổng, thế thì sở-hiếu về cái học gì. Bài của tiên-sinh luận được hơn người. Họ Hồ cả lấy làm kỳ-dị, sử-đãi cho một chức trong quốc-học. Năm Gia-hựu thứ tư (1059), tiên-sinh đi thi tiến-sĩ, không đỗ, mới về nhà chẳng đi thi nữa. Tiên-sinh tính thông-dung giản-dị, mà trang-trọng đắc-thể ; mặc dầu mặc đồ gai vải, mà áo mũ tất chỉnh-tề ; ăn dầu ăn đồ rau quả, mà cơm canh tất tinh-khiết. Người cha là Trình Hưởng, tuổi già về hưu-dưỡng, tiên-sinh nuôi cha già, không lúc nào dời bên tả bên hữu ; sự sinh-hoạt trong nhà cũng hết sức kinh-doanh, thường cấp-dưỡng cho kẻ họ-hàng bên nội bên ngoại tám mươi miệng. Ông Lã Công-Trứ khi ấy chủ-trương việc quốc-học, vốn biết tiên-sinh là hiền, đón tiên-sinh ra làm chức Thái-học-chính. Tiên-sinh chẳng tựu-chức, và đáp thư rằng cái học của mình còn chửa đủ, chửa muốn ra làm quan.

Kịp khi vua Triết-tôn mới lập, ông Tư-Mã Quang-ông Lã Công-Trứ kế-tiếp nhau làm tể-tướng, tiến tiên sinh là kẻ di-dật. Có chỉ-dụ trao cho tiên-sinh làm chức Tây-kinh-quốc-tử-giám, tiên-sinh cố từ. Lại triệu tiên-sinh làm chức Bí-thư-sảnh hiệu, thư-lang, tiên-sinh lại cố từ. Tiên-sinh nhân có luận ba việc về tòa Kinh-diên (1), và có nói rằng : « Nếu lời nói tôi có thể thi-hành được, thì tôi dám chẳng tựu-chức ; nếu chẳng dùng được, thì tôi tựu-chức cũng vô-ích, xin cho tôi từ. » Triều-đình nhân cử tiên-sinh làm chức

(1) Kinh-diên = Tòa giảng sách cho vua nghe.

Sùng-chính-điện-thuyết-thư, chức ấy là chức trọng-yếu trong Kinh-diên. Tiên-sinh khi đã bái-mệnh nhận chức, tức-khắc dâng lời nói với vua Triết-tôn rằng: « Sự tập-quán cùng với trí-thức cùng trưởng, sự cảm-hóa cùng với tâm-chí cùng thành; bệ-hạ xuân-thu đang thịnh, xin tuyển kẻ danh-nho vào thị-giảng, giảng sách xong thì chia cắt nhau ở lại để tiện khi vua đoái-hỏi, vua hoặc có điều gì quá thất, phải tùy sự mà biến lời can-ngăn. Vả lại cái trách-nhiệm giúp nuôi đức vua, không phải những ở về sự giảng đọc sách-vở cho rộng mà thôi; cốt khiến cho vua hàng ngày thường tiếp kẻ chính-nhân, mới có thể hàm-dưỡng huân-đào, mà thành-tựu được thánh-đức. Cái chế các viên thị giảng phải đứng mà giảng, là thủy tự bà Minh-túc-thái-hậu. Song ngày xưa triều vua Thái-tổ, Thái-tôn, ngươi Vương Chiêu-Tố giảng kinh *Dịch*, ngươi Thôi Di-Chính giảng kinh *Thư*, ngươi Hình-Bình giảng kinh *Xuân-thu*, đều được ở trên điện ngồi mà giảng, ấy là sự tôn-đức trọng-đạo của tổ-tiên, muôn đời nên bắt-chước. » Lúc ấy tước Lộ-quốc-công là ông Văn Ngạn-Bác, tuổi đã gần chín-mươi, mỗi khi vào chầu, thường đứng suốt ngày. Hoặc có kẻ trách tiên-sinh rằng: « Lộ-quốc-công rất cung-kính, mà tiên-sinh rất tôn-nghiêm là cớ gì? » Tiên-sinh đáp rằng: « Lộ quốc-công là kẻ nguyên-lão ba triều, nay thờ vua bé, chẳng khá chẳng khiêm-cung. Di này khởi tự kẻ bố-y, làm chức sư-phó, chẳng dám chẳng tự-trọng. » Văn Ngạn-Bác thường than khen rằng: « Như thầy Trình-Thúc-tử mới thật là viên thị-giảng vậy ».

Tiên-sinh thường nói rằng: « Cái trách-nhiệm trọng-đại trong thiên-hạ, chỉ ở tòa tể-tướng và tòa Kinh-diên, vì thiên-hạ trị hay loạn, quan-hệ ở người Tể-tướng; đức vua thành-tựu hay không thành-tựu, trách ở tòa Kinh-diên. » Tiên-sinh mỗi khi tiến-giảng, tất trai-giới kiền-thành, mong để cảm-động ý vua. Lời tiên-sinh nói ra, thường ở ngoài nghĩa sách, giáo-giở suy-bày, kỳ cho có ích với đấng nhân-chúa. Một hôm giảng sách *Luận-ngữ*, giảng đến chỗ thầy Nhan Hồi chẳng đổi cái vui. Giảng xong, tiên-sinh lại nói rằng: « Kẻ sĩ ở trong ngõ hẹp, điều nhân điều nghĩa ở trong mình đã đành; đấng nhân-chúa là bậc sùng-cao tôn-vinh, nếu chẳng biết học về cái đạo tu-thân, trị-quốc, bình thiên-hạ của đấng tiên-vương, sao khỏi bị cái phú-quí nó làm lầm. Vả lại thầy Nhan có cái tài vương-tá, mà phải ăn cơm bằng rổ, uống nước bằng bầu; họ Qui-tôn là một kẻ hại dân của nước Lỗ, mà được giàu hơn ông Chu-công; vua nước Lỗ dùng người bỏ người như vậy, chẳng phải là cái gương tốt cho đời sau đâu. » Kẻ nghe lời ấy rất lấy làm thán-phục.

Tháng năm tiên-sinh phụng-mệnh tường xét các điều-lệ trong nhà Quốc-tử-giám, xin cải lệ thi làm ra lệ khóa, để tiêu-trừ cái thói cạnh-tranh của học-trò mà thành ra cái phong lễ-nhượng. Lại xin lập ra nhà Tôn-hiền-đường để đón những kẻ sĩ đạo-đức; bớt những điều phiền văn để chuyên-sự ủy-nhiệm; xét những điều hạnh-kiểm, để trọng việc giáo-dục; tất cả vài mươi điều. Khi ấy Tể-tướng là Tư-Mã Quang cả biến đổi cái phép của Vương An-Thạch, tiên-sinh can rằng: « Phép của An-Thạch có chốn hại dân, cũng có chốn lợi dân, nên điều-tra thảo-luận cho kỹ-càng, chửa nên khinh-suất mà đổi đi cả. » Tư-Mã Quang chẳng nghe, quả-nhiên trong vài năm bời bời rối-loạn, không sao định được.

Tiên-sinh khi tiến-giảng sắc mặt rất trang-nghiêm, lại lấy lời mát-mẻ dạy-dỗ đấng nhân-chúa luôn luôn. Một hôm tiên-sinh nghe vua ở trong cung súc miệng mà tránh đàn kiến, nhân hỏi

vua có sự ấy không ? Vua rằng có thực là sợ thương - hại cho đàn kiến vậy. Tiên - sinh nói rằng : « Ấy là cái tâm nhân-từ trắc-ẩn căn ở trong tính vậy, suy cái tâm ấy ra thì khả-dĩ ân-huệ kịp được bốn bể. » Lại một hôm giảng sách xong vua đứng dậy bẻ cành liễu. Tiên-sinh tiến nói rằng : « Đương mùa xuân là thời - kỳ muôn vật phát-sinh, không nên vô cố mà tối-chiết sinh-vật. » Lại một hôm trong quyển sách đương giảng, gặp có chữ *dung*, chữ ấy là tên cũ vua khi còn ở tiềm-đề, hơi tị-hiềm một chút mà thôi ; viên trung-quan vội-vàng lấy cái khăn sắc vàng phủ vào chữ ấy. Kịp giảng sách xong, tiên-sinh nhân nói rằng : « Cái thế đấng nhân-chúa chẳng lo gì chẳng tôn; chỉ lo về kẻ bề tôi nịnh vua, tôn vua quá lắm, mà cái lòng kiêu-xỉ của vua sinh ra đấy thôi. Xin từ nay trở, đi cái tên cũ hay hoặc cái tên tị-hiềm của vua, khi gặp đừng khiến tránh nữa. » Tiên-sinh tùy-sự tiến-hiến những điều có ích cho đấng ấu-chúa, đại khái như vậy.

Lúc ấy kẻ sĩ trong triều ngưỡng-vọng về tiên sinh càng ngày càng nhiều, mà đồng-thời lại có một người trứ-danh văn-học là Tô Thức. Tô Thức ở tòa Hàn-lâm, mà cũng có nhiều kẻ phụ-họa, mới chia ra có Lạc - đảng với Thục-đảng, Thục-đảng thì anh em Tô Thức làm lãnh-tụ. Lạc-đảng thì tiên-sinh với Giả Dịch và Chu Quang-Đình làm lãnh-tụ. Tiên-sinh vốn không có ý gì lập đảng, vì kẻ môn - sinh là bọn Giả Dịch cùng nhau bênh - vực tiên-sinh mà thành đảng. Ông Lã Công-Trứ khi đã làm tướng, đãi tiên-sinh rất hậu, việc triều-đình phần nhiều hỏi-han ở tiên-sinh. Tô Thức với người em là Tô Triệt, ngờ rằng sự tiến-thoái kẻ nhân-tài ở tay tiên - sinh, càng lấy làm ghen-ghét. Gặp khi triều-đình có cái nghị lấy học-trò tiên-sinh là Du-Tạc làm chức Hữu-chính-ngôn, chức ấy là chức đứng đầu ngôn-luận trong triều. Tô Triệt hết sức ngăn-trở, hủy-báng đến cả tiên-sinh. Gặp khi vua có bệnh sởi, liền ngày chẳng ra ngự điện Nhĩ-anh, mà quan tể-tướng chửa biết. Tiên-sinh thân-hành đến tướng-phủ trách quan tể-tướng, và nói rằng vua chẳng ra ngự-điện, thì bà Thái-hậu chẳng nên ngồi trên điện một mình. Rồi thì kẻ đại-thần rủ nhau vào thăm bệnh vua, nhưng trong tâm kẻ đại-thần cũng chẳng bằng lòng với tiên-sinh. Tô Thức đã ghét tiên-sinh. Giả Dịch với Chu Quang-Đình chẳng thể sao nên khi được, mới hợp nhau công-kích Tô Thức. Mà Hồ Tôn - Dũ với Cố-Lâm cũng công - kích tiên-sinh. Viên gián - nghị là Khổng Văn-Trọng vốn có tiếng là cương-trực, nhưng xuẩn chẳng hiểu việc, bị anh em Tô Thức nói dối, cũng dâng sớ kể xấu tiên-sinh. Tiên-sinh mới phải bãi chức Thuyết-thư, sai ra lĩnh chức Câu - quản Tây-kinh Quốc-tử-giám. Tiên-sinh cố từ, lấy cớ có tang thân-phụ về nhà. Hết tang, triều-đình tấu-thỉnh phục tiên-sinh quan-chức. Tô Triệt lại ngăn-trở, mới chỉ cử tiên-sinh phân chức Tây-kinh - giám mà thôi, tiên-sinh lại cố từ. Đồng Đôn - Dật nhân trích nhặt những điều tiên-sinh có lời oán-vọng, mới cải chức tiên-sinh giáng làm chức Thông - trực - lang, câu - quản cung Sùng-phúc ở Tung-sơn.

Năm Thiệu - thành thứ tư (1097), đảng Hi-ninh cựu-thần là lũ Thái-Sác lại đắc-chí. Đảng ấy là đảng xu-phụ Vương An-Thạch, vốn là đảng tiểu-nhân, khi đắc-chí, mới khởi ra cái vạ bằng-đảng để làm hại quân-tử. Anh em Tô Thức đều bị tội đuổi ra đi đầy làm quan ở nơi xa. Tiên-sinh cũng bị đuổi về nhà. Chửa bao lâu vua Triết-tôn vì kẻ nịnh thần nói Trình Di khi ở tòa Kinh-điện nhiều sự bất-tôn, kẻ tiểu-nhân thừa-phong luận tội tiên-sinh. Tiên-sinh mới bị tước-tịch sĩ-hoạn,

đi đày ra Bồi-châu. Lạ gì thói tiểu-nhân đắc-chí, viên Hà-nam-doãn là Lý Thanh-Thần, ngay ngày hôm ấy cưỡng-bách tiên-sinh phải tức-khắc đi Bồi-châu. Tiên-sinh muốn vào bái-biệt lão-mẫu. Thanh Thần cũng không nghe, bắt phải đi ngay. Tiên-sinh khi đã lâm-hành, kẻ môn-sinh là Tạ Lương-Tá nói rằng : « Nhà thầy chuyến đi này, Lương-Tá biết rõ thực là do tên Tộc-Tử công-tôn cùng tên Hình-Thử làm ra đó vậy. » Tiên-sinh thong-dong nói rằng : « Tộc-Tử là kẻ chí-ngu, không đủ trách ; Hình-Thử là kẻ cố-nhân với ta, giao-tình vốn hậu, thế nào mặc dầu, chẳng dám ngờ cho kẻ cố-nhân. Vả lại thầy Mạnh-Kha ngày xưa bị gã Tang-Xương gièm, thầy Mạnh đã biết mệnh trời, hà-tất phải oán gì gã họ Tang. » Đường đi ra Bồi-châu, qua sông Hán và sông Dương-tử, giữa dòng gặp gió bão, thuyền suýt nữa đắm, kẻ đồng-chu hết-thảy đều kinh-hãi kêu gào. Tiên-sinh một nghiêm-chỉnh vạt áo ngồi yên, không sắc mặt sợ-hãi. Có kẻ phụ-lão hỏi rằng : « Tiên-sinh một không sợ là vì sao ? » Tiên-sinh nói rằng : «Trong tâm giữ điều thành-kính đó mà thôi vậy. »

Vua Huy-tôn lên ngôi, dời tiên-sinh về Thiểm-châu, được ân-xá, phục chức là Tuyên-đức-lang, cho tự-do tùy-tiện cư-trú. Tiên-sinh khi ở Bồi-châu, vẫn giảng-học chẳng thôi, hay giảng nhất về kinh *Dịch*, pho *Dịch-truyện* của tiên-sinh trước-tác ra, thành tự khi ấy. Đến khi về, thì khí-sắc với râu tóc đều có phần thắng hơn lúc bình-nhật. Kẻ môn-sinh hỏi vì sao. Tiên-sinh nói rằng : « Vì cái sức của sự học-vấn đó vậy. Ôi ! Sự học-vấn là học để sử về lúc hoạn-nạn ; *tố hoạn-nạn hành hồ hoạn-nạn*, mới là học. » Lại được quyền chức phán Tây-kinh-giám, tiên-sinh khi thụ-mệnh tức-khắc đi yết-cáo rồi đi cung-chức ngay. Môn-sinh là Doãn-Đôn ngờ rằng hiện kẻ tiểu-nhân tại-triều, mà tiên-sinh lạc-quan về sự xuất-sĩ. Tiên-sinh nói rằng : « Vua mới lên ngôi, bắt đầu đội ân lớn, không nên bỏ cái đức-ý tốt của vua ; cái chí ta chẳng xuất-sĩ nữa, cũng đã quyết rồi ; đợi ta cung-chức một tháng, sẽ thực-hành cái chí ta. »

Năm Gia-tĩnh thứ hai, em Thái-Sác là Thái-Kinh chấp chính, giáng-chiếu truy-luận những văn-tự kịp sách-vở của tiên-sinh làm ra tự khi xuất-thân đến giờ mà kể tội. Đảng tiểu-nhân lại xin đuổi học-trò ở cửa tiên-sinh đi, không cho dạy học nữa. Tiên-sinh mới dời ra ở phía nam đất Long-môn. Học-trò bốn phương vẫn theo học rất đông. Tiên-sinh ngăn lại nói rằng : « Các người có chí hiếu-học, thì tôn những điều sở-văn, hành những điều sở-tri, thế là đủ, bất-tất lại học ở cửa ta vậy. »

Tiên-sinh bẩm-sinh là người bất bạc-nhược, ba-mươi tuổi mới dần dần tráng-vượng, bốn năm-mươi tuổi mới hoàn-toàn mạnh-mẽ. Đến năm bảy-mươi tuổi mà cân-cốt vẫn tráng-kiện không suy-tổn. Tiên-sinh thường tự-thuật những điều bảo-sinh thuở bình-nhật cho môn-sinh là Trương Dịch nghe. Dịch nói rằng : « Tiên-sinh chẳng là vì bẩm-khí bạc-nhược mà chuyên-hậu về đường bảo-sinh đấy dư ? » Tiên-sinh nói rằng : « Ta bình-sinh lấy sự quên cái thân theo lòng dục làm thâm-sỉ ; người ta bảo-sinh nên tự lúc hãy còn cường-tráng, nếu suy-nhược rồi mới bảo-thủ, khác nào nhà đã nghèo rồi mới chứa thóc. » Năm Sùng-ninh thứ năm (1106), tháng riêng, sao Tuế hiện ra ở phương tây, mới phế-bãi sự đảng-cấm. Tiên-sinh được phục chức Tuyên-nghị-lang, về trí-sĩ. Năm Đại-quan nguyên-niên (1107), tháng chín tiên-sinh mất, tuổi bảy mươi-lăm.

Sự học của tiên-sinh gốc ở điều thành-thực, lấy Tứ-thư làm tiêu-chuẩn, mà đạt lên Lục-kinh ; nhất

động nhất-tĩnh, nhất-ngữ nhất-mặc, đều lấy thánh-nhân làm phép ; kết-quả được cái đạo-thống chính-truyền của họ Khổng họ Mạnh, mà làm người lãnh-tụ cho hàng chư-nho ; kẻ danh-nho tự trong cửa tiên-sinh mà ra rất nhiều. Tiên-sinh thuở xưa cùng với anh là Trình Hiệu thụ-học ở thầy Chu Liêm-Khê. Thầy Liêm Khê tay cầm bản-*Thái-cực-đồ* trao cho hai họ Trình ; cái uyên-nguyên giảng học luận đạo của hai họ Trình, thực bởi ở đấy. Trình Hiệu thường nói rằng : « Em ta là Chính-Thúc bình-sinh chẳng đọc sách *Trang-tử Liệt-tử* ; phàm những điều phi-lễ, mắt chẳng trông, tai chẳng nghe, miệng chẳng nói, chân tay chẳng cử-động, cái đức-tính ấy thực là bẩm tự trời cho. Ngày khác có thể khiến người biết sư-đạo là tôn-nghiêm, là cái công em ta vậy. Đến như tiếp-dẫn kẻ hậu-học, tùy tài mà thành-tựu cho, sự ấy thì ta chẳng dám nhường em ta vậy. » Kẻ học-giả gọi tiên-sinh là Y-xuyên tiên-sinh 伊川先生. Triều vua Lý-tôn, truy-phong là Y-dương-bá.

Lời Hồ An-Quốc tán rằng : « Văn của tiên-sinh, về phần kinh *Dịch*, thì nhân lý để minh tượng, biết thể với dụng mà nhất-nguyên. Về phần kinh *Xuân-thu*, thì kiến chư hành-sự, mà biết được cái đại-dụng của thánh-nhân. Về phần sách *Luận* sách *Mạnh* và sách khác nữa, thì phát-huy được cái ý-thú, mà biết cái phương-thuật cầu-nhân và cái thứ-tự nhập-đức. Trung-thành động ở nơi triều-dã, hiếu-đễ hiện ở chốn gia-đình. Từ-chối hay thụ-nhận, thủ hay sả, nhất-thiết theo ở đạo-nghĩa ; những điều phi-đạo phi-nghĩa, thì dẫu đem lại lộc nghìn chung, cũng chẳng đoái vậy. »

TÙNG-VÂN *biên-dịch*

CHUYỆN GIÁO-DỤC Ở PHƯƠNG-THÀNH (1)

(Một bài diễn-văn về giáo-dục)

Trường sơ-đẳng tiểu-học Hà-tiên hôm nay là lần đầu, làm lễ phát phần thưởng cho học trò, dù là đương buổi trời gió mưa tầm-tã (2) mà có các ông bà đến chứng-kiến đông-đủ cho cuộc lễ được bội-phần long-trọng như thế này, khiến cho nhà trường chúng tôi được vẻ-vang vô-cùng.

Ở giữa một đám thiếu-niên mang biết bao là hi-vọng của nước nhà đây, chúng tôi có công giáo-dục mà ông bà có ơn sinh-thành, hai cái công ơn kia, đem bắc đồng cân ra, chúng tôi có thể tự-phụ mà cả-quyết là không hơn kém bao nhiêu. Như thế thì cái bụng vui-mừng được thấy ngày vẻ-vang hôm nay đây thực chẳng những chỉ riêng ở một bên chúng tôi mà thôi.

Nhưng, chúng tôi thực không thể không trân-trọng kính có lời cám ơn các ông bà, khi chúng tôi dề-khởi lên cuộc lễ này, chính là lúc chúng tôi không mong nhờ được ở thế-lực nào khác, thì được các ông bà hân-hỉ tán-thành cho. Cái kết-quả hôm nay chính là cái lòng vui-vẻ nhiệt-thành của các ông bà lúc nọ vậy.

Ấy tình-hình cuộc phát phần thưởng này là thế, còn tính-chất ý-nghĩa thì sao ?

— Xem những chồng sách cao đẹp trước bàn đây, đã chất chứa nhiều lòng hi-vọng của học trò trong đấy, trăm mắt ngắm vào, ai chẳng bảo công học-tập của các học-sinh đằng-đẵng một năm dài này là đạt mục-đích ở đó, thì ý-nghĩa cuộc phát phần thưởng này là cốt để tưởng-lệ khuyến-khích lòng ham-muốn, bụng ân-cần của học-sinh lúc đối với quyển sách tập bài trong những khi mệt-mỏi buổi ngày nắng, hiu-quạnh lúc đêm trường.

Đã đành rằng thế, nhưng đó mới là cái vẻ ngoài, và đó mới là cái lẽ phụ-thuộc mà thôi, chưa phải là cái tinh trong và chưa phải là cái nghĩa chính-cốt vậy. Nếu bảo những vật thưởng màu sắc sáng đẹp kia là để tưởng-lệ lòng chăm vui học-tập của học-trò thì đó chỉ nói cho các con trẻ đồng-ấu ngây-thơ kia mà thôi, là ở vào tuổi chưa hiểu biết là bao nhiêu. — Nói chưa hiểu biết là bao nhiêu, chứ vị-tất là không hiểu biết hết cả, vì trẻ con nghiệm thấy cũng có nhiều đứa thông-minh dĩnh-ngộ lắm, nói ra được nhiều câu dí-dỏm dễ nghe, là những đứa sớm hấp-thụ được cái khí-bẩm tốt của trời đất — Khi ngây-thơ còn chưa biết gì, thấy đẹp mà ham, thấy vui mà thích thì đã đành, chứ lúc tuổi đã đứng, đã từng biết suy-nghĩ những lẽ nọ lẽ kia rồi thì phải nên biết hiểu ở chốn tinh-thần hơn là nơi hình-thức.

---

(1). Ngày mồng 7 tháng 6 năm kỷ-tị (13-7-1929), trường sơ-đẳng tiểu-học Hà-tiên làm lễ phát phần thưởng cho học trò, hội-đồng tổ-chức cuộc lễ có uỷ tôi ngồi và đọc bài diễn-văn. Trong diễn-văn có hai vấn-đề, sau có lục-nhấy bài hát «ngày hè» của tôi lạm-nghĩ cho các học-sinh hát trong cuộc lễ và một bài cảm-tưởng của một người dự-kiến cuộc lễ hôm ấy góp đăng làm một tập, gọi là «Chuyện giáo dục ở Phương-thành.» (Mấy bài ấy xem phần *Văn-uyển* dưới này). Đ.-H.

(2) Hôm ấy trời đang nắng ráo, bỗng lâm một cơn giông mưa to lắm thì vừa đến giờ cử-hành cuộc lễ.

Vậy cái ý-nghĩa chính-cốt chốn tinh-thần của cuộc lễ phát phần thưởng này là ở chỗ nào ?

— Cái phương-pháp hay trong phép giáo-dục cũ ở xã-hội nước mình ngày xưa là gia-đình giáo-dục có tiếp-xúc đề-huề với học-đường giáo-dục luôn. Ở nước ta xưa kia, gia-đình là học-đường mà học-đường là gia-đình, không bao giờ có cách-biệt nhau, những nhà có con đến tuổi đi học chung nhau đón một ông đồ Nho thật có tư-cách, mở ngay lớp học tại nhà, để thầy giáo ngồi dạy cho các con trẻ trong xóm. Bởi thế nên hoàn-cảnh gia-đình và hoàn-cảnh học-đường làm ảnh-hưởng lẫn cho nhau, kết-quả được một cái không-khí đầm-ấm rất tốt cho việc giáo-dục và một cái học-phong vui-hòa rất hay cho xã-hội.

Cảnh-tình thay đổi, bây giờ thì đã khác xưa rồi, ngày nay gia-đình là gia-đình mà học-đường là học-đường, đôi bên ít có dịp được gần-gụi quen biết nhau mà có khi lại ra tình xa-lạ, thành-thử đứa trẻ về nhà thì chỉ biết có gia-đình, vào trường thì chỉ biết có học-đường ; cha mẹ không có thể chăm nom đến được tính-tình của con cái trong khi ngồi ở lớp học mà thầy giáo không có phương giám-đốc đến được tư-cách của học trò trong khi đã về nhà.

Nếu một lời vội phàn-nàn như thế thì cũng quá đáng, thực ra thì hiện nay cũng còn nhiều gia-đình có bụng lo nghĩ đến con em trong giờ ôm sách đến trường, không phải chỉ phú-thác cho mặc nhà trường uốn-nắn thành ra hình-dạng gì bất-luận, nhưng bây giờ mà tìm cho được những gia đình còn duy-trì cái tư-cách như thế thì thật là hiếm lắm. Còn về bên chúng tôi, trong khi trống học đã tan, các học trò lủi-thủi ra về có mang theo được cái lòng lo nghĩ chăm-chút của chúng tôi về chốn gia-đình đầm-ấm kia hay không, chúng tôi thực không dám có một lời quyết vậy.

Bên gia-đình ông bà cũng vậy mà bên học-đường chúng tôi cũng vậy, duy-trì được cái tính-cách, cái hoàn-cảnh cũ của nước nhà được hay không, cũng chẳng bởi gì ở chúng ta có lòng hay không có lòng, mà thật ra là bởi ở tình-thế xã-hội ngày nay khác xã-hội ngày xưa. Sự dĩ-nhiên đã thế, chúng ta còn tranh-biện nữa làm gì. Sớm đã biết như thế rồi thì nên lo phương bổ-cứu lại là hơn. Muốn bổ-cứu lại cái hoàn-cảnh kia cho buồn-tẻ mà ra vui-vầy, cho lạt-lẽo mà ra ấm-áp, cho duyên đầm-thắm khỏi ra duyên bẽ-bàng, thì thật là nhiều phương-diện lắm, mà thực cũng là cái chức-vụ của đôi bên chúng tôi phải quan-tâm lo nghĩ đến vậy. Không biết là sẽ được có ngày thấy hiệu-quả hay không, chứ hôm nay đây một bên là cái khí-vị gia-đình, một bên là cái khí-vị học-đường, đôi bên gặp-gỡ nhau, tiếp-xúc cảm-thông nhau mà hợp thành một vùng không-khí đầm-ấm vui-hòa, giữa là một đám thiếu-niên tỉnh-tươi hớn-hở như hoa, chính là cái không-khí, cái ánh sáng có lợi cho sự phát-sinh hoa cỏ trong cảnh vườn xuân trí-thức trẻ thơ từ đây rất nhiều. Hai luồng không-khí kia lại vì như hai cái năng-lực hợp-tác đề-huề nhau, vì tương-lai tiền-đồ giáo-hóa trong làng nước, mà đào-tạo đoàn-luyện cho đám thanh-niên tuấn-tú kia được nên người có tư-cách hữu-dụng cho xã-hội.

Phương-pháp để bổ-cứu cho cái hoàn-cảnh lạnh-nhạt vừa kể trên kia là ở đấy chứ ở đâu, mà cái ý-nghĩa chính-cốt chốn tinh-thần của cuộc lễ phát phần thưởng hôm nay cũng là ở đấy chứ ở đâu.

Đã thấy cái tính-cách buổi hôm nay rồi, thì những vật thưởng màu sắc tươi đẹp rực-rỡ kia chỉ là cái vẻ phụ-thuộc mà thôi, có khuyến-lệ được lòng

ham vui của học trò chăng nữa, thì cũng chỉ là những con trẻ chưa có đủ trí-thức mà thôi, chứ đối với những học-sinh trí-đức đã tiềm phát-khai rồi, nếu có thì tốt mà không có nữa tưởng cũng chẳng đủ quan-hệ gì đến việc học-hành. Kẻ học trò đi học là vì muốn cầu được trí-đức quảng-khai, tâm-tư thuần-hậu; kẻ học-trò đi học là vì muốn hiểu biết cái lẽ phải ở đời trong đạo làm người, lấy cõi trí nên nhân làm mục-đích để khuyến miễn cho sự học, lấy vận-sự tâm-thuật của thánh-hiền làm gương soi để tưởng-lệ cho sự học; chứ há phải vì ở các vật thưởng kia mà cầu học đó dư? Ta chẳng từng nghe cái chí cầu học của cổ-giả rất là kiên-cường đấy ư? Như những chuyện « đầu huyền lương, chủy thích cổ » ấy thôi thì ta cho là quá, vì có thương-tổn đến thân-thể, chứ có người muốn tu-dưỡng cho tâm-tư đạo-đức mà ma-luyện khắc-khổ thân mình để cầu lấy cái học-thuật chân-chính tinh-vi, buông một bức màn đọc sách, khảo-nghiệm trong ba năm không từng trông ra cửa vườn, thế thì đã có ai đặt phần thưởng cho bao giờ. Cái mục-đích cầu học đã như thế rồi, nghĩa là đi học là vì mình, không phải đi học là vì người, thì kẻ học trò há phải vì có phần thưởng mà học, không có phần thưởng mà bỏ học đó vay! Vậy hôm nay, những người được thưởng, nên vui mừng thì đã đành rồi, mà những người không được thưởng nữa cũng chẳng nên buồn-rầu gì, hãy cùng nhau múa hát reo cười mà mừng cho cái hoàn-cảnh gia-đình và học-đường đôi bên xum-hợp vui-vẻ hôm nay, như trên đã nói, tất có bổ-ích cho trong học vấn giáo-dục về nhiều. Cái hoàn-cảnh kia lại còn đáng nên quí-hóa trân-trọng là chừng nào, mà đó mới là cái phần thưởng vẻ-vang vô-hình ban thưởng cho khắp cả mọi người chúng ta giữa buổi hôm nay đây, và ai cũng nên đưa cao tay mà lãnh lấy.

. .

Ấy cái ý-nghĩa tính-cách cuộc lễ phát phần thưởng hôm nay ở chốn tinh-thần là thế. Từ hôm nay rồi, nhà trường lại bắt đầu nghỉ hè, vậy ý-nghĩa ngày nghỉ hè là sao, kẻ học-trò nên lợi-dụng ngày nghỉ hè như thế nào? Thầy trò sẽ phải tạm-biệt nhau trong hai tháng đây, thì hôm nay lại còn có mấy lời căn-dặn cùng nhau.

Cây cung giương mãi cũng trùng dây,
Người cố học lâu tâm-trí mỏi.

Đó là hai câu trong một bài hát mà các học-sinh sẽ hát lát nữa đây. Hai câu ấy cũng vừa giải được ý-nghĩa ngày nghỉ hè rồi. Ròng-rã ngót năm dài, đặt mình vào giữa bốn bức tường vôi trắng bệch mà tẻ-ngắt, bàn ghế la liệt, đồ vật ngổn-ngang, lại còn những học-qui học-khóa, toàn là những hình-tượng vật-chất nặng-nề bó-buộc, người học trò không từng được tự-do hành-động theo tâm-tính mình, tinh-thần trí-não đã phải nhiều mệt nhọc. Bởi thế mà giữa lúc thời-tiết bất-thường, hoặc là nắng hè buông nặng, hoặc là mưa hạ âm-thầm này, không thể chịu được cái hoàn-cảnh tù-tùng ấy mà phải định ra lệ nghỉ hè cho có một lúc tĩnh-sức tinh-thần, bồi-dưỡng tâm-lực để kịp khi thu sang, chiều viêm-nhiệt đã thoái, thời-khí điều-hòa, rồi sẽ hòng có đủ sức mà luyện-tập học-hành lại. Vậy điều cần nhất cho học-sinh trong khi bãi-trường này, là phải chơi-bời cho thỏa-thích, nhưng chơi cách nào là có hại cho thần-trí, chơi cách nào là có ích cho tâm-hồn là một điều các học-sinh phải cẩn-thận mà chọn lựa. Trong các cuộc chơi mà có bổ-ích cho trí-não tinh-thần thì chỉ có những cuộc đi chơi phong-cảnh thiên-nhiên là hơn cả. Cái phương-pháp ấy chắc ai cũng đã nhận rồi, nên trong mùa nghỉ hè này có nhiều trường định ra cuộc du-lịch cho học-sinh, hoặc ở một

nơi bãi biển, hoặc ở một làng nhà quê nào có khí thanh cảnh đẹp. Nay chúng ta được sinh-trưởng ở một vùng non-nước thanh-u, cỏ-cây kỳ-tú, trong đất Phương-thành 芳城 có cái khí-vị cổ-thời này, hình như Tạo-hóa đã biệt-đãi ta đó, vậy ta còn phải tìm đâu xa-xôi, «chung quanh vẫn nước non nhà!»

Những cuộc đi chơi phong-cảnh như thế, vừa có cái tính-cách thể-thao để tập-luyện cho thân-thể, vừa có cái khí-vị phong-nhã để tĩnh-dưỡng cho tâm-hồn. Đi bền chạy khỏe, nhảy xa trèo cao, thân-thể vận-động, khí-huyết lưu-thông, hô-hấp được khí trời trong-sạch ở những nơi khoáng-đãng, tất có bổ-ích nhiều cho sức khỏe, là một phương-pháp hay nhất trong phép dưỡng-sinh. «Tinh-thần hoạt-bát ở trong thân-thể tráng-kiện», thân-thể mạnh-mẽ rồi thì tinh-thần cũng nhân đó mà sáng, tỉnh lên, không cầu ở tinh-thần mà tinh-thần tự-nhiên đã có tăng-trưởng vậy.

Tuy nói là không cầu ở tinh-thần, chứ trong những cuộc đi chơi như thế, khiến cho tâm-hồn con trẻ tự-do khải-phát mà sinh ra cái quan-niệm đối với vũ-trụ càn-khôn, thì đó cũng chẳng phải là có bổ-ích nhiều về đường tinh-thần học-thức đó dư?

Ở giữa một chốn thung-lũng, chung-quanh núi rừng bao-bọc, cây cỏ hàm-nhuận, vì bao giờ cũng có ao trong giếng ngọt, đối với những ngọn núi cao đứng ngất trời, ngẩng đầu trông lên, các giác-quan như bay bổng trên tầng mây, đang lặng ngắm đắc-ý như thế thì chợt nghe có tiếng con chim con nó kêu ríu-ra ríu-rít trên cành, hay một trận khinh-phong nhè-nhẹ thoảng qua, bấy giờ dầu không ai nói mà đứa trẻ cũng cảm được cái vẻ đẹp nét hay trong cảnh thiên-nhiên, cảm biết cái khí-vị nhẹ-nhàng mùa này thay sang mùa kia, cảm nghe cái tiếng con chim nọ là một tiếng đàn tuyệt-diệu của ngón tay ông Tạo-hóa gẩy lên, cảm biết vũ-trụ này là một nơi vườn xuân vui-vẻ đầy những gió trăng hoa mộng. Bấy giờ thì thích quá, bèn đua nhau trèo lên đến tận tuyệt-đỉnh để trông cái cảnh trời đất bao-la, mây gió tơi-bời, lại kéo nhau xuống núi, đi lần-khuất trong những đường quanh nẻo tắt, ghé hái mấy cái bông hoa rừng đem cài giắt lên mái đầu, rồi vừa trẩy vừa hát những bài hát văn-vẩn của thầy giáo mới dạy cho, đã làm bài học thuộc lòng trong lớp; một luồng gió ấm từ dưới đồng đưa lại thì mấy cái bông hoa cài trên đầu cuốn bay phấp-phới, tiếng hát cũng nhịp-nhàng theo hơi gió mà du-dương trên khoảng vô-cùng, như bao nhiêu cái miệng của đứa hài-nhi tấu lên khúc ca-nhạc để tạ ơn Thượng-đế đã vì người đời mà tạo-thành cho một cõi càn-khôn vô-biên lạc-thú. . .

Trong khoảnh-khắc, không phải dụng công-phu gì mà đứa trẻ đã học được một bài học thiên-nhiên, nói cho dễ hiểu hơn nữa thì là một bài học cách-trí trực-tiếp, nghĩa là hình-ảnh tiếp-xúc liền đến giác-quan mà cảnh-vật phản-chiếu ngay đến tâm-hồn. Bài học nọ lại là học ở một nơi nhẹ-nhàng trong-sạch, đã có tăng-bổ cho tâm-hồn thần-trí, lại còn làm được thư-thái khỏe-khoắn cho thân-thể sức, vóc là chừng nào, không phải cậm-cụi trong lớp học hay trong thư-viện mà ngửi có cái mùi bụi mùi mốc trên tờ sách cũ vậy.

Nói như thế có phải là bảo các học-sinh vất bỏ cả sách-vở đi mà giong chơi phong-cảnh không? Không, không phải thế.

Lấy vũ-trụ càn-khôn làm trường học, lấy cảnh-vật thiên-nhiên làm sách-vở, chủ-trương cái thuyết này thì bên Đông bên Tây xưa nay đã có nhiều nhà. Như phái đạo-học quân-tử ở đời Tống,

ông Chu Hối-Am, ông Trình Minh-Đạo, ông Thiệu Nghiêu-Phu các ông. Chu-tử có thảo ra bốn bài « độc thư lạc-thú » thuộc về cảnh tứ-thời, tả về cái vui-thú của người xem sách mà biết gần với cảnh thiên-nhiên ; lại có câu nói : « Người đọc sách nên phải nghĩ cho rộng-rãi, bụng-dạ lỗi-lạc quang-minh, chuyên-tâm ngẫm-nghĩ về nghĩa-lý, thì tự-nhiên trong bụng tinh-tường, bụng đã tinh-tường thì tự-nhiên hiểu-thấu lý-thú. » Và có câu thơ : « Vui gì bằng xem sách vui, nét hoa mai khéo thợ trời đất khôn 讀書之樂何處尋, 數點梅花天地心 », là ý bảo cho người ta biết rằng : sách là có ích mà xem sách thì nên bỏ những cái lòng áy-náy về sự cầu-phú cầu quí, băn-khoăn về sự cầu-lợi cầu-danh đi, để mà vui với gió mây, vui với non nước, vui với bạn trúc, vui với tình mai, vui với tiếng chim réo-rắt ở đầu cành, vui với nét hoa tơi-bời ở mặt nước, vui với ý vạn-vật, vui với thợ Hóa-công, mở riêng ra một cái thế-giới lạc-thú hòa-bình của người xem sách, cho con mắt người xem sách trông thấy được xa, cho con tâm người xem sách nghĩ-ngợi được rộng, rồi mới có thể lĩnh-hội được cái lý-thú ở trong sách và phát-minh được cái tư-tưởng ở ngoài sách... Chao ôi! kẻ xem sách phải biết rằng mùi sách không ở sách, mà ở mây ở gió, ở cỏ ở hoa, ở tuyết ở trăng, ở sông ở núi, ở trong khuôn vũ-trụ, ở trong vòng cổ-kim, ở trong dạ kẻ thánh-hiền, ở trong thân người hào-kiệt vậy. » (1).

— Ở nước ta có một phái học-trò có cái tính-cách ấy, như ông Nguyễn Công-Trứ, ông Cao Bá-Quát các ông. Tính-cách ấy thì biểu-lộ ra ở các bài văn chơi, như các bài hát nói, đều là những áng văn tịch-thượng ứng-khẩu, tự-do bày nói tâm-sự chí-hướng mình, không phải nghiền-ngẫm thôi-xao bó-buộc trong khuôn-khổ, có như thế mới tin chắc được, vì là văn tự-nhiên ngôn-chí. Tôi tiếc không thể kể hết ra đây được, nhiều bài rất là thanh-thú :

... Đành vũ-trụ giai ngô phận-sự,
Cũng tiêu-dao cho tuế-nguyệt thêm trường.
Vân thương-thương hề thủy ương-ương.
Phong-quang ấy người sao nên phụ...

Đã đành rằng tham-tán vũ-trụ cho tinh-tươi, trang-điểm giang-san cho sinh-sắc, là cái phận-sự của người đời, nhưng đã sinh ra kiếp làm người, có tri-giác lại có mĩ-quan mĩ-cảm, thì phong-quang trời đất, cảnh-vật non sông vui-đẹp dường kia, tức là món ăn để bồ-dưỡng cho tâm-thần. Tạo-hóa đã cung-cấp cho đó, thì ta sao há được phụ-phàng mà chẳng hoan-nghênh thưởng-thức. Bụng-dạ kẻ đọc sách lại còn cần nên phải yên-tĩnh thanh-nhàn mà hàm-dưỡng tâm-hồn cho lặng-lẽ, rũ bỏ những cái nhỏ-nhen câu-cặn trong cuộc đời cạnh-tranh danh-lợi tầm-thường.

... Bất tác phong-ba ư thế-thượng,
Tự vô băng-thán đáo hung-trung.
Buổi phong-vân chi vội tao-phùng,
Cơn đắc-táng, hội cùng-thông là thế thế,
Rồi ra nữa buổi đời người thế,
Mang công-danh mà ỷ-thị với giang-san,
Chơi cho rõ mặt ngang-tàng!

« Ấy cổ-nhân chơi là chơi thế, chơi cho rõ mặt ngang-tàng, chứ không phải chơi đến tàng-thân bại-chí. Các cụ chơi là hoặc những lúc đợi thời,

(1) Từ câu : « Vui gì bằng xem sách vui... » đến đây trích trong bài « Luận về nghĩa trời đất người » của ông Tùng-Vân.

muốn tiêu-sầu khiển-hứng, không để cho trong lòng bận những sự danh-lợi nhỏ-nhen, để nuôi lấy cái khí hiệu-nhiên mà mưu những công-nghiệp lớn ở đời, hoặc là khi đắc-chí hiển-vinh rồi, cũng không bị sự vinh-hoa nó bó-buộc, bao giờ cũng muốn giữ lấy cái cảnh nhàn, nghĩa là giữ lấy cái quyền tự-do độc-lập của mình.

« . . . Thú yên-hà trời đất để riêng ta,
Nào ai ai biết chăng là ! . . . »

« Dẫu ai biết hay ai chẳng biết, ta cũng chẳng hề gì, miễn là thoát được khỏi danh-cương lợi-tỏa, gần được nơi vui-thú yên-hà là đắc-ý. Miễn là giữ được chữ nhàn, thế là hơn cả.

« Một chữ nhàn đó, là cái đầu bài thông-thường của các cụ. Nhàn đây không phải là ăn dưng ngồi rồi, làm con người vô-dụng ở đời ; nhàn là tự-do, là độc-lập, là không hệ-thuộc ai, không luồn-lụy ai, giữ được trọn cái chí cao thượng của mình (1). »

Con nhà học-trò chơi thì chơi hào như thế, nhưng bao giờ cũng nhớ rằng:

Thân hệ bang-giả chung hữu dụng ;
Thiên sinh hào-kiệt bất ưng hư !

Chứ có phải là chơi mà quên cả nghĩa-vụ, bỏ cả trách-nhiệm của mình đối với nhà với nước đâu. Nhưng sở-dĩ phải chơi như thế là muốn giữ cho bụng dạ được thong-thả thảnh-thơi, cho tâm-hồn được thơm tho trong-sạch, mà giữ lấy cái chí-khí cao-thượng của mình trong việc học-hành. Chơi như thế thì càng nuôi được khâm-hoài cao-khoáng, khí-cốt lăng-tầng mà tâm-tình sáng-sủa, tư-tưởng rộng-rãi hơn lên, như cùng với nước non mà thanh-tĩnh, cùng với gió mây mà bay múa. Ông Trần Tử-Phòng có câu nói rằng : « Gặp khi có mưa thì bụng ta cùng với mưa đều mát ; gặp khi có trăng thì chí ta cùng với trăng đều tỏ ; gặp khi có hoa cúc vàng, hoa mai trắng thì thưởng sắc đẹp, ngoạn vẻ tươi mà cái thú của ta đồng một mùi thơm - tho. Người học - sĩ, bậc quan sang, ông lão nhà quê, ông già làm ruộng, cũng có khi ta gặp cái người ấy, thì ta cùng với họ đàm-luận việc xưa nay. Bàn đến sự thái-bình thì ta hớn-hở vui cười ; bàn đến việc kinh-luân thi-thố của bọn hiền-nhân quân-tử, hoặc là việc tung-hoành của bọn hào-kiệt anh-hùng, thì ta cảm-khái căm tức, dậm chân vỗ tay, nhảy lên như người điên cuồng muốn hớp hết cả nước sông Tây-giang mà phun ngay lên sườn núi cao ngàn muôn từng ».

Ấy cái nhàn của con nhà học trò là thế. Thân là thanh-nhàn chứ thực thì tinh-thần hoạt-động là chừng nào. Mới đây trong làng thơ « Phương-Trúc tao-đàn » ta có xuất-hiện một bài thơ tả được cái ý-nghĩa chữ nhàn ấy :

Mấy cái sáo trưa vang tiếng gió,
Nghìn bông hoa đỏ nở cành ngô ;
Muốn nhàn ngồi đấy nghe chim hót,
Non nước tình kia trót hẹn hò !

Ừ, buổi trưa thanh-vắng, ngồi tựa bên bóng cây mát, nghe tiếng con chim sáo nó kêu giọng khoan giọng nhặt, nhẹ-nhàng ở trong gió, trông cái bông hoa ngô nó nở đỏ gay đỏ gắt, tha-thướt trên đầu cành, có cái vẻ đẹp tuyệt-trần, giá cứ ngồi đấy mãi mà nghe con chim nọ hót, mà trông cái hoa kia nở thì cũng nhàn-hạ đó thay, nhưng

Nợ đời chưa trả cho ai,
Cảnh đời há có nên ngồi mãi ru ?

---

(1) Từ đầu : Ấy «cổ nhân chơi là chơi thế ,..» cho đến đây trích trong bài « Văn chương trong lối bát ả-đ o » của ông Thượng-chi.

mà không dám để lỡ với cái duyên tao tế đã trót hẹn cùng non nước, đành phải đứng dậy ra về. Dầu là thế, chứ trong khi ra về ấy thần-trí đã được nhẹ nhàng khoan-khoái là chừng nào!

Trong sách « Du-lịch nước Tàu » của văn-sĩ Pháp Abel Bonnard, thấy có trích-dịch một câu rằng : « Thành cổ này là một nơi lắm văn-sĩ cùng thi-nhân, ngày tháng tiêu-dao trong một cõi đời đạo-lý rất êm-đềm, có khoái-lạc mà có tiết-độ, vẫn học-tập mà vẫn thư-nhân, buồn là buồn ngầm mà vui là vui thực; thường đứng tựa bên vườn cảnh nghe con chim oanh nó hót mà hồn mộng mơ-màng theo cánh hồng bay-bổng ».— Khoái-lạc nhưng mà có tiết-độ, học-tập nhưng mà vẫn thư-nhân, đó là cái chi-thú, cái vận-sự của phái nho-giáo đạo-học vậy.

— Nước Pháp đã từng có nhiều nhà rất cổ-xúy cho cái lối giáo-dục thiên-nhiên. Trong bộ tiểu-thuyết *Emile* của Jean-Jacques Rousseau đã giáo-dục cho một cậu học-trò trừu-tượng (*élève abstrait*) là cậu Emile theo cái lối giáo-dục này, tuy cũng có người phản-đối vì tác-giả là ở vào cảnh-ngộ đặc-biệt dị-thường, nhưng thực không phải là không có kết quả hay. Theo Rousseau thì phép giáo-dục là phải giảm cái phần nhân-công đoàn-luyện để cho đứa trẻ tự khải-phát lấy cái thiên-tính thuần-lương của mình, chỉ là môi-giới cho tâm-tính người ta trực-tiếp quan-cảm với thiên-nhiên mà thôi. Thiên nói về thiên-nhiên và người ta có câu rằng : « Phàm cái gì lúc ta mới sinh ra chưa có, mà khi ta lớn lên phải cần, là nhờ ở giáo-dục cả. Sự giáo-dục ấy, hoặc là bởi thiên-nhiên, hoặc bởi người ta, hoặc bởi sự-vật. Các năng-lực và các cơ-quan trong người ta phát-đạt lên được là nhờ sự giáo-dục của thiên-nhiên, tập dùng các cơ-quan và các năng-lực ấy là nhờ sự giáo-dục của người ta, còn tiếp-xúc các vật nó cảm đến giác-quan mình để tăng sự kinh-lịch của mình là nhờ sự giáo-dục của sự-vật. » Như thế thì cái trách-nhiệm giáo dục của người ta là chỉ phải biết khai-đạo các giác-quan, khêu-gợi các cảm-tình cho con trẻ biết cảm-xúc cảnh thiên-nhiên, biết tư-tưởng về đạo-lý và biết hiểu các sự-vật mà thôi, chứ không phải uốn-nắn như uốn-nắn cái cây để làm cảnh chơi, hay tập-luyện như tập-luyện con vật để ra làm trò đâu.

Lại một đoạn văn này của Alexandre Dumas fils : « Con trẻ chơi ở ngoài chỗ thoáng-khí, ở dưới bóng mặt trời, ở trong động trong rừng, đối-diện với càn-khôn tạo-hóa. Tạo-hóa sẽ bồi-dưỡng sức khỏe và khải-phát thông-minh cho chúng nó, khiến cho tâm-hồn đứa trẻ biết cảm những cảnh nên thơ và khiến cho chúng nó biết hiểu các cảnh vật, các hình tượng lạ lùng, còn có bổ ích nhiều cho sự giáo dục học-vấn chúng nó hơn là các thứ sách giáo-khoa của thế-giới đặt ra. Chúng nó biết cây-cối, bông hoa, biết chim-chóc mùa tiết, biết thưởng-thức thanh-âm và biết lặng cảm cái cảnh tĩnh-mạc âm-thầm trong những đêm sao lấp-lánh. Chúng nó lại còn biết cảm một cái tôn-giáo tối-cao là cái tôn-giáo mà Tạo-hóa đã truyền-thụ cho chúng nó trong trường đại-thiên-diễn hằng ngày... »

Ấy học là thế, chứ nếu chỉ ngồi rủ-rỉ cặm-cụi mãi trong buồng kín, thì dầu là học núi học sông, học cây học cỏ, học gió học mây, mà cũng chỉ là tờ giấy có vết mực quằn-quẹo mà thôi, còn hiểu biết ý-nghĩa tư-tưởng, lý-thú văn-chương là gì đâu. Tôi dám cả quyết rằng : Ai không từng đứng trước một đám cỏ non man-mác ngọn gió nhẹ lướt qua rờn-rợn tận chân trời, trong có cây hoa lê nở loáng-thoáng một vài

bông hoa lấm-tấm bày ra hai cái nét tương-phản ở chỗ đám cỏ xanh mơn-mởn và chỗ mấy cái bông hoa lê trăng trắng có cái vẻ đẹp dịu-dàng thì đọc câu :

Cỏ non xanh rợn chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa,

không làm sao hiểu thấu được cái mùi thơ trong câu ấy đã hàm biết bao là thi-vị. Hoặc là không từng cảm được cái vẻ đẹp của bóng trăng dịu-dàng buông tỏa xuống mặt nước lăn-tăn hay cái bóng cây la-lả đọi xiên ngang trước sân tha-thướt thì không thể sao mà cảm được cái hơi nhẹ-nhàng thanh-tĩnh trong câu :

Vàng reo ngấn nước, cây lồng bóng sân, trong truyện *Kiều*.

Đan - cử một vài câu chứ còn biết bao nhiêu tư-tưởng văn-chương phải cần có kinh-nghiệm với sự-vật ở ngoài mới lĩnh-hội được nghĩa-lý.

— Ông RABINDRANATH TAGORE là một nhà đại-thi-hào nước Ấn-độ vừa mới qua chơi Sài-gòn ta đây, rất là nhiệt-thành cái phương-pháp giáo-dục cho con trẻ biết yêu mến cảnh thiên-nhiên và nuôi cho hồn người được điều-hòa với hồn vũ-trụ. Ông có lập một cái trường để dạy học-trò theo lối giáo-dục tự-nhiên ấy đã có kết-quả tốt, ảnh-hưởng đến thế-giới, thường gọi là trường đại-học *Santiniketan*. Gọi là trường học chứ không phải là trường học, là một nhà « tinh-xá », vì nơi ấy có cái tính-cách của nhà tu-dưỡng hơn có cái thể-thức của nhà học-hiệu. Trong một bài diễn-thuyết của ông đề là « Trường học của tôi » nói về cái phương-pháp giáo-dục có câu rằng : « Người ta có thể chiếm quyền-thế bằng sự học, nhưng muốn được cõi sinh-hoạt hoàn-toàn thì phải có cảm-tình mới được. Sự giáo-dục tốt nhất không những là dạy cho ta biết mà lại khiến cho ta hòa-hợp với vạn-vật. Nhưng mà cách giáo-dục bằng cảm-tình đó, các nhà trường cố-ý không biết đến ; lại cực-lực phản-đối nữa. Cái thói quen nó bắt ngay từ thuở nhỏ, mà sự học ở nhà trường chỉ là làm cho ta xa - cách với vạn-vật ; thành ra từ thuở sơ-sinh, thần-trí ta với thế-giới, hai bên đã tương-phản nhau rồi. Như thế thì phần giáo-dục quan-hệ nhất cho đứa trẻ con bị nhãng bỏ, làm cho nó cách-biệt với thế-giới mà đem một mớ học-thức chi-li để thế vào. Ta không cho con trẻ biết đất là gì mà ta dạy nó học địa-dư ; ta không cho nó tập nói mà ta dạy nó học mẹo. Nó ham nghe những chuyện anh-hùng hào-kiệt mà ta dạy nó những việc vặt-vụn cùng những ngày tháng trong sử-ký... Mục-đích sự giáo-dục là dạy cho người ta biết quan-cảm cái chân-lý thống-nhất hoàn-toàn... »

Ông lại tả qua cái quang-cảnh và cái phong-vị ở trường ông lấy làm thanh-thú quá, tôi xin lược trích ra mấy đoạn :

« ... Một con đường của người nhà quê đi chợ tỉnh chạy quanh-co trong đám đồng không, đất đỏ ối dưới ánh mặt trời, khách đi đường đi con đường ấy thời trông ở đàng xa trên một cái đồi thấy một cái mái đền và phần trên một tòa nhà, chung quanh những bụi rậm và dẫy cây lớn. Đó là nơi tinh-xá *Santiniketan*.

« .. Cái khí-hậu như nó mời chúng tôi ra chỗ lộ - thiên không - khoáng. Tiếng trường-giang cuộn-cuộn trong câu hát của chúng tôi ; đồng-điền bát-ngát bao-bọc chung quanh nhà ở, làm cho lặng-lẽ như cõi ngoại-trần ; mặt trời mọc ở đàm chân trời xanh ngắt như cái quà tặng của thần « bất-khả-kiến » đem cúng trên bàn thờ thần « bất-khả-tri » ; buổi chiều lại lặn ở cõi Tây, như cái cuộc lễ rực-rỡ của cảnh-vật chào mừng đấng Tuyệt-đối...

«...Học trò ngồi với thầy, tưởng như không phải ngồi trong bốn bức tường một lớp học, hình như được cảm thông

với khắp cả mọi nơi. Mùa xuân khi hoa « sal » (sal = hoa Ấn-độ) đương nở, thường được theo thầy vào trong rừng, nghe ngâm những bài thơ sở-thích của thầy mà lấy làm cảm-động lắm . . . Thầy sở thích cái gì thời kể cho học trò nghe, biết rằng học trò không cần phải hiểu từng chữ từng nghĩa, từng tí từng li, mới thật là hiểu, nhưng cốt nhất là cần phải cho thần-trí nó khải-phát ra. Bao giờ thầy cũng biết gợi cho thần-trí con trẻ khải-phát. Thầy không giống như nhiều thầy giáo khác, khác nào như cái xe để chuyên những điều dạy trong các sách giáo-khoa . . .

« . . . Sách cũng như những đồ khí-cụ cần dùng kia, chẳng phải như cái phên nó rào chắn vũ-trụ với ta dư? Ta đã tập cái thói quen lấy giấy sách mà che lấp cả những cửa sổ của trí-tuệ ta. Sách chất lại thành một cái thành để cho ta ẩn mình ở đó mà tuyệt giao - thông với Tạo - vật. Vẫn biết rằng sự đọc sách là có ích, không biết thế thì vô-lý quá. Nhưng cũng phải biết rằng sách cũng có hạn và quá lắm thì có hại. Dù thế nào mặc lòng, trong cái buổi đầu vỡ lòng, con trẻ phải học bằng đường lối tự-nhiên, nghĩa là phải học bằng người ta và bằng sự-vật . . .

« . . . Chúng tôi đặt ra những thi-ca, không phải chỉ để cho vừa sức con trẻ mà thôi, nhưng thật là những bài thi-ca như một người làm thơ tự làm để khoái lấy một mình. Những bài ca đó mới thảo xong thời học-trò kéo lũ lượt lại học và hát ngay. Rồi sau những lúc nhàn-hạ, khi đêm trăng hay về tháng bảy trên trời dầy những mây đen sắp mưa, ngồi xúm nhau lại cùng đem ra hát . . . Lại đặt ra những bài ca-ngâm để cho chúng nó hát những ngày tết các mùa; . . . khiến cho những cái cảnh như cảnh trời mọc, ác tà, trăng sao sáng tỏ lúc canh khuya, hay là quả hoa đua nở theo mùa, người ta hằng nhớ đến không quên và vui-vẻ đón rước, lại khiến cho giả trẻ thầy trò cùng nhau ngồi một mâm mà vừa ăn cái bánh nuôi thân hằng ngày, vừa ăn cái bánh sinh-tồn vĩnh-viễn ». (1)

Ấy trở lên mấy đoạn dẫn ra đây là để làm bằng-chứng cho bài diễn-văn này, có lẽ ông bà đã cho là quá dài rồi và cũng để làm lời kết-luận rất hoàn-toàn phong-phú. Nay chúng ta không thể có được một nhà tinh-xá như nhà tinh-xá ở bên sông Hằng-hà kia, nhưng được vũ-trụ đã sẵn bày cho ta một cảnh nhà tinh-xá thiên-nhiên nọ; đi học ở đấy không ai bắt-buộc có bằng nọ bằng kia, không ai hạn-định khi tuổi lớn tuổi nhỏ, lại không phải mất tiền trường tiền thầy gì cả, chỉ đem có cái bụng yêu thích cảm mến cảnh thiên-nhiên là đủ; thong thả dễ-dàng như thế mà một năm ta chỉ được có một mùa nghỉ hè này, vậy ta há không nên biết lợi-dụng rủ nhau đến đấy cho đông mà cồ-vũ hoan-hô, mà ngâm-nga ca-tụng để đón rước lấy cái quà qui báu ấy là cái đặc-biệt ân-huệ của tạo-hóa đã ban cho ta, « một vùng danh-thắng, nước non đôi vẻ thanh-thanh » ở đất Phương-thành này dư?

. .

Cảm-tưởng hôm xem phát phần thưởng

Ngày 12 tháng 7 năm 1929 trường sơ-đẳng tiểu-học Hà-tiên có mở cuộc phát phần thưởng cho học trò. Đối với

---

(1) Những đoạn trích trong bài diễn-thuyết « *Mon école* » của TAGORE là theo bản dịch của báo *Nam-Phong*.

cuộc lễ ấy, trước mấy hôm lòng tôi đã lấy làm băn-khoăn bối-rối, một là muốn xem biết cuộc lễ tổ-chức ra thế nào, là vì trường Hà-tiên mới có cuộc lễ này là đầu, hai là bởi trường đây là chốn học cũ của tôi ; tôi muốn nhân dịp này trở lại lớp học ngày xưa để tìm lại vài cái dấu-vết buổi trước. Trường vẫn trường cũ, thầy vẫn thầy xưa, mà học-sinh đều là lớp mới không phải những bạn học quen của tôi nữa ; tuy vậy tôi sẽ trông vào đó mà thấy lại được cái quang-cảnh lớp học của tôi, trông vào đấy mà tìm lại được cái dấu-vết, cái thú-vị thuộc về cuộc đời dĩ-vãng như, nàng GERMINIE mơ-tưởng hình-dung con gái nàng đã chết ở những cô nữ-học-sinh khác vậy. Khi tôi học thì không có phần thưởng, đến buổi bãi trường, thầy tôi thường gọi chúng tôi lại khuyên bảo những lời sau cùng, giọng thiết-tha mà cảm-động lắm. Ngày nay tôi muốn cầm bút ghi lại những lời đó mà tiếc không thể nào nhớ lại được, nhưng đại-khái thì cũng như những ý-tưởng của GUYAU tiên-sinh, có khác là lời thầy tôi còn cảm-động hơn nhiều.

« Hỡi các con đã phú-thác cho ta dạy-dỗ đây, các con chưa biết được hết cái bụng thương yêu của ta đối với các con. Ta yêu các con vì gia-đình các con, ta yêu các con vì tổ-quốc các con, lạc-thú của gia-đình và hi-vọng của tổ-quốc là ở như các con cả... ... Thầy yêu các con, yêu các con mãi mãi, đổi lấy cái bụng yêu đó thầy có đòi các con gì đâu ? Chỉ lắng nghe những lời thầy nói, trân-trọng những bài thầy dạy và nếu các con có bụng biết nghĩ thì còn có chút tình luyến-ái với thầy... »

Thường buổi học thật tôi chưa biết lặng nghe và trân-trọng những lời thầy dạy, mà đến buổi ấy, đến buổi phải xa cách nhau ấy, xa nhau vì gia-đình, vì tổ-quốc, thì tôi lại muốn ở lại học mãi với thầy tôi, vì tưởng dẫu đi đâu nữa cũng không tìm sao được cái bụng thương yêu chí-tình nọ. Nhưng mà bèo hợp mây tan, cuộc đời đâu lại dễ-dàng thế ! Rồi thì từ đó về sau, lúc nào tôi cũng nhớ cảnh học-đường, những khi hợp học tan học, cũng những khi tựu trường bãi trường, thường khiến cho lòng tôi bát-ngát, dẫu tôi đã thôi học rồi cũng vậy.

Trước mấy hôm, đối với cuộc lễ này tôi đã mang nặng một mối cảm-tưởng ấy, kịp đến hôm nay, đến dự-kiến cuộc lễ thì mối cảm-tưởng ấy lại càng thấy thiết-tha mà bồi-hồi chan-chứa vô-cùng... Gió mưa tầm-tã, mặt trời tiêu-điều vẫn không lạnh được lòng người, nhưng cũng làm cho một-thú đi nhiều. Tuy-nhiên khách đến dự lễ vẫn đông đủ, quan-sát khắp cả toàn-cảnh cuộc lễ hôm nay trông thấy một bên là nam-giới, một bên là nữ-giới, đôi bên số người cũng sâm-si nhau, cho đến các ông trưởng-lão trong làng cũng sẵn lòng đi đến để tỏ ý hoan-nghênh cái thịnh-tình nhiệt-tâm của các thầy giáo đối với việc giáo-dục của con em trong xứ-sở, là vì cuộc lễ này chỉ do nhà trường dề-khởi và chủ-trương mà thôi.

Mưa vẫn sa, gió vẫn thổi, mây mờ-mờ bay, vừa lúc ấy thì cuộc lễ cử-hành. Bắt đầu quan đốc-học người Nam đứng ra nói mấy lời bằng tiếng Pháp cảm ơn các tân-khách Tây-Nam đã vui lòng đến chứng-kiến cuộc lễ và giới-thiệu hai ông giáo sẽ đọc hai bài văn : một bài bằng Pháp-văn và một bài bằng quốc-văn. Giới-thiệu xong, một ông giáo đã đứng tuổi bước ra đọc bài văn tây đại-khái cũng là văn ngoại-giao cảm ơn khen-lao từ việc lớn đến việc nhỏ, rồi kết-luận khuyên cha mẹ học-trò nên cho con đi học đừng làm lỗi mất cái bụng tốt của Chánh-phủ đã lập trường thực lòng khai-hóa cho mình và khuyên học-trò nên biết yêu quí thì giờ, cố giữ tròn phận-sự đối với quê-hương tổ-quốc, v.v.

Kế ông giáo quốc-văn bước ra đọc bài quốc-ngữ. Tưởng bây giờ là bao giờ mà bỗng nhiên được nghe cái giọng Hàn Thuyên thanh-tao thép-lột, tiếng ai như tiếng họ-hàng nhà ta, dễ thường mà ai nấy cũng đều lắng tai chú-ý cả. Ông giáo đọc xong, thấy vỗ tay vang-động lấp cả những tiếng mưa bay gió thổi bên ngoài. Trong phòng dường như có một luồng không-khí ấm-áp bao-bọc chung quanh, khiến cho cái quang-cảnh lạnh-lẽo mà bỗng đổi ra nồng-nàn đầm-ấm.

Đoạn đến lượt phát phần thưởng, chính là cái hi-vọng chung của các học trò, cứ một bận gọi đến tên người nào thời người ấy chạy lên, tươi-cười hớn-hở, cái vui chan-chứa biểu-lộ ra ở nét mặt thanh-niên. Thỉnh-thoảng học-sinh đứng sắp hàng ra đọc một bài văn, hay hát một bài hát của thầy giáo mới dạy cho. Cuộc lễ độ ngoài một giờ thì xong cả. Ra về, trong lòng vui-sướng, bao nhiêu cái hi-vọng nồng-nàn mấy hôm nay đã không bồi-hồi kích-thích nữa, nhưng lại băn-khoăn nghĩ-ngợi mãi về những điều mới vừa trông thấy. Văn Tây có câu: « Khởi đầu là việc khó », cuộc lễ này là lần đầu thế mà được vẻ-vang vui-vầy như hôm nay, thì biết công-phu xếp đặt thực đã nhiều vậy. Tuy-nhiên cũng nên khiêm-tốn mà xét chỗ nào hãy còn sơ-sót, đại-khái như phần thưởng thì thiếu quá, những học-sinh ở lớp sơ-đẳng dự-bị trở xuống, trẻ thơ như thế mà cũng lãnh được những sách *Pêcheur d'Islande* của P. Loti, *Le passé vivant* của H. de Régnier và nhiều sách khác đối với trình-độ tri-thức của học trò còn là cao quá, nếu bảo sách thưởng nọ dùng để khuyến-lệ học-sinh trong việc học-hành mà phát những sách « quá-độ » như thế thì thật không có bổ-ích cho học-thức chút nào cả.

Nhưng theo như trong bài diễn-văn vừa khi nãy đã nói kẻ học trò đi học là vì học mà học, chứ không phải vì phần thưởng mà học thì những vật thưởng rực-rỡ hay vô-bổ kia chưa phải là chính-cốt của cuộc lễ hôm nay, cái chính-cốt là ở chỗ gặp nhau hai luồng không-khí gia-đình và học-đường. Thiết-tưởng cái lẽ ấy là phải hơn, đáng quan-tâm chú-trọng hơn, mà không nên ngắm trông cả về những vật thưởng và lấy đó làm vui hay buồn.

Tôi còn nhớ trước đây mấy hôm, có một cậu học-sinh thi lên lớp hỏng, về nhà cha cậu thì bắt ra đánh lấy đánh đề, mẹ cậu thì đến tìm ngay quan Đốc-học để hỏi cái duyên-cớ làm sao con mình ngồi một lớp đã ba năm nay mà vẫn không qua khỏi.

Tôi xin không phê-bình câu chuyện ấy, chỉ đem so sánh con roi kia với vật thưởng nọ mà thôi. Để đến ngày sau cùng, cái ngày mà đã trông thấy rõ-ràng những kết-quả xấu hay tốt rồi, mới sẽ đem con roi ra nghiêm-khắc sửa-trị thì đã chậm mất rồi, dẫu thấy có lỗi đấy, muốn chữa cũng không chữa sao kịp, dẫu thấy là dốt đấy, muốn học cũng không học sao kịp nữa. Lại cũng đến ngày ấy mới đem vật thưởng ra mà khen-lao tưởng-lệ thì cũng không chắc là có hiệu-quả bao nhiêu. Cho nên cuộc lễ hôm nay vì phần thưởng ít mà vì cái không-khí, cái ánh sáng trong hoàn-cảnh vô-hình kia nhiều, mà cái tiền-đồ giáo-dục trong làng nước từ đây kết-quả ra thế nào, có lẽ cũng nhờ vật thưởng nọ ít mà nhờ cái không-khí, cái ánh sáng trong hoàn-cảnh vô-hình kia rất nhiều vậy.

Trúc-hà.

Đại Hội-nghị Tài-chính Kinh-tế

Tôn trí-sự : Ông nghị-trưởng BLANHARD (ngồi trên)

Hai ông thư-ký BONA và PHẠM QUỲNH (ngồi dữa)

Kinh ảnh Phủ Toàn-quyền

Đại Hội-nghị Tài-chính Kinh-tế

Kỳ khai-hội : quan Toàn-quyền đọc diễn-thuyết ; các quan đại-hiến đến dự lễ

Kinh ảnh Phủ Toàn-quyền

KHẢO VỀ HÁT TUỒNG VÀ HÁT CHÈO

Tựa

Hát tuồng và hát chèo, nguyên là các khúc nhạc múa hát của người đời xưa truyền lại. Từ thuở dùi rơm trống đất, dần dần nầy ra thanh-âm, có dịp-dàng, có điệu-bộ, trên chốn Triều-đình nhà Tôn-miếu, nơi nhạc-phủ, thì đều có những khúc nhạc Hàm-Trì, Thiều, Hộ ; dưới chốn dân-gian, thì có những khúc đồng-dao, lão-nhưỡng, trẻ già ngậm miếng cơm, vỗ trống bụng mà chơi, sướng thích đến mình, tay múa chân dậm, những cách múa hát đó, thật có ích cho thân-thể phát-dục, lòng dạ khẳng-khái. Vậy thì hết thảy người trong nước, dù sang dù hèn, dù già dù trẻ, ai ai cũng nên biết lấy những thanh-âm và dịp-dàng điệu-bộ ấy, mới là người chơi lũa nghe sành, có ích cho mình, và vui cùng kẻ chúng được. Song hiềm vì các điệu hát tuồng và hát chèo từ trước lưu-truyền lại, chỉ là học truyền-khẩu, chớ không có sách-vở gì cả, bởi thế người diễn khúc hát, đã tam sao thất bản sai-suyễn đi, và người xem hát, nghe hát, cũng chỉ thấy lọt tai thích mắt, mà giơ tay vỗ, nhoẻn miệng cười, chớ thật cũng chưa hiểu rõ điệu hát nào vào câu hát nào, và cách-thức cung-bậc ra sao cả, nữa còn biết đâu đến cái tinh-thần văn-chương của cổ-nhân ! Hoàng-sơn Thúc-quân, vốn từ bé học-tập, tính hay tinh-nghịch tây-máy, nên phàm những điệu hát của cổ-nhân, không điệu nào là không lọt vào tai để vào mắt, thấu vào đến màng óc và tim phổi, nên thường khi sướng thích, không biết rằng tay múa chân dậm, mở miệng bật nực cười. Nay nhân soạn các vở hát cho các rạp hát tuồng và hát chèo tại Hà-nội, gặp những bạn tri-âm, đều khuyên mình nên để tâm khảo-cứu về các điệu hát ấy mà phân-biệt ra từng điệu, để cho các người diễn khúc hát, biết theo điệu-bộ mà hát, và các người xem hát nghe hát, cũng hiểu rõ các điệu-bộ mà xem nghe, mới là bậc thầm-âm thấu-suốt, khỏi đến nỗi có người than rằng : « Ai hay hát mà ai hay nghe hát » !

Nay tựa.

N.-T.-K.

Xét tiếng « tuồng » là bởi chữ « tượng 象 » nói chệch ra. Tượng nghĩa là dáng, trong Huế gọi là mẫn tuồng, nghĩa là làm hình tượng dáng-dấp cái sự-tích của người đời cổ ra như hệt, để xem cho rõ-ràng mà khuyên cho người ta bắt-chước.

Tiếng « chèo » là bởi chữ « trào 嘲 » nói chệch ra. Trào nghĩa là cười, ngoài Bắc-kỳ ta gọi là hát chèo, nghĩa là diễn cái sự-tích bật nực cười của người đời cổ ra làm vui, để mà xem cho thỏa-thích mà dạy cho người ta răn chừa.

Hát tuồng hát chèo, hai đàng cũng hơi giống nhau mà thực thì khác hẳn. Vì lối tuồng cốt nghiêm-trang khẳng-khái để làm gương khuyên cho người ta mà cũng có văn ba-lan (tục gọi chệch ra là nói bông-lơn), là những văn nói phụ cho bật nực cười ; lối chèo thì cốt cho tươi cười cợt giễu để làm bia răn dạy cho người ta, mà cũng có câu than, văn, tục gọi là than sử, vãn đường

trường, đó mới là văn chính-thức của lối chèo, thì nghe cũng sầu-thảm bi-ai, và khẳng-khái không khác gì lối tuồng.

Hát tuồng nguyên là giọng Huế, hát chèo nguyên là giọng Bắc-kỳ, hai đàng xa cách nhau lắm, song giọng nói câu hát dù có khác, mà lề-lối điệu-bộ cũng hệt như nhau. Chỉ duy giọng hát tuồng nghe hùng-hào khẳng-khái và mạnh-mẽ; giọng hát chèo nghe thanh-tao nhẹ-nhõm và véo-von. Hát tuồng thì lên tiếng mũi, nghe nhiều âm mà không hết nhiều hơi; hát chèo thì tiếng ở đầu lưỡi và cổ họng nhiều, nên nghe véo-von, mà hết nhiều hơi lắm. Ấy hai đàng khác nhau như vậy.

Hát tuồng nghe tiếng nặng mà hóa nhẹ, hát chèo nghe tiếng nhẹ mà hóa nặng, vì một đàng hết ít hơi, một đàng hết nhiều hơi; biết cầm hơi giữ giọng thì tại ở người dạy con hát, và tại những câu văn; đặt câu nói câu hát phải có những tiếng thét tiếng a, để lấy hơi cho nhiều mà ngâm-ngợi, thì giọng lên bổng xuống chìm mới tốt.

Hát tuồng

Hát tuồng có nhiều lối, bộ, cách, điệu, song rút lại chỉ có cách nói và cách hát:

I. — *Cách Nói.* — Cách nói tuồng thì cốt có câu hường và câu tán. Hường là câu nói cương; tán là câu nói phụ. Họp cả mấy câu hường tán lại thành một bài thì gọi là nói bạch, nghĩa là nói dãi bày tỏ rõ cái truyện ấy ra.

Các câu hường thì hoặc 4 chữ, 5 chữ, 6 chữ, hay 7 chữ làm một câu, mà cứ phải hai câu đối nhau; các câu tán thì dài vắn tùy liệu cứ đệm vào dưới một câu hường hoặc hai câu hường mà nói phụ thêm ra.

Câu hường thì phải thét to; câu tán thì nói nhỏ phụ vào dưới các câu hường, mà văn-lý phải cho mật-sát, gắn liền nghĩa với nhau, nên câu tán cũng thường gọi là câu hàn.

Nói bạch đủ có hường, tán, thí dụ như bài Trịnh Kiểm ra bạch đi canh đêm trời rét, nằm ở trại:

« Hường: *Đầu non hóm chạy ngựa; nách trại tối nằm bỏ.* Tán: Rửa như mình phận tôi-tớ thiệt là khó-nhọc. Hường: *Quản bao tuyết lạnh trời thu;* Tán: Rửa mà mình vẫn phải chăm siêng. Hường: *Sá ngại đêm tàn canh vắng.* Tán: Ừ thì ta hãy vô hiên nằm canh, kẻo rồi lỡ phải quở. »

Vào hiên trại cầm trống canh ngồi bạch:

«Hường: *Giọt đồng thánh-thót; tiếng trống điểm thùng.* Tán: Rửa đêm nghe đã buồn chưa! Hường: *Trên đầu rừng vượn hát ngàn thông; ngoài cửa động chim gù bụi trúc.* Tán: Xà xà! sao đêm nay trời lạnh, mình chỉ trằn-trọc, nghe những chim gù vượn hót mà không ngủ đặng rứa, âu là mình hãy nằm xuống đây mà ngả lưng một chút ». (Nằm).

II. — *Cách Hát.* — Cách hát tuồng thì cốt có hát nam và hát bắc.

Hát nam — Hát nam có ba điệu: một điệu giọng hát êm-ái vui-vẻ như hát nam-xuân và nam-bình; một điệu giọng hát khẳng-khái buồn-rầu như hát nam-thương và nam-ai; một điệu nữa thì giọng hát nhanh-nhẩu mạnh-mẽ, gọi là hát nam-tẩu-mã.

Hát nam có bài trước nói than rồi xuống câu vỉa tức là câu bỉ, lại có câu hàn chen vào rồi xuống hai câu nam; hai câu vỉa là văn song-thất, hai câu nam là văn lục-bát, còn những câu hàn chen vào thì dài vắn tùy hơi hát mà liệu; hai câu vỉa tuồng gọi là hai câu sông, hai câu nam tuồng gọi là hai câu mái; còn những câu hàn-tán chen vào là những câu con. Có bài không có câu than câu vỉa chỉ hát hai câu nam và có câu hàn chen vào giữa cũng được. Có bài chỉ có câu nói than, bắt xuống hai

câu vỉa, mà không hát hai câu nam nữa cũng được. Có bài không có câu vỉa câu hàn, chỉ hát luôn hai câu nam. Cũng có bài hát luôn bốn câu nam thuần là văn lục-hát cả cũng được. Đó đều là tùy thế bài cùng giọng hát và hơi hát đại-khái như những bài sau này:

1) Hát nam có đủ cả câu thét, câu dồn, câu nói than, rồi bắt xuống hai câu vỉa, chen mấy câu hàn-tán, xuống hai câu nam. Thí-dụ như bà Lê-hậu ôm con tị-nạn vào rừng Lào, gặp chúa Nguyễn và ông Trịnh Duy-Sản mà trao Hoàng-tử cho hai ông rồi than vỉa hát nam như sau này:

« Thét : *Ới chúa-công ơi ! ới tướng-quân ơi !* Dồn : *Đây thì tui xin trao Hoàng-tử lại cho Chúa-công và Tướng quân.* Than : *Xin Chúa-công và Tướng-quân, cơn hoạn-nạn đỡ-đần Hoàng-tử.* Vỉa : *Cơn hoạn-nạn đỡ-đần Hoàng-tử.* Hàn-tán : Ới Hoàng-tử con ơi ! Vỉa : *Luống nay còn mãng sữa ngây thơ.* Hàn-tán : Ới trời ơi là trời ! rứa như tui nay. Nam : *Chứ phận bỏ ruột héo như dưa.* Hàn-tán : Tui biết mần răng cho đặng ! Nam : *Quan-san nghìn dặm mây mưa mấy trùng !* »

2) Hát nam không có câu than câu vỉa, cứ hát luôn hai câu nam. Thí-dụ như bà Lê-hậu khi ôm con khóc hát câu này:

« Thét : *Ới như con ơi !* Nam : *Chứ chung-quanh những nước non người,* Hàn-tán : Rứa như thân mẹ nay đã mỏi tóc bạc. Nam : *Ngành lê trắng điểm một vài bông hoa.* »

3) Hát nam chỉ có câu nói than bắt xuống hai câu vỉa mà không có hai câu nam. Thí-dụ như chúa Nguyễn khi gặp bà Lê-hậu ở rừng Lào, nói xin nâng đỡ Hoàng-tử và dòn lên xe ngựa lên Lao-quan, hát rằng:

« Nói than : *Dạ dám tâu linh-bà, nay đương cơn hoạn nạn ; đạo tử thần dám quản công lao. Anh em tui tìm linh-bà khắp cõi rừng Lào, vậy dám xin linh-bà kíp trao Hoàng-tử lại cho anh em tui nâng đỡ.* Vỉa : *Dòn linh-bà kíp lên xe ngựa, cùng hạ-thần sang cửa Lao-quan.* »

4) Hát nam không có câu vỉa câu hàn, chỉ hát luôn hai câu nam thôi. Thí-dụ như chúa Nguyễn lúc ngồi nghe Ngọc-Bảo nói, ngài đáp lại rồi ngâm nam-bình như sau này:

« *Chứ nghĩ minh phương-diện quốc-gia, đá vàng cũng quyết phong-ba cũng liều.* »

5) Hát nam cũng có khi hát luôn bốn câu nam thuần là văn lục-bát. Thí-dụ như câu này:

« *Đem quân ra cửa Hùng-quan, chim muôn giọng hát hoa ngàn hương đưa ; nhớ ai ngơ-ngẩn ngẩn-ngơ, nhớ ai ai nhớ bây giờ nhớ ai !* »

Còn lối hát nam-tầu-mã, cũng là hai câu lục-bát, song lời giọng nghe rất mau, và phải thêm những tiếng đệm (ây ây) vào, thì lời mới mạnh-mẽ mau-mắn ra giọng tầu-mã được. Thí-dụ như Trịnh Kiểm khi sắp vào Lào nói câu : « Nay bỗng nghe đấng chúa Nguyễn ngài kiến nghĩa Sầm-châu, âu ta ruổi con ngựa hồ tới đó, nên chăng? », liền bắt luôn câu nam-tầu-mã rằng :

« *Khen ai tỏ nẻo đưa chừng (ây ây), cho ta lặn suối (ây ây) pha rừng đến đây (ây ây).* »

Đó là các lối hát nam ; hai câu vỉa bất-ngoại văn song-thất, hai câu nam bất-ngoại văn lục-bát, còn các câu hàn-tán dài ngắn đều tùy giọng hát và hơi hát.

Hát bắc. — Hát bắc cũng gọi là hát khách. Hát bắc có ba lối : một là hát bắc thơ, hai là hát bắc phú, ba là hát bắc-tầu-mã.

1) Hát bắc thơ thì theo điệu thơ ngũ-ngôn hoặc thất-ngôn (nghĩa là 5 chữ một câu, hoặc 7 chữ một câu) ; thơ tứ-tuyệt bốn câu, thơ bát-cú tám câu, hay là thơ liên-chi, thơ trường-thiên tùy liệu ; vần bằng vần trắc, giọng cao

giọng thấp tùy bài, đại-khái như sau :

Hát bắc-thơ, tuồng gọi là bắt-bài. Thí-dụ như Ngọc-Bảo ra vườn hoa hát thơ rằng :

« *Bộ huê-viên, bộ huê-viên, nô-nức chiều xuân nấn đợi tiên ; chậm một giấc xuân xuân đã rộn, ngành hồng dìu nặng hạt sương chen.* »

2) Hát bắc-phú, có khi hát hai câu liên-cú, mỗi câu 6 chữ hoặc 7 chữ. Thí-dụ như hát hai câu :

« *Lạc-hà dữ cô-mộc tề phi, thu-thủy cộng tràng thiên nhất sắc.* »

Có khi hát hai câu cách-cú, mỗi câu hoặc tứ-lục hoặc tứ-thất (nghĩa là mỗi một vế, trên 4 chữ dưới 6 chữ hay 7 chữ), hai vế song-quan cách-cú đối nhau, như hai câu :

« *Qua giáo liên thiên, vạn lý tán long phi chi tuyết ; cổ-bề động địa, tam xuân hân trập chấn chi lôi.* »

Đó đều là theo lối phú mà hát.

3) Còn lối hát bắc-tầu-mã, cũng hát thơ hay là hát phú, nhưng lời-giọng rất mau và thêm nhiều tiếng đệm (ấy ây) cho mạnh-mẽ mau chóng, mới ra giọng tầu-mã. Thí-dụ Trịnh Kiểm khi vào Lào đi dàng rừng, dừng nói : « Đây đã tới Sầm-châu rồi tá », bắt luôn bắc-tầu-mã rằng :

« *Treo-leo vách đá (ây ây), hang mít-mờ (ây ây) động Sở hoa ngân (ây ây) ; bát-ngát bụi trần (ây ây), đường men-móc (ây ây) mây Tần gió giục (ây ây).* »

Lại có câu bắc-tầu-mã hát thơ. Thí-dụ như chúa Nguyễn và ông Trịnh Duy-Sản khi gặp nhau nói chuyện rồi cùng đứng dậy hát bắc-tầu-mã đi đường rừng rằng :

« *Sách con lương-mã (ây ây), ruổi mau tiền-lộ (ây ây). Bồi-hồi thu sắc mộ (ây ây) ; lạc-lạc lữ hoài cô (ây ây). Trên đỉnh đèo vặng đá lô nhô (ây ây) ; ngoài cửa động bóng gương lấp-ló (ây ây).* »

Đó là các lối hát bắc, hoặc hát thơ ngũ-ngôn thất-ngôn (5 chữ 7 chữ một câu), hoặc hát phú lối liên-cú (6 chữ 7 chữ một câu), lối cách-cú tứ-lục tứ-thất (trên 4 chữ dưới 6 chữ hay là trên 4 chữ dưới 7 chữ một vế), hai vế, đối nhau gọi là lối phú song-quan. Lối hát bắc-tầu-mã cũng hát thơ hát phú như vậy, song giọng hát phải cho mau mới hợp cách điệu tầu-mã.

Nói tóm lại lối hát tuồng chỉ có : lối nói bạch bất-ngoại hường, tán ; lối hát bất-ngoại than, vãn, vỉa, hát nam, hát bắc, hát tầu-mã, là đủ hết các lối. Có như thêm đệm những tiếng « hảo a, ấy ây » chen vào là cốt để lấy hơi cho dư giọng, lại phụ thêm những câu nói ba-lan cho vui trò đó thôi.

Lối hát tuồng chỉ có nói bạch và hát nam hát bắc, người sau lại phụ thêm ca Huế vào, như : ca hành vân, lưu-thủy, nam-thương, cổ-bản, tứ-lại-cảnh, kim-tiền, vọng-phu, tam-tiết các điệu ca của đào Huế và đàn Huế (nam-cầm, độc-huyền-cầm) ; sau lại thêm các điệu ca Sài-gòn như : tình-bản, tứ-đại-cảnh, Tây-thi, Văn-Thiên-Tường, Khổng-Minh tọa-tầu, thu-hồ, xuân-nữ khốc hoàng-thiên, đều theo điệu đàn tầu ; lại cũng có khi ca nọc-mĩ-nhân, thì theo điệu từ-khúc của Tầu, như : phong-hoa-lạc, trụ-mã-thinh, tiêu-dao-hồng, những khúc điệu Tây-sương phụ thêm vào cho nhiều giọng, đều là cách mới, văn-chương mỗi thời một khác, song rút lại chỉ nên đem văn kim mà phụ thêm và sửa đổi lối cổ, chứ lối cổ bao giờ cũng không bỏ qua được, vì điệu-bộ của cổ-nhân đã là tuyệt-điệu mà văn-chương lại là tuyệt-tác, không phải người đời sau dễ vượt qua được.

Bộ âm-nhạc hát tuồng chỉ có trống, la, sênh, mõ, kèn, nhị, người sau phụ thêm đàn Huế, đàn Tầu, thì âm-nhạc càng du-dương hiệu-lượng. Song cách cổ-động cho nôn-nao rấy-rức cái lòng khẳng-khái cho người ta thì không gì bằng trống, la, mà làm cho âm-nhạc

có dịp-dàng tiết-tấu, thì không gì bằng sênh, mõ, và gợi lòng sầu-thảm, thương-xót không gì bằng kèn nhị, nên cách mới lại dùng trống đồng kèn tây mà cổ-động, thì lại càng náo-nhiệt hơn.

Hát chèo

Hát chèo cũng có nhiều lối, bộ, cách, điệu, song rút lại cũng chỉ có cách nói và cách hát mà thôi :

I. — *Cách nói.* — Cách nói thì chỉ có nói sử thôi, sau người ta theo kiểu mà đặt ra cách nói lối nữa.

Nói sử. — Nói sử nguyên là lối văn song-thất (câu trên 7 chữ, câu dưới cũng 7 chữ), cứ bốn câu là một khổ, người ta nhân lối đó mà đặt thêm bớt ra câu trên hoặc có câu 4 chữ 5 chữ hay 6 chữ, câu dưới hoặc có câu 8 chữ 9 chữ, dài ngắn tùy theo vận, lựa giọng và hơi mà đặt.

Nói sử như cha bảo con, hay là con nói với cha ; chồng bảo vợ, hay là vợ nói với chồng ; người trên bảo người dưới, hay là người dưới thưa lại với người trên. Cũng có chỗ nói sử xưng danh, nói sử tỏ nông-nỗi mình hay là than sử khóc-lóc kể-lể mọi sự, sẽ lược ra đây :

1) Cha bảo con nói sử, thí-dụ như bài này :

« *Ới con ơi ! cha thì già, con thì bé dại ; sự học-hành con phải gắng công. Nữa một mai cao chiếm bảng rồng, nở mày mặt cũng bõ lòng sinh-dưỡng.* »

2) Con nói với cha nói sử, thí dụ như bài này :

« *Dạ thưa cha, trời cao muôn trượng, đức sinh-thành coi tựa bể non ; con ở sao hết đạo làm con, lời cha dạy con nay còn tạc dạ.* »

3) Chồng bảo vợ nói sử, thí-dụ như Dương Lễ bảo Châu-Long :

« *Đòi nàng ả Châu-Long, ra đây cho anh nhủ. Anh có người bạn cũ, tên gọi bác Lưu Bình. Ngãi sách đèn cùng bạn thư-sinh, trông anh ấy chửa làm nên danh-phận. Đến chơi nhà làm điều mặt giận ; sai quân hầu sỉ-nhục nhuốc-nhơ. Dọn lưng cơm chén muối quả cà, ăn chẳng được anh liền phẫn-chí. Cửa nhà sa thế, biết lấy gì đèn sách học-hành. Nàng phải đi nuôi bạn thay anh, công-đức ấy xem bằng non Thái.* »

4) Vợ nói với chồng nói sử, thí-dụ như Châu-Long thưa lại Dương Lễ :

« *Dạ dám thưa : Chàng dạy đi dặm liễu đường cù ; thiếp chẳng quản công-phu khó-nhọc. Vâng lời chàng đi nuôi bạn học ; đi làm sao về lại làm sao ? Sợ lòng chàng quân-tử trí cao, dạ như bể dò sao cho xiết.* »

5) Nói sử xưng danh, thí-dụ như Cúc-Hoa nói :

« *Con nhà trưởng-giả, tôi tên gọi Cúc-Hoa. Tuổi xuân-xanh nương bóng xuân già ; vườn thu muộn tựa nhà huyên cỗi.* »

6) Than sử, thí-dụ như Thúy-Kiều sắp nhảy xuống sông Tiền-đường :

« *Ới thương ơi ! ngẩm trời xanh nước biếc ; thương phận bạc má hồng. Chút liễu-bồ nhiều nỗi long-đong, liễu phó mặc giữa dòng chìm nổi.* »

Nói lối. — Cách nói sử, người sau lại theo điệu mà đặt ra *nói lối*, mỗi câu hoặc 4, 5, 6 chữ, hoặc 7, 8, 9 chữ, nhưng cứ hai câu đối chọi nhau, và cũng có khi đặt câu song-quan cách-cú, như câu phủ trên 4, 5 chữ, dưới 6, 7 chữ là một vế, mà hai vế cũng đối chọi nhau từng tiếng giống như câu hường lối tuồng, mà không có câu hàn-tán, và giọng nói lối lại phải mau, chứ không ngâm ra như giọng nói sử được.

Nói lối, có nói lối xưng-danh, nói lối đi chơi hay là nói lối để tỏ cái việc của mình ra đi làm gì, dáng cũng như nói bạch của lối tuồng, song chỉ có câu hường không có câu tán.

1) Nói lối xưng-danh, thí-dụ như bài này :

« *Chứ ra đây có phải xưng-danh không chị em ? Tôi thì (ô là vậy), chính tôi thực mụ Tú-bà. Áng lầu xanh tôi vốn một bợm già ; thần mây trắng vẫn cho là gái trẻ.* »

Hai câu 8 chữ, xanh đối với trắng, già đối với trẻ, đối chọi nhau như thế.

Lại như ả Thị-Mầu nói lối xưng-danh:

« *Tên tôi ả Thị-Mầu ; tính tôi hay dâm-mỡ. Làng bắt trâu không sợ ; nghén bằng bò dã sao ?* »

Mầu đối với mỡ, trâu đối với bò.

2) Nói lối có câu cách-cú, thí-dụ như mẹ vợ bắt đền con rể đem trăm-hà con gái mình đi, mà nói lối mắng con rể :

« *Con tôi là con gái có ngãi có nghĩ ; anh là kẻ nam-nhi vô-tri vô-giác. Sao mà bội-bạc, lại nỡ giầy-vò ? Giờ đứng nghênh cổ cò, rõ ra trò xỏ-lá ; chỉ quen nghề lâu-cá, sao còn biết yêu hoa ? Tôi kiện anh lên tòa, hẳn là anh thua toẹt.* »

Cò đối với cá, lá đối với hoa, tòa đối với toẹt, đều là chữ đối chọi. Song nói lối cũng có bài các câu cứ đặt xuôi không đối.

Cách nói sử người sau lại nhân đặt ra hát nữ (tức là hát đào nghiêm), cũng là lối song-thất mà biến ra giọng văn khác, nghe ra rất là nghiêm-trang thanh-nhã, thí dụ như ả Kiến khi cha mẹ gọi ra gả chồng, ả Kiến ra hát lối đào nghiêm như bài này :

« *Thân con kiến chen vòng trời bể ; phận làm con thơ bé mỏng manh. Chợt ngày xuân nô-nức tin oanh ; giục lòng khách hữu-tình thêm sắc mắc. Trước cửa sổ bóng gương vắng-vặc ; con đèn còn giăng mắc mối tơ-vương. Đồng tiền chính thích bốn chữ vàng ; trao lõi lụa xe dây chàng với thiếp.* »

Cách nói sử nói lối, người sau lại thêm ra nói đếm, nói xuôi, những câu nực cười, để pha giọng ba-lan cho vui trò, song cách nói mỗi câu từ 1 chữ cho đến 9 chữ, cũng là theo lối nhất, nhị, tam, tứ, ngũ, lục, thất, bát, cửu-ngôn-thi mà nói, có âm-vận tự-nhiên, và giọng ba-lan, lại nảy ra nhiều tứ cao-kỳ, khiến cho người ta bật nực cười về một cách thanh-nhã cao-xa kỳ-quặc, thế mới thú, chứ không nên nói nhảm nói tục, nữa người nghe thêm chán.

II. — *Cách hát.* — Cách hát có hai lối, là hát đường trường và hát dịp đuổi.

Hát đường trường. — Hát đường-trường nguyên là lối văn lục-bát, trên sáu dưới tám ; khổ hát cứ ba câu một dịp, còn các tiếng đệm lót, thì tùy giọng hát và hơi hát mà chen vào, và lại có tiếng láy thêm ra, hay là khi dứt câu thứ ba rồi, khi bắt sang dịp khác lại láy câu ấy lại, hoặc láy lại bốn năm chữ cuối câu ấy mà bắt xuống, cho có đận điệu mới đúng dịp. Hát đường trường các tiếng đệm lót thường có khi đệm ngay lên đầu câu, có khi chen vào dưới chữ thứ hai trên chữ thứ bốn câu lục, có khi chen vào chỗ câu lục câu bát giáp nhau, có khi chen vào dưới chữ thứ hai trên chữ thứ ba và dưới chữ thứ tư trên chữ thứ năm câu bát. Lại chỗ cuối câu bát xuống câu lục dưới cũng có tiếng đệm, và khi hết câu lại ngâm ra thêm mấy tiếng. Còn những tiếng láy thì như câu lục trên, chữ thứ bốn và chữ thứ năm hay láy rồi ra một tiếng, câu bát thì chữ thứ năm thứ sáu hay láy lại, câu lục dưới thì chữ thứ ba thứ bốn thứ năm thứ sáu hay láy lại, cũng có khi láy lại cả câu, hoặc chữ thứ năm cũng láy rồi ra một tiếng được.

Hát đường-trường có nhiều lối, là chỉ những tiếng đệm lót và tiếng láy có khác nhau, cứ kỳ-thực chỉ là văn lục-bát.

Những tiếng đệm của câu hát đường-trường, như những tiếng này : « Nói, Song, bên, có bên, ai ơi, em ơi, tang-tình, y ối y, ấy mấy, mà đề, v. v. ».

Bài hát đường-trường thí-dụ như bài này :

« *Em có yêu anh tam tứ núi chúng anh (bên) cũng trèo, thập bát sông (tang tình) chúng anh cũng lội tứ cửu tam-thập-lục đèo chúng anh trèo qua ; (nói) chén son (em ơi) nguyện với ông trăng già; (Láy), càn khôn (có bên) đưa lại (y ối y ấy mấy) một nhà vui chung ; cái con đường xa-xôi xin em chớ ngại-ngùng;(Láy) xa người (có bên) xa tiếng (y ối y mà đề có) nhưng lòng không xa ; (nói) vì dù sớm biết nhau ra ; (Láy), đá vàng (có bên) cũng quyết (y ối y mà đề) phong-ba anh cũng liều ; cái con đường tình riêng (em ơi) nhớ ít tưởng nhiều (Láy) xăn-xăm (có bên) đè nẻo (y ối y mà đề mấy) tam-kiều lần sang ; cái con dao vàng (em ơi) anh liếc đá vàng. (Láy), mắt anh (có bên) anh liếc (y ối y mà đề) mắt cô nàng cô nàng đưa ; ta mần thinh đi (em ơi) kẻo thế-gian ngờ. (Láy), lòng đây (có bên) thương đó (y ối y mà đề có) biết cơ hội nào, quyết ra tay anh bẻ khóa động đào. »*

Nhân lối hát đường người ta lại đặt ra : hát sa-lệch, hát cách, (tức là hát dịp một), hát than (tức là hát dịp-ba), hát dịp-chờ (tức là hát dịp bảy), hát sắp, hát lửng, hát thảm, hát vãn, hát đảo-lẳng, hát đảo điên, hát gái góa, hát lão say, hát nỗi-niều và hát dệt gấm. Các lối ấy cũng đều bất-ngoại văn-lục-bát mà biến đổi bọ-điệu cùng các tiếng đệm lót, các tiếng láy, cho khác giọng đi mà thôi.

1º Bài hát sa-lệch những tiếng đệm là « ới chứ đề tình, tình bằng, y ối y, mà đề, y y ». Song chữ đầu câu lục hay láy lại mà chữ cuối câu hay ngâm dài. Thí-dụ như bài này :

« *Cái (ới) cái phấn mà hồng sao nó bạc mãi chả vừa thôi, (chứ đề tình) giữa dòng nước chảy (y ối y mà đề) cánh hoa trôi nhỡ-nhàng ; (y y) thấy (ới) thấy tin sang chứ sao mà chả thấy cô nàng sang. (Láy), chứ đề tình) hẹn ba bốn năm hẹn (y ối y mà đề mấy) lòng càng tắm lòng càng xót xa, (y y nỗi (ới) nỗi đoạn-trường (tình bằng) em phải bước chân ra. (Láy). (Chứ đề tình) bức khăn hồng thấm ướt (y ối y mà đề) giọt lệ hoa giọt lệ hoa đầy tràn ; (y y) đêm (ới) đêm khuya sao lặn (mấy) trăng tàn. (Láy), (chứ đề tình) dưới khe nước chảy (y ối y mà đề mấy) trên ngàn (mấy) trên ngàn thông reo ; cái con đường tình riêng nhớ ít tưởng nhiều. »*

2º Hát cách (tức là hát dịp một), các tiếng đệm như là : « tình, bây giờ, chứ, đã, y ối y, vân-vân », thí-dụ như bài này :

« *Đào liễu em ơi một mình, em đi đâu đào liễu một mình, hai vai (bây giờ) em gánh (chứ) cái chữ nhất tình đàng xa ; tấm áo sông em xếp nếp đề nhà, (y ối y). (Tình) xếp nếp đề nhà, khăn vuông (bây giờ) em đội (chứ) phất-phơ ngang đầu ; cái yếm thắm em coi nó hãy còn mầu, (y ối y) (Tình) nó hãy còn mầu, răng đen (bây giờ) rưng-rức (chứ) cái mái tóc đầu nó hãy còn xanh ; thế mà em ở vậy sao cho nó đành. »*

3º Hát than thí-dụ như bài này :

« *Danh nhất kỳ tâm, sao có bay khéo nhị kỳ tình, vì ai xui giục đề cô mình khéo nhị kỳ tâm ; đêm hôm qua vắng khách tri-âm, vắng hoa là hoa thiên-lý thế mới than thầm cỗi cây ; đêm hôm qua rót đọi dầu đầy, than thân là thân với bóng bóng rầy bóng chẳng có thương ; suốt năm canh anh bế bóng lên giường, ngọn đèn có bên rập tắt mấy nửa thương nửa cười ; bấy lâu nay gần bên em ơi xa vời. »*

4º Hát dịp-chờ hay đệm câu « song cô bay bên thị-kỳ, song cô bay bên hãy còn, song cô bay bên hữu-tình », và câu lục thứ ba láy đến ba lần. Thí-dụ như bài này :

« *Đàn ai khéo gẩy tình tình, một đàn con cá nước nó lăn ghềnh nó nghe ; con cá nó lội so-le, (song cô bay bên thị-kỳ) con cá nó lội so-le. (Láy), một đàn con cá lớn nó đè con cá con ; con cá nó*

vượt Vũ-môn (song cô bay bên hãy còn) con cá nó vượt Vũ-môn. (Láy), *con chim nó ngậm mồi về tổ nó mớm con trên đầu ngành ; ai về tin-tức thăm oanh (song cô bay bên hữu-tình) ai về tin-tức thăm oanh.* »

5º Hát sắp hay đệm tiếng « song, thôi mà, ối a mấy », và lời giọng nghe mau mau, thí-dụ như mụ vú ẵm em hát sắp bài nay :

« (*Song*) *mày liễu mà hồng, sớn sơ* (*song*) *mày liễu mà hồng, ẵm em* (*thôi mà*) *tôi bế* (*ối a mấy*) *tôi bồng tôi ru ;* (*ru hỡi hời ru*). *Sữa đông* (*song*) *như nước đồng hồ, nghiêng bầu* (*thôi mà*) *tuyết trắng* (*ối a mấy*) *tưới đò hoa non ;* (*ạ ới ơi ới*).

6º Hát lửng, các tiếng đệm thường tùy ý lấy một vài tiếng có thể xuôi câu hát mà đệm vào, chứ không có nhất-định, mà câu đầu câu cuối hay bỏ lửng, thí-dụ như bài nay :

« *Bông huệ khế huệ cà, huệ chanh bông huệ khế huệ cà, trăm bông huệ nở tôi chẳng nỡ xa cái bông huệ nào ; so đẹp nhất huệ đào, trong vườn xuân so đẹp nhất huệ đào, gái chưa chồng lộn kiếp ấy mới thác vào làm hoa ; song ai chẳng mặn-mà. Bông huệ thơm song ai chẳng mặn-mà, nhị đào ướm hỏi ấy mấy ai là tình chung, trót, trót yêu hoa là ta chẳng ta chẳng ngại-ngùng.*

7º Hát thảm thí-dụ như mẹ con Kiều-Liên đi lánh nạn hát lân-thảm :

« *Nhác, nhác trông xem nào giặc nó đâu nào, ngại-ngùng chân thấp* (*mấy*) *chân cao gập-ghềnh ; ứa giọt lệ tình,* (Láy) *ngổn-ngang ứa giọt lệ tình, non mai trăng đã chênh-chênh gác ngàn ; tan nghé xầy đàn.* (Láy), *chỉ e tan nghé xầy đàn, gió mưa đôi trận quan-san mấy trùng ; đầu bạc má hồng.* »

8º Hát vãn, các tiếng đệm về hát vãn là : « Ới mà, ới trời ơi, ới anh ơi, ới em ơi, ới cha ơi, ới mẹ ơi ; y y y tình bằng, ấy mấy ». Hát vãn giọng nghe lại buồn rầu thảm-xót hơn, son ; chỉ vãn đến hai khổ năm câu là nhiều, và hát vãn hay dùng vào khi khóc-lóc, tức là điệu lâm-khốc, thí-dụ như khi Thúy-Kiều dặn em Vân thay mình lấy chàng Kim Trọng, rồi Thúy-Kiều chết ngất đi, ông bà Viên-ngoại ra hát vãn :

« *Vội ngất* (*ới mà*) *cơn nồng, ới con* (*ơi*) *bỗng sao* (*y y y tình bằng*) *vội ngất* (*y y*) *vội ngất cơn nồng,* (*y y y ấy mấy*) *xót vì đầu bạc* (*y y y ấy mấy*) *má hồng con dây,* (*ới con ơi !*)

Thúy-Vân cầm tờ và xuyến hát vãn tiếp :

« *Hồ dễ* (*ới mà*) *có hay,* (*ới chị ơi*) *này mẹ cha* (*y y y tình bằng*) *hồ dễ* (*y y*) *hồ dễ có hay,* (*y y y ấy mấy*) *chiếc vành với lá* (*y y y ấy mấy*) *lá tờ mây* (*y y*) *lá tờ mây hãy còn,* (*y y*) *sao chốc vội lìa hồn,* (*ới chị ơi !*) »

9º Hát đào lẳng điệu bộ và giọng hát rất lẳng-lơ nôn-nao, vừa múa vừa vỉa vừa hát. Thoạt đầu vỉa hai câu lục-bát, mà hát một câu lục ở trên ; sau vỉa hai câu lục-bát, mà hát câu bát bắt liền xuống câu lục dưới. Từ đó cứ vỉa hai câu lục-bát, mà hát hai câu bát-lục lần xuống dưới cho đến hết bài. Các tiếng đệm của câu hát đào-lẳng là những tiếng : « chị em ơi, a chị em, chứ, mà, a mà, kia còn sao, a, a a à, a ới a, ới ới a, a hà mà đề có, ới a thôi mà ».

Giọng hát đào-lẳng rất chai-lơ mạnh-mẽ, nên thường dùng vào những tay Tú-bà, Thị-Mầu, Hoạn-thư đánh ghen, vì điệu bộ rất bay-bướm, mà nghe ra giọng nôn-nao mạnh-mẽ, có ý cay-nghiệt dữ-dội, nên vai đào ghen cũng có dùng đến. Hát đào-lẳng thí-dụ như bài Tú-bà ra vỉa hát đào-lẳng :

« Vỉa : (*Chị em ơi, chứ*) *mặt trần lắm mẽ danh-ma,* (*mà*) *cung trăng thiệt tổ bợm già là tôi,* (*a chị em*). Hát : (*a mà*) *mặt trần* (*kia còn sao*) *lắm* (*a*) *mẽ danh* (*ối a thôi mà*) *danh ma.* Vỉa : (*Chị em ơi, chứ*) *mặt trần lắm mẽ danh-ma, mà cung trăng thiệt tổ bợm già là tôi a chị em*). Hát : (*a mà*) *cung trăng* (*kia còn*

sao) thiệt (a) tồ (a a à, a ới a, ới ới a, hà, mà để có) bợm già là (ới a thôi mà) là tôi ; (a mà) trong vườn xuân kia còn sao) tôi rủ bọn chim (ối a thôi mà) chim mồi. Vỉa : *(Chị em ơi, chứ) vườn xuân tôi rủ bọn chim mồi, mà khi vô cười nụ, khi ngồi cợt hoa, (a chị em).* Hát: *(a mà) khi vô (kia còn sao) cười (a nụ, (a a à, a ới a, ới ới a, a hà mà để có) khi ngồi cợt (ối a thôi mà) cợt hoa ; (a mà) xuân xanh (kia còn) bao tuổi xuân (ối a thôi mà) xuân già !*

10º Hát đào-điên, bộ điệu nhố-nhăng, lời lẽ buồn bực, câu dài câu ngắn, không cần phải tiếng đệm, cứ thuận miệng đọc ra, mới đúng là giọng điên ; người điên lòng vẫn tỉnh, nhớ đâu nói đấy, lại hay nói lẽ thẳng, thế mới là điên thực. Hát đào-điên thí-dụ như bài Quách Hiểu-Khanh là vợ Hồ Biểu-Cưu, vì chồng giết Hà Nguyên-Phủ mà lấy vợ Hà Nguyên-Phủ là Mai Hiệp-Kiều làm vợ lẽ, Hiểu-Khanh biết chuyện chồng bất-lương, đâm điên hóa rồ bỏ đi, hát đào-điên :

« *Hôm qua tôi ra chơi vườn đào, tôi nghe hai vợ chồng con chim sẻ nó ước-ao trên đầu ngành.* (Nói : *Uả kia kia con chim kia !*) *Nó thề rằng nước biếc mà non xanh, trăm năm mái tóc cuốn quanh bạc đầu.* (Nói : *Uả vợ chồng con chim mà nó có nghĩa !*) *Cái nỗi niềm tôi tưởng đến mà đau, chớ chồng tôi không bằng con chim chích lích-tích lại ra mầu trăng hoa ; giết chồng ai mà toan bỏ vợ nhà, mới làm nên tội báo oan-gia nỡ nào.* (Nói : *Rứa chi chi mà tệ ác !*) *Tôi thề rằng bể rộng trời cao, mà hồng phấn bạc nông máu đào tôi đâm điên.* (Nói : *Điên, điên điên, mất rồi !*) *Chớ ai rằng tôi ghét tôi ghen, tôi như con chim sẻ mắc duyên rối bòng ; con chim khôn mắc phải lưới hồng cũng liều gỡ sợi tơ vòng tôi bước ra, chồng con chi cái bợm già, vì chồng điên-đảo hóa mà tôi đào-điên.*

Chồng ra hỏi : — *A chớ mợ mày điên rồi à ?*

— *Mày điên !*

Chồng nói : — *A hay dễ nó hóa dại ?*

— *Mày dại !*

Cầm roi đánh chồng lại hát tiếp : « *Điên điên dại dại, dại dại mà điên điên, roi mây chị quất chị rẽ duyên chàng Hồ* ».

Chồng nói : — *Ô hay ! dễ nó hóa dồ chắc ?*

— *Mày dồ !*

Lại vơ lấy đánh chồng hát tiếp : « *Dồ dồ dại dại, dại dại lại dồ dồ, roi mây chị vút chị bổ chàng Hồ bất-nhân.* »

11º Hát gái góa, điệu bộ cũng giống như hát lân-thâm, câu dài câu ngắn không nhất-định mà lời giọng lại buồn rầu rỉ-rón hơn, thí-dụ như bài này ;

« *Giàu thì thịt cá cơm canh, khó thì lưng dưa đĩa muối cùng anh tôi đi lấy chồng. Tôi khóc rằng : ới cái anh chồng cũ tôi ơi, có thiêng thì anh trở dậy mấy ăn xôi nghe kèn. Anh đã về nghiệp ấy xin anh đừng ghen, để cho người khác mấy cầm quyền thê-nhi ; một tay tôi thắp hương, một tay tôi ôm ẵm ông thần vị, xin ông ông phù-hộ để tôi đi lấy chồng. Ới thằng cu lớn, ới thằng cu bé, hỡi con bé tí tị tì ti, con ăn con ở với ông con ở với bà, cho mẹ bước đi bước nữa kiếm và chút em ; cha con mất đi mẹ hãy còn thêm, mẹ xem quẻ bói mấy hãy còn dán em trong bụng mẹ này. Ới thằng cu lớn ơi, con ra gọi chú vào đây, để mẹ trao trả cái nghiệp này mẹ cho ; chứ dẫu ngày sau mẹ thác đi con tế mẹ ba bò, cũng không bằng thủa sống con cho mẹ đi lấy chồng ; con ơi mẹ muốn lấy chồng !* »

12º Hát lão say. Ngày xưa thoạt ra trò hay bỉ hai câu lục-bát, rồi ngâm hai câu thơ, lại hát mấy câu lục-bát nữa, mà điệu bộ làm rõ ra ông lão say. Song câu hát đời cổ, bây giờ đã tam sao thất bản đi, bạn hát họ hát cũng không hiểu rõ, nên đây chỉ theo điệu

mà đặt lại một bài, chỉ trích lấy có hai câu thơ cổ mà thôi, thí-dụ như bài này :

Ông lão say ra nói lối : « *Lão tuy già lụ-khụ ; trời cho vẫn khỏe-khỏe.* Vỉa bồng-mạc : *Này ới ai ơi, trời cho lão khỏe khỏe khỏe, tay nâng con gậy trúc, nó có gục có gạc, có chả có chạc, lão bê lão vác, trời mưa sa lác-đác, lão vẫn khoác kè-kè cái áo lông.* Sa-mạc : *Mái đầu trắng sóa hoa bông, hãy còn say gái má hồng hồng non.* Nói : *Vậy lão có câu rằng* : Ngâm : *Tá vấn tửu gia hà xứ thị ; mục-đồng dao chỉ Hạnh-hoa-thôn.* Hát : *Gật-gù nhấp chén rượu ngon, một bên trăng gió nước non vui-vầy ; say say say tít đồ quày.* » (*Ngã ngồi xuống lại đứng dậy*).

13° Hát nối niêu có hai lối khác nhau, vì tiếng láy tiếng đệm cũng khác.

a) Một lối hát nối-niêu những tiếng đệm là « tình bằng, tình chung, tình như, y ý y » mà câu lục khi láy lại hai chữ cuối câu, thường láy đến ba lần, và chữ giữa câu bát nếu có tiếng hay, cũng láy đến hai lần, cuối bài lại hay đệm câu «ò ý e ò e ý ò». Lối này cứ vai kép trăng-hoa hay là các vai công-tử bột thì hay dùng, thí dụ như bài này :

« Vỉa : *Lơ-thơ tơ liễu buông mành, con chim oanh học nói trên ngành mia-mai.* Hát : *Em nghĩ mình em có cái các bạc lưu-tai.* (láy 3), *các bạc* (*tình chung*) *thì có* (*y ý y*) *cái chân cái vốn không ; ối mái tóc mây xanh* (*tình bằng*) *em vốn lộn cái khăn sồng,* (Láy 3), *quần lĩnh thâm* (*tình bằng*) *năm ba chiếc*(*y ý y*) *để mà hồng cô nhởn-nhơ ; ới sáng trăng sáng cả vườn đào.* (Láy), *sáng suốt cả vườn chanh, ba bốn cô mà cô đàng ấy mấy cô nào còn không ; có một cô thật đích* (láy 2) *cô chưa chồng.* (láy 3), *có cho anh ghé chút* (*y ý y*) *chút làm chồng nên chăng ; ới các cô đi mình về có nhớ chàng anh chăng ?* (Láy) *anh về*(*tình chung*) *anh nhớ* (*y ý y*) *cái hàm răng mình cười ; năm quan mua lấy miệng cười.* (Láy 3), *mười quan* (*tình như*) *anh chẳng tiếc* (*y ý y*) *mấy tiếc người răng đen ; cái răng đen ai khéo nhuộm cho cô đi mình.* (Láy 3), *để duyên cô mình đẹp* (láy 2, *y ý y*) *để tình chúng anh yêu ; trăm con tơ như cái sợi chỉ điều, trăm con chỉ ấy* (*y ý y*) *cũng xe vào cái tay anh, ấy này một duyên hai nợ ba tình, ấy cái tang tình, nay ba tình mười một cái cái tình, mong song hỡi tình, a lên một lên hai, lên ba, lên bốn, làm khốn mẹ cha, lên chín, lên mười, soi gương* (*tình chung*) *đánh phấn, tích tịch tang tình tang cho nó đẹp.*(*ò ý e ò e ý ò*). »

b) Một lối hát nối-niêu nữa, những tiếng đệm là : « này ới các bác ơi » và các tiếng láy là ở chữ thứ năm thứ sáu câu lục, cũng láy lại ba lần, thí-dụ như bài này :

« *Anh quyết bắc thang lên anh hỏi ông trời,* (*này ới các bác ơi*), *ông trời ông trời, những tiền anh cho các có con gái kề có vài ba xu ; cái tình anh chơi rõ lu-bù. Lu-bù, Lu-bù, lu-bù* (*này ới các bác ơi*), *lu-bù lu-bù, song anh nắn giây lưng khố rõ một xu không còn ; vậy cho nên anh phải ăn bòn. Ăn bòn ăn bòn* (*này ới các bác ơi*). *ăn bòn ăn bòn, đến khi là khi mất khố mấy chạy bon lên rừng ; cái tình cay cay quá ăn gừng, ăn gừng ăn gừng* (*này ới các bác ơi*), *ăn gừng ăn gừng.*

Lối hát nối-niêu này, cứ những vai ra hát ba-la-ba, hoặc như tụi sợ vợ đi hát ả-đào, bị vợ đến bắt mà chạy trốn, hay là những bọn tiểu-phu đi hái củi, gặp loạn mà chạy, hay là bọn đi chơi mà gặp sự nguy-hiểm gì mà chạy, thì ba bốn người cùng hát đồng-thanh đồng-điệu nghe rất vui và nực cười. Lối hát nối-niêu, bởi vì câu dài câu ngắn hay lạo-nhạo trộn-trạo với nhau, câu thì có tiếng đệm câu thì không, câu thì có tiếng láy câu thì không láy, tùy

giọng hát, hơi hát mà lựa, nên gọi là lối hát nồi-niêu, điệu bộ thực láo-nháo không nhất-định, mà văn rất kỳ-quặc nực cười.

14° Hát dệt gấm, các tiếng đệm là : « ới mà, y y, tình bằng, tình như, tình tình tình tình, mấy » mà điệu bộ rất thanh-thả, thí-dụ như bài này :

« *Dệt gấm (ới mà) thêu hoa, (y y) em ngồi rồi (tình bằng) dệt gấm mà thêu hoa, (y y) em thêu con bướm, con đậu con bay, con say con liệng (mấy) xinh đà nên xinh, (tình tình tình tình) ; (y y) cái sợi chỉ hồng (tình bằng) em xe quần xe quanh, (tình tình tình tình), xe quần xe quít (mấy) xe anh lấy nàng, tình tình tình tình) ; suốt năm canh thánh thót cái mũi kim vàng, (tình tình tình tình), sợi ngang (tình như) sợi dọc may luôn song con chỉ đào, (tình tình tình tình).* »

Trở lên các lối hát sa-lệch, hát cách, hát than, hát dịp chờ, hát sắp, hát thảm, hát vãn, hát lửng, hát đảo lẳng, hát đảo-điên, hát gái góa, hát lão say, hát nồi-niêu và hát dệt gấm, tùy điệu-bộ mỗi lối một khác, văn-chương mỗi cách một lạ, tiếng đệm và tiếng lấy khác nhau, song kỳ thực là bởi một lối hát đường - trường mà chuyển-biến ra, nên bất-ngoại văn lục-bát cả.

Hát dịp-đuổi.—Hát chèo lại còn lối hát dịp đuổi, là bởi lối hát tầu-mã của hát tuồng mà biến ra, nên mỗi câu chỉ có bốn chữ, và bốn năm câu làm một dịp, dịp rất mau mà giọng văn rất giòn-giã nôn-nao, nghe rất vui mà bật nực cười, tức là lối hát của vai hề - đồng ngày trước, nên thường dùng cho hề-đồng hay thằng quít coi nhài hát. Hát dịp đuổi có mấy tiếng đệm là : « tình tình tình, quá lới nọ », thí-dụ như tên hề-đồng của Kim Trọng khi đi thanh-minh gặp Vân Kiều mà hát bảo thầy như bài này :

«*Con gái mày hoa, đâu ra mà «dậu»; cậu ơi hỡi cậu, đó nọ kia kìa (tình tình tình) kìa, (quá lới nọ) kìa kìa* (1 dịp). *Người đẹp như kia, trời nào không chết ; chết mê chết mệt, hai cô mày nguyệt, một nét lững lờ, (tình tình tình) lờ, (quá lới nọ) lờ ai* (2 dịp). *Thấp-thoáng hoa mai, cách ngoài tơ liễu, cậu vào cậu ghẹo, tôi đừng tôi thèm, (tình tình tình) thèm (quá lới nọ) thèm trông* 3 dịp. »

Hát dịp đuổi, những bài của đời cổ, nhiều câu đặt xốc-xếch, giọng văn rất kỳ-quặc, và lý-tưởng cao-diệu lắm, rất là khó bắt-chước được, nay viết lại một bài để tồn-cổ, thí-dụ như bài này :

« Bỉ : *Đồn rằng ngoài tỉnh Hưng-yên, có cô con gái trái nhân-duyên cô nhỡ chồng.* Hát : *Trống cơm ai khéo vỗ (phú) nên vông, một đàn con vịt (1) lội sông đi tìm ;(phú), ngày mai con mắt cô lim-dim, chân đi là đi thất-thểu như chim tha mồi. — Đèn ai thấp-thoáng bên sông, như đèn sư cụ, đầu trọc long-lóc, đầu trụi thủi-lụi, râu-ria râu-ria không cọ (2), tay cầm dùi mõ, tay gõ tiu cùng, trừng tôm trừng, tôm trừng, tôm trừng, cùng cùng cùng, tùng, boong, tôi niệm Na-mô A-di-đà-phật, tôi niệm Na-mô A-di-đà-phật.* »

Hát dịp-đuổi lại còn bài này, giọng hát thật là quái-quắc, mà tam sao thất bản, không hiểu nghĩa ra làm sao, mà điệu thì hay lắm :

« Bỉ : *Riêng than đất chín trời mười, cây khô chưa dễ mọc chồi đâm bông.* Hát : *Một cây khô-mộc đợi trông, hai cây khô-mộc đợi trông, gió đánh trất-tra-trất-trẻo, trặt-trả-trặt-trẻo, trên ngọn cành tùng trơ-vơ. — Nam đáo nữ phòng nam tắc loạn, nữ đáo nam-phòng nữ tắc dâm ; sinh tử mạc sinh tâm, sinh con ai nỡ sinh lòng. — Kia như cái gục cái gac, nó có chả có chạc ; mạc đạo xá vô giác, thành long dã vị*

(1) Vịt = vịt, (2) Cọ = có.

tri ; kia kia như con cú nó mọc sừng. »

Lại còn bài hát dịp đuổi này nữa :

« *Một đàn con chim, ở đâu bay lại, ở đâu bay tới, con đang cắn trái, con đang tha mồi,* (*tình tình tình*) *mồi, quá lời nọ*) *mồi ăn* (1 dịp). *Cái con hươu kia, mày đương ăn lộc, ta trông thấy mày, mày trông thấy ta, ta không đuổi mày,* (*tình tình tình*) *mày,* (*quá lời nọ*) *đuổi mày mà chi ?* »

Xét như thế thì lối hát chèo chỉ nguyên có lối nói sử, lối hát đường-trường và lối hát dịp-đuổi, ba lối mà thôi.

Lối nói sử nguyên là văn song-thất, câu trên bảy chữ, câu dưới bảy chữ, mà biến ra nói xuôi và than sử, hát đào-nghiêm mọi lối, thành ra văn nhất nhị tam tứ ngũ lục thất bát cửu-ngôn-thi, nghĩa là từ câu một chữ đến câu tám chín chữ, dài ngắn tùy giọng hát và hơi hát mà đặt, cốt sao không lạc vần lỡ điệu là được. Lối hát đường-trường, thì nguyên là văn lục-bát câu trên sáu chữ, câu dưới tám chữ mà chỉ thêm những tiếng đệm và tiếng lấy vào cho khác giọng mà biến ra hát sa-lệch, hát cách, hát than, hát dịp-chờ, hát sắp, hát lửng, hát thảm, hát vãn, hát đào-lẳng, hát đào điên, hát gái góa, hát lão say, hát nồi niêu, hat dệt gấm, mọi lối, vân-vân. Còn như hát dịp-đuổi, thì lại từ lối hát tuồng tầu-mã mà biến ra, nên mỗi câu hoặc bốn chữ hay là năm chữ bảy chữ, và mỗi khổ ba bốn năm câu, cũng tùy theo giọng hát và hơi hát mà đặt.

Lối hát chèo cổ chỉ có ba lối hát, người sau lại thêm những giọng hát hãm, hát mưỡu, hát nói của ả-đào và giọng hát bồng-mạc sa-mạc, trống-quân, hát đò đưa, hát ru em, hát đi cấy, hát hái rau, hát rỉ vong, hát gọi-hồn, hát bài sai, hát chầu-văn, hát cúng cháo, hát kể-hạnh cúng hát Mọi, hát Mán, hát Thổ và các giọng hát Huế, ca Huế, ca Sài-gòn, để cho nhiều giọng hát phụ thêm vào cho vui trò, lại còn pha cả giọng hát Tàu hát Tây vào nữa.

Bộ đồ âm-nhạc hát chèo trước cũng chỉ có trống, la, sênh, mõ, giờ cũng thêm kèn nhị và đàn Huế, đàn Tàu vào theo như lối hát tuồng, và cũng có khi thêm cả đàn Tây vào. Song chẳng qua chỉ chuộng lạ, chứ dùng để cổ-động thì không gì bằng trống, la, mà làm cho giọng hát có đận-điệu giòn-giã thì không gì bằng sênh, mõ, nếu muốn gợi lòng khảng-khái, dấy dạ thanh-cao, thì chỉ thêm kèn nhị đàn sáo là hay lắm rồi.

Nói tóm lại, cả hát tuồng lẫn hát chèo, xét ở trong kinh *Thư* kinh *Thi* và *Xuân-thu Tả-truyện* với sách *Sử*, thì hát tuồng và hát chèo, tức là khúc nhạc múa hát có từ đời Đường Ngu và Tam-đại, tức như khúc nhạc *Hàm-trì* 咸池 của vua Nghiêu, nhạc *Thiều* 韶 của vua Thuấn, nhạc *Đại-hạ* 夏大 của vua Vũ, nhạc *Đại-bộ* 大護 của vua Thang, nhạc *Đại-vũ* 大武 của vua Vũ, đều là các khúc nhạc múa hát của đời Đường Ngu Tam đại đó vậy. Kinh *Thư* nói : Vua Hạ-vũ đi đánh rợ Tam-miêu 三苗, không được mà ban quân về, múa cái can và cái quạt lông ở trước thềm, ba tuần mà rợ Tam-miêu lại đến chầu. Kinh *Thi* nói : Người lớn ngồn-ngộn, múa nhạc Vạn ở chốn công-đình; *Xuân-thu Tả-truyện* nói: Kẻ Ưu là người Thi làm quan nước Tấn hát khúc *Ô-ô* 烏烏; sách *Hán-sử* chép ông Đông-phương Sóc hay làm văn giải-trào và hay nói chuyện khôi-hài, vua Hán Vũ-đế rất yêu quí, đãi lấy cách bài-ưu, nghĩa là coi như trò hề vậy. Xem như thế thì hát tuồng và hát chèo thực là một việc nhạc suốt từ đời tối cổ văn-minh truyền lại, chớ không phải là một trò chơi đùa mà thôi. Hát tuồng hát chèo truyền sang nước Nam ta, chưa rõ là từ đời nào, song tuồng thì là giọng Huế, mà chèo thì thực là giọng Bắc-kỳ vậy.

NGUYỄN THÚC-KHIÊM

ƯC-TRAI DI-TẬP

抑齋遺集

Các thư-trát của cụ Nguyễn Trãi thảo thay lời cho vua Lê Lợi

Tổ-tiên Nguyễn Trãi quán ở xã Chi-ngại, huyện Phượng-sơn, (nay là Phượng-nhãn), có mộ tổ ở xã Nhị-khê. Cha là Ứng-Long hiệu là Phi-khanh, đỗ tiến-sĩ, lấy con gái ông Trần Nguyên-Đán, sinh ra ông Nguyễn Trãi, Nguyễn Bảo, Nguyễn Hùng và Nguyễn Ly. Trãi sinh năm canh-thân niên-hiệu Xương-phù thứ 4 triều vua Trần Phế-đế. Trãi còn ít tuổi, đã có tiếng văn-học, hai-mươi-mốt tuổi đỗ tiến-sĩ Triều Nhuận-Hồ, nhân bấy giờ người nhà Minh sang đánh nhà Hồ, bắt ông Phi-khanh và con là ông Bảo, ông Hùng, ông Ly, đưa về Yên-kinh. Ông theo ra cửa Nam-quan, gạt hai hàng lệ, muốn tiễn chân đi đến tận nơi, cha bảo rằng: « Nay ta tuổi già, ta đi phen này bất-hạnh có mệnh nào, sẽ đưa ta về núi Bái-vọng yên-táng, vì chỗ ấy sơn-thủy hữu-tình, thực là phúc-địa, lòng trời còn lưu lại cho ta đó. Ta xem thiên-văn hai-mươi năm sau, phương Tây có vị chân-chúa ra đời, con nên trở về thừa cơ-hội ấy, làm thế nào để báo thù cho cha, rửa thẹn cho nước, ấy là đại-hiếu, nay theo ta có ích gì? » Ông vâng lời trở lại, rồi đến đền Dạ-trạch cầu-thần ứng-mộng, đêm ấy thần báo mộng có ông Lê Lợi ở Lam-sơn làm thiên-tử, bèn tìm đến Lam-sơn hỏi thăm vào tận nơi, xin làm gia-bộc. Ở đấy một năm, chăm việc cầy cấy, không thấy sự gì là khác thường. Một hôm gặp ngày kỵ-nhật gia-tiên, thấy Lê Lợi ngồi xổm cầm giao cắt thịt ăn, bụng bảo dạ rằng: « Ngày trọng-hủy nên phải để lòng kính-hiếu, mà lại ăn uống vô-lễ như vậy, thì sao được là chân-chính anh-hùng! » Có ý khinh-bỉ, bèn bỏ đi.

Một hôm đi chơi, trời đã xế chiều, trọ nghỉ ở bến đò, Trần Khẩu người nhà Minh cũng trọ một bên, cách một bức vách, canh khuya người nhà Minh nói chuyện với nhau rằng: « Tướng-tinh ở nước An-Nam điểm trời đã hiện, chúng ta phải nên để ý đề-phòng. » Một người lại hỏi: « Anh đã tinh thiên-văn như vậy, anh có biết tướng-tinh là ai không? » Đáp rằng: « Người ấy hồ-tướng, ăn uống thô-tục. » Lúc ấy Trãi nằm lắng tai nghe biết ý là họ chỉ chúa Lam-sơn. Sáng sớm mai lại tìm đến chủ cũ. Chúa hỏi: « Lâu nay đi đâu? » Thưa: « Tôi bận việc nhà, nay thư việc nên tìm đến hầu chúa. » Tự đấy có ý xem xét động-tĩnh như thế nào, thường thấy phiên chợ nào chúa cũng thân-hành đi mua dầu và rượu thịt, mọi phiên trước mua rượu nhiều hơn dầu, đến phiên ấy thời mua dầu nhiều hơn rượu, để ý rình xem mua dầu làm gì. Tối đến trời đã canh hai, rình không thấy chúa ngủ ở nhà, bèn trèo lên đỉnh núi nom thấy một chỗ có ánh sáng, đoán chắc là chúa ở chỗ ấy, lẻn vào đứng nấp một bên, thấy chúa cùng với Lê Thụ 黎受 đương tính *Thái-ất* rồi bàn nhau rằng: « Đến năm hợi mới có cơ-hội làm được. » Trãi máy mồm nói: « Lầm to! » Chúa ngạc-nhiên ngoảnh lại nom thời mới biết là Nguyễn Trãi, toan rút gươm chém. Trãi thưa rằng: « Tôi đến đây cái mục-đích cũng chỉ vì việc nghĩa-cử, chứ có ý gì khác đâu, xin chúa miễn

thử cho. » Chúa nói : « Quả như vậy, anh có biết tính *Thái-ất* không ? » Thưa : « Tôi cũng hiểu được ít nhiều. » Chúa truyền cho ngồi, thử tính lại xem có thật lầm không. Tính lại thời cơ - hội đích là năm dậu.

Chúa lâu nay cùng với Lê Thụ chực mưu khởi - binh, nhưng còn do-dự chưa quyết, tự đấy được Nguyễn Trãi mới quyết kế thi-hành cái chủ-nghĩa của mình.

Trước Nguyễn Trãi vì Trương Phụ bắt cha mình, bất-đắc-dĩ phải ra hàng nhà Minh, Trương Phụ dụ cho làm quan, nhưng Nguyễn Trãi khảng-khái không chịu làm, Trương Phụ toan đem giết, gặp được Hoàng Phúc có lượng nhân-từ, thấy tướng người linh-lợi xin tha cho, nhưng giữ ở trong thành như tù giam lỏng vậy. Sau nghe tiếng Lê Lợi mưu việc nghĩa - cử ở Lam-sơn, mới trốn về với Lê Lợi.

Chúa Lam-sơn đóng ở suối Giang (thuộc Thanh-hóa), Trãi dâng bài *Bình-ngô sách*, chúa khen người có thao-lược, dùng làm gia-thần.

Khi chúa đóng quân ở bên sông Bồ-đề dựng một cái lầu ba tầng cao ngang bằng cột tháp chùa Báo-thiên, chúa ở tầng trên, Trãi ở tầng thứ nhì, phàm những lời khuyến-dụ tướng-sĩ và văn-thư từ-trát vãng-lai với tướng nhà Minh, đều ở tay Nguyễn Trãi thảo-thiện.

Khi ngài bị vây ở Chi-linh, tuyệt lương hai ngày, phải ăn rau và măng luộc, quân-sĩ mỏi-mệt không biết thế sao được, bất-đắc-dĩ phải đưa thư cho Sơn-Thọ 山壽 và Mã-Kỳ 馬騎 là tướng nhà Minh xin ra hàng.

Thư đưa cho Mã - Kỳ

« Bộc đây thường nghe : người ta gặp lúc thái-bình, ai cũng được yên vui, không phải chịu những cảnh khổ-sở, nay bộc sinh-trưởng ở nước Nam, gặp được thượng-quốc trên có thánh-quân, dưới có hiền-thần, mà lại phải chịu những cảnh khổ-sở như vậy là cớ gì ? Bởi vì tri-huyện Đỗ Phú là người đồng-hương vẫn cùng với bộc có hiềm-khích, nên đem lót của cho quan Tham-chính là Lương Nhữ-Hốt 梁汝笏, vu cho bộc khi-mạn quan trên, âm-mưu những việc phi-pháp, nếu không trừng-trị tất hoạn về sau, Nhữ-Hốt quá tin, bèn xuất-quân đến vây nhà bắt cả vợ con cùng tộc-đảng, rồi lại quật cả phần-mộ tổ-tiên lấy cả hài-cốt, cái tình-cảnh ấy bộc không biết kêu ai được, tiến cũng khó, thoái cũng khó, bèn khiến thân-nhân đến cửa tam-ti mà tạ tội ; không ngờ thân-nhân cũng bị chém giết, bộc không biết tình-ý thế nào, nên phải ẩn núp ở chỗ sơn-lâm, ngày ăn không được no, đêm ngủ không được yên giấc, chỉ vì cái lòng phẫn-uất không yên, thời cùng thế bách, nên phải suất đảng-chúng vây nhà Đỗ Phú để báo cái thù trước mà thôi, chứ có dám sự gì là bạn-nghịch. Nay nghe quan Tổng-binh có lượng nhân-từ, không giết những người vô-tội, may mà bộc lại được đội ơn tái-sinh, để được đổi lỗi cũ, mà lên con đường mới, chả là hạnh-phúc lắm dư ?

« Vậy xin cẩn ủy anh họ là Lê Lộc, Lê Vấn đưa thư đến trước cửa viên-môn mà tạ lỗi, xin Tổng-binh lượng khoan, muôn tạ. »

Thư đưa cho quan Thái-giám Sơn-Thọ

« Đạo thiên-hạ trọng không gì trọng bằng trung nghĩa, quí không gì quí bằng danh - tiết, tôi đây sinh - bình muốn danh-tiết mà trọng trung-nghĩa, dẫu đương cái cảnh gian-nguy hiểm-trở mà cái chí bình-sinh chết cũng không đổi, ngày đêm than thở mong có trời soi xét đến cái lòng tinh-bạch ấy cho.

« Nay nghe Đại-nhân mới ở Yên-kinh đến, ơn trời lượng bể xét đến

nguyên-do, vì đâu làm nên tội-trạng, mà mở đường tái-sinh, thì tôi lấy làm hân-hạnh lắm.

« Vậy tôi mong ngài dung-nạp cho tôi được làm gia-nô, để khỏi huyện-quan ức-bách, thời tôi đội ơn vô-cùng »

Thư đưa quan Tổng-binh nhà Minh và quan phủ Thanh-hóa

« Phàm vật bị phải oan-ức thời phải kêu, mà bị oan-ức cũng bởi người trên không xét đến phải trái hư thực thế nào.

« Nay quan Trấn-thủ vâng lệnh triều-đình, tới đây chăn nuôi trăm họ, không khác gì cha mẹ nuôi con, hết lòng nhân-ái. Tôi nay bất-hạnh chịu những sự oan-khổ, vì không ai thương đến, lại chịu những sự binh-đao khổ-sở, tuy tội tự tôi, mà cũng bởi tự thượng-quan không có lòng chiếu-cố vậy.

« Ôi ! ghét chết mà muốn sống, tới yên mà lánh nhọc, là thường-tình người ta. Tôi nay bỏ cả quê hương mà ẩn núp trong rừng-rú, cái tình-cảnh ấy, nói bao nhiêu thời lại đau lòng bấy nhiêu. Nghe tiếng Triều đình ơn rộng, quan Thú-mục là bậc tuấn-lương nỡ để tôi phải chịu cái thảm-trạng ấy ? Nay tôi thề với thiên-địa đem đẳng-chứng lấy bụng thành-thực mà xin hàng, vậy nhờ ơn tái-sinh xét đến tình-trạng cho tôi, thứ tha lỗi cũ, khiến tôi được hết lòng trung-thực để qui-phụ triều-đình, chính là chí-nguyện của tôi vậy, xin lượng thứ cho, muôn tạ. »

Thư đưa cho Phương-Chính :

« Tôi nghe cái nỗ nặng nghìn quân, không vì con chuột mà mở máy. Nay ngài là bậc danh-tướng, lại đem quân hai nước tranh được thua với kẻ thất-phu thời không phải là dũng-tướng. Dù có thắng-trận, chẳng qua được cái tiếng phong-hầu, vạn-nhất mà thua trận không những hao binh tổn tướng, mà lại để cái tiếng cười ở đương-thời, gây cái vạ lớn cho đời sau, tưởng bấy giờ hối cũng không kịp. Nghĩ kế ngày nay không gì bằng bãi binh yên nghỉ, chiêu-nạp những kẻ ra hàng, chả là thượng-sách hay sao ? Như vậy thời không những là hạnh-phúc cho ngài với tôi, chính là đại hạnh-phúc cho thiên-hạ hậu-thế vậy. »

Phương-Chính tiếp được thư, nhưng vẫn tiến binh và có thư dụ chúa ra hàng, nhân có thư đáp lại.

Thư đáp lại Phương-Chính

« Bảo mày quân ngược-tặc Phương-Chính kia, ta nghe đạo làm tướng lấy nhân-nghĩa làm gốc, trí-dũng làm ngọn, nay lũ bay chuyên-thượng quỷ-quyệt, tàn-hại những kẻ vô-cô, hãm người ta vào nơi tử-địa mà không biết thương, không biết xót, cái tội ấy trời đất cũng không dung, quỉ-thần cũng không xá ; bởi vậy hằng đánh hằng thua, thua mà không biết tự hối, lại còn dương-dương tự-đắc, muốn đem sự chinh-chiến để làm hại lây cho ức-triệu người hay sao ?

« Nay nước mùa xuân lam-chướng, nhiễm nhiều khí độc, mà đem đại-binh lưu đóng ở đó, khiến cho quân-sĩ bị bệnh mà chết, cái tội tự ai ? Binh-pháp có câu : « Kẻ nhân-giả lấy sức yếu mà địch được sức mạnh, kẻ nghĩa-giả lấy quân ít mà địch được quân nhiều ». Mi có phải là quân nhân-nghĩa thời nên lập-tức bầy binh bố trận, để cùng ta quyết thắng-phụ phen này. »

Phương-Chính được thư thách vâng nên tiến binh ra chỗ đồng bằng để cùng quyết-chiến. Nhân lại đưa thư để đáp lại.

Lại phúc-thư cho Phương-Chính

« Mày quân nghịch-tặc, ta nghe danh-tướng xưa nay trọng nhân-nghĩa

mà khinh quyền-mưu, lũ bay quyền-mưu chưa đủ đối-địch với ai, còn nói gì được nhân nghĩa ! Trước bay đưa thư cười ta như là con chuột thập-thò ở cửa lỗ, không dám ra ngoài. Nay quân ta đã đến Nghệ-an, chỗ ấy đất bằng, đều là chiến-trường rộng-rãi, thế mà bay vẫn đóng cửa thành không dám cùng ta quyết-chiến, thời khác gì bà lão ngồi trong xó bếp nói vọng ra ngoài, chả hèn lắm ư ? »

Quân ta đóng ở thành Đông-quan, Vương Thông 王通, Sơn-Thọ, sai Nguyễn Siêu 阮超 đem tờ thư xin giảng-hòa, nhân đưa thư đáp lại.

Thư đưa cho Vương Thông Sơn-Thọ

« Ta nghe trời đất đối với muôn vật dẫu sấm-sét mà cái lòng hiếu-sinh vẫn ngụ ở trong ; cha mẹ đối với con dẫu đánh chửi mà cái bụng nhân-từ vẫn ngụ ở đấy. Nay tiếp được thư của đại-nhân cho được giảng-hòa, thật là hân-hạnh cho tôi lắm, không khác gì cái ơn sinh-thành của cha mẹ trời đất vậy, dù có đem mình mà hi-sinh, cũng chưa đủ báo đền được. Nghe đại-nhân quả có lòng yêu đến tôi, thương đến dân, thời nên sai bộ-thuộc, trước đến thành Diễn-châu, thành Nghệ-an, thành Tân-bình, sức cho quân-sĩ cởi áo giáp, giải đồ binh, lui quân về. Tôi xin ủy người vào Kinh-sư tiến-cống phương-vật, nhờ ơn đại-nhân sai bộ-thần cùng với người thân-tín của tôi vào Kinh-sư, hướng cửa khuyết mà tạ tội, còn như đường-sá cầu đò đi lại tôi xin sửa-sang rất là cẩn-thận, không phải phiền đến quan-quân, đại-nhân y lời cầu-thỉnh của tôi, thời không những dân nước tôi khỏi phải đồ-thán, mà quân-sĩ ở Trung-quốc, cũng khỏi khốn-khổ về việc binh-qua. »

Thư đưa cho Hà Trung và Lương Nhữ-Hốt :

« Tôi nói để Hà lão-quan cùng Lương Tướng-quân biết, nay muốn cả người lớn người nhỏ đều được bình-an vô-sự, nên nghe lời tôi mau mau chỉnh-bị, trang-vật ra ngoài thành, để đợi các quan Diễn-châu và Nghệ-an cùng đi về Kinh một thể. Nếu không nghe lời tôi tất sau này nhiều việc khốn-khó, hối cũng không kịp. Các ông thử xem thành Diễn-châu, thành Nghệ-an, thành Thuận-hóa quan-quân đều đã ra hàng, mà vợ con quyến-thuộc, tôi cũng bảo-toàn hết cả, không chút gì thiệt-hại, các ông không nghĩ tới, lại muốn cố giữ cô-thành, cam chịu những sự khốn-khổ như vậy hay sao ? Phỏng tôi đây có lòng muốn làm hại các ông, thời dẫu cho trăm phương nghìn kế khôn-khéo đến thế nào, cũng không thoát khỏi, chỉ vì nay thánh-thượng khoan-nhân, sắc cho quan Tổng-binh được tiện-nghi hành-sự, lập con cháu nhà Trần, rồi đem quân về Kinh để hai nước khỏi bận về sự can-qua ; tôi nghe được tin như vậy, nên tôi cũng lấy cái đạo nhân-nghĩa hết lòng tuân lệnh triều-đình, phàm những quan-quân, xin tiễn tống về đến tận nơi, mà những cầu đò đường lối đi lại, cũng sửa-sang chu-tất và lương-thực lộ-phí cũng đã dự-bị sẵn-sàng đó là tôi muốn lưu cái tiếng tốt sau này, cho nên không muốn cùng với các ông so-sánh sức mạnh làm chi. Các ông không nghe lời tôi thời tôi đem binh-tướng mà đối-địch với các ông, chỉ trong một tháng thì đủ biết, đến bấy giờ dẫu các ông có thành vàng ao nóng cũng phải bỏ mà chạy, tài nào mà chống được. Vậy nên tôi phải nghĩ thay cho các ông, không gì bằng thoái-binh là thượng-sách, xin các ông đừng đem cái lòng hồ-nghi đến nỗi lỡ việc thời biết làm thế nào. »

Thư gửi cho Thái-công

« Thái hiền-huynh nhã-giám : tiểu-đệ ngụ thành Đông-quan, nghe tiếng hiền-huynh đã ra thành bái-yết Trần-vương, tiểu-đệ lấy làm mừng lắm, mừng được

từ nay giải binh, khiến cho nước Nam tôi được khỏi cái vạ can-qua, thực là đại-hạnh-phúc, vậy hiền-huynh thực là bậc quân-tử tri-cơ, và xin đem cái lòng thành-thực kết làm bạn chí-hữu, tình giao-tất dẫu trăm năm không dám quên. Vậy nay tôi đã khiến người đem cho cái thuyền lại đón hiền-huynh cùng với các quan và qui-quyến để tiện đưa về Kinh, còn những bộ-thuộc quân-ngũ thời để đi bộ, vì đường lối tôi đã sửa-sang đâu đấy đều được bình-thản, không có quan-ngại chi cả, vậy xin nói hiền-huynh biết trước, để kịp chỉnh-bị hành-trang.»

Lũ Vương Thông giữ thành Đông-quan, đưa thư trách ta phụ-ước, nên đưa thư đáp lại.

Thư đáp lại Vương Thông.

« Tôi nghe tính người nước Việt kiêu-bạc, người nước Tề trí-trá, đó là địa-khí bẩm-sinh đại-để như vậy. Tuy vậy nhưng cũng có người trung-tín đốc-thực, xuất-sắc hơn những người tầm-thường mà không ai biết.

« Nay các-hạ trách tôi trước sau đổi lời, ấy đó là tự người sứ-giả không có hiểu sự-thế ra làm sao, đến nỗi hai bên nghi-thị nhau. Như tôi đây có bụng gì khác đâu, chỉ đem một lòng thành-thực mà đối với các-hạ, mong các-hạ thể-tất cho. Như bảo quân-đình thường hay chém giết, đó là những quân mạn thượng-lưu không có kỷ-luật, nhân vì tham của mà đem lòng tàn bạo như vậy, tôi đây vẫn thường ra lệnh cấm-chấp, nên chính nó cũng đã tuân theo ước-thúc không dám hung-ngược như trước nữa. Như bảo rằng quân-vệ trước bị bắt bao nhiêu người chưa thấy đưa đến trả, đó là đường-sá xa-xôi, quân đi không tiện, nhưng nay mai tất cũng lục-tục đi đến nơi, sự đó không ngại. Như bảo sứ-giả dâng tờ biểu về Kinh chưa thấy tiến đến đất Ôn-kỳ để cùng cử-hành cho tiện, đó là tự người sứ-giả dùng-dằng chưa kịp đi, nhân phao-ngôn cho tôi những điều trí-trá làm vậy, chứ thực tôi không có ý gì khác cả, các-hạ không tin lời tôi thời nên khiến một hai người thân-tín cùng với người thân-tín của tôi, trước đến đất Ôn-kỳ thăm hỏi xem hư-thực thế nào, để khỏi đem lòng nghi-thị. Như bảo đường-sá cầu-đò chưa thấy sửa-sang, đó là lời hòa-ước chưa định, nên việc chưa cần làm, nếu định được hòa-ước thời công việc làm cũng không mấy chốc mà xong. Vậy mong các-hạ lấy lời tôi nói làm tin, thời trăm việc, việc gì cũng xong cả.»

Tiếp thư của lũ Vương Thông nói giảng hòa, nhân đưa thư đáp lại.

Thư đáp lại Vương Thông và Sơn-Thọ

« Tôi nghe tín là bảo của nước, nếu không có tín thời làm việc gì cũng không đủ tin. Mới đây tôi tiếp được thư của ngài và khiến sứ lại nói ước với tôi giảng-hòa thì tôi cũng xin bằng lòng cả, nay tôi xem trong thành còn thấy đào hào cắm lũy, lại phá những đồ cơ-khí, nào chuông ở chùa Quy-điền và ở chùa Phổ-minh để làm súng đạn, ấy là các ngài định đưa quân về Kinh hay sao? Hay là cố-ý giữ thành hay sao? Tôi cũng không được biết. Truyện có câu: *«bất thành vô vật»* 不成無物, ý nói lòng mà đã không thực thời việc gì cũng là dối-giả. Các ngài quả có giữ lời ước cũ thời làm việc gì cũng phải nên suy-xét đường gì lợi đường gì hại mà làm cho rõ-ràng, để đối với thanh-thiên bạch-nhật, chứ đừng làm như cái trò giấu voi đụn rạ như vậy. Muốn lui quân về thời phải lui quân về ngay, muốn giữ thành thời cứ việc giữ, hà-tất phải ngoài nói giảng-hòa mà bên trong âm-mưu phòng-bị là cớ gì? Ôi, tiểu-dân chí-ngu mà lại chí-thân

tôi đây tuy không có cái tài-trí thông-minh, nhưng ngẫm lời đức thánh Khổng nói : « *Thị kỳ sở dĩ, quan kỳ sở do, sát kỳ sở an.* 視其所以。觀其所由。察其所安 », thời bụng người ta thực hay dối thế nào, cũng đủ biết.»

Bấy giờ quân ta tiến đến bãi bên bắc sông Lô cùng với thành Đông-quan đối-lũy, Vương Thông, Sơn-Thọ sai sứ-giả là Nguyễn Sĩ đến chỗ quân-môn thông tin-tức, nhân đưa thư bảo cho lũ Vương Thông biết.

Thư đưa cho Vương Thông

« Tôi nghe đem lòng thành-thực đãi người ta thời người ta cũng đem lòng thành-thực mà đãi mình. Ôi, cái đạo chí-thành khả cảm-động được trời đất, giao-thông được quỉ-thần, phương chi là người. Nay quan Tổng-binh vâng chiếu-mệnh ra ngoài cửa quan, nên phải đãi người ta cái lòng thành-thực, song lại đem cái điều trí-trá để lừa người ta, nghĩ thế là đắc-sách. Trước nói với tôi hễ dâng tờ biểu lập con cháu nhà Trần thời lập-tức lui quân về Kinh. Nay tôi đã dâng tờ biểu rồi, thế mà vẫn thấy đào hào đắp lũy, cố ý giữ thành như thế, có phải là dối người ta, mà lại dối mình không ?

« Đời cổ quan đại-phu vâng mệnh ra chỗ cương trường việc gì cũng được tự - chuyên, phương - chi đại - nhân đương chức Tổng-binh vâng lệnh nhà vua tới đây, đã cho phép tiện-nghi hành-sự, thời những công việc ở đây làm thế nào tiện-lợi thì làm, chứ có lẽ việc gì cũng nhất - nhất đợi mệnh Triều-đình hay sao ?

« Vả việc binh cốt phải cho mau chóng, như mây bay, như gió thổi, một phút một chốc cơ-quan biến-hóa không biết đâu mà lường. Nay đại-nhân làm việc gì cũng do-dự, nghe lời Mã-Kỳ Phương-Chính là lũ tiểu-nhân không kiến-thức chi cả, đến nỗi hồ-nghi, không có việc gì mà quả-quyết làm đi cho được. Mới đây đưa thư nói quân ở trong thành trước kéo ra ngoài, quân ở các vệ thì lục-tục kéo đến ; hội lại một chỗ rồi thoái về Kinh. Hiện nay quân ở thành Diễn-châu thành Nghệ-an đã kéo ra rồi, mà quân ở thành Đông-quan vẫn còn đóng bền như trước ; thế thời đại-nhân không những là nói dối một người, mà những quân các vệ sáu bảy nghìn người cũng bị nói dối, đại-nhân tự nghĩ như thế có đáng không ? Tôi đây thành-tâm kính-phụng Triều-đình và thương đến tính-mệnh sáu bảy nghìn người, nên phải ngăn cấm quân-sĩ, một mảy một chút không xâm-phạm gì đến cả, chỉ vì đại-nhân quá nghe những quân tiểu-nhân chực để hãm-hại tôi, mà lại hãm-hại cả tính-mệnh bao nhiêu người phải chịu gối giáo nằm gươm, chịu những sự gian-nguy khổ-sở như vậy. Kia con ngựa nước Hồ nó gào gió bắc, con chim nước Việt nó mến cành nam, phương-chi cái thường-tình người ta ai chẳng nhớ đến quê cha đất tổ. Nay đại-nhân không chịu quyết lui quân về, tôi nghe sáu bảy nghìn con người đó đều cắn răng nghiến lợi, để lòng căm-tức, thề không muốn trông thấy mặt đại-nhân.

« Vậy thời đại-nhân quả y lời ước cũ, lập-tức phải dẫn quân ra thành, thời tôi cũng rút quân lùi đóng nơi khác. Nếu không như vậy, thì đại-nhân đem sáu bảy nghìn quân ấy cùng với ba-mươi vạn quân của tôi, quyết-chiến ở dưới thành, đừng nên dùng-dằng như trước nữa.»

Lại thư cho Vương Thông

« Tôi nghe có người dắt con chó săn và đem lưới vào rừng, mà lại bảo với người ta rằng tôi không phải người đi săn, thời dẫu nói với đứa trẻ con nó

cũng không nghe, phương-chi người khác. Trước đây Thượng-quốc có chiếu rằng lập con cháu nhà Trần xong thời lui quân về Kinh, tha việc chinh-chiến cho nước An-Nam. Ai nghe thấy cũng có lòng tin-phục và mừng-rỡ vô-cùng. Sau lại thấy đại-nhân sai quân-sĩ đắp thêm giậu-lũy đề-phòng, nên người ta có lòng kinh-nghi không biết đại-nhân ý kiến như thế nào. Dẫu như tôi đây đối với đại-nhân, tình-ý vãng-lai đã lâu, cũng có lòng nghi trách chi người khác. Nay muốn thích-nghi không gì bằng thả cho chó săn về và bỏ lưới đi, khiến người ta khỏi nghi mình, mà mình có nói gì người ta mới tin-phục.

«Mới đây nhân có người ở đất Ôn-kỳ cùng thổ-quan là Vũ Khốn đưa thư lại cho tôi. Tôi đọc tờ thư mới biết đại-nhân ơn-đức cũng như trời đất đối với muôn vật có cái sinh-ý tự-nhiên mà không ai biết. Còn tờ thư trước, đại-nhân trách tôi không biết kính trời đất quí cha mẹ, tôi xin cam tội, vì cũng biết đại-nhân có lượng bao - dung, không có cầu-toàn trách-bị. Tôi lại đọc đến tờ thư của đại-nhân có câu đừng nên khu-khu một xó đất mà làm cho thiên-hạ khốn-khổ về sự binh-qua, lời nói ấy thực xác-đáng, quả ai ai cũng hiểu được lời nói ấy thời thiên-hạ có việc cũng hóa làm không có việc vậy.

« Vậy tôi mong đại-nhân mở lòng thành-thực theo lời ước giảng-hòa, mau mau quyết-chí giải binh, một là khiến cho thiên-hạ sinh-linh được nhờ hạnh - phúc, một là vì vua đương-đạo biểu-dương cái tiếng khen với thiên-hạ đời sau. Vả cái lời hòa-ước ấy đã có hoàng-thiên hậu-thổ chứng-giám, xin đại-nhân nghĩ định thế nào, để tôi được tuân-mệnh. »

Thư dụ thổ-quan ở thành Tài-hào.

« Tôi nghe người ta nói cáo chết ba năm quay đầu về núi ; lại câu chim vẫn tổ người vẫn tông, cái lòng quyến-luyến gia-hương ai cũng vậy.

« Các ngươi quê ở Tây-việt, cũng là y-quan vọng-tộc, chứ có phải là người tầm-thường đâu. Nhân vì nhà Trần thất thế, giặc Minh chiếm-cứ nước ta, có người bị giặc nó cơ-mi, có người mang thân làm nô-lệ cho giặc, đó là thế bất-đắc-dĩ, chứ không phải bản-tâm.

« Nay thần Thượng - đế có lòng quyến-ái dân ta mới mượn tay ta để thay trời dẹp loạn, nên quân đi đến đâu, tiếng nghĩa vang trời động đất, bốn phương nghe tiếng, ai cũng lấy làm hoan-nghênh.

« Lũ ngươi cũng là người tiêu-biểu cho quốc-dân, nếu hay biết đổi lỗi, một lòng qui-thuận, thời ta cũng cho đới-tội lập-công, sau này cũng được danh-dự ; nếu theo giặc mà kháng-cự với ta, đến khi hãm-thành thời tội lũ ngươi lại gấp mười quân giặc. »

Thư dụ tướng-sĩ ở thành Bắc-giang.

« Ta bảo cho tướng-hiệu quan-viên ở thành Bắc-giang đều biết : ta nghe người ta có kẻ nam người bắc, nhưng cái đạo-lý thời ai ai cũng một lòng, bốn phương cũng một lẽ phải vậy. Nước Nam ta tuy ở ngoài lĩnh-biểu, nhưng vẫn có tiếng là nước văn-hiến ở cõi Nam này, những bậc trí-mưu tài-thức đời nào cũng không thiếu, ta đây chưa hẳn đã được là bậc trí-mưu tài-thức, nhưng cử-động phàm việc gì trên thuận lòng trời dưới theo ý người, cho nên quân ta may được vạn-toàn thủ-thắng, trước đây quan Tổng-binh là Vương Thông từ khi đánh ở Linh-kiều thua trận, khiến người đưa thư đến ta, yêu-cầu hòa-giải, ta hết lòng kính sợ Triều-đình, nên ta cũng nghe lời để được hai nước đều yên việc chinh - chiến, sau lại đưa thư cho ta bách phải dâng biểu cầu phong,

và ước rằng khi đã tiến biểu, liền thoái quân về Tàu. Nay không biết ý gì, biểu-thư đã tiến rồi mà chưa thấy thoái quân, lại còn sửa-sang thành-lũy, chỉnh-bị khí-giới. Như vậy có phải là thất-tín không ?

« Nay Diễn-châu và các thành ở Thanh-hóa vệ-quân đâu đấy đã qui-hàng cả rồi, nên gia-quyến cùng là tài-vật đều được chu-toàn cả, không mất chút nào. Vậy lũ ngươi phải nên lập-tức kéo quân ra thành để cứu vớt những tính-mệnh mấy nghìn người ở trong thành, là đắc-sách hơn cả. Lũ ngươi thử xem đời trước Bạch Khởi nhà Trần, Hạng Vũ nước Sở, giết kẻ ra hàng đến nỗi thiệt-hại thân mình mà không ích gì, lũ ngươi nên biết ta đây giữ bụng nhân-từ không làm sự tàn-nhẫn như vậy, thời đừng nên để lòng hồ-nghi, lỡ ra bại-sự, thời ăn-năn không kịp.

« Lũ ngươi đừng nghĩ rằng lương-thực lại sẵn, mà dám chống-cự với ta, thử xem thành Thanh-hóa, thành Nghệ-an, thành Diễn-châu, thành cũng cao, ao cũng rộng, lương-xướng nhiều, mà quan Thái-đô-đốc lại am-hiểu việc binh, thế mà cũng phải chịu qui-hàng, đó là tùy thời-đại biến đổi để bảo-toàn tính-mệnh mấy nghìn người, lũ ngươi há lại không biết hay sao mà còn khư-khư giữ một góc thành như vậy, chả lầm lẫm dư ?

« Vả ta xem nước ngươi bên trong có cái vạ tiêu-tường, bên ngoài có quân cường-khấu quấy-nhiễu ở bắc-biên, các quan đại-thần chuyên-quyền kiêu-hãnh, không giữ phép công. Bởi vậy lòng trời chán ghét, đại-hạn hoàng-trùng, hằng năm gặp phải tai-biến, thế mà lũ ngươi không biết lo sợ, còn toan gây sự chinh-chiến hay sao ? Lũ ngươi nếu biết lẽ phải chăng, cơ thua được, kéo quân ra thành cùng ta hòa-giải, thời ta coi lũ ngươi cũng như anh em ruột thịt, ta hết lòng bảo-cố cho được an-toàn, nếu không như vậy, thời sau này có thể nào lũ ngươi đừng trách ta rằng không bảo trước. »

Thư dụ thành Tam-giang

« Ta nghe quân-tử cử-động việc gì cốt phải thầm thời-thế, hiểu sự biến, lượng sức mình có làm được hay không, được thế mới là quân-tử tri-cơ. Như có người lấy trứng gà áp bên núi Thái-sơn, đem cái tay bẻ ngựa đương với bánh xe, mà lại tự-đắc sức mình có thừa, thế là ngu quá. Nay lũ ngươi chỉ có vài trăm quân mà lại muốn cùng ta kháng-cự, có khác gì thế không ? Thành-trì của lũ ngươi cao sâu không bằng thành Nghệ-an, lương-xướng dự-bị không bằng Diễn-châu, quân-sĩ dũng-cảm không bằng Nghệ-an, cho đến phẩm-tước của lũ ngươi không bằng Thái-đô-đốc, thế mà Diễn-châu, Nghệ-an, Thuận-hóa, Tân-bình, Thanh-hóa, Thị-kiều, Xương-giang, Tam-giang, các đồn đã mở thành kéo quân ra hàng, hiện đã hội ở bên sông Bồ-đề đình ngày kéo quân về Kinh, duy lũ ngươi vẫn còn mê-mệt như nằm trong mộng, không biết lo xa, thời khác gì con yến ở trong nhà cháy mà vẫn vui-vẻ như thường, nên ta lấy lẽ phải trái bảo cho các ngươi biết để các ngươi tự nghĩ. »

Thư dụ tướng-sĩ và quân-nhân ở thành Thanh-hóa

« Ta bảo cho lũ ngươi biết : quên mình báo nước là cái bổn-phận của người làm tôi ; định công ban thưởng là cái ân-điển của Triều-đình. Nay lũ ngươi có lòng trung nghĩa, có khí dũng-cảm, vì ta đánh giặc hằng được thắng-trạng, thật cũng đáng khen. Trước bản-triều ta đấng tiên-hoàng đương lúc long-hưng, giận Xiêm-thành toan lấn bờ cõi của ta ; bấy giờ ông cho lũ

ngươi hết lòng hết sức vì nước vì dân đánh đuổi giặc Xiêm, thu-phục được bờ cõi, cái tiếng thơm ấy còn truyền ở sử xanh. Nay giặc Minh quận-huyện nước ta, bao chiếm quyền-lợi, dân-sinh khổ-sở đã hơn 20 năm, bởi vậy ta phải ra tay dẹp loạn đánh đuổi những quân tàn-bạo về Tàu. Trong mấy tháng trời đã khôi-phục được giang-sơn như cũ, duy có một thành Đông-đô, Tổng-binh là Vương Thông không thầm-thời đạt-thế, còn toan kháng-cự với ta. Ta xem kinh-lộ chư-quân cũng là quân dực-thánh tả hữu ngày trước, liệt tên ở Nam - ban hoặc Bắc - ban, chưa thấy mấy người cùng lòng gắng sức lập công ở chỗ chiến-trường. May được lũ ngươi nghĩ cái công-nghiệp của ông cha ngày trước vốn là chức phiên-thần, nên đem lòng trung-nghĩa đối với non sông, cùng ta hết lòng báo nước, thời cái công ấy cũng đáng khen đáng thưởng để khích - khuyến cho các người sau này. »

Bấy giờ Vương Thông giữ thành Đông-quan, đợi mãi viện-binh không thấy đến, thế rất nguy-bách, bất-đắc-dĩ phải đưa thư xin giảng-hòa, chư-tướng đều khuyên chúa rằng : « Vương Thông giảng-hòa, chẳng qua là làm kế hoãn-binh, thời không gì bằng đem quân phá thành bắt Vương Thông cùng gia-quyến nó bêu đầu ở cửa thành cho nó biết tay. » Bấy giờ duy có Nguyễn Trãi khuyên chúa rằng : « Giết quân ra hàng là bất-nghĩa, sẽ lại đưa thư dụ nó lần nữa xem nó có tình-ngộ hay không, rồi sẽ liệu kế. »

Thư đưa cho Vương Thông

« Ta bảo cho quan Tổng-binh biết : đã gọi là hào-kiệt thời phải biết thời-thế, thông sự - biến, cho khỏi ngộ-sự và khỏi thất-cơ, thế mới thật là hào-kiệt. Thử xem khi ta còn tiềm-phục ở Lam - sơn, đất chỉ có một thành, quân chỉ có một đội, thường bị quân Mã - Kỳ và Chu-Kiệt ức-bách, thậm - chí phải trốn ra Lão-qua, và đất Chí - linh, ăn thì ngày không được hai bữa, áo thì chỉ có một manh, không kỳ mùa đông mùa hạ ; đến như binh-lương khí-giới không có tích-trữ, chỉ có tay không mà thôi, anh em thân-thích bầu-bạn, mỗi người lưu - tán đi mỗi nơi, chẳng có ai là người giúp đỡ ; bấy giờ thường bị quân Phương-Chính, Mã-kỳ, Phùng-Quý đuổi đánh không có lúc nào là lúc nghỉ-ngơi, may mà đất nước khôn-thiêng, lòng trời a-hộ, khiến cho bĩ cực lại thông: ngày trước lương không có mà ăn, nay lại có lương-xưởng tích-trữ kể đến ba-mươi năm cũng không hết ; trước không có binh mà dùng, nay lại có binh ở Thanh-hóa gần hai vạn người, và Diễn-châu cùng là Tân-bình, Thuận-hóa, ba vạn người, đều là quân cảm-tử, cho đến quân-sĩ ở chư-lộ Giao-châu, kể hơn mười vạn đều là hợp với ta cùng lòng cùng sức ; trước thì anh em bầu-bạn li-tán, nay những kẻ anh-hùng hào-kiệt xu-phụ cùng ta chật như rừng, chứa như núi, không biết bao nhiêu mà kể ; đến như khí-giới, trước kia không có dự-bị gì cả, nay thời quân thủy quân bộ, nào nỏ, nào đạn, nào giáo, nào mác, đồ gì cũng sẵn-sàng, không phải dợi đánh, ai thua ai được cũng đủ biết.

« Phương-chi Trung-quốc hiện-tình ngày nay trời làm đại-hạn hoàng-trùng, mất mùa kém đói, đạo-tặc bốn phương, nhiều như ong dấy, năm nào cũng dùng binh, hao lương tổn tướng, dân-sinh đồ-thán, mỗi ngày một thêm tệ ra, thế mà không biết lo sợ, lại còn nghe lời Phương-Chính, Mã-Kỳ, lấy giữ thành là đắc - sách, tất là còn mong có viện-binh để chống với ta hay sao ? Nhưng không biết ngày nay dẫu có viện - binh mười vạn,

cũng chưa dễ vượt cửa quan mà đến được, hay là chực đem cả ba bốn mươi vạn binh áp đến thành-hạ mà đánh ta hay sao? Nhưng trong nước giặc cướp, nay đánh chỗ này, mai đánh chỗ khác, rồi như vòng tơ, tự-cứu còn bất-hạ, rồi đâu mà dám địch, hay là nghĩ Trương Phụ ngày trước yêu-hành nên công, nhưng chẳng qua thừa được cái cơ nhà Hồ bạn-nghịch, quốc-dân ta - oán, mới hay mượn tiếng dẹp loạn nhà Hồ mà chiếm-cứ nước ta, nhưng ngày nay dù có trăm nghìn Trương Phụ cũng không thể nào mà chống với ta nổi.

« Vậy nay mưu-kế không gì bằng cùng với Thái-đô-đốc kéo quân về là hơn cả; không như vậy thời ta vẫy một cái cờ, đánh một tiếng trống thời quân-sĩ ở trong thành tan ra tro hết cả; đó là ta đem lời thành-thực đối với Tổng-binh, khiến cho Tổng-binh tự nghĩ, đừng cho lời ta nói là huyễn-hồ. »

Vương Thông được thư xin đình ngày uống máu ăn thề ở dưới thành cửa nam, rồi kéo quân về Tàu.

Chúa đã bình được giặc Ngô, bèn sai Nguyễn Trãi thảo tờ *Bình-Ngô-đại-cáo* để công-bố cho thiên-hạ thần-dân đều biết. Bài này các sách quốc-sử đã biên-lục cả.

Bài biểu cầu phong

(Nhân tìm được Hồ-ông 胡翁 ở đất Lão-qua tên gọi là Trần Đốn 陳頓 bèn lập làm vua, kiến-nguyên là Thiên-khánh, đổi tên là Trần Cảo 陳暠, bấy giờ cầu phong vua Tàu phải đứng tên Trần Cảo để yên việc nước, đó cũng là khi-nhân vậy.)

Lời biểu rằng: « An-Nam Trần tiên-chúa cháu ba đời, tên tôi là Trần Cảo cẩn-tấu vì việc cầu-phong. Tôi trộm nghĩ nước tôi ở chỗ hoang-duệ, xa cách hoa-phong, đương khi Thái-tổ Cao-hoàng-đế đăng-quang, tiên-tổ chúng tôi vào Kinh triều-cống mong được sắc-phong tước vương đời đời kế-tập, nhân vì họ Hồ thoán-thí, có ý muốn diệt cả tôn-tự nhà Trần, trên đối triều-đình, dưới đối quốc-dân, đều là đắc-tội, bởi vậy thần Thượng-đế giáng cho tai-vạ, mà quốc-dân ai cũng có lòng oán giận. Nhờ được Thái-tôn-hoàng-đế, ơn trời lượng bể, soi xét đến nước tôi, đem quân dẹp loạn, lại chiếu cho cầu lập con cháu họ Trần tôi, lúc ấy bị phải gian-thần chức-thuyết con cháu họ Trần không còn ai, bèn đặt quận-huyện, dựng quan cai-trị, mà những các quan cai-trị ấy không xét đến cái bản-ý Triều-đình yên vỗ người xa, chỉ chực làm hại dân để lợi lấy một mình. Thậm-chí bắt dân đục núi tìm vàng, lặn sông mò ngọc, dân chúng tôi phải chịu những sự khổ-sở lầm-than, không khác gì đắm đuối vực sâu, ngồi trong lửa nóng, trời thì cao, Triều đình thì xa, ẩn-tình không ai xét đến; bởi vậy cái lòng uất-ức khổ-sở không có đoái đến lễ-nghĩa, bèn hợp đảng để giết những bọn tham-quan nhũng-lại ấy, để cầu thoát cái nạn thủy-hỏa mà thôi, chứ thật không có điều gì kháng-cự với Triều-đình, đó cũng là thế bất-đắc-dĩ vậy. Lúc ấy tôi phải lánh mình ở Lão-qua, đã hơn mười năm, dãi gió dầm sương, biết bao nhiêu là thảm-trạng, kể sao cho xiết. Đến nay quốc-dân còn nhớ đến Tiên-trạch tôi, muôn nghìn người cũng như một lòng vậy, cử chúng tôi làm người đầu-mục trong một nước, đương lúc tháo-thứ, theo lòng dân cưỡng-bách để đợi mệnh triều-đình. Ngày tháng 11 niên-hiệu Tuyên-đức năm đầu, tôi về bản - quốc, đã thấy người nước thu - phục được bờ cõi của tiền-nhân tôi, và thành Thuận-hóa, thành Nghệ-an và Thanh-hóa, Diễn-châu cùng là Xương-giang, Tam-giang, Bình-kiều, các xứ đạo đồn đã mở thành cởi giáp giảng-

hòa, phàm những quan-quân quyến-thuộc, tôi đã khoản-đãi chu-tất, không có xâm-phạm chút gì. Còn quan Tổng-binh Vương Thông với Trần Trí, Lý An, Mã Anh, Phương Chính và Sơn-Thọ cùng với tôi giảng-hòa, tôi đã có lời cầu-thỉnh với lũ Vương Thông, khiến người dâng thư về tấu, nhưng lũ ấy sợ tội, nên chưa dám về. Như tôi đây chịu cam muôn tội, không biết tiến-thoái đường nào, nên phải đem đầu tạ lỗi.

« Vả tôi trộm nghĩ đời cổ thánh-quân như vua Thang vua Vũ đánh kẻ có tội mà cứu dân, đều là thuận lẽ trời, công-minh không có chút nào là tư-ý; cho nên nhà Hạ nhà Thương tuy đã mất nước mà con cháu còn được phong ở nước Kỷ nước Tống. Đến như Hán Vũ-đế, Đường Thái-tôn là ông vua hi-sự hiếu-công, ham việc chinh-chiến, mà nước tôi cũng ủy cho là cơ-mi ngoại-thần, không sá hỏi đến. Phương-chi vua Thái-tổ Cao-hoàng-đế độ-lượng bao-dung, chính-lệnh khoan-giản, vẫn còn rõ-ràng ở tai mắt người ta; kế lại vua Thái-tôn hoàng-đế cho lập con cháu nhà Trần, chiếu-thư còn in dấu mực; vậy xin bệ-hạ, thông-minh thánh-triết, tuân theo điều-chương của đức Thái-tổ, cử-hành lời chiếu của đức Thái-tôn mà tha tội cho tôi, khiến tôi được giữ đất Nam phục-tuân chức triều-cống, thế thời không những là đại-hạnh cho tôi, mà lại đại-hạnh cho cả nước tôi nữa; tôi xin đội ơn thánh-thượng khắc xương ghi dạ nghìn kiếp không quên. Cẩn-tấu. »

∴

Các bài này dịch ở quyển *Ức-trai di-tập* của ông Dương Bá-Cung người Nhị-khê, tập-biên được tất cả hơn 50 bài, nhưng ước-lược dịch ra mấy bài đây để biết đại-khái văn-chương của Nguyễn Trãi có bổ-ích cho đời như vậy.

Vua Lê lên ngôi Hoàng-đế được sáu năm thì mất, táng tại xứ Vinh-lăng núi Lam-sơn, Trãi vâng sắc soạn bia thần-đạo. Vua Thái-tôn nối ngôi, làm chức Thừa-chỉ cùng với quan tư-giám là Lương Đăng chế ra nhạc-khí để dạy tập múa nhạc, lại dâng đồ thạch-khánh, vua khen tài giỏi. Vua lại muốn xem cái bài thủ-chiếu của Hồ Quí-Ly và thơ-văn ý-tứ thế nào. Ông Trãi thu-thập được văn quốc-ngữ, hai mươi bài dâng vua xem, vua khen là người cường-ký.

Trãi có người vợ thiếp là Nguyễn Thị-Lộ, quán ở Hải-chào: nhân gặp Thị-Lộ đi bán chiếu ở làng Võ-lăng, thấy người có nhan-sắc và nghề thi-văn ứng-đối cũng được mẫn-tiệp, lấy làm vợ thiếp. Sau vua nghe tiếng, đòi Thị-Lộ vào cung cho chức Lễ-nghi-học-sĩ, ngày đêm thường hầu ở bên. Một hôm vua ngự ra Chí-linh xem giảng võ, Thị-Lộ theo hầu, bấy giờ Nguyễn Trãi đón xe vua vào chơi ở chùa Côn-sơn, chùa làng ấy là quê ngoại ông vậy. Khi xe vua trở về qua huyện Gia-bình (nguyên trước là Gia-định), nghỉ chơi vườn Lệ-chi (thuộc xã Đại-lai) một đêm, đến sớm mai tự-nhiên bị bệnh mất, mật rước về cung, mới phát tang. Bấy giờ đình-thần nghị việc ấy, vì Thị Lộ là vợ thiếp Nguyễn Trãi, xử ông phạm tội thi-quân, nên phải tộc-tru. Đâu đấy nghe tin, ai cũng thân-tức là bị tội oan.

Khi Trãi phải tộc-tru, có người vợ bé là Phạm Thị-Mẫn người ở thôn Thụy-thú có thai được ba tháng, trốn ẩn ở nơi đất Côn-man, sau sinh con trai mệnh-danh là Oanh-Vũ.

Vua Thánh-tôn lên ngôi, lượng xét Nguyễn Trãi tình oan, vả tiền-triều sáng-nghiệp, Nguyễn Trãi có công lớn, phò-tá hai triều, hết bụng trung-thành, thật là công-thần bậc nhất, chiếu cho dân-gian tìm con cháu, còn người nào

thời bổ cho quan-chức, bấy giờ Oanh-Vũ xin ra ứng-chiếu, vua đặc-cử cho làm chức ti-châu.

Truyền rằng : ông tổ ba đời, nhà có một cái vườn hoang, vẫn có hang rắn, ông Trãi một hôm định phá vườn làm nhà học, đêm nằm mộng thấy một người đàn bà ôm con đến khóc rằng xin hoãn lại ba ngày để mẹ con tìm đi nơi khác. Khi tỉnh dậy chưa nghĩ cái mộng ra làm sao, thời người nhà đã mượn phu đào cái hang rắn, mai đâm phải con rắn, còn lại cái đuôi, đầu thì nó bò đi mất, và đâm chết hai con rắn con nữa. Ông ra vườn xem thời mới biết cái mộng đêm mới rồi, ứng vào việc này, nhưng sự đã quá rồi, hối không kịp. Đến đêm hôm ấy đương ngồi xem sách tự-nhiên thấy ba giọt máu thấm xuống ba tờ giấy, ngạc-nhiên kinh sợ đoán tất là con rắn ấy nó báo ta đây. Sau ông giúp vua Lê-Thái-tổ có công lớn, thăng chức thượng-thư ; ông đi chơi gặp Thị-Lộ bán chiếu có nhan-sắc, có văn-tài, lấy làm vợ thiếp, vì việc Thị-Lộ giết vua mà mình phải bị tộc-tru, khi đem giết Thị-Lộ, thị ấy kêu rằng : « Thân tôi là phận đàn-bà, khiến cho nhà chồng bị phải giết ba họ, thì để thư cho tôi được xem giết họ nhà chồng rồi sẽ giết tôi.» Kịp khi hành-hình thị ấy xin ra ao rửa mặt đâm đầu xuống ao hiện ra con rắn rồi ngoi đi mất.

Lạ thay con rắn báo thù đến như vậy thì cũng là sự huyền-hoặc quá, không đủ làm bằng. Nhưng xem kinh Phật nói không có cớ gì mà giết con rùa con rắn thời có tội, rùa rắn là giống thiêng hoặc là thần qui-xà thác-thai mới có sự báo ứng như thế. Lại xem cổ-thi có câu : *Mỹ nhân bổn thị yên chi hồ* 美人本是腰脂虎, nghĩa là người đẹp vốn là con hổ bởm ý nói người đẹp là một cái vật dữ để hại người. Xem như vua Kiệt vua Trụ thân bị giết mà nước bị mất, cũng vì nàng Bao-Tự, nàng Đát-Kỷ, Tử Hải chết cũng vì Thúy-Kiều, thời đủ biết người ta thường chết hại vì đàn-bà đẹp nhiều.

Nhưng xem cái tình-cảnh bấy giờ, Thị-Lộ là người có tài có sắc, vua cũng tin yêu; vua lại có người vợ hầu là Ngọc-Giao là con gái họ Ngô có mang thai, nằm mộng thấy thần kim-tiên giáng sinh, việc ấy động đến tai bà Thái-hậu, bà Thái-hậu có ý ghen-ghét bắt Ngọc-Giao phải tội lưu. Nguyễn Trãi mật xui Thị-Lộ tâu với vua lượng tha cho Ngọc-Giao tạm ở chùa Hoa-văn, ông thường sai người cấp tiền để nuôi-nấng rất là cẩn-thận, sau Ngọc-Giao sinh được người con trai là Tư-Thành, bà Thái-hậu thấy sinh con trai càng nổi máu ghen tức-bực. Thị-Lộ biết ý, mật sai Ngọc-Giao bế con trốn đi chỗ khác. Thái-hậu vẫn để ý ghét Nguyễn Trãi và Thị-Lộ. Vả đương lúc ấy Nguyễn Thúc-Huệ, Cảnh-Xước có tấu sớ việc gì chỉ muốn cầu hợp ý vua mà để hại dân, ông có tính trực-triệt, thường hay chống với họ ; lại có Lương Đăng là hoạn-quan cùng với ông chế ra nhã-nhạc, nhưng ý-kiến ông không hợp với Lương-Đăng, nên họ sinh hiềm-khích, nhân việc Thị-Lộ, họ đồng-tình buộc tội cho ông, nên không thể gỡ được, chứ có lẽ nào một con rắn mà lại làm hại được cả ba họ người ta !

Đọc quốc-sử thường nói Nguyễn Trãi là « công chi thủ tội chi khôi » ; nhưng ta bảo công thời thực là công mà tội thời không đáng tội. Đương lúc vua Lê Lợi khởi binh, hay đem quân ít mà địch được quân nhiều, nước nhỏ mà chống được nước lớn, hạ được mười thành mà không phiền đến binh-qua, chả nhờ từ-lệnh của ông Nguyễn Trãi đó dư ?

Tiếc thay văn-chương như vậy, công-nghiệp như vậy, mà chịu những sự oan-khổ như vậy, ta đọc đến đoạn lịch-sử này, ngậm-ngậm ngùi-ngùi, thương cho ông mà giận cho triều Lê, hình-luật quá-khắc, đó cũng là quân-quyền áp-chế, muốn cho ai sống thời được sống, không xét đến cái mạng ấy quả thật Thị-Lộ giết, hay là « tửu trúng phong » mà chết, hoặc « tửu ngộ phòng » mà chết chăng, chỉ bằng cái miệng quyền-thần, mà hãm-hại những bậc chính-nhân quân-tử, chả là tàn-ngược lắm ư? Ta muốn mượn cái gươm chính-khí, chém đầu những đứa vu-oan giá-họa, để ủy-tạ cái linh-hồn Ức-trai tiên-sinh.

Nhân có bài cảm-hoài tập *Kiều* này :

Nghĩ đời mà ngán cho đời,
Khéo thay mang lấy sắc tài làm chi,
Dù chăng nghĩ đến tình si,
Sao cho thoát khỏi nữ-nhi thường-tình
Thân sao nhiều nỗi bất-bình,
Ngẫm mình mình lại thương mình [xót-xa.
Dấn thân vào chốn can-qua,
Một là đắc-hiếu hai là đắc-trung.
Một đời được mấy anh-hùng,
Còn mang lấy kiếp má hồng được sao?
Đương cơn binh-địa ba-đào,
Nợ đâu ai bỗng dắt vào tận tay,
Trời làm chi cực hỡi trời,
Ấy ai vu-thác cho người hợp-tan!
Còn chi nữa cảnh hoa tàn,
Vô-duyên là phận hồng-nhan đã đành.
Oan đâu theo mãi với tình,
Làm chi đem thói khuynh-thành trêu [người!
Thương vì hạnh trọng vì tài,
Oan này có một kêu trời nhưng xa.
Xem người thử ngẫm đến ta,
Tu là cõi phúc tình là dây oan!

THIỆN-ĐÌNH

NHI-NỮ TẠO ANH-HÙNG

Bà Liên-Hoa với ông Lư-Thoa

(Mme de Warens et J. J. Rousseau)

Địa-vị ông Lư-Thoa trong văn-học-giới nước Pháp.— *Ai đã biết đến văn-học nước Pháp tất là phải biết tới ông Lư-Thoa là một nhà văn-hào có đại-danh ở về thế-kỷ thứ 18, đã từng có ảnh-hưởng đến cuộc Đại-Cách-mệnh năm 1789, đã từng có sáng-kiến ra nhiều phương-pháp tân-kỳ để giáo-dục quốc-dân, cải-lương xã-hội; và nhất là đã phát-minh ra một môn triết-học rất thâm-trầm thú-vị, dùng tình-cảm mà suy-diễn ra* (intuitionnisme ou philosophie du sentiment).

Một bậc vĩ-nhân đại-tài đó, tới năm gần 40 tuổi mới bắt tay vào công việc trước-tác, thì lý-ưng là những sách-vở làm ra cũng chẳng lấy gì làm nhiều cho lắm. Sách-vở làm ra ít thật. Nhưng ảnh-hưởng thì thật rất thâm-trầm, và danh-tiếng thì thật rất lừng-lẫy. Ấy là cũng nhờ ở cái kỳ-tình cao-tứ của ông nó đã khiến cho ông có một cái địa-vị độc-lập ở trong văn-đàn nước Pháp hồi bấy giờ, cách-biệt hẳn với cái tinh-thần cổ-điển (esprit classique) *của ông-cha, mà lại là khai-đạo ra cái văn-*

mình lãng-mạn (romantisme) *của con cháu.*

Ảnh-hưởng tự bạn thoa-quần.— *Phàm khảo-sát một bậc vĩ-nhân nào, trước hết phải biết tới cái lịch-sử bậc vĩ-nhân ấy, để tìm-tòi nhận-chân lấy những cái nguyên-tố khởi điểm cho sự-nghiệp văn-chương về sau, tức ta gọi là những cái « ảnh-hưởng » vậy.*

Ảnh-hưởng có khi nhờ ở giáo-dục, có khi nhờ ở học-vấn, có khi nhờ ở những sự quan-sát nhân lúc ra đời, có khi ở những cái cảnh-ngộ tình-cờ run-rủi, lại cũng có khi nhờ về tình-duyên gặp-gỡ nữa vậy.

Xét ra Lư-Thoa tiên-sinh thật không phải chịu ảnh-hưởng ở giáo-dục, vì nói cho thì nhà ông cũng không phải là một nhà gia-giáo. Tiên-sinh cũng không chịu ảnh-hưởng ở học-thức, vì suốt đời nào có được ăn học như ai. Còn bảo là nhờ ở sự quan-sát, thì quan-sát chỉ là để giúp thêm vào cho những tài-liệu làm văn mà thôi, chứ không phải là nhân ở quan-sát mà nảy ra cái cảm-hứng của nhà thi-văn. Lại bảo là nhờ ở những cảnh-ngộ trong đời thì cũng có, nhưng những cảnh-ngộ đó cũng chỉ là để tiếp-ứng vào cho cái hứng-cảm đệ-nhất của ông nó đã do một cái nguyên-tố khác kia vậy.

Thế thì cái nguyên-tố đó tự đâu ? Chính là tự cái công cảm-hóa của một người đàn-bà là Hoa-Liên phu-nhân (MME DE WARENS) *mà chúng tôi muốn nói ở bài này đó.*

Hoa-Liên phu-nhân.— *Cứ nguyên như Hoa-Liên phu-nhân, thì phu-nhân cũng chẳng phải là người có đức-hạnh thuần-túy gì đủ khiến cho ta phải cảm-phục, có học-vấn lỗi-lạc gì đủ khiến cho ta phải kính-yêu. Vậy thì bài này quyết không phải là nói hay nói tốt gì riêng cho bà Hoa-Liên, (vì như thế thì có phần không đúng sự-thực chăng ?) Nhưng mục-đích chúng tôi đây chỉ là cốt nói tới cái công-ơn cảm-hóa của bà đối với Lư-Thoa tiên-sinh, sâu-xa thâm-thiết là dường nào, lớn-lao vĩ-đại biết bao nhiêu mà thôi.*

Vì câu gặp-gỡ...— *Lư-Thoa tiên-sinh vừa oe-oe tiếng khóc ra đời thì bà thân-mẫu đã sớm từ-trần giã-thế. Ấy là đã thiếu sự mẫu-giáo vậy.*

Cha là một người thợ chữa đồng-hồ, ngang-tàng phóng-đãng, cũng chẳng khá trông cậy gì được vào sự giáo-dục con-cái trong nhà. Chẳng những thế, sau lại còn vì gây chuyện đánh nhau với người bản-xứ, rồi phải cao chạy xa bay, từ đất Thụy-sĩ (Suisse) *mà trốn-tránh sang thành* Constantinople *bên nước Thổ-nhĩ-kỳ* (Turquie). *Thôi, thế là tiên-sinh phải bơ-vơ từ đấy !*

Trước khi đi, ông bố có gửi tiên-sinh cho một người em rể. Người em rể lại gửi đến cho nhà điền-nghiệp LAMBERCIER. *Ở đấy được hai năm, rồi lại sang ở bên ông chú, kế lại tới làm việc cho một người lục-sự, rồi lại đến ở nhà một người thợ khắc gần đấy.*

Một hôm vào ngày 14 tháng 3 năm 1728, ông ra ngoài thành chơi (thành Genève), *mải quá quên cả giờ về, khi về đến cửa thành thì cửa thành đã đóng mất rồi. Ông liền lập-chí ra đi, nhưng ra đi mà trong túi không có lấy một đồng một chữ nào thì kể cũng đã to gan thật ! Đi tới làng bên cạnh, gặp được ông linh-mục về đạo Thiên-chúa. Ông linh-mục thấy tiên-sinh tin theo Tân-giáo* (protestantisme), *muốn cải cho theo về với đạo mình, mới gửi cho tiên-sinh đi* Annecy, *giao cho bà Hoa-Liên giữ cái trách-nhiệm đó.*

Bà Hoa-Liên lấy ông Hoa-Liên (Mr DE WARENS) *tự năm 15 tuổi. Sau bỏ chồng, cải theo đạo Thiên-chúa (vì*

trước bà cũng là tín-đồ của Tân-giáo). Bà hàng năm được hưởng một số tiền niên-cấp để sinh-nhai và phải giữ lấy cái trách-nhiệm cải-hóa những kẻ đi đạo khác theo về với đạo Thiên-chúa.

Bà thấy cho gã thiếu-niên JEAN JACQUE *(tên tục của tiên-sinh) đến, tức-thì phát mối bi-tâm, thương chàng như thể một người thân-gia tộc-thuộc nào vậy. Cho ăn, cho mặc, sắm-sửa cho ra mẽ con người, rồi bà gửi cho vào trường học « con chiên » ở thành* Turin. *Tới khi đã ngoan-đạo rồi, lại ra tìm công kiếm việc, trôi-nổi bềnh-bồng trong mấy năm trời, rồi lại giạt về với bà Hoa-Liên. Ấy là đến lần thứ hai. Nhưng lần này ở cũng không được lâu. Sau lại phải vì đường sinh-kế mà nay đây mai đó, lên ngược xuống xuôi, phong-trần lưu-lạc cho tới khi lại phải tìm tới nương nhờ bà. Nhưng chuyến này bà đã di-cư về* Chambéry *rồi. Bà thuê một chốn biệt-thự ở gần châu-thành đặt tên là An-lạc-thất* (Charmettes) *và nuôi-dưỡng tiên-sinh trong mấy năm trời ở đấy. Chuyến này là lần gặp-gỡ thứ ba, mà cũng là nhờ ở sự gặp-gỡ đó mà tiên-sinh nên người vậy.*

Cái công-ân của bà Hoa-Liên đối với Lư-Thoa tiên-sinh. — *Trước khi gặp bà, ông Lư-Thoa chỉ là một kẻ vô-lại, giáo-dục không có, học-thức không có, cảm-tình không có cơ-hội để phát-siển, tinh-khí không có người thân để rũa mài. Mà nghĩ cảnh ông thật cũng đáng thương! Mẹ chết, cha xa, tấm thân cô-độc còn biết yêu ai mến ai, cùng ai chia mối cảm-tình, với ai kết làm tâm-phúc!*

Vì không gặp được bà Hoa-Liên thì hồn kia chỉ là hồn một kẻ tha-hương cầu-thực, tâm kia chỉ là tâm một kẻ vô-lại côn-đồ, tình kia chỉ là tình một kẻ cô-thân vị-kỷ, cảm kia chỉ là cảm một kẻ uất-muộn vô-liêu mà thôi!

Ông trứ-danh là vì đề-xướng ra cái triết-học về tình-cảm, mà vì không có Hoa-Liên phu-nhân nuôi lấy cái mối tình-cảm năng-nẽ thâm-thiết đó cho ông, thì thân-thế sự-nghiệp của ông sẽ ra sao?

Nói là Lư-Thoa tiên-sinh nhất-thiết đều nhờ cả vào bà Hoa Liên cũng không phải. Vì tất ông cũng phải có một phần thiên-bẩm tự Hóa-công. Nhưng dù sao ta cũng phải công-nhận rằng cái phần thiên-bẩm đó đã phải nhờ ở bà Hoa-Liên mà mới phát-siển ra được. Tức cũng như hạt lúa tốt mà trồng vào được miếng đất có mầu, mảnh giấy đẹp mà gặp tay vẽ tài chữ tốt vậy.

Ấy là mới nói về cái ảnh-hưởng của bà đối với tình-tình cảm-giác của Lư-Thoa tiên-sinh. Chứ nếu lại kể tới cái ân-nghĩa của bà đối với tiên-sinh thì lại cũng không phải là nhỏ nữa.

Ừ, mà thử nghĩ: từ lúc tiên-sinh ra đời cho tới khi gặp bà, hết lang-thang vơ-vẩn nơi đầu đường xó chợ, thì lại khuất thân đi làm nô-lệ cho người, còn thì-giờ đâu mà đọc sách làm văn? Còn thì-giờ đâu mà sôi kinh nấu sử? May mà gặp bà, lại được bà yêu-mến chiều-nuông, cho được tự-do sinh-hoạt, mà mới biết hưởng cái lạc thú độc-thư từ đấy, biết tu-thân giác-não từ đấy.

Trước kia ở nhà cha cũng có cho đọc vài ba quyển tiểu-thuyết hoang-đường nhảm-nhí. Nhưng đọc những sách đó nào có ích-lợi gì? biết đâu lại chẳng thêm mua hại! Nay ở với bà Hoa-Liên, vừa có giờ nhàn, vừa có sách hay, vừa nhờ có bà chỉ-dẫn cho những nghĩa khó-khăn mà ông mới biết tới những thứ danh-hoa di-thảo trong rừng văn-học cổ-kim, những bậc triết-nhân bác-sĩ trong làng hãn-mặc thế-giới vậy.

Công-ân của bà to lớn thay!

Trên đây là mới nói đến cái sức cảm-hóa của bà và cái công tác-thành

của bà mà thôi. Lại còn một cái ân này nữa, ta tưởng cũng không thể nào không nói đến được vậy.

Kể cái cảnh đời của ông Lư-Thoa: lúc ấu-trĩ đã không được hưởng cái hạnh-phúc gia-đình, buổi thanh-niên lại chỉ nay đây mai đó, gặp bao nhiêu nỗi đắng niềm cay; tới khi đã thành danh vọng, lại chỉ những bị miệng đời thêu-dệt ra lời công-kích, lưỡi đời đặt-để ra giọng mỉa-mai, cái ác-nghiệt của đời khiến cho ông phải đau-đớn ê-chề, cái dã-tâm của đời khiến cho ông phải thiên-ma bách-chiết. Một cái cảnh đời như thế, còn lấy gì làm vui-sướng! Một cái lịch-sử như thế, thật đã trăm thảm nghìn sầu! Nếu lại không có cái khoảng thời-gian được gần-gụi với bà Hoa-Liên thì còn được lúc nào là lúc đáng sống nữa. Bà Hoa-Liên thật là một vị thiên-thần tạo-phúc cho bậc vĩ-nhân đó vậy.

Tóm lại, Lư-Thoa tiên-sinh, hoặc ở về phương-diện một kẻ cá-nhân, cũng là vì bà Hoa-Liên mà biết được cái sinh-thú ở đời, hoặc ở về phương-diện một nhà danh-sĩ, cũng là vì bà mà tạo nên sự-nghiệp muôn thủa, hoặc ở về phương-diện một bậc triết-học cũng là vì bà mà xướng-minh ra được một cái học-thuyết bất-hủ ngàn thu.

Ai là tri-kỷ của Lư-Thoa tiên-sinh? — *Trước kia đã nói Lư-Thoa tiên-sinh trứ-danh nhất là nhờ ở môn triết-học về tình-cảm, cho nên cũng nhân đấy mà được suy-tôn là ông tổ của cái văn-phái « lãng-mạn » đời sau* (romantisme). *Những nhà thi-văn về phái lãng-mạn sở-trường nhất là ở sự tả-cảnh đạo-tình, và cũng vì thế mà phản-đối hẳn với cái tính-cách vô-tình của văn-phái cổ-điển về trước* (classicisme).

Đương-thời tiên-sinh thì cái văn-học cổ-điển còn đương thịnh, cho nên đối với tiên-sinh người tri-kỷ thật hiếm, mà kẻ phản-đối rất nhiều. Nhưng rồi sau cái học-thuyết của ông càng ngày càng thịnh, cùng theo cái phong-trào lãng-mạn mà phát-minh ra, thì những kẻ tri-kỷ của ông về sau thật không thiếu gì. (*Vì phàm-giả có đồng-tình đồng-cảm thì mới có thể hiểu biết được nhau.*)

Tất cả các thi-sĩ văn-sĩ về phái lãng-mạn, như Chateaubriand, Mme de Staël, Lamartine, Alfred de Musset, V. Hugo, *hầu hết đều chịu ảnh-hưởng của tiên-sinh, nên đều có thể gọi được là tri-kỷ của tiên-sinh cả. Nhưng người tri-kỷ nhất của tiên-sinh có lẽ chính là thi-hào* Lamartine, *vì chỉ có ông này là đã chịu xét rõ đến cái ảnh-hưởng của Liên-Hoa phu-nhân đối với tiên-sinh thôi vậy.*

Ai là tri-kỷ của Hoa-Liên phu-nhân? — *Một nhà văn-hào trứ-danh như Lư-Thoa tiên-sinh, tiếng-tăm lừng-lẫy khắp hoàn-cầu, ảnh-hưởng lưu-truyền tới thiên-cổ, nào ai dám ngờ là đã nhờ một người đàn-bà cảm-hóa mà tác-thành cho?*

Thế mà chỉ một mình ông Lamartine *phát-minh ra được điều đó. Vậy thì ông* Lamartine *lại chẳng là tri-kỷ của bà Hoa-Liên đấy ư* (1)?

Ông Lamartine *trong cuốn tiểu-thuyết* « Raphaël » *có tả-diễn đến một chỗ ông đi chơi với tình-nhân* Julie *qua nơi biệt-thự* « Charmettes » *của Hoa-Liên phu-nhân ở* Chambéry. *Đứng trước chỗ biệt-thự đó mà hồi-tưởng tới cổ-nhân, ông đã phát-biểu ra một tấm lòng rất cảm-động bùi-ngùi đối với cái công-ân to-tát của bà đã tác-thành nên được một bậc vĩ-nhân vô-tiền tuyệt-hậu của nước Pháp* (2).

---

(1) Xét ra ông Lamartine khám-phá ra được điều này cũng chẳng phải là có trác-kiến gì đâu. Chẳng qua cũng chỉ là đồng-bệnh tương-lân, đồng-tình tương-thức mà thôi vậy. Ông mà không chịu sức cảm-hóa của cô Julie thì sao ông biết được bà Warens đã cảm-hóa ông Jean-Jacques? — (2) Cái cảm-tưởng của ông Lamartine đối với Bà Warens đây cũng hơi tương-tự như cái cảm-tưởng của ông Hoàng Tĩnh-Tăng bên Tầu khi vào yết đền bà Siêu-Mẫu.

Đoạn văn ông viết để ký-ngụ cái cảm-tưởng đó thâm-thiết và diễm-lệ lắm. Biết là dịch ra đây cũng không thể nào lý-hội được hết cái tinh-thần. Nhưng cũng phải tạm dịch cho độc-giả cùng xem, họa may mười phần lọt được một vài chăng.

Ông Lamartine phê-bình bà Hoa-Liên — *« Khả-ái thay người đàn-bà như thế! Nếu nàng không gặp thấy đứa trẻ con lang-thang trên đường cái, nếu nàng không mở cửa mở lòng ra đón gã vào, thì cái thiên-tài đa-cảm đa-sầu kia cũng đến để dìm tắt dưới bùn lầy mất mà thôi.*

« Cuộc gặp-gỡ ấy tưởng như một sự tình-cờ ngẫu-nhiên mà thực lại chính là vị thần định-mệnh cho bậc vĩ-nhân đó, hiện ra mặt một người tình-nương lần đầu.

« Nàng đã cứu vớt chàng, dạy-dỗ chàng, truyền-thụ cho chàng cái lòng yêu tình-mịch, khát tự-do, mến ái-tình. Tri-tưởng mơ-màng, tâm-hồn diễm-lệ, dáng-dấp khoan-hòa, cùng với cái lòng yêu mến thiên-nhiên của ông, là toàn đã do chịu cảm-hóa ở nàng cả.

« Nàng đã truyền-thụ cho chàng cái tâm-hồn lãng-mạn, lại tu-bổ cho chàng cái dũng-cảm của phái nữ-lưu, của tuổi niên-thiếu, của khách đa-tình, của kẻ bần-nhân, của người oan-ức, của phường cùng-khổ ở trong cái thế-kỷ của mình. »

Cái cảm-tưởng của một bạn nữ-lưu Nam-Việt đối với Hoa-liên phu-nhân — *T. Đ. nữ-sĩ là một người bà con với tôi, sau khi đọc xong bài này có viết mấy câu phê-bình, xem ra cũng có ý-vị, vậy xin cứ nguyên-văn mang ra cống-hiến độc-giả chư-tôn nhân-lãm :*

« Cho hay anh-hùng mới biết anh-hùng, gẫm nghìn xưa khách Đông Tây cũng vậy. Cổ-kim nào có khác chi nhau, vì trần-thế ít người thanh-nhỡn. Đổi thay mấy độ tang-thương, không nhờ ở bà Siêu-Mẫu và Hoa-Liên phu-nhân, thời nghìn sau ai biết ai là Hàn Tín, ai là Lư-Thoa ?

« Đông Tây mỗi ngả, cách hành-động tuy là có khác, nhưng cũng đều phát-nguyên ở hai chữ « tri-kỷ » mà ra. Than ôi! Ngọc bích kia đáng giá liên-thành, vắng Biện-Hòa ai người tri kỷ ? Ngựa ký kia ngày đi nghìn dặm, không Bá-Nhạc xe muối nặng-nề còn ai thương đến ? Anh-hùng lỗi lạc, chí-khí ngang-tàng, ngày nay không phải là không có ! Nhưng ai là người hào tình hiệp-nghĩa ? »

Kết luận. — *Ông Hàn Tín lúc còn hàn-vi có nhờ được bát cơm bà Siêu-Mẫu nuôi sống. Sau làm nên sự-nghiệp lại nhớ tới cái ân-đức ấy mà mang tạ lại nghìn vàng. Ông Hoàng Tính-Tăng về đời sau còn chê nghìn vàng là bạc, vì cái sự-nghiệp của ông Hàn Tín đáng giá gấp mấy mươi ngàn vàng, và cái sự-nghiệp đó lại là khởi-điểm tự bát cơm bà Siêu-Mẫu.*

Nay nói đến ông Lư-Thoa thì tưởng cái công-ân của bà Hoa-Liên lại có phần to hơn Siêu-Mẫu nhiều.

Vì sao ? Siêu-Mẫu châu-cấp Hàn Tín chỉ là giúp-đỡ Hàn Tín trong lúc cùng-đồ thất-thế mà thôi. Còn đến Hoa-Liên phu-nhân đối với Lư-Thoa tiên-sinh đây, mảnh áo bát cơm cũng có từng giúp, đồng tiền phân bạc cũng có từng cho, nhưng còn sự giúp về tinh-thần, tức là mang sách-vở thư-văn mà tu-bổ lấy cái tri-thức cho tiên-sinh, mang tình-tình cảm-giác mà nuôi-dưỡng lấy cái tâm-hồn cho tiên-sinh, thì bà Siêu-Mẫu bì sao cho kịp ?

Nhưng thực ra thì có phải như lời T. Đ. nữ-sĩ mà cho được là phu-nhân đã có trác-kiến biết rằng Lư-Thoa thế

tất sẽ thành nên bậc siêu-nhân bạt-thế không? Tưởng có lẽ không vậy. Tiên-sinh mà nên bậc danh-nhân, phu-nhân thực cũng không ngờ. Phu-nhân không ngờ mà có được cái hiệu-quả đó, chứ nếu lại tiên-tri ra mà cố ý tác-thành nên bậc vĩ-nhân thì cái hiệu-quả lại chẳng có cơ gấp bội lên ư? Phu-nhân là người đi trước đã không ngờ mà thành-công, vì nay chị em nữ-giới ta là kẻ đi sau lại để tâm dụng ý thì lo gì mà không nên mĩ-quả?

Than ôi! Trên mảnh đất Việt-Nam này nào có thiếu chi những kẻ lỗi-lạc anh-tài? Nào có hiếm gì những người ngang-tàng chí-khí? Mà cũng chỉ vì trần-ai ít mặt tri-kỷ để đến nỗi chẳng tạo-thành nên được sự-nghiệp gì đối với đất nước non sông!

«Nhi-nữ tạo anh-hùng», *cái thuyết đó vốn không phải là hư-thuyết. Nay nếu mang thực-hành ra, quyết-nhiên cũng phải có đôi chút ảnh-hưởng với đời. Vậy thì trong bạn phụ-nữ ta đây, trong những bậc làm mẹ, làm vợ, làm chị, làm em, làm bè-bạn vì sự giáo-dục, làm tri-âm vì điều thanh-khí, ai là người chịu vì xã-hội mà đào-tạo nên nhân-tài, cho tổ-quốc thêm có người tô-điểm? Đối với những bậc nữ-lưu có nghĩa-khí đó, tôi xin thành-tâm mà kính-tặng bài này.*

Một mai mà số nhiều người trong bạn phụ-nữ ta đều biết lưu-tâm chú-ý, tận-tụy cần-lao với cái thiên-chức ấy của mình, thì dù nước ta có thiếu những bậc Trưng-Vương, Triệu-Ẩu, những mặt Đục-Tú, La-Lan, ta cũng đã đủ có quyền ngâm-nga tới hai câu thơ này mà không thẹn:

Phấn-son tô-điểm sơn-hà,
Làm cho rõ mặt đàn bà nước Nam!

THIẾU-SƠN

LẬP-THÂN LUẬN (1)

立身論

II

3.— Chức-nghiệp. — Sinh ra làm người không nên không có chức-nghiệp; không có chức-nghiệp mà còn sống ở trên đời được, chỉ có nhà quí-tộc với con nhà giàu mà thôi. Trong số nghìn vạn người mà hay khỏi bận về chức-nghiệp khó-nhọc ấy rất ít. Nhưng người ta nếu biết vô-sự là khổ-huống, thì quyết không mong tránh những sự lao-động về chức-nghiệp. Thường-tình người đời vẫn tưởng rằng không làm gì là sung-sướng, thực là lầm to. Một nhà văn-học nước Anh tên là Tra-lý-tì-lăng-mẫu đã từng làm việc kế-toán cho một thương-hội Đông-Ấn-độ vài năm, chợt một khi từ-chức về nghỉ, cả mừng mà rằng: «Từ nay mà đi, trong mười năm dẫu làm được đến hàng vạn bạng cự-kim, cũng không muốn lại vào cái nhà ngục ấy nữa. Ta bây giờ mới được tự-do. Cái trạng-huống tự-do cũng cần như không khí; nay ta được hấp-thụ cái không-khí tự-do thì sau này ta có thể thêm thọ-mệnh

(1) Xem N.-P. số 143.

được năm mươi năm nữa. Đời người ta mà làm được việc rất tốt tức là không phải làm việc gì ; hoặc là có làm sự-nghiệp từ thiện. » Tuy rằng ông nói như thế, song nhân-cư chưa được dầy hai năm, đã hoảng-nhiên biết cái thuyết trước là sai lầm. Ôi ! làm người mà cứ chơi-bời rồi-dài không có làm một việc gì, tự người khác xem ra thì hình như một bộ áo mới đẹp-đẽ, ai cũng lấy làm thích ; đến khi mặc vào mình thì mới biết là xấu-xa, lại muốn bỏ ngay đi cho chóng. Từ sau khi Lãng-mẫu-thị đã tỉnh-ngộ ra rồi, mới cải lại cái thuyết trước mà nói rằng : « Làm người mà không có lao-động lại khó chịu hơn là phải lao động » Cái chương-trình giám-ngục ở thành Nữu-ước nước Mĩ vẫn lấy cái phương-pháp không cho đi làm việc để trách-phạt kẻ tù-phạm ; những kẻ tù-phạm mà mắc phải trách-phạt như thế, thường phải xin với kẻ ngục-lại để đi làm việc. Vậy nên Kha-đốc-thị có nói rằng : « Người ta thường nhân lúc buồn-bã mà sinh ra đánh bạc nhiều hơn là bởi lòng tham muốn ; nhân lúc buồn-bã mà sinh ra uống rượu nhiều hơn là bởi tính khao-khát mà uống ; nhân lúc buồn-bã mà tự-sát phần nhiều hơn là bởi sự thất-vọng mà tự-sát. » Nước Pháp họ quí-tộc là Khải-lưu-sĩ bá-tước từ khi nhỏ sinh-trưởng ở nhà phú-quí không phải làm một việc gì cả, mới học làm nghề chạm-khắc, thường nói với người ta rằng : « Ta mà học nghề chạm-khắc là để cho nó tiêu-khiển, khỏi đến nỗi buồn-bã mà tự-sát đó thôi. » Xem thế thì người đời thường vẫn tưởng rằng không làm việc gì là rất sướng, song cứ nghĩ lại những việc trên kia cho kỹ thì cũng đã tỉnh-ngộ ra rồi !

Kẻ thi-nhân La-mã là Hảo-lý-thi có lời bảo các nhà trước-tác rằng : « Chúng ta thường làm văn phải nên kén chọn lấy cái đề-mục vừa vào tài-lực của mình. » Hà những các nhà làm văn nên thế mà thôi đâu, đời người ta cũng nên kén chọn lấy một chức-nghiệp cho vừa phải mà làm. Ở bên Tây cứ quen thói sùng-thượng đua nhau theo học về pháp-luật, về y-thuật và thần-học ; bởi vậy những kẻ thanh-niên bên Tây thường không tự xét cái tài-lực của mình, chỉ muốn đua theo cái thói hiếu-thượng của xã-hội, mong học cho đỗ được luật-sư, hoặc y-sinh, hoặc mục-sư thì mới lấy làm vinh, song nhiều người đến suốt đời không may học mãi không đỗ một tí gì cả ; nếu những người thanh-niên ấy biết lượng cái tài-lực của mình hay kham nổi được việc gì, tự lực chọn lấy một chức-nghiệp khác cho thích-đáng, hoặc học cho thành một nhà cơ-khí-kỹ-sư bậc nhất, hoặc học cho thành một nhà mĩ-thuật bậc nhất cũng chưa biết chừng. Song tiếc cho những bọn thanh-niên ấy chỉ ham về cái hi-vọng hư-vinh, nên thành ra bất-hạnh phần nhiều vậy. Cáp-sĩ-liệt-đức-thị có nói rằng : « Nếu người tuổi trẻ mà không có cái tài học tiếng nói, mà lại giỏi về nhảy múa, thì nên giao cho ông thầy dạy nhảy múa, v v. » Người ta sinh ra ở trên đời, nhiều người lật-đật mãi không thành-tựu được một sự-nghiệp gì, xét cái nguyên-nhân ra cũng đều bởi lúc mới không biết lựa chọn lấy một chức-nghiệp cho thích đáng mà làm, nên mới đến nỗi không thành nghề gì như vậy. Xét cái biểu thống-kê những nhà buôn-bán ở các nơi đô-hội lớn bên Mĩ, thì trong một trăm người chỉ có độ ba người hay làm cho thương-nghiệp thịnh-vượng nổi tiếng ở đời, còn thì đều là nửa chừng vỡ nợ hoặc đóng cửa ; cái đó không đổ tại vận-mệnh được, cũng không phải nhân gặp sự biến-cố không ngờ, chỉ tại là không có tài giỏi về nghề buôn mà lại muốn cưỡng làm nghiệp buôn đó mà thôi. Người đời những kẻ làm cha thường

không biết cái bẩm-tính của con thế nào mà bắt ép đi học vẽ, hoặc học âm-nhạc thì có phải không? Thế thì người phương Tây những kẻ làm cha mẹ thường không biết cái bẩm-tính và tài giỏi của con có làm nổi được việc buôn-bán hay không, mà cứ bắt ép đi học việc buôn, cũng không khác gì cái tệ nước ta những kẻ làm cha mẹ chỉ mong cho con thi đỗ đi làm quan mà thôi.

Người ta đều có cái tính thích muốn riêng, nếu hay theo cái tính muốn chọn lấy một nghề sở-thích mà làm, thì tất là hay chuyên-chú tinh-thần vào đó mà học được thành nghề giỏi-dang, mà chắc là thành một nhà chuyên-nghệ danh-giá. Lời cách-ngôn có nói rằng: « Cái lòng thích muốn của ta tức là cái tiên-triệu tài giỏi của ta lộ ra đó. » Khi xưa ở nước Tần-ki-sách-ni có hai người: một người tên là Hàng-đức-nhĩ, một người tên là Ba-cáp. Hàng-đức-nhĩ tính thích âm-nhạc, người cha nghiêm-cấm không cho học, bắt ép phải học pháp-luật, Hàng-thị cứ đến nửa đêm lúc người ta đã nghỉ yên cả, bèn sẽ lẻn lên trên lầu đem đồ nhạc-khí ra để học, đến sau thành ra một nhà đại-âm-nhạc có tiếng. Cáp-thị tính rất hiếu-học, nhà nghèo không có đèn lửa để học, thường ngồi dưới bóng sáng mặt trăng xem đọc mọi sách-vở, về sau bèn thành một nhà văn-học đại-gia. Hai người ấy thực là có cái tài-năng trời phú-bẩm cho. Những người như thế không những là phải nhờ ai kích-thích mà mới siêng-năng tập-nghiệp, dẫu có bị những kẻ kích-thích càn cũng không đoái đến chi, mà lại hay làm cho phát-đạt cái tài-năng của trời cho vậy. Bên nước Mĩ có một nhà danh-họa tên là Uy-ti-đức-thị khi nhỏ muốn học vẽ mà không có tiền mua được bút lông, thường bắt trộm con mèo của người ta nhổ lấy lông để làm bút vẽ, rồi thành ra một nhà danh-họa có tiếng. Những hạng nhân-tài như thế nếu đem bắt ép đi học làm thầy kiện hoặc đi học làm nghề buôn, chắc là không có được ích-lợi gì. Người đời thường nghĩ lầm rằng học nghề gì chỉ cốt chuyên-tâm nhất-chí là thành được cả; hoặc học làm nhà khoa-học, nhà chính-trị, nhà thương-nghiệp, đều khả tùy ý mình chọn lấy một nghề mà làm, chớ thiên-tài không có thể hạn-chế được. Ông Khải-ti-đức-phi-nhĩ người nước Anh vẫn theo cái thuyết ấy để dạy con mà không có thành-hiệu gì cả. Ông Cơ-đốc có nói rằng: « Đời người không kỳ là tốn hết bao nhiêu gân óc, nhưng quyết không làm cho sinh-mệnh kéo dài ra được giây phút. » Người ta không trái được tính trời mà hay học được nghề-nghiệp khác cũng như thế vậy. Thế thì những kẻ làm cha làm thầy người ta ở trên đời há lại chẳng nên nghĩ lắm ru?

Phàm tính-chất người ta cũng giống nhau cả, song chỉ nhân tập-quán khác nhau mới thành ra các hạng nhân-vật không giống nhau; cái sức của thói quen nó xu-hướng rất mạnh, sức người không thể chuyển-di được, vậy nên lúc kết-quả cũng giống như những hạng người thiên-tính khác nhau. Đặc-lặc-điên là người ái-quốc thi-nhân ở nước Anh, khi lên mười tuổi đã hay đọc thông được bài văn « *Ba-lê tỉ-ấ-li.* » Mễ-khải-lan-tri-nhi là một nhà danh-họa nước Ý, vì khi nhỏ chỉ thích đi học vẽ; Pha-lai là một nhà thi-nhân nước Anh, mười bốn tuổi đã làm nổi được bài danh-văn; Ba-ty-gia là một nhà toán-học nước Pháp, mười sáu tuổi đã thảo xong được khoa số-học; Bồi-côn mười sáu tuổi đã hay làm sách để biện-bác cái thuyết triết-học sai lầm của Á-lý-sĩ-đa-đức; Mã-dan đức-ty-lạp-ân khi tuổi trẻ xem những đồ chơi của

người ta, mà đã sinh ra cái tư-tưởng về chính-trị triết-học; những bậc thiên-tài như thế là phần ít có, còn như người tầm-thường thì chỉ cốt giữ vẹn được thiên-tính, rồi mong cố học cho thành-lập mà thôi.

Người ta mà đã chọn lấy được một chức-nghiệp để làm, thì sau này không kỳ là gặp khốn-nạn thế nào, quyết không nên mảnh cái lòng thất-vọng, mà đổi đi làm nghề khác, hoặc là bất-bình mà tự-oán tự chê cái chức-nghiệp mình làm là ti-tiện, bảo rằng nếu mình ở cái địa-vị kia mà làm cái sự-nghiệp ấy, thì còn được công-hiệu lớn-lao là chừng nào. Nhưng phải biết rằng người ta sinh ra ở đời, không cứ là sự-nghiệp gì, nếu đã thích-hợp cho ta làm, thì ta không nên coi là ti-tiện, nên coi như là cái thiên-chức của thần cho; cái nhân-cách của người ta cao hay là hạ, không có quan-hệ gì đến cái chức-nghiệp của người ta; nếu con người mà khá ra, thì dẫu cái chức-nghiệp ti-tiện đấy, cũng khá khiến cho cao-quí lên được. Xưa kia Bách-lạp-đồ đã từng làm thợ sơn; Ty-tân-na-sa cũng từng làm thợ chế pha-lê; xem thế thì biết không cứ gì cái chức-nghiệp cao-quí vào bậc nào, nếu không có cái phẩm-tính cao-quí cũng không đủ quí vậy.

4. — Thể-dục. — Xưa nay bên tây-phương cũng nhiều người thân-thể gầy yếu mà làm thành nghiệp lớn, như là Bảo-la bề ngoại-mạo thì rất là mềm yếu, mà sức mạnh hay khiến cả Âu-châu phải sùng-phụng giáo Cơ-đốc; Mễ-nhĩ-đôn mắt thông-mạnh mà hay làm thành được tập thơ trường-thiên có giá-trị; Ba-ti-gia là một nhà đại-toán-học nước Pháp mà từ mười tám tuổi đã bị cố-tật; Nạp-nhĩ-tốn mình ngắn chân khấp-khểnh mà hay chỉ-huy được hạm-đội; Tây-thạc-nhĩ mình mắc chứng động-kinh, mà mỗi lần sau khi động-kinh lại mưu được thắng-trận; nhà văn-học là Phả-phổ thì mắc bệnh còng lưng; nhà triết-học cổ là Á-lý-sĩ-đa-đức tuy có trí-lực lớn-lao mà người thì lùn-thấp; song đó là những bậc phi-thường, đời vẫn truyền-tụng cho là ngoài lệ thường vậy. Còn như thường-lệ thì xưa nay đều một lối cả, hễ người nào thân-thể mạnh-khỏe thì ra chiến-trận tất là đắc-thắng; theo về đường học-hành tất là đương-danh; theo về đường chính-trị tất là thành-công. Bên nước Anh có nhà chính-trị là Bột-lô-an-mẫu thường khi sáu đêm ngày không ngủ, tính ra trong 144 giờ đồng-hồ làm việc luôn mãi, không ngơi lúc nào; sau khi xong việc rồi, mới từ thành Luân-đôn trở về quê nhà, từ chiều hôm thứ sáu ngủ mãi cho đến sáng hôm thứ hai mới trở dậy, lại tới Luân-đôn làm việc như thường. Bột-thị thường sau khi xử-lý các chính-sự phồn-tạp xong rồi, vẫn còn có thì-giờ để nghiên-cứu học-thuật cho rộng thêm kiến-thức, thực không thẹn là một nhà khoa học trứ-danh đời bấy giờ. Phó-lan-khắc-lâm đã già đến bảy-mươi tuổi mà còn hay đi tuần-hành đất Khảm-nã-đại, cũng như là lúc khỏe-mạnh vào độ trong ngoài hai mươi tuổi. Nã-phá-luân mỗi ngày chỉ ngủ độ bốn giờ đồng-hồ, còn như đứng trên yên ngựa giong-ruổi trong đám chiến-trường đến hai mươi giờ mà không mỏi. Tướng nước Anh là Ba-mã-sĩ-đôn tám mươi tuổi mà còn hay tổng-lãm chính-trị. Lại còn như người nước Anh là Cách-lan-ti-đôn, Bá-lại-đề Đức-hoàng là Uy-liêm, tướng-quân là Mao-kỳ, Đức-tướng là Tỉ-sĩ mạch-khắc, mấy người trên ấy có người thì tám-mươi tuổi, có người thì sáu-mươi tuổi, thế mà cái cuộc thành-bại ở các nước Âu-châu ngày nay, đều bởi tại trong tay các lão cả. Xét về sự

thực thì những người xưa nay hay lập được đại-công, thành được đại-nghiệp, về phần những kẻ thân-thể yếu-đuối ấy chỉ độ mươi người, còn về phần những kẻ khỏe-mạnh ấy đến hàng trăm người. Thể-dục phát-đạt mà làm thành được sự-nghiệp vĩ-đại, không những là các nhà quân-nhân, nhà chính-trị là cần phải-tế; đến như nhà thi-nhân như Luân-ty, Sác-tát, nhà tôn-giáo như Mã-đình-lộ-đắc, Ước-hân-nặc-khắc-ty, đều đủ có cái tài-trí lớn-lao mạnh-mẽ, mà lại phải có cái thân-thể cường tráng mới được. Gần đây bên nước Mĩ có những nhà hùng-biện là Huệ-bạch-ty-thái, Cát-lôi, Khách-nhĩ-cáp-văn, lại có những bậc tướng đại-tướng như là Cát-lan-đức, Sa-mãn, Yết-lập-đán, đều đủ có cái tài-trí anh-hùng hào-kiệt, mà lại kiêm có cả cái thân-thể anh-hùng hào-kiệt nữa. Ở bên Ba-sĩ-đôn có một nhà diễn-thuyết trứ-danh là Ước-sắt, trí-lực ông ấy vẫn khác với người thường, mà nhất là khi ông ấy cất tiếng lên to như tiếng sét đánh, không những là nhờ về não-tủy mạnh-mẽ nên mới hay nói to như thế, mà cũng có nhờ về sức của nhục-thể khang-cường và tạng-phổi tráng-kiện nữa.

Người đã có cái thân-thể cường-tráng mà lại có cái trí--lực cường-tráng nữa, đó mới là yếu-quyết về thể-dục, nghĩa là phải giữ-gìn nhục-thể cho khỏe mạnh. Trước kia người Tây-phương thường không hay chú-ý về việc ấy, mà tệ nhất là người nước Mĩ. Song nay dư-luận người các nước Âu-Mĩ đã đổi khác đi nhiều, trước kia vẫn khen người cần-lao suốt đêm là giỏi, nhưng nay mới biết là dưỡng-sinh không thể bỏ qua được. Thân-thể người ta vốn là làm nô-lệ cho con tâm, song thân-thể mà lao-động quá-độ, thì có khi không làm được nổi việc, mà nó lại chống lại mệnh-lệnh của chủ-nhân. Con tâm có quyền-lợi, thân-thể cũng có quyền-lợi; thân-thể đối với con tâm vẫn là phải hết nghĩa-vụ; mà tâm đối với thân-thể cũng là phải hết nghĩa-vụ. Một đàng có quyền-lợi, thì mộ đàng phải có nghĩa-vụ, đó là cái thông-nghĩa trong đời người ta vậy. Tâm với thân cũng không vượt qua được cái nghĩa ấy. Con người học-trò mà thân-thể mềm-yếu, khi ở trong nhà trường mà cạnh-tranh với người đồng-học, cũng có điều thắng được hơn người, nhưng đến khi đem thân ra với xã-hội, gặp phải những cuộc nhân-sinh cạnh-tranh to-tát, không khỏi phải nhường cho người thân-thể tráng-kiện được thắng-lợi. Cái cuộc nhân-sinh cạnh-tranh, không cứ là sự-nghiệp gì, mà trong bọn người cạnh-tranh ấy trí-lực cùng bằng nhau cả, thế thì cuối cùng về sau thắng-lợi, tất là về người thân-thể tráng-kiện, chứ không sai. Vậy nên bên Tây-Âu hiện nay nghiên-cứu về thể-dục, quyết không theo lời cách ngôn của ông Ba-ty-gia (người nước Pháp là một nhà số-học, nhà trước-tác, nhà tôn-giáo). Ba-thị vì sinh ở trong một cái nước theo Thiên-chúa-giáo, nên mới nói rằng: «Sự ốm yếu là cái thiên-tính của bọn giáo-đồ Cơ-đốc.» Ngày nay những người bên Âu-Mĩ nói trái lại rằng: «Sự ốm-yếu là một tội-phạm trong đời người.» Cái người mà không giữ-gìn sự ăn uống, không biết vệ-sinh, cũng không khác gì cái người tin những sự dị-đoan; thực ra thì cái người ham học quá hay là đam-mê về sự-nghiệp gì mà không nghĩ đến vệ-sinh, cái tội cũng không khác gì cái người say đắm về nhục-dục mà không nghĩ gì đến trí-dục đức-dục. Loài người mà không mấy người biết chú-ý về thể-dục, thì không thể bảo rằng đã đến cái thời-kỳ văn-minh cực-điểm được.

Tuyết-đức-ni có nói rằng: «Người ta trước khi diễn-thuyết, hãy đi

tản-bộ mươi hai dặm Anh, thì đến lúc diễn-thuyết tự-nhiên là hứng-thú mạnh-mẽ, quyết không có ý-thái trễ-nải.» Xem thế thì biết những nhà chính-trị bên nước Anh thường hay đình-lập ở trên nghị-trường quốc-hội, diễn-thuyết lâu đến vài giờ đồng-hồ, hùng-biện thao-thao bất-kiệt, sa-sả bàn nói mãi về lợi hại trong một nước, đó không những là nhờ về cái sức tu-dưỡng ở trong nhà đại-học Khảm-bột-lê-tề (*Cambridge*) hay là nhà Áo-cách-ty-phúc (*Oxford*), mà những lúc đem con chó yêu đi săn hươu ở trong cánh đồng Tô-cách-lan, hoặc lúc rủ cần câu ở bến bể Na-uy, oặc lúc leo trèo ở vách đá Á-nnĩ-bá-sơn, những lúc ấy đều giúp sức cho nhiều lắm. Thuộc-địa nước Anh nay gần khắp cả thế-giới, không khi nào dã mất đi được, tiếng trống quân anh tan sương buổi sáng nghe vòng khắp hoàn-cầu; đó không những là bởi tại nước Anh có các nhà học-đường về hải-lục-quân hoàn-bị, hay đào-tạo được nhiều nhân-tài; mà phần nhiều đắc-lực là nhờ tại hội đá bóng ở Y-đôn, và hội đua thuyền ở sông Thái-ngộ-sĩ người đời ai cũng biết cả. Hầu-tước Huệ linh-thôn thường đến chơi trường du-hí ở Y-đôn, xem trẻ con đua nhau chơi đùa, có bảo rằng cái trận chiến-thắng ở Hoạt-thiết-lư cũng nhờ về đó. Song mấy năm nay người đời thường lo cho vận-mệnh nước Anh, bảo rằng trong các cường-quốc Âu-châu, không cứ nước nào khởi lên mà khai-hấn với nước Anh làm phá-hoại đi cũng dễ, ngay như người nước Anh cũng nhiều người lo như thế. Song có tờ báo ở Luân-đôn bàn rằng: « Những nước địch-quốc với ta tuy rằng hay chế-tạo ra vô-số tàu chiến cũng chẳng sợ gì, họ chỉ hay làm ra được tàu chiến mà thôi, còn đến như những bọn hải-quân dũng-mãnh hoạt-bát của nước ta, thì họ hồ-dễ đã hay chế-tạo được. » Lời bàn dám nói tự-thị như thế, chắc là cũng có sở-cứ vậy.

Đời cổ văn-minh của Hi-lạp không những là chỉ gây nên ở trí-lực của người ta mà thôi, các nhà triết-học đời cổ quyết không có khinh-thường cái sự tu-dưỡng nhục-thể. Người đời bấy giờ không những là những kẻ lực-sĩ và các nhà nhu-thuật hay chăm-chỉ về việc luyện-tập thể-thao, cho đến các bậc hiền-nhân quân-tử cũng đều chú-ý về việc ấy cả, vậy nên những nhà biện-luận bên mi-lạp La-mã, và khách thi-nhân người dũng-sĩ ai cũng đều chăm về việc thể-thao cả. Nhà biện-sĩ trứ-danh ở bên La-mã là Hi thức-lộc, có mắc cái chứng thổ nước chua, ông ấy không chữa thuốc, chỉ cứ ngày ngày đến trường thể-thao Hy-lạp chú-ý về việc vệ-sinh, được hai năm thì cựu-chứng đều khỏi hết cả, rồi lại trở về làng cũ. Còn như ông Á-lý-sĩ-đa-đức, ông Bách-lạp-đỗ đều là người thân-thể khỏe mạnh nên mới làm mô-phạm cho kẻ học-giả muôn đời được. Á-lý-sĩ-đa-đức nếu mà mắc bệnh thần-kinh, thì sao hay làm chúa cho tư-tưởng-giới trong khoảng hai nghìn năm được? Bách-lạp-đỗ nếu mắc chứng đau dạ dầy, thì cũng không đủ sức nào mà khảo-cứu về học-vấn sáng-tạo ra triết-lý cao-thâm được. Than ôi! có tinh-thần mà không có thân-thể, người đời gọi là u-linh, thì có ích gì với đời, chỉ là suốt ngày đêm không có tiết-lộ ra với thế-gian thì mới thiêng được. Súng đạn kia chế-tạo tuy tinh-vi, song dùng thứ đạn nhỏ quá thì cũng không bắn xa được; dùng thứ đạn lớn thì nó có sức mạnh ở trong chiến-trường, cũng như cái thân-thể khỏe-mạnh ở trong đời người ta là phải cần đến. Xem như cái trí-lực của người Nhật-bản, vốn là không kém gì người Âu Mĩ, nhưng phải cái thân-thể rất gầy yếu; đối với thời-cục ngày nay khó lòng đua chen với người Âu Mĩ

được; thế cho nên muốn khuếch-trương quốc-quyền thì phải chỉnh-đốn lại hải-lục quân, kiến-trúc lại các pháo-đài, phí-tổn biết bao nhiêu là tiền bạc, nhưng không bằng cứ bỏ ra mỗi năm và trăm vạn đồng, để làm tiền vệ-sinh cho nhân-dân và tiền phí-tổn về thể-thao, để làm cho khoẻ-mạnh cái thân-thể cho quốc-dân là cần hơn cả. Lục-quân mà có hàng nghìn súng đại-bác, nếu nhân-dân mà không có cái sức khỏe để vận-dụng nổi, thì có ích gì? Hải-quân mà có hàng trăm chiếc chiến-hạm, nếu quân-lính mà không có đủ sức để sử-dụng nổi, thì có ích gì? Chúng ta muốn bắt-chước người Âu-Tây, không nên chỉ chuộng hình-thức mà bỏ mất thực tế. Nếu không như thế, thì tuy rằng ở vẫn ở nhà kiểu tây rộng-rãi, ăn vẫn ăn bữa tiệc tây ngon lành, mặc vẫn mặc các thức áo tây lịch-sự, mà toàn-thể gân thịt vẫn không bằng người Tây khỏe-mạnh, thì quyết không thể lập-thân được ở trong buổi trời đất [illegible] này. Vậy thì người ta cần phải nên tự cảnh-tỉnh, lo-toan cải-lương nhục-thể cho được khỏe mạnh, để làm thành vàng vách sắt phòng-ngữ lấy quốc-quyền, chớ có chỉ chuộng cái hư danh, nên phải hết sức tu-dưỡng lấy thực-lực. Ai mà muốn mong lập-thân ở đời nay, cốt phải luyện-tập lấy thân-thể; nếu thân-thể mà không được kiện-toàn, thì tinh-thần cũng không thể kiện-toàn được.

5.—**Chuyên-tâm.**— Châu Nữu-ước thuộc về Bắc-Mĩ hợp-chúng-quốc, là một nước lớn trong các nước liên-bang; song chỉ có một cái hải-cảng; đất Nữu-chiết-nhĩ thì có vô-số cửa bể, nhưng đều nông mà chích-hiệp cả, nên cái đất ấy không phát-đạt bằng châu Nữu-ước. Vì ở Nữu-ước nắm được cái toàn quyền thương-nghiệp cả toàn-quốc Mĩ-lỵ-kiên. Không những là nói về địa-lợi thì như thế, giá nói về nhân-tài thì cũng cốt như thế cả. Phả-phổ có nói rằng: « Không cứ là chuyên về học-vấn một nghề gì, nó cũng hao-mòn tài-lực người ta lắm. » Kể các nghệ-thuật kỹ-xảo ở trên đời thì rất nhiều, nhưng cái trí-lực người ta thì có hạn, hiện thời-thế đời nay, nào là học-thuật trăm nghề, công-nghiệp vạn loại, nó thúc-giục người ta phải chú-ý mà làm; song người ta trước nhất phải nên định rõ cái chí-hướng của mình, rồi cứ nhắm mắt mà làm, không tưởng chi cái danh-dự vinh-quang bề ngoài, chỉ chuyên-tâm nhất-trí làm cho hết sức mình, cho tới đến cái chí-hướng mình đã quyết-định, bao giờ đạt được mục-đích thì mới thôi. Nếu lập-chí không bền, nửa chừng bị phải những việc khác nó làm dụ-boặc, lưu-luyến, dằng-co mãi, rồi đến sai mất cái mục-đích đã định khi trước, rút cục lại không thành việc gì cả; thế thì nếu học thiệp-liệp cả trăm nghề, nghề nào cũng chỉ biết một tí, thì sao bằng học chuyên-tinh lấy một nghề mà luyện-tập cho giỏi là hơn. Sự-nghiệp người ta mà hay thành-tựu được là vì thế. Vậy nên những nhà học-giả bên Âu Mĩ không có cốt lấy bác-học làm mục-đích, chỉ cốt nghiên-cứu lấy một khoa-học nào, rồi thì cứ chăm-chỉ mà làm cho đến nơi, không có phân tâm-tư tài-lực ra việc khác. Tuy rằng thế-giới ngày nay không có vì như trước, phải đủ có cái trí-lực phi-thường mà thông-hiểu cả các khoa học-vấn, mới gọi là một bậc vĩ-nhân trong học-giới; nhưng không phải là hạng nhân-vật phi-thường thì không hay học đến cõi ấy được. Cái sinh-mệnh của đời người ta thì rất ngắn, mà cái tiền-đồ về học-vấn thì rất dài, và lại rộng-rãi mông-mênh như bể lớn không bờ không bến, muốn lấy cái trí-lực hữu-hạn của một người, bơi lội ở trong cái bể lớn vô-chừng ấy, thì hẳn là sức người không thể kham nổi.

Vậy nên muốn tinh-thông học-thuật một nghề gì, thì phải bỏ hết cả muôn việc không ngó tới mới được. Không những là nghề học-vấn phải thế, đến thực-nghiệp cũng phải như thế cả. Ôi, cái hạng người đa-tài đa-nghệ, thành là một bậc nhân-vật viên-mãn, xem ra bề ngoài vẫn là đẹp thực ; nhưng trên cái vũ-đài của đời người ngày nay, mà hay lập được cái công-nghiệp vĩ-đại ấy, đều không phải là cái hạng nhân-vật viên-mãn ấy, mà lại là những người chỉ chuyên-chủ một nghề mà làm được đến nơi đến chốn. Người ta quyết không có cái tài-năng gì làm nổi được cả muôn việc, có cái sở-trường cũng có cái sở-đoản ; muốn lập-thân ở đời này thì phải biết cái điều sở-trường sở-đoản của mình, rồi cứ theo cái điều sở-trường mà làm, là tự đến được thành-công. Thánh-bảo-la có nói rằng : « Ta mà muốn làm thành một việc gì, thì cứ hô lên một tiếng, rồi đem hết toàn-lực hướng vào một mục - đích, cố sức mà làm cho đến nơi. » Nay ta nghĩ đến Ngoã-đặc, thì hẳn lại nhớ đến những việc ông phát - minh ra máy hơi ; nghĩ đến Á - khắc - lạp-đặc thì hẳn nhớ đến những việc ông phát-minh ra máy ươm tơ ; nghĩ đến Đoái-phi thì hẳn nhớ đến ông phát-minh ra đèn máy ; nghĩ đến Hách-duy, thì hẳn nhớ đến ông làm ra cái thuyết « huyết-dịch tuần-hoàn » ; nghĩ đến Kiền-na thì hẳn nhớ đến ông phát - minh ra phép giồng đậu ; nghĩ đến Mạc-nhi-ti thì hẳn nhớ đến ông phát-minh ra máy điện-báo ; cái người sáng-lập ra cùng với cái công - nghiệp, không khác gì như bóng theo hình, vẫn lưu-truyền mãi đến đời sau, đó không phải là cái hiệu-quả tại người ta hay chuyên-tâm nhất-chí là gì ?

Người họa-công trứ-danh bên nước Anh là Lợi-nã-đức có nói rằng : « Đã làm người thợ vẽ thì phải khâu mím miệng lại. » Ý là bảo rằng đã muốn làm anh thợ vẽ giỏi có tiếng ở đời, thì không nên khai-khẩu ra làm một nhà hùng-biện nữa ; nghĩa là một người không thể kiêm được cả hai việc. Sức người cũng ví như là thuốc súng, nếu không chế luyện cho tinh, mà dùng súng đem bắn ngay, thì tất là không hay trúng được đích. Hoặc người hỏi một nhà họa-sư bên nước Ý là An-thập-la rằng : « Ông sao không lấy vợ ? » Đáp lại rằng : « Nghề vẽ là vợ của ta, lúc vẽ xong thành tranh, tức là ta đẻ ra con đấy ! »

Uy-liêm-cáp-liệt-đức lại phản-đối những thuyết trên này, bảo rằng người ta muốn nghiên-cứu về một nghề học-vấn gì, cho rằng muốn siêng năng đến thế nào, tất không đến nỗi không có thì-giờ để nghiên-cứu một môn học-thuật khác ; nói như thế cũng có một lẽ. Người ta không nên thiên hẳn về một bề, có thì-giờ rỗi rảnh cũng có thể kiêm học nghề khác được, đã hẳn đi rồi ; nhưng muốn lấy một người mà kiêm-thông cả các khoa học-thuật thì cũng hiếm có vậy. Xưa nay những hạng nhân-vật phi-thường tài giỏi như thế cũng không phải là không có : Ông Hy-thức-la học thông cả các khoa lý-luận, luân-lý, thiên-văn, vật-lý, kỷ hà-học, âm-nhạc, mĩ-thuật, mà lại hay nổi tiếng là một nhà hùng-biện ; Bồi-côn thì hay thông cả học-thuật hoàn toàn ; Đán-đề là một nhà thi-nhân nước Ý mà lại hay nổi tiếng bác-học ở đời, từng ở nhà đại-học Ba-lê biện-luận thắng được cả mười bốn người ; Liệt-a-nạp-đa là nhà mĩ-thuật nước Ý, một mình kiêm-thông cả họa-học, toán-học, triết-học, âm-nhạc, điêu-khắc, và lại là một nhà cơ-khí, kiến-trúc, hóa-học, thực-vật-học, giải-phẫu học, bác-vật-học, đủ cả mọi tài ; lại như khi xưa vua Á-lịch-sơn-đại và các danh-tướng là Á-phủ-lập-khai-nặc, Tây-thạc-nhĩ, đã chuyên-tâm về quân-sự mà hay nổi tiếng diễn-thuyết về các khoa học-vấn

Song những bậc nhân-tài giỏi như thế, xưa nay từng đã có mấy người? Những danh tiếng các bậc ấy mà hay lưu-truyền mãi đến nay không mất đi được, thực là bởi cái tài-lực vượt ra ngoài lệ thường; ta không thể lấy những hạng người ngoài thường-lệ ấy làm khuôn-mẫu, mà kỳ-vọng cho cả các hạng người bình-thường được. Người Anh là Hoắc-bố-sĩ lấy triết-học nổi tiếng ở đời, mà không hay tài nghề ngâm-vịnh; Mật-nhĩ-đôn nổi tiếng là hay thơ mà làm văn lại vụng; vậy nên giỏi nghề thi-ca thì vị-tất đã giỏi về văn; tài nghề diễn-thuyết thì vị-tất đã biết khoa-học; thường thường những nhà tinh văn-pháp mà làm văn lại vụng, tinh y-học mà không hay tự dưỡng-sinh được; một điều giỏi lại phải một điều kém, vẫn là cái số không thể tránh khỏi được. Thế cho nên biết được trăm điều thì phạm-vi rất rộng, nhưng mà cái trí lại rất nông, biết được một điều thì phạm-vi hẹp nhưng mà kiến-thức lại rất sâu, người ta ra cạnh-tranh với đời mà hay được thắng-lợi là vì thế. Ví như có đến hàng trăm vạn binh, mà không họp quân tinh-nhuệ lại một chỗ, cứ để rải-rác ra mọi nơi, thì đem đi chinh-chiến tất thua. Lại xem như cái sức nóng của mặt trời ở không-trung chiếu khắp cả tám phương, thì không đến nỗi cháy bỏng nhân-vật, nếu dùng cái kính lồi thu quang-tuyến lại một chỗ thì nông có thể cháy lên được. Cái thế-lực người ta cũng thế, nếu dùng tinh-thần thể-lực thiệp-liệp học tham nhiễu nghề, thì nhuệ-khí cũng phải yếu bớt đi, không đủ thành được sự-nghiệp gì cả; nay nếu lấy cả toàn-lực mà chỉ chuyên-chú vào một việc, thì cái nhiệt-lực có thể nóng tan được vàng đá. Tinh-thần đã chuyên-chú thì việc gì mà chẳng xong.

Người đời cũng có kẻ một mình mà kiêm-thông cả các học-nghệ, như là Mục-lặc người Anh đã giỏi triết học, chính-trị-học mà lại hay tinh cả khảo-cổ-học, bác-ngữ-học, thực-vật-học, âm-nhạc-học; Cách-lan-ty-đôn đã làm tể-tướng trong một nước mà lại kiêm cả chức đại-tăng đại-thần, lại thường diễn-giải cả vật-lý-học và thông cả thi-học của Hà-mã nước Hy-lạp; đó đều là lấy một người mà kiêm-thông cả và thứ học-thuật. Tuy rằng thế, xưa nay những người mà hay lập được sự-nghiệp lớn-lao trong thiên-hạ, thường chỉ là người chỉ có một cái quan-niệm mà thôi, như là Lộ-đắc (Luther) hay cải-cách tôn-giáo, Tỷ-sĩ-mạch-khắc (Bismarck) hay thống-nhất nước Đức, đó đều chỉ là có một cái tư-tưởng thuần-nhất chuyên-chú ở trong lòng, rồi cứ hết sức chuyên làm một việc cho đến xong. Bên nước Anh có Tị-đích (Pitt) vì muốn giữ lấy quyền-lực trên đường chính-trị, mà tuyệt bỏ hẳn ái-tình là cái sự đời người không thể khuyết được, suốt đời chỉ giữ cái chủ-nghĩa ở một mình, không có tưởng mong gì cái hư-danh sau lúc chết cả, đến những lời diễn-thuyết cũng không để một tí gì lưu-truyền đến sau, và lúc sống ông ấy cũng không có bè bạn, không có vợ con, không thích mĩ-thuật, không đam văn-chương, đến cả tài-sản tuy mỗi một năm được bổng-ngân đến năm vạn đồng, mà lúc lâm-chung, chỉ còn có vô-số là trái-phiếu mà thôi. Cái dũng-khí nhiệt-thành của ông ấy thực xưa nay chưa có ai như thế bao giờ. Vậy nên lúc nhỏ tự nhà trường ra thì vào quốc-hội ngay, chưa được hai năm, đã làm tể-tướng nước Anh; bấy giờ mới có 24 tuổi, đương lúc ấy trong chính-giới nước Anh thiếu gì người tài giỏi, như Ba-nhĩ-khắc, Thúc-khắc, đều là những bậc hào-kiệt trong chính-trị cả; thế mà Tị-đích lại là bậc đại-lĩnh-tụ trong chính-giới nước Anh, trước sau cầm quyền đến hơn hai mươi năm. Vậy nên Đạo-thoát có

bảo những thầy giáo - sư dạy con trẻ rằng: « Người đời không thiếu thầy giáo nhiệt-tâm dạy về kỹ-thuật thi-văn, trước-thuật chính-trị, mà chỉ không có thầy giảng-giáo khẩn-khoản diễn-thuyết về tôn-giáo, hễ gặp ngày nghỉ mà giảng-giáo, thì giọng diễn-giảng khô-khan vô-vị, như là cái bông bề đã vắt hết nước đi rồi! Các thầy phải nên chú-ý giảng-giáo, biên ghi mấy câu ở chỗ ngồi, để cho nó hoán-khởi tinh-thần. » Lời nói ấy thật là chí-lý! Nhưng cái chủ-nghĩa chuyên-nhất không phải là bảo không nên biết đến các việc khác. Đời trung-cổ có ông Bá-nhĩ-na-nhĩ chăm học quá mà đến nỗi không phân-biện thứ quả thực với quả giả; nhà khoa-học nước Đức là Ni-an-đắc-nhĩ trong ba mươi năm chỉ chuyên về việc biên-tập giảng-nghĩa, đến nỗi con đường từ nhà đến trường học cũng nhãng quên mà đi lầm lối; những việc như thế thì không thể ai khen được. Phàm người ta mà ngoại cái sự-nghiệp mình làm ra, không còn biết đến việc gì khác cả, động-tác một tí gì cũng không li bản-nghiệp, đấng quân-tử cũng chẳng khen chi cái hạng người như thế. Cái thuyết phân-nghiệp mà làm đến quá-đáng thì rất là tệ-hại; vậy nên người ta làm nghề-nghiệp gì vốn là phải nên chuyên-nhất, song còn những việc khác cũng phải nên lưu-ý đến, để giúp cho đường khảo-cứu mà cũng có giác-ngộ thêm ra, thực là có trợ-lực cho học-thuật mình đương giảng-cầu; duy không nên phân-tâm mà lầm ôm-đồm cả các học-nghiệp khác, để đến nỗi không được một nghề học nào là học đạt được đến tinh-túy cả. Lại xem như bên nước Anh có ông Giám-đốc mục-sư là Ba-đích-thứ trong hai - mươi năm mới làm xong quyển sách về giáo - lý Ái-đức-ba-cách-bôn cũng phải khó-nhọc đến hai mươi năm mới làm xong quyển sách *La-mã-đế-quốc suy-vong sử*. Lại còn như Khang-đức (Kant) khảo-cứu về triết-học, trước sau cũng phải mất đến năm mươi năm; Á-dan-ty-mật (Smith) làm ra sách *Nguyên-phú* cũng dụng-công đến mười năm; Mạnh-đức-ty-cưu (Montesquieu) cũng chịu khó đến hai mươi năm mới làm xong quyển sách *Vạn-pháp-tinh-lý*. Đó đều là cái thành-hiệu theo về chủ-nghĩa chuyên-nhất. Thế cho nên người ta phải có cái tinh-thần kiên-cố mới hay lập-công ở đời, để tự-lập cái thân mình, chứ không những chỉ cậy tài-trí mà thôi. Người đời lắm kẻ chỉ cậy có thiên-tài mà không có tinh-thần chuyên-nhất, đến nỗi suốt đời không thành-tựu được việc gì, là vì thế cả. Những bậc thiên-tài ấy cũng có lúc phóng ra quang-thái rực-rỡ, nhưng chẳng qua như ngôi lưu-tinh bay vụt trên thiên-không, hốt-hiện hốt-diệt, chỉ làm cho người ta kinh-dị một lúc mà thôi. Nếu muốn làm ngôi minh-tinh ở cõi nhân-gian, phóng ra bóng hào-quang mãi mãi, thì phải nên như ngôi Mộc-tinh, Thổ-tinh hay là ngôi Kim-tinh, cứ đứng mãi một địa-vị nhất-định không di-dịch mới được. Xưa kia có tướng Mã-khắc-đức-nặc-phu khi được đại-thắng trận ở Trương-bối-lâm là chỉ nhờ về tấm lòng kiên-quyết nhất-định xông vào một chiếc chiến-hạm rất lớn của giặc, tha-hồ cho các chiến-hạm khác của giặc nó đánh đâu cũng mặc, nên mới được thắng-trận. Cái phương-pháp của người ta xử-thế phải nên coi đó làm gương.

(Còn nữa)

Đông-Châu *dịch*

KHẢO VỀ SÁCH XUÂN-THU TẢ-TRUYỆN

XVI

25. K.— Ngô giết vua là Liêu

T. — Ngô-tử muốn nhân lúc Sở mới có tang mà sang đánh Sở. Bèn sai Công-tử Yểm-Dư, Công-tử Trúc-Dong, đem quân vây ấp Tiềm của Sở.

Lại sai Quí-tử đi sứ các nước ở trung-nguyên. Quí-tử bèn sang Tấn để quan-sát ý-kiến Chư-hầu đối với Sở thế nào.

Về bên Sở thì Doãn-Nhiên, Doãn-Mi, đem quân ra cứu Tiềm. Tả-tư-Mã là Thẩm Doãn-Tuất thì đem những học-sĩ ở đô-thành và các quan thuộc về đội mã-binh của nhà vua ra để giúp sức cho sư-đoàn Sở.

Quân Sở với quân Ngô gặp nhau ở đất Cùng. Sở Lệnh-doãn là Tử-Thường đem thủy-binh đến bến sông Sa rồi trở lại. Còn quan Tả-doãn là Khước-Uyển, quan Công-doãn là Thọ, đem bộ-binh đến ấp Tiềm án-ngữ. Vì vậy quân Ngô không thoái được.

Ngô Công-tử Quang tự nói rằng: « *Thời-cơ đã đến, không để lỡ được* ». Rồi bèn bàn với Chuyên Thiết-Chư rằng: « *Lời ngạn ở Trung-quốc có câu rằng: « Việc gì không cầu, ai đâu đem biếu.* » *Kể ra thì ta thừa-tự ngôi vua mới phải. Ta muốn mưu việc đó, nếu làm xong thì ông Quí-tử trở về tất ông cũng không bỏ ta.* »

Chuyên Thiết-Chư thưa: « *Vua thì có thể giết được đấy, nhưng mà nhà tôi mẹ thì già con thì bé, biết tính làm sao ?* »

Quang nói: « *Thân ta tức là thân ông.* »

Mùa hạ, tháng 4, năm Chiêu-công thứ 27, Ngô Công-tử Quang mời vua ăn yến mà cho giáp-sĩ phục ở trong hầm nền nhà. Ngô-vương thì sai giáp-sĩ ngồi canh ở bên đường cho đến tận cổng của nhà Công-tử Quang. Lại ở cửa, ở thềm, ở trong nhà trong tiệc, đều là những người thân-tín của vua cầm gươm đứng coi cả.

Những kẻ bưng đồ ăn lên dâng mỗi lần vào trước cửa phải cởi trần ra thay áo khác rồi mới bưng đồ ăn ấy qui mà đi bằng đầu gối vào. Hai bên kẻ dâng đồ ăn ấy lại có hai người cầm gươm đi kèm, đến nơi kẻ dâng đồ ăn trao cho người cầm gươm dâng lên vua.

Công-tử Quang giả cách đau chân, bước vào trong hầm nhà. Chuyên Thiết-Chư sọc cái gươm vào suốt dọc bụng con cá rồi bưng vào dâng. Y rút gươm ra đâm ngay vào vua một cái thì hai người cầm gươm đi kèm liền thích ngay gươm vào hai bên bụng y.

Thế là Ngô-vương Liêu bị thí, Công-tử Quang tự-lập lên làm vua, ấy là Hạp-Lư. Hạp-Lư cho con Chuyên Thiết-Chư làm quan Khanh.

Quí-Trát đi sinh các nước trở về thấy thế nói rằng: « *Thôi, người nào làm mà tiên-quân ta không tuyệt-tự, nhân-dân không đến nỗi vô-chủ, xã-tắc có người thờ cúng, quốc-gia không bị tan-tành, thì người ấy là vua ta đó. Ta có dám oán-trách chi ai. Ta thương ông vua bị chết, thờ ông vua còn sống, để đợi mệnh trời. Còn như cuộc biến-loạn này là bởi cái phép của tiên-vương lập con nào cũng được không cứ ngành trưởng, mà sinh ra, chứ nào có phải vì ta !* »

Quí-Trát nói rồi ra khóc mộ Vương-Liêu, xong lại về chốn cũ để đợi mệnh vua mới.

Ngô Công-tử Yểm-Dư xuất-bôn ra nước Từ, Công-tử Trúc-Dong xuất-bôn ra nước Trung-ngô.

Sở nghe tin Ngô có nội-loạn bèn kéo quân về.

26 – K.— Sở giết quan Đại-phu là Khước-Uyển

T.—Sở Khước-Uyển là người trung-trực mà hòa vui, cho nên người trong nước đều yêu - mến. Bấy giờ Yển Tướng-Sư làm quan Hữu-lĩnh, kết bè-đảng với Phí Vô-Cực mà ghen-ghét Khước-Uyển.

Quan Lệnh-doãn là Tử-Thường thì tham của đút mà tin lời gièm-pha. Phí Vô-Cực bèn lập mưu gièm Khước-Uyển mà nói với Tử-Thường rằng: «*Tử-Ố (tên hiệu Khước-Uyển) định mời ngài đến chơi xơi rượu đấy*». Lại đến bảo Tử-Ố rằng: «*Quan Lệnh-doãn muốn đến chơi nhà ông uống rượu đấy.*» Tử-ố nói: «*Tôi ti-tiện không dám mời quan Lệnh-doãn, nếu ngài có lòng chiếu cố như thế, tôi thực lấy làm cám ơn ngài lắm. Nhưng mà tôi tiếp-đãi ngài thế nào cho phải ?*» Vô-Cực nói: «*Quan Lệnh-doãn chỉ thích việc giáp-binh. Ông đem lính giáp-binh của nhà ông ra đây tôi chọn lấy một ít để dâng ngài.*»

Vô-Cực chọn được năm đội lính đủ áo giáp đồ binh rồi nói rằng: «*Những lính giáp-binh này thì cho chực ở trước cửa để quan Lệnh-doãn đến thì ngài xem, bấy giờ sẽ nhân tiện mà dâng ngài.*» Đến ngày ăn tiệc, Vô-Cực lại bảo Tử-ố che cái màn ở cửa bên tả mà để lính giáp-binh ở đó. Dặn xong Vô-Cực bèn đến nói với Lệnh-doãn rằng: «*Suýt nữa thì ra tôi làm hại ngài, vì thằng Tử-ố nó định tính ngài đó. Nó đã cho lính giáp binh phục ở trong cửa rồi, ngài đừng đến nữa. Vả cái trận ta đánh Ngô vừa rồi là vì Tử-ố ăn của đút của Ngô, rồi đánh lừa các tướng-súy mà rằng: «Nhân lúc người ta có nội-loạn mà đánh là sự bất-tường», bèn sai tướng-súy rút quân về, nên chi Ngô nó mới đắc-chí được. Tử-ố hắn nói thế chứ Ngô nó nhân lúc ta có tang mà sang đánh, thì ta nhân lúc nó có nội-loạn mà đánh lại, chả cũng đáng lắm dư ?*»

Lệnh-doãn cho đến thám nhà họ Khước thì có lính giáp-binh chực sẵn thật. Lệnh-doãn không đến dự tiệc nữa mà cho triệu Yển Tướng-Sư đến bảo cho biết việc ấy. Tướng-Sư lui ra tự đến đốt-phá nhà họ Khước. Tử-ố nghe tin bèn tự-sát chết.

Người trong nước không chịu cho đốt nhà họ Khước, Tướng-Sư hạ-lệnh rằng: «*Kẻ nào không chịu vào đất nhà họ Khước thì phải đồng-tội với họ Khước*». Bấy giờ có kẻ thì rỡ một cái gianh cói, kẻ thì rút một nắm rạ ở trên mái nhà xuống. Nhưng người nước dâng lấy vất đi không cho đốt. Lệnh-doãn phải đến ra tay đốt lấy, bèn giết hết cả tộc-đảng nhà họ Khước, lại giết hai quan Đại-phu về đảng họ Khước là Tấn-Trần, Dương Lệnh-Chung, cùng họ-hàng của hai nhà này nữa.

Những người họ nhà Tấn-Trần đi hô-hào với người nước rằng: «*Họ Yển họ Phí tự làm lấy vua nước Sở này, khinh-khi cả quốc-vương cùng Lệnh-doãn. Làm cho nhà vua suy yếu, nước nhà họa-hại, để lấy lợi riêng cho chúng nó. Thế mà chúng nó nói gì Lệnh-doãn cũng tin cả. Nước Sở này rồi không biết sẽ đến thế nào.*»

Lệnh-doãn nghe được lời ấy lấy làm hối-hận.

27 — K. — Tấn Sĩ-Ưởng, Tống Nhạc-Kỳ-Lê, Vệ Bắc-Cung Hỉ, cùng người Tào, người Tiểu-châu, người Đằng, hội ở đất Hỗ

T. — Hội ở đất Hỗ là để bàn việc nạp cho Chiêu-công về nước. — Năm Chiêu-công thứ 25, công đánh Qui-Tôn

Bình-tử. Họ Thúc-tôn đến cứu, họ Mạnh-tôn đuổi đánh quân nhà vua. Công phải xuất-bôn sang Tề. Năm thứ 26, công ở Tề về ấp Quân là đất Lỗ. — Hai nước Tống, Vệ, đều lấy sự nạp cho công về là một sự lợi-ích chung, cho nên xin với Tấn mà họp kỳ hội-đồng này.

Tấn Phạm Hiến-tử (Sĩ-Ưởng) ăn của đút của Qui-Tôn nên bảo Tống Nhạc-Kì-Lê, Vệ Bắc-Cung Hỉ rằng: « *Qui-Tôn hắn chưa hiểu hắn có tội gì mà vua đến đánh, nhưng hắn cũng xin ra ở tù, không thì xin cho được tự-tử, thế mà vua Lỗ đều không cho cả. Sau vua Lỗ thua thì tự trốn đi. Xem thế thì biết Qui-Tôn nó không có cách phòng-bị gì giỏi thì sao nó đuổi được vua đi như thế.*

« *Họ Qui-Tôn mà được an-toàn là trời cứu cho nó đó. Thật là trời xui khiến cho bọn quân của vua Lỗ người giận, và xui khiến cho họ Thúc-Tôn động lòng đến cứu. Việc ấy nếu không có trời thì sao bọn quân vua Lỗ đang đánh trận bỗng cởi cả áo giáp ra rồi nhặt nước đá ném đùa nhau. Còn họ Thúc-Tôn thì sợ binh-họa sẽ lây đến mình, nên bèn đồng-tâm với họ Qui-Tôn mà đánh lại vua Lỗ. Vậy chả phải đạo trời là gì.*

« *Vua Lỗ nhờ Tề bênh-vực mà ba năm nay không được việc gì. Đến như Qui-Tôn thì nó ở đắc dân-tâm lắm. Các rợ Hoài-di cũng đều theo về nó. Nó đã có cái khoản binh-phí súc-tích để dùng được mười năm, lại có hai nước Tề, Sở, ngoại-viện.*

« *Họ Qui-Tôn nó nhờ được trời cứu dân giúp, có cái phí-khoản dùng được mười năm, có cái quyền đứng ngang hàng với liệt-quốc. Thế mà nó không dám phô-trương ra điều gì, cứ thờ vua như khi còn ở trong nước mà thôi. Ấy thế nên Ưởng tôi lấy việc nạp cho vua Lỗ về là khó lắm.*

« *Hai ông là những bậc lo toan việc nước mà có lòng muốn nạp cho vua Lỗ về, thật Ưởng tôi lấy làm sở-nguyện lắm, vậy xin theo hai ông để đến đánh Lỗ. Nếu việc không làm xong, Ưởng tôi xin chết theo.* »

Hai gã kia nghe nói lấy làm sợ-hãi đều xin thôi. Sĩ-Ưởng bèn từ chối với các nước nhỏ rồi về trả lời vua Tấn rằng việc ấy khó làm lắm.

∴

Sở từ khi có cái nạn của Khước-Uyển thì dư-luận trong nước vẫn sôi nổi chưa yên. Phàm chỗ nào có tế-tự ầm-nhầm là có chuyện phỉ-báng Lệnh-doãn. Thân Doãn-Tuất nói với Tử-Thường rằng: « *Tôi xem Khước-Uyển với Dương Lệnh-Chung đều không biết mình có tội gì mà ngài giết cả đi, để gây ra sự oán-trách cho công-chúng đến bây giờ chửa thôi. Tôi thật lấy làm ngờ. Nhân-giả có khi đáng phải giết người để che lấp sự oán-trách đi mà người ta cũng không làm. Nữa là nay ngài lại giết người để gây lấy sự oán-trách như thế, mà ngài không lấy làm nghĩ, thì cũng lạ thật!*

« *Tôi xem Vô-Cực nó thực là một thằng sàm-nhân của nước Sở ta, nhân-dân không ai mà không biết. Nó làm che lấp cả tai mắt đấng tiên-quân Bình-vương đi, đến nỗi Triều Ngô phải bỏ nước mà đi. Người Sái đuổi Xái-hầu Chu, Thái-tử Kiến bị phế, Ngũ-Xa bị giết là bởi nó cả. Không thế thì sao đức Bình-vương là một ông vua ôn-huệ cung-kiệm, thật là hơn cả đức Thành-vương, đức Trang-vương nước Sở ta, chứ không phải là còn kém điều gì. Thế mà đức Bình-vương ngài không làm được minh-chủ cho Chư-hầu, chỉ vì ngài gần thằng Vô-Cực đó mà thôi.*

« *Bây giờ nó lại giết ba người vô-cố để gây nên một cuộc oán-trách lớn cho*

người nước, suýt nữa thì lấy cả đến ông. Thế mà ông không tính nó đi thì còn để làm gì.

« Lại còn thằng Yển Tướng-Sư nó làm ra cái mệnh-lệnh giả của ông để diệt chủng cả ba họ Khước, Dương và Tấn-Trần là ba người hiền-lương trong nước không có làm trái chức-phận mình bao giờ.

« Nay bên Ngô mới có vua giỏi, chốn biên-cương của ta ngày nào cũng có sự kinh-hãi. Nếu nước nổ ta mà xảy ra có sự đại-biến gì thì ông nguy đấy. Trí-giả là người ta trừ kẻ sàm-nhân đi để yên thân mình. Nay ông yêu giấu kẻ sàm-nhân để tự làm nguy cho mình, tôi thật không hiểu ra thế nào cả. »

Tử-Thường nói : *« Thật là tội của Ngõa tôi đó, tôi đâu còn dám không sớm liệu. »*

Tử-Thường bèn giết Phí Vô-Cực với Yển Tướng-Sư và diệt chủng cả họ nhà hai gã ấy, để cho hả lòng người trong nước. Từ đó lời phỉ-báng mới yên.

. .

Năm Chiêu-công thứ 28, Tấn giết Kỳ-Doanh. Đảng của Kỳ-Doanh là Dương-Thiệt, Bá-Thạch, giúp cho Kỳ-Doanh làm loạn, thì bị giết cả họ.

Nguyên trước Thúc-Hướng muốn lấy người con gái của họ Vu-Thần. Mẹ Thúc-Hướng can con rằng : *« Vợ người Vu-Thần ả đã giết ba người chồng trước, một ông vua, một người con của ả và làm một nước bị diệt-vong, lại đèo hai quan Khanh bị xuất-bôn nữa ? Thế mà mày không sợ cái giống nhà nó ư. Ta nghe nói có câu rằng : « Hễ cái gì đẹp lắm thì trong lại xấu nhiều. Ba đời Hạ Thương, Châu bị vong-quốc, ông Thái-tử Thân-sinh nước ta bị phế, là bởi cái vật ấy khiến nên cả. Vậy mày còn lấy con bé ấy làm gì. Vả cái vưa-vật kia thường làm cho di-địch lòng người. Nếu mình không có đức-nghĩa mà lấy vào thì tất bị tai-vạ đó. »*

Thúc-Hướng sợ không dám lấy nữa, nhưng Tấn Bình-công ép y phải lấy, sau sinh ra Bá-Thạch đó.

Lúc Bá-Thạch mới sinh ra, mẹ chồng nàng Vu-thần đến thăm. Bà mới vào đến thềm nghe thấy tiếng khóc bèn trở ra không vào thăm nữa mà rằng : *« Cái tiếng thằng bé này như là tiếng loài sài-lang. Nó là giống sài-lang thì cái bụng nó tất bạy-ba. Phi thằng bé này, không ai giết được họ Dương-thiệt nhà ta. »*

. .

Năm Chiêu-công thứ 28, Tấn Hiến-tử chấp-chính, bèn phân khu ruộng nhà họ Kỳ ra làm bảy huyện, phân khu ruộng nhà họ Dương-Thiệt ra làm ba huyện.

Hiến-tử cho Cồ-Tân và Tư-Mã Ô là người có công sức với nhà Châu, cho nên cử ra làm quan huyện. Hiến-tử lại cho Trí-Tử-Ngô, Triệu Triều, Hàn Cố, Ngụy Tuất và Dư-tử bốn người, đều không sai bỏ chức việc mà giữ được thế-nghiệp của nhà mình, thì mỗi người đều được lĩnh một huyện rồi mới đến yết-kiến Hiến-tử sau.

Hiến-tử nói với Thành-Chuyên rằng: *« Tôi cử ông Tuất làm quan huyện, có lẽ người ta cho tôi là bè-đảng chăng ? »* Chuyên thưa : *« Sao phải là bè-đảng. Ông Tuất là một người khi xa cách vua thì không quên vua, khi gần-gũi vua thì không lăng bức người đồng-liêu. Xử lúc có tài-lợi thì nghĩ sao cho phải nghĩa, xử cảnh tang-bấn thì nghĩ sao cho thuần-chính. Một lòng trí-thủ chứ không có nết hoang-toàng. Một người như thế mà ông cử cho làm quan huyện là phải lắm rồi. Ngày xưa vua Vũ-vương phong cho bốn-mươi người họ Cơ làm*

vua các nước là cử người thân cả đó. Thân với sơ cũng thế mà thôi, chỉ người nào giỏi thì cử chứ có vị gì. »

Cồ-Tân sắp đi nhậm huyện, đến yết-kiến Hiến-tử. Hiến-tử nói : « *Ông Tân ơi, lại đây. Ngày xưa ông Thúc-Hướng sang Trịnh. Trịnh có ông Tông-Miệt là người xấu-sí lắm, muốn đến quan-sát ông Thúc-Hướng. Tông-Miệt bèn theo bọn đầy tớ làm đứa dọn đồ đề đến nơi mà xem. Bây giờ Tông Miệt đứng ở dưới thềm, Thúc-Hướng thì sắp uống rượu bỗng nghe thấy ở dưới thềm có một lời nói lý-thú, bèn tự nói ra rằng : « Chắc người này là Công-Minh đây.* » Nói rồi xuống thềm dắt tay Tông-Miệt lên mà rằng : « *Ngày xưa có một quan Đại-phu nước Cồ, người xấu-sí quá, ông lấy người vợ thì lại đẹp lắm. Đã ba năm mà người vợ ấy không nói không cười gì. Một hôm ông đánh xe cho vợ ra chơi chầm Cao. Ông bắn một phát được ngay một con chim chĩ, thì vợ tự bật cười ra mà nói chuyện. Cồ Đại-phu nói : « Thế mới biết tài-năng không có thể thôi đi được. Nếu mà tôi không biết bắn thì bà trọn đời không còn có cười nói gì nữa đâu.* » *Nay ông, người có hơi cũ-kỹ một chút, thế mà nếu ông không nói ra cái lời lúc nãy thì tôi suýt nữa bỏ quên mất ông đi. Ấy cái lời nói không có thể thôi đi được là như thế.* » — *Từ đó Thúc-Hướng với Tông-Miệt chơi với nhau như bạn cũ.*

« *Nay ông có công sức với nhà vương nên tôi cử ông. Ông ra đi mà nhận lấy việc, phải kính-cẩn chứ đừng có để cho cái công sức trước sút kém đi.* »

. . .

Năm Chiêu-công thứ 28. Tấn có người ở huyện Cánh-dương kiện nhau. Ngụy Tuất là quan Đại-phu huyện ấy không xử được, bèn đệ cái án ấy lên Ngụy Hiến-tử. Chức đại-tôn là thầy kiện của kẻ đi kiện đem nữ-nhạc đến lễ Ngụy Hiến-tử. Hiến-tử toan nhận. Ngụy Tuất bảo Diêm-Một với Nhữ-Khoan là quan thuộc của Hiến-tử rằng : « *Chúa ta có tiếng với chư-hầu là người không ăn đút. Nay nếu ngài nhận cái lễ này của người Cánh-dương thì lại thành ra tham quá. Hai ông phải can ngài đi.* » Hai người vâng lời. Nhân buổi lui triều về hai người đứng đợi ở sân. Gặp bữa, Hiến-tử gọi vào cho ăn cơm. Trọn bữa cơm, hai người thở dài ba lần. Ăn xong, Hiến-tử bảo hai người ngồi lại mà hỏi rằng : « *Tôi nhớ có câu ngạn-ngữ rằng : « Chỉ có lúc ăn là quên lo.* » *Vậy các thầy ăn trọn bữa mà thở dài đến hai bận là làm sao ?* »

Hai người cùng thưa rằng : « *Vì triều hôm qua có người cho hai chúng tôi uống rượu, hai chúng tôi cùng không được ăn cơm. Nay ngài cho ăn cơm, đầu bữa chúng tôi sợ không đủ ăn, nên thở dài. Giữa bữa, chúng tôi hối rằng : Mình nghĩ lắm thế chứ có lẽ nào Tướng-quân cho chúng mình ăn mà lại không đủ no, nên chúng tôi lại thở dài. Đến khi xong bữa, chúng tôi mong lấy cái bụng tiểu-nhân của chúng tôi mà suy ra cái bụng người quân-tử, chẳng qua cũng ăn đến no thì thôi.* » — Hiến-tử bèn từ chối không nhận cái lễ của người Cánh-dương nữa.

. . .

Năm Chiêu-công thứ 29, mùa thu, có con rồng hiện ra ở cánh đồng thành Giáng nước Tấn. Ngụy Hiến-tử hỏi Sái Mặc rằng : « *Người ta nói côn-trùng không giống gì khôn bằng con rồng, mà sao không thấy nó sinh ra ở đâu, thì sao biết là nó khôn ?* »

Sái Mặc nói : « *Cổ-giả có họ Hoàn-long với họ Ngự-long để nuôi rồng.* » Hiến-tử nói : « *Tôi có nghe thấy tên hai họ ấy mà không biết là nghĩa gì.* »

Sái Mặc thưa : « *Ngày xưa có Đồng-phủ là dòng-dõi vua Thúc-an nước Lưu, tính thích chơi rồng, tìm-tòi ra mà biết được tính con rồng nó ham muốn những gì, để cho nó ăn uống. Người ấy thờ vua Thuấn để nuôi rồng, vua cho tên họ là « Hoạn-long. »*

« *Đến đời nhà Hạ, trời cho vua Khổng-giáp hai đôi rồng ở sông Hà và sông Hán mỗi nơi có một đôi, hai đôi rồng cũng có một con đực, một con cái. Bấy giờ có Lưu-Lụy là con cháu họ Đào-Đường học phép nuôi rồng của họ Hoạn-long, đến nuôi rồng cho vua Khổng-giáp. Vua khen tài và cho tên họ là Ngự-long.* »

Hiến-tử-hỏi : « *Thế sao ngày nay không thấy có con rồng nào ?* » Sái Mặc thưa : « *Phàm có vật gì thì có chức quan ấy. Chức quan ấy phải sửa trị lấy phương-pháp của mình thì loài vật ấy nó mới đến. Nếu chức quan ấy bỏ thì loài vật ấy tiêu-diệt đi. Cho nên xem như đời xưa về ngũ-hành thì mỗi « hành » có một chức quan, liệt một tên họ. Lúc sống phong tước cực-phẩm, lúc chết được thờ làm qui-thần, với xã-tắc cùng một thể tôn-kính. Tức là quan Mộc-chính thì gọi là Câu-mang. Quan Hỏa-chính thì gọi là Chúc-dong. Quan Kim-chính thì gọi là Nhục-thu. Quan Thủy-chính thì gọi là Huyền-minh. Quan Thổ-chính thì gọi là Hậu-thổ* (1). *Nay rồng là loài ở nước mà chức quan Thủy-chính đã phế đi rồi, nên nó không sinh ra được.*

« *Chứ nếu không có con rồng thì sao trong sách Châu-Dịch nói đến con rồng nhiều lắm. Như quẻ Kiền nói : « Con rồng lặn thì chớ dùng. — Con rồng hiện ra ở ruộng. — Con rồng bay ở trên trời. — Con rồng mà qua vực thì có lỗi. — Một đàn con rồng hiện ra mà không có đầu. » Lại quẻ Khôn nói : « Loài rồng giao-chiến với nhau ở ngoài đồng. »*

« *Coi đó thì biết nếu người ta không chiều hôm ban sớm thường thấy con rồng thì ai biết đâu mà đặt ra cái tên ấy cho nó được.* »

Đỗ-nam-tử cẩn-án. — Rồng là một con vật bởi người đời xưa thiết-tưởng mà bịa đặt ra, chứ thật trong vũ-trụ này không có con vật kỳ-quái ấy bao giờ.

Việt-ngữ ta gọi là « *rồng* », Hán-ngữ gọi là « *long* 龍 », Pháp-ngữ gọi là « *dragon* », cùng là một con vật ấy cả. Đến như cái hình của nó thì người Đông-phương với Tây-phương vẽ ra cũng tương-tự nhau lắm. Nghĩa là mình nó giông-giống như con rắn thần-lần, nhưng dài mà to-lớn bao nhiêu cũng được. Đầu có sừng có tóc, lưng có vảy, đuôi có lông soắn. Mặt-mũi nanh-vuốt rất là đanh-ác gớm-ghê.

Thế mà, nhất là người Đông-phương xưa thì tán-dương xưng-tụng đức-tính và năng lực của con rồng không biết là chừng nào. Cho rằng rồng là một con thần-vật, lúc thì u, lúc thì minh, lúc thì lớn, lúc thì nhỏ, lúc thì cương, lúc thì nhu, nó làm ra thế nào cũng được. Lúc thì nó ở dưới vực sâu, lúc thì nó lên trên trời, đi thì đằng-vân giá-vũ, biến-hóa không biết đâu mà lường. Bởi vậy người ta mới đem đức-tính và năng-lực của con rồng mà sánh với khí *dương*, với ông *thánh-nhân*, ông *quân-chủ*, như trong sách *Châu-Dịch* trên kia. Rồng đã là giống qui-

(1) Tên chức quan về *ngũ-hành* nào thì có nghĩa về tính-chất của « *hành* » ấy. Câu-mang nghĩa là cong mà có gai, tức là cây cối. — *Chúc-dong* nghĩa là sáng, tức là lửa. — *Huyền-minh* nghĩa là tối-tăm, tức là nước. — *Nhục-thu* nghĩa là thu-hoạch, tức là kim-khí, về mùa thu. — *Hậu-thổ* nghĩa là chủ đất.

báu, tôn-trọng như thế, nên chỉ đồ thờ đồ ngự-dụng mới được vẽ khắc con rồng vào mà thôi. Nay xem cái hình-dạng với cái tài-đức của con rồng mà cổ-nhân đã tán-tụng lên, thì biết cổ-nhân sở-dĩ thiết tưởng bầy-vẽ ra con rồng như thế là bởi có hai cái lý-do như sau này.

Một là người ta trông thấy những cơn gió lốc ở mặt bể nó cuốn nước lên tròn mà to như cái cột cao đến tận không-trung, mây mưa mờ-mịt, có khi cơn gió lốc xoáy đi qua trên lục-địa làm đổ nhà gẫy cây, thì người ta cho là có con *thần-vật* tức là con *rồng* nó từ dưới nước mà lên trời. Lại thấy khi gió đổi mùa hai luồng gió gặp nhau, những cơn mây ở giữa bị kẹp thành ra ngông-nghêo như cái vòi voi to-tướng từ không-trung thò xuống mặt đất, thì người ta cho là con rồng thò vòi xuống lấy nước lên trời để làm mưa.

Hai là người ta đã tin rằng trong vũ-trụ có một con *thần-vật* mà hiện lên đó, nhưng cái hình-dạng của nó chưa biết ra sao. Nhân trông thấy những giống rắn to, cá sấu, thuồng-luồng, cá to ở sông ở bể, bèn bắt-chước mà vẽ-vời ra cái hình trên ấy.

Nay con rồng hiện ra ở cánh đồng Tấn này, bất-quá cũng chỉ là xẩy gặp một cái trường-hợp nào trong hai lý-do trên kia mà thôi. Sái Mặc là quan Thái sử Tấn có tiếng là nhà bác-vật, mà xem những lời đáp lại Nguỵ Hiến-tử, đều là viện-dẫn những điển-cố ngoa-truyền hoặc là nhận sai nghĩa mà thôi, chứ chẳng có gì là đoan-đích cả.

Cái nghĩa của Sái Mặc giải thích về hai họ *Hoạn-long* 豢龍 với *Ngự long* 御龍, ta muốn cãi lại như sau này.

Trong sách Phật chép rằng: « *Bộ kinh Hoa-nghiêm của Phật tổ viết ra để ở long-cung đời sau, ông Thiện-tài đồng-tử đi học đạo nhiều nơi, sau đến long-cung mới tìm thấy được* » Các nhà giải nghĩa bèn giải ra rằng: « *Long-cung ở dưới thủy tế, ông Thiện-tài đồng-tử xuống thủy-tế tham yết vua long vương mà tìm được* » Ấy cổ-nghĩa vẫn tin như thế. Nay các nhà bác học Âu Nhật lấy làm ngờ, bèn xét trong tiếng Ấn-độ mà chú-thích lại rằng: « *Tiếng Ấn-độ gọi voi cũng là rồng. Ấn-độ sản voi, long-cung tức là hang voi. Vậy bộ kinh Hoa-nghiêm là tìm ra được ở trong hang voi.* »

Nay ta theo cái lệ khảo-cứu mới ấy để tra cái nghĩa về hai cái tên hai họ trên ấy thì ta thấy trong Hán-văn về sách *Nhĩ-nhã* 爾雅 thiên *Thích-súc* 釋畜 nói: « 馬高 尺為龍. Ngựa cao tám thước thì gọi là rồng; » Còn nhiều sách khác cũng gọi ngựa của vua là « *long* », như sách *Châu-Lễ* thiên *Nguyệt-lệnh* nói: « 駕倉龍 *Đóng xe bằng những con rồng biếc.* » Tức là những con ngựa xanh mượt của vua đó. Xét như thế thì Hán-ngữ có khi « mã » cũng gọi là « long », mà hai họ « *Hoạn-long* » với « *Ngự-long* » có lẽ là hai họ làm chức quan nuôi ngựa của nhà vua đời xưa đó.

28 — K. — Ngô diệt nước Từ, Từ-tử là Chương-Vũ chạy sang Sở

T. — Năm Chiêu-công thứ 30, Ngô-tử sai người Từ bắt Công-tử Yểm-dư và người Trung-ngô bắt Công-tử Chúc-đông. Hai Công-tử bèn chạy sang Sở. Sở-tử phong cho hai Công-tử ở nơi thành-ấp lớn, là định để làm hai Ngô đó. Tử Tây can rằng: « *Quang mới được làm vua Ngô, coi dân thân-thiết như là con. Cùng dân cùng chịu mọi mùi cay đắng. Là ý hắn định dùng dân có việc đó. Nếu ta hòa-hiếu với chốn biên-cương của hắn, khiến cho hắn phải thuận-phục mình, còn sợ không khỏi hắn sẽ tràn sang,*

nữa là ngài lại gây dựng cho kẻ thù của hắn, để cho hắn thêm tức thì không được.

« Vả vua Ngô là dòng-dõi về ngành trưởng của nhà Châu, bị phong ra chốn hải-tần xa cách, nên lâu nay không giao-thông với các nước họ Cơ. Nay thì Ngô đã tự-cường lên ngang được với các nước Trung-hoa rồi. Quang lại là ông vua có văn-vẻ lắm, có lẽ không kém gì ông vua thủy-phong của Ngô xưa. Không biết ý trời xui ra hắn làm bạo-ngược để làm suy yếu cho nước Ngô mà phụ lớn thêm cho nước khác ; hay là trời xui ra hắn để làm hạnh-phúc cho nước Ngô. Song tôi chắc hắn cũng không bền được. Vậy sao ta không hãy cứ kính thờ lấy quỉ-thần, an-ủi lấy họ-hàng để xem bên nó ngả về mặt nào đã, chứ cần gì mà phải rung động nó vội. »

Vua Sở không nghe. Ngô-Tử biết tin giận lắm. Tháng 12, Ngô-tử bắt Trung-ngô-tử và đánh Từ. Đắp khe núi để lấy nước tháo vào Từ, bèn diệt Từ. Từ-tử là Chương-Vũ xuất-bôn sang Sở.

Ngô-tử hỏi Ngũ-Viên rằng : *« Năm trước ngươi bàn đánh Sở. Bấy giờ ta cũng biết là phải, song ta sợ ta phải đi đánh mà công của ta thì về người khác, nên ta gạt đi. Nay mà đánh được thì công là của ta rồi. Vậy cách đánh Sở thế nào ? »*

Ngũ-Viên thưa : *« Bọn chấp-chính Sở họ đông lắm mà ý-chí trái nhau, lúc nước có hoạn-nạn không ai chịu gánh vác lấy. Nếu ngài phân ra làm ba toán quân để làm cho Sở họ vất-vả, cứ hễ một toán quân ta đến đánh thì họ tất kéo ồ cả ra đối-địch, họ ra thì ta rút về, họ về rồi thì ta lại đến ; làm như thế tất quân Sở phải đi lại vất-vả lắm bấy giờ ta cứ làm luôn luôn như thế cho họ mỏi mệt. Ta lại dùng nhiều mẹo để đánh lừa nữa. Đến khi họ đã khốn-đốn lắm rồi thì ta hợp cả ba toán quân lại mà tiếp liền vào, thì ta tất đại-thắng được. »*

Hạp-lư theo kế ấy. Sở từ đó mới khốn-đốn về Ngô.

29. K — Qui-tôn Ý-Như đến hội với Tấn Tuân-Lịch ở Thích-lịch

T. — Năm Chiêu-công thứ 31, Tấn-hầu định đem quân để nạp cho Công về. Phạm Hiến-tử nói rằng : *« Ta hằng triệu Qui-Tôn sang đây, nếu hắn không sang thì chắc là hắn không chịu làm tôi vua Lỗ nữa, bấy giờ ta sẽ đánh. Vậy ngài nghĩ sao ? »* Người Tấn bèn cho triệu Qui-Tôn. Hiến-tử cho người dặn riêng Qui-Tôn rằng : *« Ông cứ sang, có thể nào tôi xin chịu lỗi. »* Qui-Tôn Ý-Như bèn đến hội với Tấn Tuân-Lịch ở Thích-lịch. Tuân-Lịch bảo Qui-Tôn Ý-Như rằng : *« Quả-quân sai tôi hỏi ông rằng : Sao ông đuổi vua ông đi. Có vua mà không thờ là phạm vào hình-pháp của nhà Châu đó. Ông nghĩ sao ? »*

Bấy giờ Qui-Tôn đội mũ mộc mặc áo gai, đi chân không, phủ-phục xuống mà thưa rằng : *« Tôi vẫn mong thờ vua tôi mà vua tôi không cho đó, chớ tôi có dám trốn-tránh điều hình-lục của vua tôi đâu. Nếu vua tôi mà cho tôi là đứa có tội, thì tôi xin ngồi tù ở đất Phí, để đợi vua tôi ngài sẽ xét ra cho. Đó là tùy ý vua tôi. Còn như nếu vua tôi nghĩ đến cái tình các đấng tiên-thần nhà tôi, không nỡ làm tuyệt-tự họ Qui nhà tôi, thì cho tôi được tự-tử một mình. Hoặc-giả vua tôi không giết tôi thì tôi được cám ơn vua tôi lắm, thân tôi tuy chết mà cái ơn ấy không bao giờ nát. Hay là cho tôi được theo hầu vua tôi để về nước thì lại chính là cái nguyện-vọng của tôi đó. Tôi nào dám có bụng gì. »*

Qui-Tôn bèn theo Trí-bá (Tuân-Lịch) ra Can-hầu là chỗ Công trọ. Tử-gia-tử là người theo Công đi xuất-bôn bảo Công rằng : *« Xin ngài đi với Qui-Tôn về nước. Nhìn cái thẹn này, chả còn hơn sẽ bị cái thẹn chung-thân dư ? »*

Công nhận lời, nhưng bọn tụng-giả ép không cho Công về.

30. — K. — Thúc-Tôn Hà-Kỵ đến hội với Tấn Hàn Bất-Tín, Tề Cao-Trương, Tống Trọng-Cơ, Vệ Thế-Thúc-thân, Trịnh Quốc-Tham, người Tào, người Cử, người Tiết, người Khởi và người Tiểu-Châu, để đắp thành cho nhà Thành-Châu

T. — Mùa thu, năm Chiêu-công thứ 32, Vương sai Phú-Tân với Thạch-Trương ra Tấn xin đắp thành cho nhà Châu. Lời truyền mệnh của Thiên-tử rằng : « *Trời giáng tai cho nhà Châu ta, xui nên anh em ta sinh lòng bội-loạn mà để lo cho bá-phụ. Nhờ được các nước trong họ hàng bên nội bên ngoại đứng lên chịu vất-vả đã mười năm trời mà siêng cần về việc lưu-thủ cho nhà Châu ta cũng đến năm năm nay rồi. Ta không ngày nào mà quên đi được. Ta lo ngay-ngáy như kẻ nông-phu mong được mùa, chỉ sợ hãi mà đợi từng giờ.*

« *Nếu bá-phụ chịu ban cho điều ơn lớn này, khôi-phục lại những công-nghiệp của hai vua Văn-hầu và Văn-công Tấn, giải bớt cái lo lắng đi cho nhà Châu ta, để cầu phúc với hai đức Văn-vương và Vũ-vương, cho bền vững lấy ngôi minh-chủ mà truyền-dương cái lệnh-danh của bá-phụ ra thiên-hạ, như vậy thật ta đây lấy làm mong lắm.*

Ngày xưa đức Thành-vương hội-họp Chư-hầu đắp thành ở đất Thành-Châu làm chốn đông-đô để tôn-sùng đức-hóa của đức Văn-vương. Nay ta muốn cầu phúc-trạch và nhờ uy linh của đức Thành-vương, trùng-tu cái thành Thành-Châu lại, để cho khỏi vất-vả đến thủ-binh Chư-hầu, Chư-hầu được yên-ổn, giặc-giã lánh xa, là nhờ sức của Tấn đó.

« *Việc này ta ủy cho bá-phụ, bá-phụ phải mưu-tính cho cẩn-trọng, để cho ta đây không mang oán với trăm họ, mà bá-phụ cũng được vẻ-vang. Các đấng liên-vương tất biết công cho bá-phụ.* »

Phạm Hiến-tử bảo Nguỵ Hiến-tử rằng : « *Dữ-kỳ cho thủ-binh vào thì không bằng đắp thành cho nhà Châu là hơn. Ý Thiên-tử như thế là phải lắm. Làm như thế tuy sau này nhà Châu có xảy ra sự gì, Tấn cũng không biết đến nữa. Ta phải tuân vương-mệnh để thư việc cho Chư-hầu mà Tấn ta cũng khỏi lo. Việc ấy mà ta không chăm thì còn chăm việc gì* » Nguỵ Hiến-tử nói rằng : « *Phải* ». Bèn sai Bá-Ẩm trả lời sứ giả nhà vương rằng : « *Thiên-tử đã có lệnh truyền, Tấn tôi đâu dám không tuân phụng để bôn tẩu đi cáo với chư-hầu. Còn việc làm tri-tốc thứ-tự thế nào, xin trong ấy định* »

Tấn Sĩ-Di-Mâu vào kinh-doanh việc đắp thành và sai khiến phu-dịch Chư-hầu.

31. — K. — Công mất ở Can-hầu

T. — Tháng 11 năm Chiêu-công thứ 32, Công mất ở Can-hầu. Triệu Giản-tử hỏi Sử Mặc rằng : « *Họ Qui đuổi vua đi mà dân phục, chư-hầu ngơ đi. Nay vua bị chết ở ngoài nước mà người Lỗ cũng chẳng ai bắt tội-lỗi gì họ Qui là làm sao?* » Sử-Mặc thưa : « *Họ Qui thay mặt cho Lỗ-hầu đã lâu ngày rồi, dân phục là phải. Vua Lỗ thì đời đời trễ biếng mà họ Qui thì đời đời siêng-năng, dân đã quên mất vua đi rồi, nên dẫu vua chết ở ngoài nước cũng chẳng ai thương. Có xã-tắc, có người chủ-lễ, hơn làm vua thì vua làm tôi, lẽ ấy từ cổ đã thế rồi. Cho nên Châu-thi có câu : « Núi cao có lúc là hang, hang sâu có lúc là ngàn núi cao. » Con cháu các vua tam-đại bây giờ làm kẻ thứ-dân. Ngài cũng biết đấy. Lỗ từ vua Văn-công mất, vua mất quyền, chính lệnh về cả họ Qui. Đến ông vua này đã bốn đời vua. Dân đã không biết có vua thì vua còn dự gì đến nước.* »

ĐỜI VUA ĐỊNH-CÔNG

(Làm vua 21 năm, năm đầu là nhâm-thìn, Châu Cảnh-vương năm thứ 11. Trước tây-lịch 534.)

1. K. — Người Sở đánh Ngô

T. — Nước Đồng làm phản Sở. Ngô-tử sai người rợ Thư-cưu đến dụ Sở, dặn rằng: « *Dụ cho Sở đem quân sang nước Ngô ta, ta bèn đi đánh nước Đồng cho Sở. Phải vì ta nói cho Sở không nghi.* »

Mùa thu năm Định-công thứ hai, Sở Nang-Ngõa đánh quân Ngô ở Dự-chương. Người Ngô giả thuyền ra ở bến Dự-chương mà giấu quân ở đất Sào.

Tháng 10, quân Ngô đánh quân Sở ở Dự-chương đuổi đến đất Sào vây lại. Quân Ngô thắng, bắt được Sở Công-tử Phiền.

2. K. — Công đến hội với Châu Lưu-tử, Tấn-hầu, Tống-công, Sái-hầu, Vệ-hầu, Trần-tử, Trịnh-bá, Hứa-nam, Tào-bá, Cử-tử, Tiêu-Châu-tử, Đốn-tử, Hồ-tử, Đằng-tử, Tiết-bá, Khởi-bá, Tê Quốc-Hạ ở đất Thiệu-lăng để xâm Sở

T. — Năm Định-công thứ tư, Châu Lưu Văn-công hội Chư-hầu ở Thiệu-Lăng để bàn việc đánh Sở. Tấn Tuân Dần đòi của đút của Sái-hầu không được — Năm Định-công thứ ba, Sái-hầu bị giam ở Sở được tha về bèn vào Tấn xin đánh Sở — Tuân-Dần nói với Phạm Hiến-tử rằng: « *Nay quốc-gia đang nguy, chư-hầu ở nhị-tâm cả. Thế mà định đi đánh tập-công nước giặc thì có khó lắm không. Vả nước lụt mới trút, bệnh sốt rét khởi lên, rợ Trung-sơn thì bất-phục. Thế mà bỏ nghĩa đồng-minh để gây lấy thù oán mà cũng chẳng làm gì được Sở. Bất-nhược từ chối Sái-hầu đi là xong. Ta từ trận đánh Sở ở Phương-thành đến nay, Sở vẫn chịu thì ta còn đánh làm gì cho vất-vả.* » Tấn bèn từ-chối Sái-hầu.

Tấn đòi mượn lá cờ « *mao* » bằng lông chim trả của Trịnh. Người Trịnh phải cho mượn. Ngày mai, người Tấn có một đứa nào không biết, lấy cái giải cờ mao ấy đem ra chốn hội-đồng. Chư-hầu cho là làm như thế là khinh Trịnh. Ấy vì vài chuyện thế mà Tấn mất lòng Chư-hầu.

(Còn nữa)

N. T. T.

MẠNH-TỬ QUỐC-VĂN GIẢI-THÍCH (1)

孟子國文解釋

XXXI

Thiên Cáo-tử-thượng.

告子章句上

(Gồm hai mươi chương)

凡二十章

I

杯杞義。性也。猶柳性告
棬。柳猶爲以杯也。猶子
爲以仁人棬義杞曰。

Dịch-âm. — *Cáo-tử viết : « Tính do kỷ-liễu dã, nghĩa do bôi-quyển dã, dĩ nhân tính vi nhân nghĩa, do dĩ kỷ liễu vi bôi quyển.*

Dịch-nghĩa. — Cao-tử nói rằng : « Tính người ta cũng như cây kỷ liễu, điều nghĩa cũng như đồ bôi-quyển ; đem tính người uốn nắn mà làm điều nhân điều nghĩa, cũng như đem cây kỷ-liễu uốn nắn mà làm đồ bôi-quyển.

Chú-giải. — *Cáo-tử* = Người đồng-thời với thầy Mạnh, mà có cái học-thuyết riêng không chính đáng. *Kỷ-liễu* = Tên một thứ gỗ mềm tốt thường dùng để đóng đồ. *Bôi quyển* = Cái chén cái thùng, uốn nắn làm bằng gỗ.

Đây là Cáo-tử thí-dụ cái tính người ta vốn ác, phải uốn nắn mới làm nên thiện.

夫。禍義亦杞爲將之孟
仁與。將柳杯戕性子
義率戕而棬賊而曰。
者。天賊以也。杞以子
必下人爲如柳爲能
千之以杯將而杯順
之人爲棬。戕後棬杞
言而仁則賊以乎。柳

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết : « Tử năng thuận kỷ liễu chi tính nhi dĩ vi bôi quyển hồ, tương tường-tặc kỷ liễu nhi hậu dĩ vi bôi quyển dã ; như tương tường tặc kỷ liễu nhi dĩ vi bôi quyển, tắc diệc tương tường tặc nhân dĩ vi nhân nghĩa dư ? Suất thiên-hạ chi nhân nhi họa nhân nghĩa giả, tất tử chi ngôn phù ! »*

Dịch nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng : « Nhà ngươi có thể thuận cái tính cây kỷ-liễu để làm đồ bôi-quyển đấy ư, hay là phải đem chém đẽo cây kỷ-liễu rồi sau mới làm được cái bôi-quyển vậy. Nếu còn phải đem chém đẽo cây kỷ-liễu đi mới làm được bôi-quyển, thì cũng phải đem chém mổ cả người đi mới làm được điều nhân-nghĩa hay sao ? Suốt cả người thiên-hạ mà cho sự làm nhân-nghĩa là có tai-hại, tất bởi tại lời nói người đó !

Chú-giải. — *Tường-tặc* = Tàn-hại, như là đẽo cắt đi làm cho không toàn được nguyên tính.

Đây là thầy Mạnh lại nhân câu thí-dụ của Cáo-tử, mà nói bẻ bác cái lời tính ác của Cáo-tử.

II

也。無善無西決東湍告
分也。分流。諸方水子
於猶於人西則也。曰。
東水善性方東決性
西之不之則流。諸猶

(1) Xem Nam-Phong số 143.

Dịch-âm. — *Cáo tử viết : « Tính do thoan-thủy dã, quyết chư đông-phương tắc đông lưu, quyết chư tây-phương tắc tây-lưu, nhân tính chi vô phân ư thiện bất thiện dã, do thủy chi vô phân ư đông tây dã. »*

Dịch-nghĩa. — Cáo-tử nói rằng : « Tính người ta cũng như nước chảy quanh vậy, khơi sang phương đông thì chảy phương đông, khơi sang phương tây thì chảy phương tây ; tính người không phân-biệt thiện với bất-thiện, cũng như nước không phân-biệt phương đông với phương tây vậy. »

Chú-giải. — Đây là Cáo-tử thí-dụ về cái tính người ta thiện-ác hỗn-tạp, cũng như nước muốn khơi cho chảy về phương nào cũng được.

∴

孟子曰。告子之性。無分於東西。信水無有上下。人之性無善惡。猶水之就下也。

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết : « Thủy tín vô phân ư đông tây, vô phân ư thượng hạ hồ ; nhân-tính chi thiện dã, do thủy chi tựu hạ dã ; nhân vô hữu bất-thiện, thủy vô hữu bất hạ.*

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng: « Nước đành là không phân-biệt phương đông phương tây, nhưng lại không phân-biệt chỗ cao chỗ thấp đấy ư ? Tính người ta vốn thiện, cũng như nước vốn chảy chỗ thấp ; tính người ta không có người nào là chẳng thiện, nước không có nước nào là chẳng chảy chỗ thấp.

Chú-giải. — Đây là thầy Mạnh lại nhân cái thuyết của Cáo-tử thí-dụ về nước, mà nói bẻ bác cái thuyết thiện ác hỗn-tạp của Cáo-tử đi.

∴

今夫水。搏而躍之。可使過顙。激而行之。可使在山。是豈水之性哉。其勢則然也。人之可使爲不善。其性亦猶是也。

Dịch-âm. — « *Kim phù thủy, bác nhi rược chi, khả sử quá tằng, khích nhi hành chi, khả sử tại sơn, thị khởi thủy chi tính tai, kỳ thế tắc nhiên dã ; nhân chi khả sử vi bất thiện, kỳ tính diệc do thị dã.* »

« Dịch-nghĩa. — Nay nước kia, đập mà cho bắn lên, có thể khiến vọt qua trán ; ngăn mà cho đi ngược, có thể khiến tràn đến núi ; ấy há phải cái nguyên-tính của nước thế đâu, vì cái thế nó bị đập bị ngăn thì nó mới thế vậy ; người ta mà khả khiến làm điều bất-thiện, vì cái tính nó bị vật-dục che-lấp, cũng như nước bị người đập hay ngăn đi vậy. »

Chú-giải. — *Bác* = Đập. *Rược* = Vọt, bắn. *Khích* = Ngăn, lấp, làm cho tức nước.

Đây là nói cái tính người vốn thiện, thuận cái tính thì không ai là chẳng thiện ; cái tính người vốn không ác, trái cái tính đi rồi sau mới là ác.

III

告子曰。生之謂性。

Dịch-âm. — *Cáo-tử viết : « Sinh chi vi tính. »*

Dịch-nghĩa. — Cáo-tử nói rằng : « Loài sinh-hoạt mà hay tri-giác vận-động tức là bản-tính đó. »

Chú-giải. — *Sinh* = Sinh-hoạt, tức là trỏ những sự tri-giác và vận-động của loài người với loài vật.

∴

與。猶 白。也。然。之 謂 孟
曰 白 白 猶 白 謂 性 子
然。玉 雪 白 羽 白 也。曰。
之 之 雪 之 與。猶 生
白 白。之 白 曰 白 之

Dịch-âm. — *Mạnh tử viết : « Sinh chi vi tính dã, do bạch chi vị bạch dư? » Viết : « Nhiên. » « Bạch-vũ chi bạch dã, do bạch-tuyết chi bạch ; bạch-tuyết chi bạch, do bạch-ngọc chi bạch dư ? » Viết : « Nhiên. »*

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh hỏi rằng: « Loài có sinh-hoạt tức gọi là bản-tính, cũng như các loài trắng đều gọi là trắng cả đấy dư ? Cáo-tử đáp rằng : « Phải. » Thầy Mạnh hỏi rằng : «Thế thì cái trắng của lông vũ, cũng như cái trắng của tuyết trắng, trắng của tuyết trắng cũng như cái trắng của ngọc trắng đấy dư ? » Cáo-tử đáp rằng : « Phải »

∴

與。之 猶 之 性 牛 性。犬 然
性 人 性 牛 之 猶 之 則

Dịch-âm. — « *Nhiên-tắc khuyển chi tính, do ngưu chi tính, ngưu chi tính do nhân chi tính dư ?* »

Dịch-nghĩa. — « Thế thì cái tính của loài chó cũng như cái tính của loài trâu, cái tính của loài trâu cũng như cái tính của loài người đấy dư ? »

Chú-giải. — Xét : Tính người ta là sở-đắc về phần lý của trời, mà cái cách người ta sở-dĩ hay hoạt-động ng được là sở-đắc về phần khí của trời. Tính là phần hình-nhi thượng, khí là phần hình-nhi-hạ ; người với vật sinh ra đều có cái tính ấy thì đều có cái khí ấy. Cứ kể về khí thì tri-giác vận-động người với vật hình như không khác gì nhau ; nhưng xét về lý, thì tính người ta còn bẩm-thụ những điều nhân nghĩa lễ trí, loài vật có hay hoàn-toàn được như thế đâu. Xem thế thì tính người ta vốn là chí-thiện mà linh hơn muôn vật. Nay Cáo-tử không hay xét biết tính người là bẩm-thụ tự thiên-lý, mà trỏ ngay phần khí tức là tính, cho rằng tính người thiện ác hỗn-tạp, mà thí-dụ quanh-quẩn mãi không thông, nhất là câu « Sinh chi vị tính » này, thì ra Cáo-tử chỉ biết rằng những điều tri-giác vận-động ngu-xuẩn ấy người với vật không khác gì nhau ; nhưng không biết rằng những cái tính nhân ng ĩa lễ trí thuần-thúy kia người ta khác hẳn với loài vật. Vậy nên mấy chương này thầy Mạnh hỏi vặn Cáo-tử mãi, mà Cáo-tử không thể đáp lại được.

IV

也。也。也。也。也。食 告
非 義 非 仁 色 子
內 外 外 內 性 曰。

Dịch-âm. — *Cáo-tử viết : « Thực sắc tính dã ; nhân nội dã, phi ngoại dã ; nghĩa ngoại dã phi nội dã . »*

Dịch-nghĩa. — Cáo-tử nói rằng: « Người ta thích của ngon ưa sắc đẹp tức là tính vậy ; suy ra điều nhân-ái bởi tự tâm là ở trong, chẳng phải ở ngoài vậy ; điều nghĩa để xử sự ở ngoài chẳng phải ở trong vậy. »

∴

外 外 之。彼 長 我 也。謂 孟
也。也。從 白 於 長 曰。仁 子
故 其 而 我 之。彼 內 曰。
謂 白 我 也。非 長 義 何
之 於 白 猶 有 而 外 以

Dịch-âm.— *Mạnh-tử viết : «Hà dĩ vị nhân nội nghĩa ngoại dã? » Viết : « Bỉ trưởng nhi ngã trưởng chi, phi hữu trưởng ư ngã dã ; do bỉ bạch chi, tòng kỳ bạch ư ngoại dã, cố vị chi ngoại dã.»*

Dịch-nghĩa.— Thầy Mạnh hỏi rằng: « Sao lại bảo rằng điều nhân ở trong điều nghĩa ở ngoài vậy ? » Cáo-tử đáp rằng : « Thí-dụ kẻ kia là bậc trưởng mà ta mới kính kẻ kia là bậc trưởng, chẳng phải nguyên có điều kính-trưởng ở trong tâm ta vậy ; cũng như vật kia trắng mà ta mới khen vật kia là trắng, theo cái trắng ở ngoài đó vậy ; cho nên bảo rằng điều nghĩa ở ngoài. »

∴

之長之以馬白異之曰。
者者長異之也。於白異
義義與。於長不白也。於
乎。乎。且長也。識人無白
長謂人無長之以馬

Dịch âm — *Viết* : « *Dị ư bạch mã chi bạch dã, vô dĩ dị ư bạch nhân chi bạch dã ; bất thức trưởng mã chi trưởng dã, vô dĩ dị ư trưởng nhân chi trưởng dư? Thả vị trưởng giả nghĩa hồ, trưởng chi giả nghĩa hồ ?* »

Dịch-nghĩa.— Thầy Mạnh hỏi rằng : « Cái trắng của ngựa trắng, đành không khác gì với cái trắng của người trắng vậy. Nhưng chẳng hay cái lòng đối với con ngựa hơn tuổi, cũng không khác gì với cái lòng đối với người hơn tuổi dư? Vả bảo rằng bậc người trưởng-giả hơn tuổi là nghĩa đấy ư, hay là cái lòng kính người trưởng là nghĩa đấy ư ? »

Chú-giải. — *Dị ư* 異於 = Hai chữ *Dị-ư* ở trên là chữ thừa. *Trưởng mã chi trưởng* = Khen con ngựa hơn tuổi. *Trưởng nhân chi trưởng* = Kính người hơn tuổi.

∴

故以亦內。悅愛秦曰。
謂長長長者也。人吾
之爲吾楚也。是之弟
外悅之人故以弟則
也。者長。之謂我則愛
也。是長。之爲不之。

Dịch-âm. — *Viết* : « *Ngô đệ tắc ái chi, Tần nhân chi đệ tắc bất ái dã, thị dĩ ngã vi duyệt giả dã, cố vị chi nội. Trưởng Sở nhân chi trưởng, diệc trưởng ngô chi trưởng, thị dĩ trưởng vi duyệt giả dã, cố vị chi ngoại dã.* »

Dịch-nghĩa.— Cáo-tử nói rằng : « Em mình thì mình yêu nó, em người nước Tần thì chẳng yêu, ấy là bởi tâm ta lấy làm vui thích mà bằng lòng yêu đấy vậy, cho nên bảo rằng điều nhân ở trong. Kính người trưởng nước Sở, cũng như kính người trưởng trong nhà ta, ấy là bởi tại người trưởng mà phải dời lòng kính đấy vậy, cho nên bảo rằng nghĩa ở ngoài. »

∴

與。炙也。亦炙。異之曰。
年然有夫於炙。者
有則然物者無秦
外者者則吾以人

Dịch âm. — *Viết* : « *Thị Tần nhân chi chá, vô dĩ dị ư thị ngô chá ; phù vật tắc diệc hữu nhiên giả dã, nhiên tắc thị chá diệc hữu ngoại dư ?* »

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng : « Thích ăn thịt chả của người nước Tần, không khác gì với thích ăn thịt chả của nhà ta ; các thức vật kia ưa thích cũng có như thế đấy, thế thì cái tâm ưa thích thịt chả cũng ở ngoài đấy dư?»

Chú-giải — Đây là nói cái lòng kính trưởng với cái lòng muốn ăn chả, đều bởi tự tâm mà ra, không khác gì cái lòng yêu em, thế thì điều nhân ở trong, mà điều nghĩa cũng ở trong, đỗ bác cái thuyết « nhân nội nghĩa ngoại » của Cáo-tử.

V

內謂何子公子孟
也。義以曰。都問季

Dịch-âm. — *Mạnh Qui-tử vấn Công-Đô-tử viết* : « *Hà dĩ vị nghĩa nội dã ?* »

Dịch-nghĩa. — Mạnh Qui-tử hỏi Công-Đô-tử rằng : « Bảo rằng nghĩa ở trong là thế nào ? »

Chú-giải. — *Mạnh Qui-tử* = Chữ trong là em Mạnh-Trọng-tử. *Công-Đô-tử.* = Học-trò thầy Mạnh.

Đây là Qui-tử nghe lời thầy Mạnh mà chửa hiểu, cho nên bàn riêng với nhau.

∴

也。之故吾曰。
內謂敬。行

Dịch-âm. — *Viết : « Hành ngô kính, cô vị chi nội dã. »*

Dịch-nghĩa. — Công Đô-tử nói rằng : « Thực-hành điều kính ở trong tâm mình, cho nên bảo rằng nghĩa ở trong. »

∴

由 彼。在 酌 則 敬。兄 鄉
內 果 此。鄉 誰 曰。一 人
也。在 所 人。先。敬 歲。長
外 長 所 曰。兄。則 於
非 在 敬 先 酌 誰 伯

Dịch âm. — *« Hương-nhân trưởng ư bá-huynh nhất tuế, tắc thùy kính ? » Viết : « Kính huynh. » Chước tắc thùy tiên ? » Viết : « Tiên chước hương nhân. » « Sở kính tại thử, sở trưởng tại bỉ, quả tại ngoại phi do nội dã. »*

Dịch-nghĩa. — Qui-tử hỏi rằng : « Người làng lớn hơn anh trưởng mình một tuổi, thì kính ai ? » Công-Đô-tử nói rằng : « Kính anh mình. ». Qui-tử hỏi rằng : « Rót rượu thì rót cho ai trước ? » Công-Đô-tử nói rằng ; « Rót cho người làng trước ». Qui-tử nói rằng : « Thửa kính ở người ấy, thửa tôn-trọng lại ở người kia ; như thế thì hành điều kính không phải chủ tự tâm mình, điều nghĩa hẳn là ở ngoài, chẳng phải bởi trong vậy. »

∴

兄。曰 將 惡 敬。叔 乎 孟 公
斯 在 曰 在 彼 父。敬 子。都
須 位 在 其 將 曰。弟 孟 子
之 故 位 敬 曰 弟 乎。子 不
敬 也。故 叔 敬 爲 彼 曰。能
在 庸 也。父 弟。尸 將 敬 答。
鄉 敬 子 也。子 則 曰 叔 以
人。在 亦 彼 曰 誰 敬 父 告

Dịch-âm. — *Công-Đô-tử bất năng đáp, di cáo Mạnh-tử. Mạnh-tử viết : « Kính thúc-phụ hồ ? kính đệ hồ ? Bỉ tương viết kính thúc-phụ. Viết : Đệ vi thì tắc thùy kính ? Bỉ tương viết kính đệ. Tử viết : Ô tại kỳ kính thúc-phụ dã ? Bỉ tương viết tại vị cố dã. Tử diệc viết tại vị cố dã, dung kính tại huynh, tư tu chi kính tại hương-nhân. »*

Dịch-nghĩa. — Công-Đô-tử chẳng đáp lại được, đem lời Qui-tử bảo với thầy Mạnh. Thầy Mạnh nói rằng: «Ngươi thử hỏi rằng : Em với chú đều là thân cả, thì kính người chú chăng, hay là kính người em chăng ? Kẻ kia chắc đáp rằng : kính người chú. Ngươi lại thử hỏi rằng : Người em làm thần thi, thì kính ai ? Kẻ kia chắc đáp rằng: Kính người em. Ngươi thử nói rằng: Sự kính người chú ở đâu ? Kẻ kia chắc nói rằng : Vì cớ người em ở ngôi thần thi, Ngươi cũng nói rằng vì cớ người làng ở ngôi tân-khách, sự kính thường vẫn ở người anh, còn như sự kính phút-chốc mới ở người làng. »

Chú-giải — *Thi* = Tục : xưa, khi tế-tự, đặt một người sống làm ông thần giả, gọi là thần Thi, tuy người làm thần thi là bậc con em, song cũng phải kính người ấy cũng như kính tổ tiên. *Dung* = thường. *Dung-kính* = Sự kính thường hằng ngày. *Tư-tu* = Phút chốc, tạm-thời.

Đây là nói làm sự kính cũng có lúc nhân-thời chế-nghi, đều bởi tự trong tâm mình cân nhắc mà làm, để cho rõ rằng điều nghĩa vẫn ở trong vậy.

∴

在 然 夏 冬 也。在 欲 敬 季
外 則 曰 曰 公 外 弟 叔 子
也。飲 則 則 都 非 則 父 問
食 飲 飲 子 由 敬。則 之
亦 水。湯。白。內 果 敬。曰。

Dịch-âm. — *Qui-Tử văn chi viết : « Kính thúc-phụ tắc kính, kính đệ tắc kính, quả tại ngoại phi do nội dã. » Công-đô-tử viết : « Đông-nhật tắc ẩm thang, hạ-nhật tắc ẩm thủy, nhiên-tắc ẩm thực diệc tại ngoại dã. »*

DỊCH-NGHĨA.— Qui-tử nghe lời thầy Mạnh, nhưng vẫn chửa hiểu mà nói rằng : « Kính người chú thì kính người chú, thế là sở kính đã ở đấy rồi, lúc kính người em thì lại kính em, thế ra sở tôn-trọng lại ở kia rồi, làm điều kính không phải chủ tự tâm mình, thế thì điều nghĩa quả là ở ngoài, chẳng phải bởi trong vậy. » Công-Đô-tử thí dụ để hiểu cho rằng : « Ngày mùa đông thì uống nước nóng, ngày mùa hạ thì uống nước lạnh ; cứ như lời nhà người, thì cái lòng tùy nghi ăn uống cũng ở ngoài vậy. »

Chú-giải. — Đây là nói nước nóng nước lạnh tuy ở ngoài, nhưng cái lòng châm-chước lúc uống về mùa đông mùa hạ thì ở trong, để thí-dụ rằng người chú với người em tuy ở ngoài, nhưng cái lòng châm-chước khi kính về hàng ngày hay là kính về tạm-thời thì ở trong, để cho rõ ra rằng điều nghĩa vốn ở trong vậy.

VI

曰君。有爲有好以不公
性而舜。君性善。爲善都
善。有以而善。幽不也子
然微紂有有爲善。或曰。
則子爲象。性與是曰。告
彼啓。兄以不則故性子
皆王之瞽善。民文可曰
非子子。瞍是好武以性
與，比且爲故暴。與爲無
干。以父以或則善。善
今爲而堯曰。民可無

Dịch-âm — *Công Đô-tử viết : « Cáo-tử viết : « Tính vô thiện vô bất thiện dã. Hoặc viết : Tính khả dĩ vi thiện, khả dĩ vi bất-thiện ; thị cố Văn Vũ hưng tắc dân hiếu thiện, U Lệ hưng tắc dân hiếu bạo. Hoặc viết : Hữu tính thiện, hữu tính bất thiện ; thị cố dĩ Nghiêu vi quân nhi hữu Tượng, dĩ Cổ-Tẩu vi phụ nhi hữu Thuấn, dĩ Trụ vi huynh chi tử, thả dĩ vi quân, nhi hữu Vi-tử Khải, Vương-tử Tỉ-Can. Kim viết tính thiện, nhiên-tắc bỉ giai phi dư ? »*

DỊCH-NGHĨA.— Công-Đô-tử hỏi rằng : « Ngươi Cáo-tử nói rằng : « Tính người ta không có gọi tên là thiện, không có gọi tên là bất-thiện được. » Hoặc có kẻ nói rằng : « Tính người ta có thể khiến cho làm điều thiện, có thể khiến cho làm điều bất-thiện cũng được, cho nên vua Văn vua Vũ là vua hiền dấy lên, thì dân ham muốn về điều thiện ; vua U vua Lệ là vua ác dấy lên, thì dân ham muốn về điều bạo-ngược. » Hoặc có kẻ lại nói rằng : « Có cái tính sinh ra vốn thiện, có cái tính sinh ra vốn bất-thiện, thế cho nên lấy ông Nghiêu là bậc thánh làm vua, mà còn có dân là người Tượng ngạo-ngược ; lấy ông Cổ-Tẩu là kẻ xuẩn làm cha, mà hay có con là Thuấn là bậc thánh ; lấy ông Trụ là kẻ ác, làm con nhà anh, vả lại làm vua, mà còn có người họ thân-thích là Vi-tử - Khải Vương-tử - Tỉ - Can là bậc nhân-hiền. » Nay nhà thầy bảo rằng tính người ta vốn chỉ có thiện mà không có ác, thế thì những cái thuyết kia đều không phải cả dư ? »

Chú-giải — Đây là Công-Đô - tử dẫn các thuyết bàn về tính mỗi thuyết một khác, để chất-vấn lại cái nghĩa tính-thiện của thầy Mạnh.

才爲善矣。可若孟
之不也。乃以其子
罪善。若所爲情。曰。
也。非夫謂善則乃

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết : « Nãi nhược kỳ tình, tắc khả dĩ vi thiện hĩ, nãi sở vị thiện dã ; nhược phù vi bất thiện, phi tài chi tội dã.*

DỊCH-NGHĨA.— Thầy Mạnh nói rằng : « Kìa xem như cái tình người ta cảm-động tự nhiên, thì biết cái tính đều khá làm thiện, nên mới bảo là tính thiện vậy. Đến như kẻ làm điều bất-thiện, là bởi vật-dục nó xui khiến, chứ

không nên đổ tội cho tài-chất là bản-năng của người ta vậy.

∴

其 之。思 非 禮 仁 是 人 惻
才 或 耳 由 也。也。非 皆 隱
者 相 矣。外 是 恭 之 有 之
也。倍 故 鑠 非 惡 心。之。心。
從 曰 我 之 之 人 恭 人
而 求 也。心。心。皆 敬 皆
無 則 我 智 辭 有 之 有
算 得 固 也。也。之。心。之。
者。之。有 仁 恭 惻 人 羞
不 今 之 義 敬 隱 皆 惡
能 則 也。禮 之 之 有 之
盡 失 弗 智 心。心。之。心

Dịch-âm. — « *Trắc-ẩn chi tâm, nhân giai hữu chi ; tu-ố chi tâm, nhân giai hữu chi ; cung kính chi tâm, nhân giai hữu chi ; thị phi chi tâm, nhân giai hữu chi. Trắc-ẩn chi tâm, nhân dã ; tu-ố chi tâm, nghĩa dã ; cung kính chi tâm, lễ dã ; thị phi chi tâm, trí dã ; nhân, nghĩa, lễ, trí phi do ngoại thước ngã dã, ngã cố hữu chi dã, phát tư nhĩ hĩ ; cố viết cầu tắc đắc chi, sả tắc thất chi ; hoặc tương bội tỉ nhi vô toán giả, bất năng tận kỳ tài giả dã.*

Dịch-nghĩa — « Cái lòng biết thương xót, người ta đều có ; cái lòng biết thẹn ghét, người ta đều có ; cái lòng biết cung-kính, người ta đều có ; cái lòng biết phải trái, người ta đều có; cái lòng thương-xót là căn ở điều nhân trong tính vậy, cái lòng thẹn-ghét là căn ở điều nghĩa trong tính vậy ; cái lòng-cung-kính là căn ở điều lễ trong tính vậy ; cái lòng phải trái là căn ở điều trí trong tính vậy. Điều nhân, điều nghĩa, điều lễ, điều trí, không phải bởi tự bề ngoài nung-đúc cho ta, trong tính ta sẵn có đấy vậy, người ta chẳng chịu nghĩ mà cầu đấy thôi; cho nên nói rằng nghĩ mà cầu lấy nhân nghĩa lễ trí, thì vẫn hoàn được cái tính nhân nghĩa lễ trí rất thiện, nếu bỏ mà chẳng cầu lấy thì mất, đã bỏ mất nhân nghĩa lễ trí đi rồi nên mới thành ra ác, cách xa với điều thiện, có khi đến gấp đôi gấp năm không biết đâu mà kể, là bởi chẳng biết khuếch xung cho hết được cái tài-năng của mình đó vậy.

Chú-giải. — *Thước* = Nung đúc, như dùng lửa đúc loài ngũ kim.

Đây là nghiệm người ta có cái tính thiện là căn ở tính thiện mà ra, tính thiện thì tài cũng thiện, tính là cái đoạn - nghĩ của tính lộ ra, mà tài là cái tính-ba của tính phát ra, chỉ tại người ta không hay khuếch-xung ra đó mà thôi.

∴

是 之 有 者。孔 秉 有 詩
懿 秉 物 其 子 夷。物 曰。
德。夷 必 知 曰。好 有 天
也。有 道 爲 是 則。生
故 則，乎。此 懿 民 蒸
好 民 故 詩 德。之 民，

Dịch-âm. — *Thi viết* : « *Thiên sinh chưng-dân, hữu vật hữu tắc, dân chi bỉnh di, hiếu thị ý đức.* » *Khổng-tử viết* : « *Vi thử thi giả, kỳ tri đạo hồ ; cố hữu vật tất hữu tắc, dân chi bỉnh di dã, cố hiếu thị ý đức.* »

Dịch-nghĩa — Kinh *Thi* có nói rằng : « Trời sinh kẻ chưng-dân, có sự-vật có phép tắc ; dân cầm giữ tính thường vốn yêu đức tốt ấy. » Ông Khổng có tán khen rằng : « Kẻ làm thơ này, chừng là biết cái đạo về tính tình chăng ! loài người có sự-vật tất phải có phép-tắc ; dân vốn cầm giữ tính thường, nên mới hay yêu cái đức tốt ấy. »

Chú-giải. — *Thi* = Thơ *Chưng-dân* tiếng Bắc-nhã. *Chưng-dân* = Cũng như chúng-dân. *Hữu-vật* = Như là có hình tai mắt, có phận cha con v. v. *Hữu-tắc* = Như là có đức thông minh, có lòng từ hiếu v. v. *Di* 夷 = Kinh Thi viết chữ *Di* 彝 này, nghĩa là thường, là trỏ cái thường-tính. *Ý-đức* = Đức tốt, cũng là trỏ về tính thiện.

Đây là dẫn kinh *Thi* để chứng rõ rằng tính người vốn bẩm-thụ tự trời phú cho vốn là chí-thiện.

VII

也。其所爾天弟頓。歲盍
心以殊之多凶子子
者陷也。降暴。歲弟曰。
然溺其才非子乏富

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết : « Phú tuế, tử-đệ đa lại, hung tuế, tử-đệ đa bạo, phi thiên chi giáng tài nhĩ thù dã, kỳ sở dĩ hãm nịch kỳ tâm giả nhiên dã.*

DỊCH-NGHĨA.— Thầy Mạnh nói rằng : « Năm được mùa con em nhiều kẻ nhờ no đủ mà làm thiện ; năm mất mùa con em nhiều kẻ nhân đói rét mà làm ác ; chẳng phải là trời kia phú-bẩm cho cái tài-chất khác nhau, vì năm mất mùa nó làm cho hãm-nịch mất cái bản-tâm mới ra thế vậy.

Chú-giải, — Lại = Nhờ, nghĩa là nhờ được no đủ ? *Hãm-nịch* = Sa xuống hố là *hãm*, chìm xuống nước là *nịch* ; nghĩa rộng là làm cho mắc bẫy, chìm đắm.

∴

也。養。有雖至然樹而今
人肥有之而之耰夫
事磽。不時生。時之。麰
之雨同。皆至又其麥
不露則熟於同。地播
齊之地矣。日萍同。種

Dịch-âm. — « *Kim phù máu mạch, bá chủng nhi ưu chi, kỳ địa đồng, thụ chi thời hựa đồng, bột nhiên nhi sinh, chí ư nhật chí chi thời giai thục hĩ ; tuy hữu bất đồng, tắc địa hữu phi nghiêu, vũ-lộ chi dưỡng ; nhân sự chi bất tề dã.*

DỊCH NGHĨA.— « Tính người giống nhau cũng như tính lúa giống nhau. Nay xem như lúa máu lúa mạch, gieo giống mà vun trồng nó, cái đất giống nhau; mùa cấy cũng lại giống nhau, vụt mọc tốt lên, đến cái thời-kỳ thành-thục thì đều chín cả ; dẫu có được nhiều thóc ít thóc không giống nhau, thì chẳng qua tại đất có chỗ tốt chỗ xấu, và mưa móc nhuần tưới có chỗ hậu chỗ bạc, việc người làm có chăm có lười khác nhau đấy thôi, chứ tính thóc há lại có khác nhau.

Chú-giải — Máu = Thứ lúa mạch lớn. *Ưu* = gieo giống xuống mà vun trồng. *Nhật-chí* = Cái ngày đến lúc thành-thục *Phì* = Béo đất; *Nghiêu* = Gầy xấu.

∴

類人疑於何相類故
者。與之。人獨似者。凡
我聖而至也。舉同

Dịch-âm. — « *Cố phàm đồng loại giả, cử tương tự dã, hà độc chí ư nhân nhi nghi chi, thánh-nhân dữ ngã đồng loại giả.*

DỊCH-NGHĨA.— « Cho nên phàm cái vật cùng loài, tính nó đều giống nhau cả ; sao một đến tính người mà lại ngờ là không giống nhau ; thánh-nhân cùng với ta cũng là đồng-loại đấy.

∴

足天之黃其履。足曰。故
同下相也。不我而不龍
也。之似。屨焉知焉知子

Dịch-âm. — « *Cố Long-tử viết : « Bất tri túc nhi vi lũ, ngã tri kỳ bất vi quĩ dã. » Lũ chi tương tự, thiên-hạ chi túc đồng dã*

DỊCH NGHĨA.—« Cho nên người Long-tử có nói rằng : « Chẳng biết chân người lớn nhỏ thế nào, mà phỏng chừng là đôi dép, ta chắc rằng cái dép ấy chẳng đến nỗi làm cái sọt vậy.» Long-tử nói thế, sẽ biết rằng cái dép giống nhau là bởi cái chân người thiên-hạ giống nhau vậy.

Chú-giải. — Quĩ = Cái sọt, đồ đựng cỏ hoặc đựng đất

∴

天味易也。犬味嗜易口
下天牙則焉也。者牙之
之下之天之其也先於
口期於下與性如得味。
相於味何我與使我有
似易也。者不人口口同
也。牙。至嗜同殊。之之嗜
是於從類若於所也。

Dịch-âm. — « *Khẩu chi ư vị, hữu đồng thị dã, Dịch Nha tiên đắc ngã khẩu chi sở thị giả dã ; như sử khẩu chi ư vị dã, kỳ tính dữ nhân thù, nhược khuyển mã chi dữ ngã bất đồng loại dã, tắc thiên-hạ hà thị giai tòng Dịch Nha chi ư vị dã ; chi ư vị, thiên-hạ kỳ ư Dịch Nha, thị thiên-hạ chi khẩu tương tự dã.*

Dịch-nghĩa. — « Miệng đối với mùi ngon, người ta có cùng ưa ; người Dịch Nha trước biết được cái miệng ta ưa thích đó vậy. Ví khiến miệng Dịch Nha đối với mùi, cái tính ưa thích cùng với người khác nhau, như là loài chó ngựa không cùng loài với ta ; thì thiên-hạ sao lại ưa thích cũng đều theo như cái mùi của Dịch Nha nấu ra vậy. Đến mùi ăn, mà thiên-hạ đều tin ở Dịch Nha nấu là ngon, ấy là cái miệng thiên-hạ giống nhau vậy.

Chú-giải. — *Dịch-Nhai* = Kẻ biết mùi nấu khéo ở đời xưa. *Kỳ* = tin chắc.

∴

相下曠勤聲然惟
似之是於天至耳
也耳天師下於亦

Dịch-âm. — « *Duy nhĩ diệc nhiên, chi ư thanh, thiên-hạ kỳ ư Sư Khoáng, thị thiên-hạ chi nhĩ tương tự dã.*

Dịch-nghĩa. — « Duy cái tai cũng thế, đến tiếng nhạc, thiên-hạ đều tin ở Sư-Khoáng hỏa là hay, ấy là cái tai thiên-hạ giống nhau vậy.

Chú-giải. — *Sư-Khoáng* = Quan thái-sư tên là Khoáng, là người tinh-thầm âm-nhạc đời xưa.

∴

目姣子也。知下子然。惟
者者。都不其莫都。至目
也。無之知姣不天於亦

Dịch-âm. — « *Duy mục diệc nhiên, chi ư Tử Đô, thiên-hạ mạc bất tri kỳ giảo dã, bất tri Tử-Đô chi giảo giả, vô mục giả dã.*

Dịch-nghĩa. — « Duy con mắt cũng thế, đến gã Tử-Đô, thiên-hạ chẳng ai chẳng biết là đẹp, kẻ chẳng biết Tử-Đô là đẹp, là kẻ không có mắt vậy.

Chú-giải. — *Tử-Đô* = Người đẹp đời xưa, tức là Công-tôn Ất, người nước Trịnh.

∴

之理得也。然美聽者故
悅義我謂乎。焉。焉。焉。曰
我之心理心至目耳口
口。悅之也。之於之之之
我所義所心。於於於
心。同也。同獨色聲味
嗜然聖然無也。也。也。
芻耳。人者所有有有
豢故光何同同同同

Dịch-âm. — « *Cố viết : Khẩu chi ư vị dã, hữu đồng thị yên ; nhĩ chi ư thanh dã, hữu đồng thính yên ; mục chi ư sắc dã, hữu đồng mĩ yên ; chi ư tâm, độc vô sở đồng nhiên hồ ; tâm chi sở đồng nhiên giả hà dã ? Vị lý dã, nghĩa dã ; thánh-nhân tiên đắc ngã tâm chi sở đồng nhiên nhĩ ; cố lý nghĩa chi duyệt ngã tâm, do sô hoạn chi duyệt ngã khẩu.* »

Dịch-nghĩa. — « Cho nên nói rằng: Miệng đối với mùi, có thức ngon cùng thích ưa ; tai đối với tiếng, có điệu hay cùng thích nghe ; mắt đối với sắc, có mầu đẹp cùng ưa nhìn. Đến cái tâm hà lại không có một cái gì cùng cho làm phải ư ! Con tâm cùng cho làm phải là cái gì ? là lý vậy, nghĩa vậy. Đấng thánh-nhân trước biết được cái mà tâm người ta cùng cho làm phải đấy mà thôi. Vậy nên cái lý cái nghĩa nó ưa thích tâm ta, cũng như món ăn sô hoạn nó ưa thích miệng ta. »

Chú-giải — *Nhiên* = Phải. *Đồng-nghiên* = Cùng cho làm phải mà bằng lòng. *Lý* = Mọi lẽ ở sự vật. *Nghĩa* = Mọi điều xử-trí hợp-nghi. *Sô* = Loài ăn cỏ, như thịt loài trâu dê. *Hoan* = Loài ăn thóc, như thịt loài chó lợn.

IIIV

此 濯。若 牛 所 其 斤 矣。孟
豈 也。彼 羊 潤。日 伐 以 子
山 以 濯 又 非 夜 之。其 曰。
之 爲 濯 從 無 之 可 郊 牛
性 未 也。而 萌 所 以 於 山
也 嘗 人 牧 蘖 息。爲 大 之
哉。有 見 之。之 雨 美 矣 木
材 其 是 生 露 乎。也。嘗
焉。濯 以 焉。之 是 斧 美

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết* : « *Ngưu-sơn chi mộc thường mĩ hĩ, dĩ kỳ giao ư đại-quốc dã, phủ cân phạt chi, khả dĩ vi mĩ hồ ; thị kỳ nhật dạ chi sở tức, vũ lộ chi sở nhuận, phi vô manh-nghiệt chi sinh yên, ngưu dương hựu tòng nhi mục chi, thị dĩ nhược bỉ trạc trạc dã ; nhân kiến kỳ trạc trạc dã, dĩ vi vị thường hữu tài yên, thử khởi sơn chi tính dã tai.*

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng : « Cây ở trái Ngưu-sơn vốn từng xanh tốt ; vì núi ấy giáp cõi với nước lớn, búa rìu ra đẵn luôn, có thể còn xanh tốt được ư. Song còn có cái cỗi rễ nó mọc lên, ngày đêm sinh trưởng, mưa-móc tưới nhuần, chẳng phải là không có chồi chánh nó đâm ra, lại bị phải dàn trâu dê đến chăn, nên mới trụi sạch như thế kia vậy. Người ta thấy núi ấy trụi sạch như vậy, cho là núi ấy chưa từng có gỗ, ấy há phải cái bản-tính của núi vậy thay !

Chú-giải. — *Ngưu-sơn* = Trái núi ở phía đông-nam nước Tề, *Manh* = Mầm, *Nghiệt* = Chồi nhánh, *Trạc-trạc* = Trơ trụi sạch-sẽ.

. .

爲 其 則 其 旦 而 故 雖
未 逐 其 且 之 伐 其 存 乎
嘗 禽 夜 晝 氣。之。良 乎 人
有 獸 氣 之 其 可 心 者。者。
才 不 不 所 好 以 者。亦 豈
焉 遠 足 爲。惡 爲 亦 豈 無
者 矣。以 有 與 美 猶 無 仁
是。人 存。梏 人 乎。斧 義 之
豈 見 夜亡 相 其 斤 之 之 心
人 其 氣 之 近 旦 之 於 哉
之 禽 不 矣 也 夜 於 木 哉。
情 獸 足 梏 者 之 木 哉。其
也 也 以 之 幾 所 也。
哉。而 存。反 希。息。旦 所
以 則 覆。則 平 旦 以

Dịch-âm. — « *Tuy tồn hồ nhân giả, khởi vô nhân nghĩa chi tâm tai ; kỳ sở dĩ phóng kỳ lương-tâm giả, diệc do phủ cân chi ư mộc dã, đán đán nhi phạt chi, khả dĩ vi mĩ hồ ; kỳ nhật dạ chi sở tức, bình đán chi khí, kỳ hiếu ố dữ nhân tương cận dã giả cơ hĩ ; tắc kỳ đán trú chi sở vi, hữu cốc vong chi hĩ ; cốc chi phản phục, tắc kỳ dạ khí bất túc dĩ tồn ; dạ khí bất túc dĩ tồn, tắc kỳ vi cầm thú bất viễn hĩ ; nhân kiến kỳ cầm thú dã, nhi dĩ vi vị thường hữu tài yên giả, thị khởi nhân chi tình dã tai.*

Dịch-nghĩa. — « Dẫu ở về phần người ta, lúc mới hà lại không có cái tâm nhân-nghĩa đâu, chỉ vì cái vật-dục nó làm phóng mất cái lương tâm của mình đi, cũng như rìu búa nó làm trụi cây đi vậy, sớm ấy sớm khác mà đẵn mãi đi, thế nào còn xanh tốt được nữa. Nhưng còn chút thiện-tâm chưa mất hẳn, ngày đêm nó lại sinh-trưởng ra, buổi sớm bình-minh khí còn trong sạch, lúc ấy cái lòng yêu ghét công-minh cùng gần với lương-tâm người ta ấy còn được là bao. Thì ban ngày lại bị những điều vật-dục nó làm cùm-trói cái lương-tâm cho mất đi. Cùm-trói dắt đi luôn mãi, thì cái khí trong sạch lúc ban đêm không đủ giữ lại được cái tâm, cái khí trong sạch ban đêm không đủ giữ lại được, thì người ấy cách với loài cầm-thú chẳng xa mấy. Người ta

thấy người ấy là loài cầm-thú, mới nghĩ rằng người ấy chửa từng có tài-năng, ấy há phải cái tình của người ta vậy thay !

Chú-giải — Bình-đán = Buổi bình-minh sáng sớm. Lúc ấy khí còn tĩnh, tâm còn thanh. *Cốc* = Gông cùm, đồ đùng trói buộc người để làm tội. Nghĩa bóng là ví như vật-dục nó câu-thúc lương-tâm người ta. *Phản-phúc* = Đảo đi sảo lại, chẳng nghĩ chẳng tha. *Vi* = Cách xa, khác.

∴

不養苟物其故
消。無失不養。苟
物其長。無得

Dịch-âm. — « *Cố cầu đắc kỳ dưỡng, vô vật bất trưởng ; cầu thất kỳ dưỡng, vô vật bất tiêu.*

Dịch-nghĩa. — « Cho nên nếu được cách giữ-gìn nuôi nấng không vật gì là chẳng sinh-trưởng ; nếu mất cách giữ-gìn nuôi nấng, không vật gì là chẳng tiêu-mòn ; cây núi với tâm người, cùng một lẽ ấy cả.

∴

與。心其時。出舍操孔
之編。莫入則則子
謂惟知無亡。存。曰。

Dịch-âm. — « *Khổng-tử viết : « Thao tắc tồi, sả tắc vong, xuất nhập vô-thời, mạc tri kỳ hương, duy tâm chi vị dư ? »*

Dịch-nghĩa. — Ông Khổng có nói rằng : « Giữ gìn thì còn, bỏ đi thì mất, ra vào không có thời-giờ nhất-định, chẳng ai biết quê-quán nó ở chốn nào, duy con tâm người ta như thế dư ? »

Chú-giải. — Đây là dẫn lời ông Khổng nói về con tâm người ta, thần-minh khôn lường, phóng-khí đi thì dễ mất, mà giữ-gìn thì rất khó.

Toàn chương này là bảo người ta lúc nào cũng phải nên tĩnh-dưỡng lấy lương-tâm, khiến cho khí định thần thanh, đừng để cho vật-dục nó dẫn-dụ đi mất.

(*Còn nữa*)

ĐÔNG-CHÂU VÀ TÙNG-VĂN *dịch*

VĂN-UYỂN

Thiên-gia thi-tập diễn-âm.

CẢNH XUÂN

春日偶成

雲淡風輕近午天
傍花隨柳過前川
時人不識予心樂
將謂偷閒學少年

Gió thoảng mây thưa bóng sắp tròn,
Tìm hoa thơ-thẩn chốn giang-thôn ;
Nào ai có biết lòng vui-vẻ,
Lại bảo buông-tuồng thói trẻ con.

春日

勝日尋芳泗水濱
無邊光景一時新
等閒識得東風面
萬紫千紅總是春

Tầm-phương thái-lục chốn giang-tân,
Phong-cảnh ngày xuân đẹp chẳng ngần ;
Biết mặt gió đông âu cũng dễ,
Muôn hồng nghìn tía đó là xuân.

春宵

春宵一刻值千金
花有清香月有陰
歌管樓臺聲細細
秋鞦院落夜沈沈

Đêm xuân một khắc giá nghìn vàng,
Hoa có trăng soi lại ngát hương;
Múa hát trong lầu đường nhịp lần,
Đua chơi trên viện trống canh trường.

城東早春

詩家清景在新春
綠柳才黃半未勻
若待上林花似錦
出門都是看花人

Đầu xuân là cảnh của làng thơ,
Bình-phẩm từ ngày liễu mới tơ;
Nếu đợi vườn xuân hoa gấm vóc,
Thiếu gì bướm đón với ong đưa.

春夜

金爐香燼漏聲殘
剪剪輕風陣陣寒
春色惱人眠不得
月移花影上闌干

Lò vàng hương nguội trống canh tàn,
Lạnh-lẽo đêm trường lúc gió cơn;
Xuân-sắc quấy người nằm chẳng nhắp,
Nguyệt đưa hoa đến mạn câu-lơn.

初春小雨

天街小雨潤如酥
草色遙看近却無
最是一年春好處
絕勝花柳在皇都

Mưa đượm bên trời tựa rượu tô,
Gần xa sắc cỏ thuốc xanh tô;
Cảnh xuân ai vẽ nên tươi tốt,
Bằng mấy hoa dương ở đế-đô.

元日

爆竹聲中一歲除
春風送煖入屠蘇
千門萬戶曈曈日
總把新桃換舊符

Pháo nổ râm-ran tiết tuế-trừ,
Gió đưa xuân đến chén đồ-tô;
Muôn nhà mừng rỡ vầng hồng mọc,
Đào mới đem ra đổi đạo bùa.

上元侍宴

淡月疎星遶建章
仙風吹下御爐香
侍臣鵠立通明殿
一朶紅花捧玉皇

Trăng sao quanh điện tỏ như gương,
Gió thoảng mùi tiên xuống lọ hương;
Chầu chực sân rồng đàn hộc đứng,
Mây hồng một đám rợp ngai vàng.

絕句

兩个黃鸝鳴翠柳
一行白鷺上青天
窗含西嶺千秋雪
門泊東吳萬里船

Đôi cái chim vàng kêu khóm liễu,
Một hàng cò trắng liệng trên xanh;
Nghìn thu tuyết núi lung-linh cửa,
Muôn lá thuyền Ngô thấp-thoáng mành.

海棠

東風嫋嫋泛崇光
香霧空濛月轉廊
只恐夜深花睡去
故燒高燭照紅妝

Giàn-giụa hương đưa ngọn gió đông,
Mù bay lất-phất bóng trăng lồng;
Đêm khuya chỉ sợ hoa tham ngủ,
Nên phải giong cao ngọn đuốc hồng.

清明

清明時節雨紛紛
路上行人欲斷魂
借問酒家何處有
牧童遙指杏花村

Gặp tuần hàn-thực gió mưa liền,
Mất vía về đường đất sục lên;
Hỏi chú mục-đồng ai bán rượu,
Rằng làng Hoa-hạnh chính ma men.

又清明

無花無酒過清明
興味蕭然似野僧
昨日鄰家乞新火
晚窗分與讀書燈

Không rượu không hoa tết cấm yên,
Xác-xơ phong-cảnh tựa nhà chiền;
Hôm qua hàng xóm đi xin lửa,
Cho lại nhà nho nhóm ngọn đèn.

社日

鷄湖山下稻粱肥
豚柵鷄棲對掩扉
桑柘影斜春社散
家家扶得醉人歸

Xanh xanh chân núi lúa chia vè,
Lợn rít gà kêu cảnh xứ quê ;
Bóng ngả ngành dâu tan họp chạ,
Nhà nào cũng vực kẻ say về.

(Còn nữa)

Cử-nhân PHẠM SĨ-VĨ *dịch*

I. — Đêm thu

Thu sang đã nhuộm khắp da trời,
Muôn vật như vui ngậm vẻ cười ;
Khuôn nguyệt tròn xoe gương nguyệt tỏ,
Mầu hoa thắm ngắt sắc hoa tươi ;
Thánh-thót cung đàn luồng gió thoảng,
Long-lanh đáy chén bóng trăng soi;
Mặt nước chon-von chòm núi giả,
Nhởn-nhơ lên xuống cá đua bơi.

II. — Cảnh thu tàn

Thu-tiết vừa sang vội chóng tàn,
Cây cỏ xanh um đã điểm vàng ;
Khóm cúc xác-xơ thương cảnh-vật,
Bóng trăng nhạt-nhẽo thẹn giang-san ;
Mặt đất giế vừa yên tiếng khóc,
Lưng trời nhạn đã vẳng câu than ;
Gió bấc hắt-hiu đưa lá rụng,
Não người đa-cảm tựa lan-can.

III. — Nhớ bạn

Bền với non-sông một chữ đồng,
Hỏi ai rằng có nhớ hay không ?
Tai vàng sớm chiều nghe tiếng giế,
Mắt mòn ngày tháng đợi tin hồng ;
Nhìn ảnh ảnh không cười nói với,
Trông trăng trăng chẳng thiết-tha cùng;
Quen biết nhau chi thêm vấn-vít,
Năm canh để giấc điệp mơ-mòng.

IV. — Vịnh cái thác nước

Nao-nao dòng nước nghĩ ghê thay !
Thế như đồ núi gẫy băng cây ;
Vật trời trời vẫn trơ không chuyển,
Trông xuống cười rằng mặc sức bay.

V. — Cái điếu sứ

Ngoài da bóng-bẩy lắm người say,
Trong chứa hôi đen một bụng đầy ;
Thấy đỏ miệng cười như pháo nổ,
Khuyên ai chưa mắc chớ nên rây !

VI. — Cái ống tiền

Ruột không có nữa óc chân tay,
Trời chỉ sinh ra một miệng này ;
Bao nhiêu cũng nuốt cho bằng hết,
Chẳng sợ cưa dao bổ có ngày !

VII. — Cái chuông

Chuông kia ai khéo đúc nên hình,
Lơ-lửng trên cao đứng một mình ;
Tiếng cả vang-lừng trong bốn cõi,
Khuyên đời mau tỉnh giấc u-minh.

VIII. — Người câu cá

Ngày tháng tiêu-dao một chiếc cần,
Danh chẳng tham mà lợi chẳng thân
Được cá rung đùi ngồi đánh chén,
Mặc ai đua đuổi chốn phong-trần.

TỪ-VÂN *(Cát-hải)*

Đáp thư bạn hỏi thăm

Sơn-la đã chín tháng trời nay,
Mạnh giỏi như xưa nghĩ cũng may ;
Mạn ấy hay vui phong-cảnh ấy,
Miền này có thú nước non này ;
Cỏ cây chen đá mầu tươi-tốt,
Trăng gió chiều ai cuộc tỉnh say ;
Lúc hứng những toan toan ngẫu-vịnh,
Mà thơ tập mãi vẫn chưa hay.

Câu đối

I

Tặng ông Phạm chủ đồn-điền.

— Thà-hồ ai bán lợi mua danh, bỏng thừa mặc, thóc thừa ăn, riêng một giang-sơn làm thú ;

— Cứ gì phải lên xe xuống ngựa, rượu lưng bầu, thơ lưng túi, vui cùng phong-nguyệt là hơn.

II

Vợ lẽ khóc vợ cả

— Mong được bền vui, trên thuận dưới hòa, duyên-phận đẹp yên nương bóng chị;

— Ngờ đâu nên nỗi, anh thương con nhớ, giang-sơn gánh vác một mình em.

TÔ-GIANG

Lên núi Tản

Đã bấy lâu nay luống ước-ao,
Ước lên non Tản mấy tầng cao.
Nào ngờ nay bước lên đầu núi,
Thiên-hạ trông ra những thế nào ?

Đ.-CH.

Hựu thể

Chạnh nhớ Sơn-hương tới núi Thông,
Bước lên đỉnh Tản đứng cao trông.
Bàn cờ muôn dặm ai bày thế ?
Đế-Thích đâu đây hỏi biết không ?

NG.-CH.-T.

BÀI HÁT (1)

1. — Bài hát nghỉ hè.

Trời mùa hè,
Nóng nóng ghê.
Ngồi học mệt mỏi lắm,
Rủ nhau ta nghỉ hè.
Khỏe-khỏe-khoe !
Khỏe-khỏe-khoe !
Rủ nhau ta dạo cảnh nhà quê :
Cảnh nhà quê,
Cảnh đẹp như thế kia.
Gió thổi mát,
Dưới tầng cây xùm-xòe.
Ta ngồi nghe,
Ta ngồi nghe,
Con chim con nó hót,
Tiếng rả-rít,
Tiếng tỉ-tê.
Khỏe khỏe-khoe !
Khỏe-khỏe-khoe !

2. — Bài hát nghỉ hè.

Cái ve kêu,
Con quốc gọi.
Nồng-nực thay,
Mùa hạ tới.
Mùa hạ tới, ngọn gió Nam-phong dìu-dặt thổi.
Dìu-dặt gió Nam thổi,
Tơi-tả cảnh sen bay,
Mùa đổi thay,
Cảnh đổi thay.
Cây cung giương mãi cũng trùng dây ;
Người cố học lâu tâm-trí mỏi.
Nên có độ nghỉ hè,
Như các mùa thay đổi,
Mùa thay đổi, kịp đến khi thu sang.
Trăng thu dãi sáng,
Lá thu bay vàng.
Cảnh trời thanh-tĩnh,
Lòng người nhẹ-nhàng.
Sẽ cùng theo đuổi nghiệp văn-chương,
Nghiệp văn-chương,
Núi sông trường !

3. — Bài ca nghỉ hè.

(Điệu Hành-vân)

Quốc gọi vào hè,
Quốc gọi vào hè.
Rả-rít mấy cành ve.
Trời ơi bức,
Hoa cỏ ủ-ê.
Trước sau vườn lý đào phai - nhạt,
Hiu-hiu phất, trận Nam-phong ngan-ngát mùi sen.
Xuân lại hè, mùa trời thay đổi.
Phòng văn (mỏi) mỏi nghiệp sách đèn.
Vũ-trụ xa nhìn, tơi bời mây gió, tranh càn-khôn hỗn-nhiên.

---

(1) Xem bài : « Chuyện giáo-dục. Phương-thành » ở trên.

Chung quanh đó, những nước non minh :
Tĩnh-dưỡng tinh-thần đã nhiều nơi cảnh xinh.
Thú nghỉ hè, bãi lục ngàn xanh.
Một vùng danh-thắng,
Nước non đôi vẻ thanh-thanh.

4. — Chơi núi Tượng-sơn.

(Điệu song thất lục bát.)

Ngày hạ buổi gió hòa mây tạnh,
Dắt tay lên tuyệt-đỉnh Tượng-sơn.
Đầu non tranh phủ xanh non,
Xa trông xanh rợn cảnh-khôn bốn bề.
Đường núi xuống quanh về nẻo tắt,
Đua hái hoa cài giắt mái đầu.
Tranh nhau múa hát qua cầu,
Hoa vàng gió cuốn bay màu phất-phơ.
Xinh thay cảnh-vật nên thơ!

5. — Cảnh học-đường ân giáo-dục

(điệu trường-thiên cổ-thi)

Giữa chốn thành Phương có cảnh vườn,
Cảnh vườn phong-cảnh thực u-nhàn.
Cỏ cây hoa lá chiều thanh tú,
Trong ngoài bốn mặt đều hoàn-toàn.

Vườn trồng đủ mọi thứ hoa thảo,
Hồng, tía, xanh, vàng khắp một vùng.
Thứ đẹp ở hoa, thứ ở lá,
Thứ về xuân hạ, thứ thu đông

Dòng ngang luống dọc từng từng lớp,
Sắc đẹp hương thơm đủ mọi chiều,
Thứ thì rực-rỡ thứ đằm-thắm,
Thứ trông hùng-dũng thứ yêu-kiều.

Vườn có trồng sen, có trồng trúc,
Có cả phù-dung lẫn mẫu-đơn.
Vườn trồng tùng bá, trồng đào lý,
Lại trồng thược-dược, trồng mai lan.

Vườn hoa cảnh-tượng được sinh-sắc,
Tưới nước vun phân nhờ có người,
Biết bao sớm trưa công khó nhọc,
Đã nhiều săn-sóc nhiều tài-bồi.

Tinh-thần cốt-cách nét tươi-tỉnh,
Thu cúc xuân lan vẻ mặn-mà,
Nẩy khóm hoa hồng, cành trúc biếc,
Dịu-dàng xinh-sắn biết bao là!

Cây cảnh vườn nay đã cao mát,
Tán rợp cành dài hoa quả tươi.
Gió bấc, mưa thu, nắng hạ dãi,
Sớm chiều mây hợp, tối trăng soi.

Cảnh vườn xuân kia cảnh trường học,
Hoa cỏ này là bọn trẻ thơ ;
Tưới nước vun phân : người giáo-hóa,
Đằm-thắm dồi-dào ân móc-mưa.

Mùa xuân nở hoa, thu kết quả,
Vườn xuân « trí-đức » ngày thêm xuân ;
Trông ra cảnh sắc trái bông ấy,
Cám ơn tô-điểm nghìn muôn lần.

Hái hoa đưa tặng người vun tưới,
Hương hoa sực-nức vị «văn-chương» ;
Ba xuân tấc cỏ tình sư đệ,
Một hội trăm năm cảnh học-đường.

ĐÔNG-HỒ

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Thời-cục nước Tàu. — *Từ khi dân-quốc thành-lập đến nay, thời-cục nước Trung-hoa đều ở dưới quyền đảng Quốc-dân chi-phối. Tuy vậy mà cái nạn nội-chiến vẫn rây-dưa mãi không mấy lúc yên, nhân-vật trong đảng cứ trở giáo đánh lộn nhau. Ta muốn biết cái cớ sở-dĩ phân-tranh mãi như thế, thì phải nên biết cái tình-hình đảng Quốc ra làm sao. Bấy lâu nay vẫn tiếng gọi là « Trung-quốc thống-nhất » do một đảng quản-trị, nhưng kỳ-thực thì chia năm xẻ bảy, mỗi anh cự-đầu vẫn hùng-cứ lấy một địa-phương. Đảng Quốc chẳng qua là một liên-hiệp-hội rất mỏng-mảnh của nhiều đảng lập thành, vì vậy nên phân ra phái này phái nọ, mỗi phái chủ-trương một khác, lắm khi mâu-thuẫn hẳn với nhau.*

Phái Tưởng Giới-Thạch tức là phái chấp-chính hiện-thời, làm đại-biểu cho hạng đại-tư-bản. Tưởng hết sức phế bỏ những di-tích phong-kiến như thuế ly-kim, ngạch tỉnh-thuế, quân-đội địa-phương, chính-trị phân-hội, v.v.. Tưởng lại giải-tán nông-công-đoàn, hạn-chế tự-do ngôn-luận, tự-do kết-xã. Chính vì những lẽ làm như thế, cho nên nền-tảng của chính-phủ Nam-kinh thêm chắc-chắn chừng nào, thì nhân-dân đối với đảng Quốc lại sinh ác-cảm chừng nấy.

Phái hữu đảng Quốc là bọn quân-phiệt, làm đại-biểu cho giai-cấp phong-kiến, tức là các kiện-tướng Quảng-tây hồi trước, như là Lý Tế-Thâm, Lý Tôn-Nhân, Lý Minh-Thụy, Dương Đăng-Huy. v. v., họ chỉ muốn duy-trì lấy thế-lực của mình, nên mới xung-đột cùng cái chính-sách tập-trung của phái Tưởng.

Phái tả thì làm đại-biểu cho thượng-tầng giai-cấp tiểu-tư-bản, những nhân-vật trọng-yếu là Trương Phát-Khuê, Uông Tinh-Vệ, Cam Nại-Quang, Trần Công-Bác. . . Họ chủ-trương thiết-lập một chính-thể dân-chủ cho thật thuần-chính, họ không phục cái chính-sách độc-tài của phái Tưởng.

Ngoài ra lại còn phái cựu-tả làm đại-biểu cho hạ-tầng tiểu-tư-bản, nhưng thế-lực hãy còn nhỏ.

Ngoài những đảng-phái trong đảng Quốc trên này, lại có đảng quá-khích, thế-lực cũng bành-trướng.

Ấy tình-hình đảng-phái ở Trung-hoa bây giờ đại-khái như thế, nên mới hay gây ra cuộc nội-chiến luôn luôn.

Cứ theo tình-thế mà xét thì hiện nay ở nước Tàu những tay có thế-lực ngang với Tưởng Giới-Thạch thì ở phía tây-bắc có cánh quân Phùng Ngọc-Tường, ở phía bắc thì có Diêm Tích-Sơn, ở ngoài cửa quan có Trương Học-Lương, là những tay có quan-hệ đến cuộc nội-chiến nước Tàu ngày nay, nước Tàu mà có thống-nhất được hay không, là trông về những tay nhân-vật ấy có hợp-nhất mới được.

Song cứ theo như cái chính-sách trung-ương tập-quyền và công-cuộc biên-khiển của Tưởng đang gia sức thực-hành, thì về địa-bàn và quyền-lực của Phùng sẽ phải giảm bớt đi nhiều. Phùng vốn là một nhà đại-quân-phiệt, xưa nay vốn có cái dã-tâm phản-phúc, khi nào chịu thiệt mất cái phần tư-lợi ấy đi. Phùng bấy lâu sở-dĩ chưa phản-động vội, là chỉ còn trông ngóng thời-cơ, không dám một mình sậu-động, sợ

rằng mang tiếng với quốc-dân là phá-hoại cuộc thống-nhất. Nay thấy Lý Minh-Thụy phản-động ở Quảng-tây, Trương Phát-Khuê phản-động ở Hồ-nam, chính-phủ trung-ương đang lo đối-phó chưa rồi, thì quân tây-bắc tức là quân bộ-hạ Phùng Ngọc-Tường lại nổi lên phản-kháng. Phùng là một anh gà khôn giấu đầu, lại tuyên ngôn đó là tại mấy bộ-tướng gây nên, chứ mình ở Sơn-tây không hề dự biết. Những tay chủ-động trong cuộc phản-kháng ấy lại nói là theo cái kế-hoạch của phái cải-tổ (một phái muốn cải-cách tổ-chức lại chính-phủ Nam-kinh mà lập ra chính-phủ mới), quyết đánh đổ Tưởng Giới-Thạch là người chuyên-chế, đánh đổ chính-phủ Nam-kinh là chính-phủ không hợp phép. Trong cuộc chiến-tranh xưa nay, vẫn thường phái nọ chê trách phái kia, biết ai là vua là giặc. Cuộc tranh-đoạn này có khác gì cái cuộc tranh-chiếm địa-bàn và quyền-lợi như các bọn quân-phiệt cũ khi xưa chỉ xâu-xé lẫn nhau không ?

Những tay có quan-hệ về cuộc nội-chiến này, trừ Phùng Ngọc-Tường đã đứng ra mặt phản-kháng với Tưởng không kể, Trương Học-Lương thì còn phải đối-phó với nước-Nga mà chống giữ về mặt Trung-Đông ; duy còn có Diêm Tích-Sơn là có cái quan-hệ rất lớn về cuộc nội-chiến, hễ Diêm đứng về bên nào thì cuộc nội-chiến sẽ có chuyển-cơ ngay. Song Diêm trước kia hình như còn nghe-ngóng dùng-dằng, chỉ tuyên-ngôn đứng ra điều-đình để giữ lấy cuộc hòa-bình. Cái cách chủ-trương của Diêm như thế, đối với cái chính-sách « tôn-trọng Trung-ương » của Tưởng, thì Tưởng lại cho là mất uy-tín, trách Diêm không thực lòng ủng-hộ, lại coi chính-phủ trung-ương ngang hàng với quân Tây-bắc, thì Tưởng không chịu, quyết dùng võ-lực mà giải-quyết cho đến cùng. Tưởng Giới-Thạch lại muốn cho biết rõ cái thái-độ của Diêm thế nào, nên lại cử Hà Ứng-Khâm đến Sơn-tây trao ấn tín và ủy-nhiệm-trạng của chính-phủ trung-ương cử Diêm làm Hải-lục-không quân phó tổng-tư-lệnh. Đến đây Diêm không còn giữ nước đôi được nữa, tất phải tỏ hẳn cái thái-độ của mình ra, đã thông-điện xin nhận chức và xin cùng Tưởng chia trách-nhiệm dẹp yên quân Tây-bắc. Thế là ngày nay Diêm đã theo về chính-phủ trung-ương hẳn, cuộc nội-chiến thế nào cũng có chuyển-cơ.

Sau khi Diêm Tích-Sơn nhận chức, đối với quân tây-bắc đã tỏ bày thái-độ của mình, đã hạ lệnh cho hai sư-đoàn 36 và 43 đóng ở Thiên-tân, mỗi sư-đoàn đều cử một bộ-phận chia đóng ở Đức-châu và Thạch-gia-trang, và sai họp cả bộ-đội ở bờ cõi Thiểm-tây, Hà-nam để đợi mệnh.

Chính-phủ đã hạ-lệnh cho trường Trung-ương-quân-hiệu tổ-chức quân thảo-nghịch, đem tất cả học-sinh trong kỳ thứ bảy, biên thành một hỗn-thành-đoàn, cử La Thiết-Hoa làm đoàn-trưởng.

Chính-phủ trung-ương đã quyết-định cử Phương Đỉnh-Anh làm chỉ-huy đạo thứ nhất, Lưu Trĩ làm chỉ-huy đạo thứ hai, Hàn Phục-Cừ làm chỉ-huy đạo thứ ba, Hà Kiện làm chỉ-huy đạo thứ tư, Đường Sinh-Trí làm chỉ-huy đạo thứ năm, Hạ Diệu-Tổ làm tư-lệnh bộ vận-tải, Trần Điền-Nguyên làm tổng-chỉ-huy đội quân tổng-dự bị.

Trước khi Tưởng Giới-Thạch lên Hán-khẩu có phát-biểu một bài tuyên-cáo nói về cái trách-nhiệm của chính-phủ ngày nay và cái địa-vị hiện-tại của quốc-dân, lại có kể qua cái nguyên-nhân đánh quân tây-bắc. Đại-ý nói việc đánh quân bạn-nghịch lần này không những là yên trong, thực là

chống ngoài, việc làm loạn của quân Tây-bắc lần này chính là bọn dư-nghiệt phong-kiến làm nguy-hại cho nước nhà, cùng đảng Cộng-sản nước Nga Xô-viết cùng kết-hợp, để toan sự vọng-động cuối cùng, đó thực là một cái then-cửa rất lớn cho sự họa-phúc của nhân-dân và sự mất còn của nước nhà, cũng tức là một trận đánh quyết-thắng cuối cùng của quân cách-mệnh và quân phản-cách-mệnh. Chính-phủ chỉ có việc hết sức xây dựng lại cái cơ-sở cách-mệnh, làm xong cái cục-diện chân-chính thống-nhất, càng cần phải nhờ đồng-bào cả nước nhận biết sự gian-nguy của nước nhà, hết sức để giúp cho chính-phủ.

Hiện nay Tưởng đã đốc quân lên mặt trận. ở Hà-nam và Hồ-bắc quân trung-ương và quân Tây-bắc đã đánh nhau mấy trận rất dữ-dội. Nghe đâu quân trung-ương đã lấy được thành Lạc-dương. Cứ như báo Tàu nói thì quân Phùng nội-bộ đã sinh biến, quân Phùng đã hết lương xin hàng, còn Phùng thì trước kia thấy nói ở thôn Tây-hội Sơn-tây, mà mới đây lại thấy nói Phùng đi đâu mất. Như thế thì phần thắng-lợi tất là về quân chính-phủ. Tưởng Giới-Thạch đã cầm được thắng-toàn, nói chỉ trong một tháng là có thể giải-quyết xong.

Còn về mặt Hồ-nam lúc thì nói Trương Phát-Khuê đã bị thương, lúc thì lại có tin quân Trương vẫn tiến đánh mặt Quảng-tây.

Ở Quảng-tây thì lại còn các tướng phản-kháng chia giữ các nơi, như là ở Ngô-châu thì có Lã Hoán-Viêm ; ở Liễu-châu có tướng Dương Bằng-Huy ; ở Nam-ninh có tướng Lưu Phượng-Tường ; ở Long-châu có tướng Lý Minh-Thụy.

Mới đây có tin Bạch Sùng-Hy đã bỏ Hải-phòng đi Hương-cảng để theo các lính-tụ đảng Quảng-tây là Lý Tôn-Nhân; Hoàng Thiệu-Hùng.

Còn như tướng Du Tác-Bá thì có đi qua Bắc-kỳ để đi đến Hương-cảng là nơi hiện Trần Công-Bác đương tìm cách liên-lạc bọn Quả-khích để giúp sức cho Uông Tinh-Vệ và đảng Liên-hiệp Quốc-tế thứ ba. Xem thế thì cuộc thống-nhất nước Tàu cũng còn lâu nữa mới định được.

Trung - Nga giao - thiệp. — *Việc đường Trung-Đông bấy lâu vẫn chưa giải-quyết xong, nước Nga quyết định chiếm lấy đường Trung-Đông, đã hết sức hành-động về quân-sự ở mặt Mãn-châu-lý. Mà Đông-tam-tỉnh thì Trương Học-Lương cũng hết sức chống giữ, kể hao-tổn thiệt-hại cũng nhiều, mà về mặt quốc-phòng vẫn vững, quân Nga cũng chưa thể chiếm-đoạt được. Gần đây lại có tin quân Nga đã xâm vào Mãn-châu-lý.*

Nước Nga muốn yêu-cầu chính-phủ Đông-bắc trực-tiếp giao-thiệp, Trương Học-Lương sau khi điện-trình chính-phủ trung-ương đã cự-tuyệt lời yêu-cầu ấy.

Cứ như lời các nhà đương-cục Phụng-thiên nói, chính-phủ trung-ương định đem giao cho tòa Quốc-tế Trọng-tài.

Có tin ở Nam-kinh rằng cứ xem tình-hình gần đây thì việc giao-thiệp Trung-Nga sẽ do các nước có ký bản công-ước «phi-chiến» đứng ra điều-giải.

Trung Nhật lại có sự lôi-thôi. — *Cái án giao-thiệp về việc quân Nhật và quân Trung-hoa xung-đột ở huyện Thiết-lĩnh hiện còn chưa giải-quyết xong, thì nay lại xảy luôn ra việc khác. Theo như bức điện của Trương Học-Lương gửi trình bộ ngoại-giao Nam-kinh vừa rồi, nói là lính cảnh-sát Nhật ở Trường-xuân vì can-thiệp vào việc hành-chính, cùng thị-dân xung-đột giết*

chết bảy người thị-dân, xin lập-tức kháng-nghị một cách nghiêm-trọng.

∴

Nội-các mới nước Pháp. — Kỳ trước đã nói Nội-các BRIAND đổ, quan giám-quốc giao cho ông DALADIER là lãnh-tụ đảng cấp-tiến tổ-chức Nội-các mới. Đảng cấp-tiến muốn lên cầm quyền thì tất phải kết-tiên với đảng xã-hội. Ông DALADIER điều-đình mãi với đảng xã-hội không xong, kết-cục đến phải cáo-thoái. Quan Giám-quốc bấy giờ lại phải mời đến ông CLÉMENTEL, là một nhà chính-trị lão-luyện, đã từng làm thượng-thư nhiều lần, nhưng không phải là tay lỗi-lạc xuất-sắc gì cho lắm. Ông đứng vào địa-vị trung-lập mà có nánh về bên tả một chút. Muốn tổ-chức thành Nội-các thì tất phải tựa vào đảng cấp-tiến; ông cũng hết sức điều-đình với đảng này, nhưng vì đảng này yêu-cầu lắm điều-kiện không thể thi-hành được, nên cũng lại phải cáo-thoái nốt; thành ra kỳ lập Nội-các này thật là gian-nan quá. Nhưng trong Nội-các cũ có một người dư-luận lâu nay đã chỉ sẵn là một tay thủ-tướng tương-lai. Duy là một tay cương-quyết, mà chính-kiến lại hơi có ý khuynh-hướng về bên hữu, nên quan Giám-quốc chưa dám vời đến vội, có ý muốn thử hết về mặt tả đi đã, nếu không có ai đương được trách-nhiệm cho thích-hợp thời-cơ, thì bấy giờ mới phải xoay về bên hữu, nhưng chắc trong ý quan Giám-quốc đã rắp định cử ông này từ trước. Vậy ông này là ai? Chính là ông Nội-vụ tổng-trưởng ANDRÉ TARDIEU vậy. Ông là một nhân-vật mới trong trường chính-trị nước Pháp, mới ra làm việc nước từ hồi chiến-tranh đến giờ, trước giúp việc cho thủ-tướng CLÉMENCEAU, rồi đi sứ bên Mĩ, sau làm tổng-trưởng mấy bộ Thương-chính, Công-chính, rồi sau cùng lĩnh bộ Nội-vụ trong Nội-các POINCARÉ và BRIAND. Vốn xuất-thân là một nhà làm báo, chuyên-trị về các vấn-đề ngoại-giao. Tuổi chạc ngũ-tuần, kể trong hàng các nhân-vật chính-trị nước Pháp, thời thế là còn trẻ vậy. Ông có tiếng là người quả-quyết, xem cái cách ông trị đảng cộng-sản gần đây thì biết. Lại là người vụ thực, phàm việc chủ lấy thiết-thực, không ưa những cách lý-thuyết viển-vông. Đã lâu nay ai cũng biết rằng ông có tư-cách ra cầm quyền được, nhưng vì cái chính-kiến của ông có điều trái với các đảng tả là những đảng đương có thế-lực trong nước, cho nên ông chưa dám xuất-đầu lộ-diện vậy. Nay chính-cục đã xoay ra như thế, nên quan Giám-quốc vời đến ông liền nhận ngay. Song ở Nghị-viện không có đảng nào là đảng to, chiếm phần đa-số, có đủ sức duy-trì cho chính-phủ được, các đảng hữu cũng thế, mà các đảng tả cũng thế. Thành ra Nội-các nào muốn vững được cũng phải châm-chước với nhiều đảng. Ông TARDIEU nhận ra lập Nội-các cũng muốn đề-huề với đảng cấp-tiến, nhưng đảng này nhất-định không chịu hợp-tác, thành ra Nội-các của ông lập ra toàn là những người thuộc về đảng ôn-hòa cả, cho nên cũng không thể mong chiếm được phần đa-số to ở Nghị-viện, trước chỉ hơn các đảng phản-đối một số vé trên dưới bảy tám mươi mà thôi. Nhưng thế cũng là đủ để duy-trì được. Vả ông thủ-tướng mới lại có tiếng là người khéo vận-động, cho nên cũng có thể bền được. Xem như trong Nội-các mới của ông, ngoài chức tổng-trưởng các bộ, lại đặt thêm ra đến mười hai chức thứ-trưởng nữa, thật xưa nay không có Nội-các nào đông đến như thế, là chủ-ý muốn cho các đảng được nhiều người tham-dự chính-quyền, cho vây-cánh được mạnh hơn.

Nội-các mới nước Pháp do sắc-lệnh ngày mồng 3 tháng 11 tổ-chức như sau này:

Chức tổng-trưởng

Thủ-tướng kiêm Nội-vụ tổng-trưởng	*Ông* TARDIEU
Tư-pháp tổng-trưởng	— HUBERT
Ngoại-vụ —	— BRIAND
Tài-chính —	— CHÉRON
Lục-quân —	— MAGINOT
Hải-quân —	— LEYGUES
Học-bộ —	— MARRAUD
Công-chính —	— PERNOT
Công-thương —	— FLANDIN
Nông-chính —	— HENNESSY
Thuộc-địa —	— PIÉTRI
Lao-động vệ-sinh —	— LOUCHEUR
Trợ-cấp cựu chiến-binh tổng-trưởng	— GALET
Hàng-không tổng-trưởng	— LAURENT EYNAC
Bưu-chính —	— GERMAIN MARTIN
Hàng-hải —	— ROLLIN

Chức thứ-trưởng

Thứ-trưởng giúp việc quan thủ-tướng	*Ông* HÉRAUD
Nội-vụ thứ-trưởng	— MANAUD
Tài-chính —	— CHAMPETIER DE RIBES
Lục-quân —	— FETSCHE
Hải-quân —	— DELIGNE
Thể-dục — *(thuộc bộ Học)*	— PATÉ
Mỹ-thuật — *(thuộc bộ Học)*	— PONCET
Kỹ nghệ chuyên-môn học (thuộc bộ Học)	— BARETY
Công-chính thứ-trưởng	— MALLARMÉ
Nông-chính —	— SÉROT
Thuộc-địa —	— ALCIDE DELMONT
Vệ-sinh —	— OBERKIRCH

Tính cả tổng-trưởng thứ-trưởng, tòa Nội-các mới này có đến 28 vị, phần nhiều là những tay mới cả, có người chưa từng tham-dự chính-phủ bao giờ. Ngoài chức thủ-tướng, tay lỗi-lạc nhất trong Nội các là ngoại-vụ tổng-trưởng BRIAND. *Ông đã làm thủ-tướng không biết bao nhiêu lần mà nay lại còn nhận bộ ngoại-vụ nữa, là vì ông đã thành một tay chuyên-môn về ngoại-giao rồi, và thanh-danh ông trên trường quốc-tế đã lừng-lẫy lắm rồi, Nội-các nào cũng phải cần đến ông để chủ-trương cho cuộc ngoại-giao nước Pháp được nhất-trí. Ông đã từng nói : « Tôi nay là một người đứng ra ngoài cả các chính-đảng. Dù là ông* DALLADIÉ, *ông* CLÉMENTEL *hay ông* TARDIEU *ra chủ trương Nội-các, tôi cũng bằng lòng giúp việc cả. »*

.·.

Hai nhà đại-chính-trị Âu-châu tạ-thế. — *Âu-châu gần đây thiệt mất hai nhà đại-chính-trị, là nguyên thủ-tướng Pháp* Georges Clémenceau *và ngoại-tướng Đức* Gustav Stresemann. *Tuy nhân-cách hai người khác nhau, sự-nghiệp hai người không giống, tình-trạng hai nước trái nhau, mà thật là hai bậc vĩ-nhân trong chính-trị-giới Âu-châu và cả thế-giới nữa.*

Sự-nghiệp ông Stresemann *thì không được lâu dài bằng sự-nghiệp ông* Clémenceau, *vì mới bắt đầu hiển-hách từ sau khi chiến-tranh đến giờ. Nhưng gặp khi vận nước đương bĩ, tình-thế rất nguy-hiểm, địa-vị rất khó-khăn, mà khiến cho nước qua khỏi được lúc nguy-cơ, chấn-chỉnh được tình-thế, khôi-phục được địa-vị, có cái trác-kiến biết rằng nước Đức sau khi chiến-bại phải thành-thực đề-huề với liệt-cường thì mới có cơ tái-tạo được, mà có cái nghị-lực đem cái chính sách ấy bắt-buộc quốc-dân phải theo, kết-quả đến khiến cho nước Đức mười năm sau khi thất-bại khốn-đốn lại chiếm được địa-vị gần ngang bằng với liệt-cường như trước, cái công-ơn ấy đối với người Đức to-tát biết bao nhiêu. Khi chiến-tranh thì ông cực-lực chủ-chiến, đánh nhau vong thời nhiệt-thành chủ hòa, trước sau cũng là vì nước cả, mà nhờ cái thái độ uyển-chuyển khôn-khéo ấy, nước thua mà không đến nỗi lụn-bại vậy. Về chính-trị, ông là học trò thủ-tướng* Bismarck, *nhưng thủ-tướng* Bismarck *là làm tướng lúc nước đương vẻ-vang đắc-thắng, công-nghiệp có vĩ-đại mà có lẽ cái khổ-tâm không bằng ông làm tướng giữa khi nước bị thất-bại khốn-đốn. Bởi thế nên nước Đức thương tiếc ông lắm, và làm lễ quốc tang cho ông. — Vì cái chính-sách chủ-hòa của ông, nên tuy ông là tướng một nước cựu-thù, mà cả nước Pháp đều đồng-thanh khen ngợi.*

Sự-nghiệp ông Clémenceau *lại còn lâu dài và nhiều đoạn lý-kỳ hiển-hách hơn nữa. Năm mươi năm trời tri-trục trong trường chính-trị, lịch-sử ông thực là lịch-sử nước Pháp trong nửa thế-kỷ gần đây vậy. Ông bắt đầu làm việc chính trị từ hồi trận Pháp-Phổ năm 1870-1871, mãi cho đến sau cuộc đại-chiến vừa rồi nước Pháp được toàn-thắng ông mới lui về nghỉ. Năm 1870 ông làm thị-trưởng* Montmartre, *năm* 1871 *được bầu làm nghị-viên thành* Paris *ở Quốc-hội mới lập. Năm* 1918, *bấy giờ ông đã ngót 80 tuổi, làm thủ-tướng, ký hòa-ước* Versailles *liễu-kết cuộc chiến-tranh; sau khi thôi thủ-tướng rồi, ông còn giữ chức thượng-nghị-viên, đến năm* 1920 *mới lui về hẳn. Trong khoảng 50 năm ấy, ông tham dự cuộc chính-trị nước Pháp một cách rất hoạt-động Khi cầm quyền thời quả-quyết mạnh-bạo, như năm* 1917 *nhờ có ông chủ-trương việc chiến-tranh nước Pháp mới được toàn thắng; cho nên quốc-dân cảm ơn ông đã đặt tên là* Le Père la Victore, *nghĩa là « lão-ông thắng trận ». Khi làm nghị-viên, hoặc ở Hạ-nghị-viện, hoặc ở Thượng-nghị-viện, thường diễn thuyết chất-vấn chính-phủ, phản-đối Nội-các, mỗi lần ông can-thiệp vào là các quan thượng-thư lấy làm ghê lắm, nhiều khi vì ông mà Nội các bị đổ là thường; cho nên dư-luận đã tặng ông cái danh-hiệu là:* le tombeur des ministères *(người đánh đổ Nội-các).*

Ông sinh ở Mouilleron, *quận* Vendée, *năm* 1841, *đỗ y-khoa tiến-sĩ năm* 1864, *nhưng không theo đuổi về nghề làm thuốc, liền xoay ra làm báo; vì ông không những có tài hùng-biện mà lại có tài văn-chương nữa, đứng chủ mấy cái báo, lại soạn nhiều sách, tư tưởng cao, tỏ ra một tay triết-học thâm-trầm nữa. Sau khi về nghỉ rồi vẫn còn viết sách hoài, tuổi đã 88 mà một tuần lễ trước khi bị bệnh mất còn đương viết*

một bộ sách nói về việc chiến tranh chưa xong. Ông mất để lại chúc thư nói rằng : « Xin chôn như người thường-dân, nhà nước đừng làm quốc-táng và di-thể thời đem về quê nhà, chôn đứng ở cạnh mộ cụ thân-sinh, khi đưa đám chỉ người nhà thân-thích mà thôi, không dám phiền đến quan-khách »

Chính-phủ đã định làm lễ quốc-táng nhưng có lời di-chúc như thế không dám sai, chỉ có lệnh suốt trong nước và các thuộc-địa, các công-sở phải treo cờ rủ xuống để tỏ ý tang chung

Ông CLÉMECEAU *không những là một nhà đại-chính-trị nước Pháp mà có thể cho là một tay vĩ-nhân đời nay vậy.*

Việc trong nước

Đại Hội-nghị Đông-Pháp. — *Ngày thứ ba 22 tháng mười, Đại-hội-nghị tài-chính kinh-tế Đông-Pháp đã khai hội-đồng thường-niên lần thứ nhất ở nhà đại-diễn đường trường Đại-học Hà-nội.*

Buổi khai-hội quan Toàn-quyền PASQUIER *đến chủ-tọa, có đọc một bài diễn-thuyết tóm-tắt đại-ý như sau này.*

Thoạt-tiên quan Toàn-quyền nói về thuộc-địa Algérie, *có ý lấy đấy làm gương cho Đông-Pháp này. Xứ* Algérie *nay mai sẽ làm lễ bách-chu-niên để kỷ-niệm việc nước Pháp sang cai-trị. Trong một trăm năm thuộc-địa* Algérie *đã trở nên giàu-có là nhờ ở chính-phủ cùng với phái thực-dân xứ ấy biết mật-thiết cộng-tác với nhau. Nay quan Toàn-quyền cũng ước-ao cho ở xứ Đông-Pháp này chính-phủ cùng với đại-biểu của các nhà thực-dân và của người bản-xứ cũng biết cùng nhau hiệp-tác như thế, thời cái tiền-đồ xứ này sẽ rực-rỡ biết đường nào. Đại-hội-nghị mới lập ra đây chính là cái cơ-quan để gây dựng ra cuộc hợp-tác đó.*

Quan Toàn-quyền khẩn-khoản yêu-cầu các đại-biểu ở hội-nghị nên bỏ cái bụng tây-riêng mỗi người mỗi xứ đi để chú-ý vào các công việc lớn quan-hệ đến lợi-quyền cả toàn thể Đông-Pháp. Ngài giải rõ cái trách-nhiệm của hội-nghị và của chính phủ như sau này :

« Người đứng đầu chính-phủ có cái trách nhiệm phải trông nom, phải cai-quản cho cõi Đông-Pháp lớn-lao này được làm ăn yên-ổn, trách-nhiệm ấy cần phải vững-vàng quả-quyết mới đương nổi ; còn phận-sự của hội-nghị là phải đem lòng nguyện-vọng, sự cần-dùng trong dân-gian về phương-diện tài-chính, kinh-tế, thông đạt lên cho chính-phủ được biết, để chính-phủ tùy-liệu thi-hành cho đích-đáng. »

Đoạn rồi quan Toàn-quyền lược-kể tình-hình Đông-Pháp về ngoại-giao, về chính-trị, về kinh-tế, về tài-chính.

Về ngoại-giao thì ngài nói hiện trong thế-giới bây giờ các vấn-đề kinh-tế là quan-trọng lắm, Đông-Pháp này đối với các xứ lân-cận, các nước lân-bang, không phải là không có liên-lạc về đường kinh-tế. Nay việc giao-thiệp với các nơi ấy đều được hoàn-hảo cả, nhất là với thuộc-địa Java của Hòa-lan, gần đây giao-thông với ta nhiều lắm.

Về chính-trị thì quan Toàn-quyền nói rằng suốt trong dân-gian đều được yên-ổn cả, duy có một thiểu-số những kẻ âm-mưu phiến-loạn, muốn phương-hại cuộc trị an, thì đã có pháp-luật trừng-trị.

Về kinh-tế thì quan Toàn-quyền xét cái tình hình buôn bán-giao-dịch trong bản-xứ, ngài nói rằng nghiệm thấy trước kia phần nhiều tài-sản là ở trong tay người Khách buôn bán cả, nay đã thấy chuyển sang các điền-chủ An-Nam. Năm 1929 là năm liễu-kết cái tình-trạng trước mà mở ra một thời-kỳ mới trong cuộc kinh-tế bản-xứ. Quan Toàn-quyền có khuyên các chủ đồn-điền, chủ công-

nghệ, nên đổi mới lại các cách thức làm ăn cho hợp-thời, thí-dụ như dùng máy-móc để thế vào nhân-lực, đó là một sự cải-cách rất cần. Về phần chính-phủ thì sẵn lòng mở ra các ti các cuộc theo chế độ tự-trị để tưởng-lệ giúp-đỡ cho các nghiệp nông công thương, thí dụ như thiết-lập ra một sở « Mễ-cốc tổng-cục » (Office indochinois du riz) *để nghiên-cứu về các cách làm ruộng cấy lúa thế nào cho sinh-sản được nhiều và thóc gạo được tốt; việc này đã kê vào nhật-ký của hội-nghị, hội-nghị có quyền được tán-bạc quyết định. — Quan Toàn-quyền lại nói đến các luật-lệ về việc cho khẩn đất hoang, việc này chính-phủ đã giải thuyết được ổn thỏa rồi. Về vấn-đề nhân-công thì chính-phủ cũng đã định kế-hoạch cho việc mộ phu khỏi phiền nhiễu như trước. Ngài khuyên các chủ đồn-điền ở đây nên họp nhau lại thành hội như các chủ đồn-điền ở Java để chỉnh-đốn lại việc mộ nhân-công cho được ổn thỏa, cốt nhất là nên giữ gìn cho khéo thì kẻ làm ăn sẽ tự ý vui lòng mà làm — Quan Toàn-quyền lại nói về các nông-nghiệp ngân-hàng gần đây đã thấy có kết-quả, và các sở nghiên-cứu, như sở nghiên-cứu về hải-lợi* (service océanographique) *đã phát-minh được nhiều điều ích-lợi. Nghề khai mỏ cũng có cơ phát-đạt, hiện nay số người thám mỏ mỗi ngày một nhiều lên. — Về công-chính thì đợi sau này có cuộc công-thái sẽ khởi-hành các công-trình lớn, như đường xe lửa, việc sửa-sang các hải-cảng, việc dẫn-thủy nhập-điền, các công-trình vệ-sinh ở các thành-phố, vân-vân.*

Về tài chính thì quan Toàn-quyền nói rằng tài chính Đông-Pháp cần phải chỉnh đốn lại, để cho số thu-nhập được dư-dả hơn và thứ nhất là nên sửa đổi lại cái chế-độ tiền-tệ, hiện nay sở tài-chính đương nghiên cứu kỹ. Lại nhiều thứ thuế cũng nên sửa lại để cho cách thu được tiện lợi và khỏi phí tổn. Số dự-toán các hàng tỉnh ở Bắc-kỳ, trước bỏ đi đã lâu, nay sẽ nghĩ cách đặt lại.

Quan Toàn-quyền kết-luận bài diễn-thuyết nói rằng: « Bản chức thuật lại cái tình hình tài-chính kinh-tế Đông-Pháp như thế không phải là tự tán dương cho chính-phủ, thực là tự coi mình như viên tổng lý một cái công-ty lớn thuật lại cho hội-đồng trị-sự biết các công việc trong hội vậy. Lúc này là giữa lúc mở ra một thời kỳ mới trong cuộc sinh-hoạt của cõi Đông Pháp, thời-kỳ này chúng ta vẫn ước-ao mãi bây giờ mới được đây. »

Quan Toàn-quyền đọc xong bài diễn-thuyết rồi lui về, hội-nghị bắt đầu bầu tòa trị-sự chính-thức, có một chánh nghị-trưởng, hai phó nghị-trưởng (một người Pháp, một người bản-xứ), hai thư-ký (cũng một người Pháp, một người bản-xứ). Trước khi bầu thì chức làm thời nghị-trưởng là ông nghị-viên nhiều tuổi nhất, tức là ông trạng-sư FORAY.

Khi bỏ vé bầu thì được như sau này:

Chức chánh nghị-trưởng có hai người ứng-cử là ông LECONTE *và ông* BLANCHARD. *Có 49 người bỏ vé, vậy ai được quá nửa nghĩa là 25 vé thì được trúng-cử. Ông* LECONTE *được 27 vé. Ông* BLANCHARD *22 vé. Thế là ông* LECONTE *được trúng-cử.*

Nhưng ông LECONTE *đứng lên xin từ chức, nói rằng ông ở Bắc-kỳ xin nhường cho ông* BLANCHARD *ở Nam-kỳ, vì Nam-kỳ là thuộc quyền cai-trị Pháp trước Bắc-kỳ, các hội-nghị cũng đã có trước Bắc-kỳ, đáng được cái địa-vị đàn anh trong kỳ đại-hội-nghị này. Bấy giờ lại phải bỏ thăm một lần nữa, ông* BLANCHARD *được 37 vé, được bầu làm chánh-nghị-trưởng.*

Kể bầu đến hai chức phó nghị-trưởng thì về phần người Pháp, ông LECONTE *48 vé trúng-cử; về phần người bản xứ thì có hai ông ứng-cử là ông Bùi Quang-Chiêu và ông Nguyễn Hữu Thu, ông*

Nguyễn được 25 vé trúng-cử, ông Bùi được 20 vé. Hai chức thư-ký thì về phần người Pháp ông trạng sư BONA *được 13 vé, phần người Nam ông Phạm Quỳnh được 41 vé đều được trúng-cử.*

— Nghị-viện Đại-Hội-nghị năm 1929 kê tên như sau này :

Nam-kỳ

Ông BLANCHARD, đại-biểu của Hội-đồng Quản-hạt ;
— DE LA CHEVROTIÈRE, —
— CAFFORT, —
— BÙI QUANG-CHIÊU, —
— NGUYỄN PHAN-LONG —
— LÊ QUANG-LIÊM —
— DARLES, đại-biểu Hội-đồng Thương-mại ;
— MARTINI —
— TRƯƠNG VĂN-BỀN —
— MATHIEU, đại-biểu Hội-đồng Canh-nông ;
— BEC —
— NGUYỄN VĂN-DƯỢC —

Bắc-kỳ

Ông FOREST đại-biểu Hội Tài-chính kinh-tế Bắc-kỳ ;
— MARCHAND —
— BONA —
— BÙI HUY-TÍN đại-biểu Viện Dân-biểu Bắc-kỳ ;
— NGUYỄN HỮU-THU —
— NGUYỄN HỮU-CỰ —
— PERROUD, đại-biểu Hội Thương-mại Bắc-kỳ Hà-nội ;
— PAQUIN — Hải-phòng.
— BẠCH THÁI-BƯỞI đại-biểu Hội Thương-mại Bắc-kỳ ;
— LECONTE — Canh-nông —
— HOÀNG QUANG-CỐC — —

Trung-kỳ

Ông RIGAUX, đại-biểu Hội Tài-chính kinh-tế Trung-kỳ;
— GENEAUD —
— NGUYỄN TRÁC — Viện Dân-biểu Trung-kỳ;
— HÀ ĐẰNG —
— CORBET, đại-biểu Hội Nông-thương Tourane ;
— MOUTON — Vinh
— TRẦN NGỌC-THIỆN — Trung-kỳ ;

Cao-miên

Ông MARINETTI, đại-biểu Hội Tài-chính kinh-tế Cao-miên ;
— CHAMPEIX —
— IM-YI đại-biểu Viện Dân-biểu Cao-miên ;
— KAR MAK — —
— CHASSERIAUD, đại-biểu Hội Nông-Thương Cao-miên ;
— TOUTCH — —

Ai-lao

MM. CLAUDE (Do chính-phủ cử để thay chân đại-biểu Hội Tài-chính Ai lao chưa có) ; CHAO SITHAMMARATH, đại-biểu Hội Dân-biểu Ai-lao ; TROUDE, đại-biểu Hội Nông-Thương Ai-lao ; TIAO KHAM-PHA, đại biểu Hội Nông-Thương Ai-lao.

Nghị-viên do Quan Toàn-quyền cử trong các thân hào không làm việc nhà nước (6 người Pháp, 5 người bản xứ)

MM. Dr YERSIN, chánh viện *Pasteur* ở Nha-trang ; FORAY, trạng sư ở Sài-gòn ; GANAY, thanh-tra nhà Đông-Pháp Ngân-hàng ; MARCHEIX, chánh Công-ti mỏ than Bắc kỳ ; LAMBERT, chánh Hội Điền-thổ Cao-miên ; DAURELLE, thương-mại ở Hà-nội ; VÕ HIẾU-ĐỄ, Hội-trưởng Hội Nông-nghiệp tương-tế Cần-thơ ; NGUYỄN VĂN-VĨNH, chủ báo Hà-nội ; CAO XUÂN-TIẾU, Hội-trưởng Nông-nghiệp Ngân-hàng Vinh ; PHẠM QUỲNH, chủ báo Hà-nội ; NEAI-TRI, buôn-bán ở Battambang.

— Hội-nghị chia ra làm hai ban để xét các việc ; một ban tài-chính xét sổ dự-toán, trưởng-ban là ông FORAY, ủy-viên là ông GANAY ; một ban kinh-tế, trưởng ban là ông BEC, còn ủy-viên thời mỗi việc cử một người.

— Chương trình các việc Hội-nghị phải bàn xét như sau này :

I. — *Các việc tài - chính.*

Việc Hội-nghị có quyền tỏ ý-kiến :

1°) Sổ dự toán Đông-Pháp năm 1930; — 2°) Sổ dự - toán phụ Quảng - châu-loan ; — 3°) Sổ dự toán phụ về Hỏa-xa; — 4°) Sổ kết-toán Đông - Pháp năm 1928 ; — 5°) Sổ kết - toán về Hỏa-xa năm 1928 ; — 6°) Sổ kết-toán Quảng-châu loan (19 8); — 7°) Sổ kết - toán khoản công-thải 90 triệu (1928).

Việc Hội-nghị có quyền được quyết-nghị :

1°) Thể-lệ về việc trước-bạ các khế-ước ; — 2°) Thể-lệ về các giá-phiếu bất-động-sản ; — 3°) Thể-lệ về tín-chỉ ; — 4° Đặt một khoản chung chi về kinh-phí các đạo-lộ, và đặt thuế các dầu mỏ; — 5°) Đặt thuế các hội buôn ; — 6°) Đổi lại thuế nội-quan (*taxe intérieur* ; — 7°) Giảm thuế chuyển-dịch và thuế lợi-tức về các giá-phiếu bất-động-sản ; — 8°) Đặt một thứ thuế xuất-cảng gạo để chi về sở « Mễ-cốc Tổng-cục ».

I — *Các việc kinh-tế* (Hội-nghị chỉ có quyền tỏ ý-kiến).

1°) Đặt một sở mễ-cốc tổng-cục ; — 2°) Mua hai khu đất của sở công-sản Nam kỳ để đặt sở Tài - chánh; — 3°) Biểu kê các đường thuộc-địa ở Nam-kỳ ; — 4°) Thi-hành luật ngày mồng 9 tháng 4 năm 1898 về nạn lao-động cho người Tây ở bên này; — 5°) Đặt các tòa án lao-động để xử những việc phân-tranh chủ với thợ; — 6°) Đặt những sở tìm việc làm cho các lính tây mãn-khóa; — 7°) Đặt một cái quĩ nhận tiền để dành ở sở bưu-chính (*caisse d'épargne postale*). — 8°) Tờ giao kèo làm mẫu cho các việc thầu-khoán đường xe-lửa và các công-trình lớn.

— Các việc thuộc về ban nào thì ban ấy xét trước, cử ủy-viên làm tờ báo-cáo, rồi sau mới họp đại-hội-đồng cả hội-nghị để bàn xét hoặc quyết-nghị. Khi họp các ban hay khi họp cả hội-đồng thì quan phó toàn quyền và các quan chánh các sở thay mặt chính phủ để hội-đồng chất-vấn.

— Đại-hội-nghị họp luôn từ ngày 22 tháng mười cho đến ngay mùng 3 tháng 11 mới giải-tán. Trước khi giải-tán hội-nghị có cử hai ban thường-trực, mỗi ban 10 người, một ban về Bắc Trung-Kỳ, một ban về Nam-Kỳ và Cao-miên để thay đại-hội - nghị mà xét những việc thường ngoài khi hội - nghị họp.

— Buổi họp sau cùng hội-nghị có thỉnh-cầu mấy việc như sau này :

1°) Xin chính-phủ Pháp giảm cho Đông-Pháp những khoản chịu về quân-phí hiện nay tới 180 triệu phật-lăng; — 2°) Xin tăng lương cho y-sĩ và thú-y-sĩ bản-xứ; — 9°) Xin bãi độc - quyền nấu rượu ở Bắc kỳ và phía Bắc Trung-kỳ; — 4°) Xin cho phép dân Bắc-kỳ được làm pháo; — 5°) Xin giảm thuế cho các dân bị bão Bắc-kỳ; — 6°) Xin lập một trường Luật-học kiêm-bị có thể thi đến cử-nhân được. Mấy điều thỉnh-cầu thứ 3, thứ 4, thứ 5, thứ 6, là của các ông đại-biểu Trung-Bắc kỳ cùng ký tên cả. Còn mấy điều nữa, nhưng không quan-hệ gì lắm.

— Kỳ đại-hội-nghị này phần công việc nặng nhất là ủy-viên của ban tài-chính phải làm tờ báo-cáo về các sổ dự-toán. Ông ủy-viên GANAY thật đã có công to lắm, một tay ông thảo hết các giấy-má.

— Đại hội-nghị họp xong thì kế đến hội đồng Chính-phủ họp ngày mồng 4 tháng 11, có vài ba ngày thì xong, vì từ nay có Đại-hội-nghị thì công việc của hội-đồng Chính-phủ không còn gì mấy nữa, chỉ phải duyệt lại những lời bàn của Đại hội - nghị mà thôi. Hội-đồng Chính-phủ quan Toàn-quyền chủ tọa và chỉ có các quan đại-hiến mà thôi, không có đại-biểu của các hội-nghị.